

TIERNO MONÉNEMBO

ÔNG HOÀNG

KU XỨ
HIEL

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

ÔNG HOÀNG XỨ KAHEL



Nguyên tác: Le Roi de Kahel

Tác giả: Tierno Monénembo

Người dịch: Hiệu Constant

Nhà Xuất Bản Văn Học - 2012

ebook©vctvegroup

07-09-2018

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Thân tặng Jean-Louis Langeron, Alpha Ibrahima Sow và Saïdou
Kane

“Qua những cuộc phiêu lưu của một nhà tiên phong Pháp, tiểu thuyết gia gốc Guinée đã lần ngược lại những biến cố và đổ nát của vương triều Peul ở Fouta-Djalou. Tác phẩm được viết dưới một tài năng tuyệt vời về viễn tưởng và hư cấu mạch lạc giữa Lịch sử và Danh phận, lịch sử của một Phi châu hiện đại có thể nhìn về quá khứ của mình mà không rơi vào thuyết máy móc phân biệt giữa Da Trắng và Da Đen. Qua những trang hơi khó đọc của phần đầu tác phẩm, thì bạn đọc dễ dàng bị cuốn hút bởi biên độ trí tưởng tượng sử thi, kết hợp giữa các trò cười của cuộc sống và linh cảm bất thường đáng lo ngại của cuộc chiến tranh giữa các nền văn minh trong chế độ thuộc địa.”

• **Đài RFI**

“Với cuốn tiểu thuyết pha trộn giữa cuộc sống và những tìm hiểu sâu rộng về tư liệu, Tierno Monémbo đã miêu tả chặng đường đi tìm và thiết lập vương quốc của một con người kỳ tại, lập dị nhưng rất đáng mến của thế kỷ XIX.”

• **Tạp chí Văn Học**

“Một tác phẩm dữ dội đề cập đến thảm cảnh và những thăng trầm của lịch sử châu Phi...”

• **Tạp chí Nouvel Observateur**

“Đấng Tối cao đã sinh ra họ màu đen để cho những cú bị đánh không bị nhìn thấy được.”

• **Olivier De Sanderval**

GIỚI THIỆU

Tierno Monénembo, tên thật là Thierno Saïdou Diallo, sinh ngày 21-7-1947, ở Porédaka ở Guinée. Ông là một nhà văn thuộc khối Pháp ngữ. Năm 1969 ông đã bỏ trốn khỏi chế độ độc tài Sékou Touré. Ông đã chạy bộ gần 150 kilomet để đến Sénégal. Ông theo học Y khoa tại Dakar, rồi sau đó đến Bờ Biển Ngà (Côte d'Ivoire) và tại đây, ông bắt đầu theo học ngành Sinh Hóa và tiếp tục ngành này tại Pháp vào năm 1973, ông bảo vệ thành công luận án tiến sỹ tại trường đại học Lyon. Ông đến Algérie và Maroc giảng dạy một thời gian. Từ năm 2007, ông là giáo sư danh dự của Middlebury College tại vùng Vermont, Hoa Kỳ.

Có thể nói lang thang viễn xứ là trọng tâm cuộc đời và tác phẩm của người con tộc Peul này. Ông xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên Những chú cóc-trắng bụi năm 1979. Bảy năm sau, ông cho ra đời tác phẩm Những chiếc vẩy tê tê của bầu trời và đoạt giải Grand Prix của châu lục Đen. Năm 1991, cuốn Giác mơ hữu ích cũng ra đời dưới ngòi bút của ông. Đến nay, ông đã hoàn thành mười cuốn tiểu thuyết. Và cuốn Ông hoàng xứ Kahel đã vinh dự được trao giải Renaudot, một phần thưởng danh giá trong làng văn học Pháp.

PHẦN MỘT

Vào đúng lúc ra khỏi nhà để xuống tàu thì giọng nói đay nghiến yêu kiều của vợ ông cất lên khiến Olivier de Sanderval đứng sững lại ngay giữa cầu thang.

– Aimé đáng thương của em ơi, nhìn xem mình quên cái gì này!

Ông sờ ngay lên đôi tai nóng bừng của mình và lưng rung lên, sau đó đưa ánh mắt cầu khẩn về phía nàng tiểu quý xinh đẹp dịu hiền, kẻ vừa mới hành ông xong.

– Còn gì nữa đây, hả nàng Rose yêu quý của anh? Chính mình đã giúp anh sắp xếp va li kia mà!

– Thế cái này?

– Ôi! Anh đảm bảo với mình đây không phải là lúc đùa đâu, em yêu ạ! Mình có hiểu không, anh ra đi để đến tận châu Phi kia đấy! Đến Timbo!

– Chính thế! - Nàng cắt ngang gọn lỏn, trong lúc cứ phăm phăm vượt lên trước ông ở ngoài sân, nơi đám gia nhân đang chắt nốt những rương hòm và thắng ngựa vào xe.

– Mình dẫu sao cũng không mở tung hành lý của anh chỉ vì thứ đó thôi chứ!

– Có đấy!

– Nhưng mình muốn anh làm gì với nó chỗ đám Da Đen hả?

– Mình sẽ diện nó để chơi trong nhà hát kịch của họ!

Trong những tình huống khác, em yêu ạ, thì có lẽ anh sẽ

không từ chối đâu! Và cũng chính vì điều này mà anh đã cưới em: những chiếc váy nhiều màu sắc sỡ của em, những chuỗi vòng em đeo đến từ những xứ sở xa lạ, những đóa hoa em cài trên tóc, và cả những vụ luyện giọng bất ngờ đôi khi em cất lên trong các nhà thờ và tại các phòng khách. Nhưng từ đó đến việc diễn kịch *Méphistophélès* chỗ dân Da Đen thì...!

Nhưng kẻ bạo hành yêu kiều đáng mến của ông đã kịp đóng rương lại. Ông hôn nàng và leo lên xe, bụng bảo dạ: “Ta sẽ vất nó đi ngay, cái thứ trang phục thứ lợ lỏ bịch ấy... khi đến cảng hay lúc ở trên tàu thủy... Đúng thế đấy, trên tàu, vứt qua thành boong. Ta đến Phi châu là để trở thành vua, chứ không phải đến đó để làm thằng hề!” Nhưng trong suốt cuộc hành trình, ông đã quên thực hiện điều đó.

Và chính tiểu tiết này đã cứu sống ông vài tháng sau đó, khi mà những người Peul đe dọa sẽ xử trảm ông.

Ông dôi ánh mắt cuối cùng lên thôn trang, chiêm ngưỡng phần đỉnh mái nhà hình yên ngựa thô, những bức tường màu thổ hoàng và xanh ô liu của vô số những cửa chớp. Ông thấy khó mà công nhận rằng Napoléon đã từng lưu trú tại đây vào ngày hôm sau, khi thành Toulon bị vây hãm và đã mơ cưới nàng Désirée Clary, ái nữ đầu lòng của gia đình. Ông bật cười, một nụ cười ngắn ngủi và tự hỏi liệu điều gì sẽ xảy ra với nước Pháp nếu nàng Désirée ấy đồng ý, thay vì lại thích Bernadotte hơn, ngay trước khi người này trở thành Charles XIV, vua Thụy Điển. Hơn nữa, nền Cộng hòa thứ nhất đã sụp đổ, và đến nền Đế chế thứ nhất, thế rồi do một sự ngẫu nhiên nhất trong mọi điều ngẫu nhiên, gia đình Pastré - các bạn biết rồi chứ, những nhà buôn tàu biển nổi tiếng nhất ấy mà! - đã mua lại điền trang này và rồi, lại vẫn do sự ngẫu nhiên nhất, ông đã cưới con gái của gia đình Pastré.

Và đến giờ vậy là đã tám mươi sáu năm trôi qua kể từ thời Bernadotte - nhưng liệu đây có phải là một sự ngẫu nhiên không? - ông lại băng qua cùng một khung cửa sắt để cũng đi mưu đồ một triều đình. Và chẳng phải là một nơi bất kỳ nào đâu nhé: ở chính tại Fouta-Djalou kia đây!

Vào ngày 29 tháng Mười một năm 1879 ấy, Marseille có tuyết rơi. Chỉ nhìn toàn cảng Madrague và đại lộ Prado, không còn nhận ra nữa dưới tấm áo choàng trắng thô kệch khổng lồ của chúng, thì cũng đủ khiến ông run lập cập. Đất nước Na Uy ngày hôm đó chắc cũng giống hệt như thế.

“Rõ ràng là ta không thể tìm thấy thời khắc thích hợp hơn để đi đến Phi châu!”, ông xoa hai tay vào nhau và thốt lên trong lúc đi đến cảng.

Một nhân viên của Công ty vận tải biển hướng dẫn người đánh xe ngựa chạy về phía cảng, nơi mà con tàu đi Niger cũng đang thả neo cạnh những chiến hạm của thành phố Constantinople và những con tàu đi Trung Cận Đông. Ông nấn ná giây lát với viên trưởng tàu trong lúc người ta chuẩn bị phòng cho ông. Ông lơ đãng nghe người đang tiếp chuyện mình nói thao thao bất tuyệt về chất lượng con tàu của ông ta và về phong cảnh của xứ Madère hay đảo Piscis. Ông cảm thấy bồn chồn. Ông thích đi du lịch, nhưng chỉ để dành niềm hoan hỉ cho lúc cập bến. Tàu hỏa và tàu thủy khiến ông ngán ngẩm; ngựa và xe đạp khiến ông chóng mặt. Than ôi, ông thầm nghĩ, mình sẽ chỉ còn là hạt bụi vào cái ngày xa lắc kia nhưng chắc chắn những tiến bộ sẽ tìm ra phương tiện để đến được Phi châu trong giây lát.

– Bữa điểm tâm vào bảy giờ sáng!... Và hãy thư giãn đi, thưa ngài, chúng ta mới chỉ là bước đầu của cuộc phiêu lưu mà thôi!

- Với ông thì vậy, thưa ngài thuyền trưởng! - Ông làm bầm. Còn với tôi, thì chẳng mấy nữa sẽ là bốn mươi năm nay rồi.

Bốn mươi năm, điều đó muốn nói là cả một cuộc đời, chân bước trên đất Pháp còn trí óc lại ở nơi đó, thất lạc trong đám tinh vân của Miền Nhiệt Đới! Như ông, sinh vào giữa thế kỷ XIX, người ta chỉ có thể trở thành thi sĩ, bác học hay những nhà thám hiểm. Vấn đề liên quan đến ông đã mau chóng được giải quyết, ông sẽ là một nhà thám hiểm, có nghĩa là cả thi sĩ và bác học trong cùng một cơ hội. Trong những khoảng thời gian ấy, trong các sân trường, vào giờ ra chơi, các nước thuộc địa thường quay lại trong các cuộc trò chuyện cũng thường thuyên như như trò nhảy lò lò và chơi bi. Những câu chuyện cổ tích không nói về yêu tinh hay những bà tiên, mà nói về các phù thủy và bộ tộc ăn thịt người chạy đuổi theo, cùng với những cây giáo của họ, sau một con vật săn hoàn toàn mới mẻ đã xuất hiện trong rừng rậm: những cha cổ da trắng và những chủ trại.

Những con vi rút của các nước thuộc địa, ông đã vướng phải chúng khi nghe những câu chuyện kể của người chú họ lớn tuổi của ông, chú Simonet. Những cuộc phiêu lưu thú vị của các nhà tiên phong của nền văn minh bị thất lạc nơi có bộ tộc ăn thịt người, và rằng thiện tâm của chúa Jésus đã cứu sống họ trong gang tấc khỏi những chảo nước sôi sùng sục của đám thổ dân Zoulous hay Papous, khiến cậu bé rùng mình mỗi tối, trong những bữa ăn tối của gia đình, thường rất lâu và rất khó chịu đựng. Và sau chuyện ấy, cậu thấy rất thú vị được co quắp dưới lớp chăn đắp, sung sướng vì các bức tường của phòng mình đủ độ dày, mái nhà chắc chắn và những cánh cửa đã cài chặt trong khi đó thì, dưới màn đêm lạnh tuyết rơi của xứ Lyon, những con quỷ bị rạch mặt đang lẩn quất tìm kiếm những cậu bé xinh xắn có mái tóc vàng tơ óng mượt.

Đó là một trường hợp, thế hệ trước, chú Simonet, kẻ du mục của họ tộc, một *bouligant* thực sự, nói theo cách như người Lyon vẫn nói thế! Ông đã lê cặp ghệt của mình mỗi mòn ở xứ Java và Anatolie. Ông đã đem về từ nơi đó cả hàng đống những giai thoại, những biệt ngữ và các thứ mới lạ. Câu chuyện nhỏ kể rằng chính ông đã đem về cho nước Pháp thứ đồ tuyệt vời được gọi là mút-sơ-lin, thứ đã làm lên vẻ thanh lịch trang nhã của các quý bà và cả gia tài của Tarare. Người ta gọi ông là “Giáo hoàng của mút-sơ-lin” trong lúc ngả mũ thật thấp, kính cẩn chào ông. Điều chẳng phải là tầm thường, thậm chí ngay cả trong gia đình Olivier, nơi mà mỗi người phải sáng tạo một cái gì đó trước khi sinh ra.

Vào lúc lên bảy, cha tu viện trưởng Garnier, gia sư của cậu, đã thế chỗ của tổ tiên huy hoàng: thời khắc chuyển từ lời nói sang hành động. Một đảo san hô của biển Thái Bình Dương được mau chóng đặt trên bờ của vùng Azergue, dòng sông tưới tắm cho ngôi làng nhỏ Chessy, nơi đã chứng kiến một phần thời hoa niên của cậu: với những đôi giày vải và hàng dừa tưởng tượng. Cậu bé Aimé diện vào chiếc mũ bảo hiểm và đôi ủng, cậu là nhà nghiên cứu dân tộc thiểu số dũng cảm mà Sở Địa lý phái đến khám phá vùng Zaratoutsanie, xứ sở rừng rậm vẫn còn xa lạ đối với đám người vẽ bản đồ và có thể cũng còn xa lạ với các thầy bói. Cha xứ Garnier tự vẽ trên hai cánh tay mình những hình thù và những vết rạch trên mặt: ông là Guénolé, kẻ hoang dã đáng gờm bất ngờ xuất hiện tranh hùng với Da Trắng sau khi con tàu của người này bị đắm. Họ chơi trò trốn tìm đuổi bắt cả ngày liền, giả vờ quật ngã những con thú hoang và nhảy qua những cỗ đạn pháo. Những mảnh khóc và những cú tránh né cuối cùng đã chinh phục được Guénolé. Kẻ hoang dã thuần thục ngã gục dưới chân bậc thầy, chối bỏ những vật thần và những

hiển sinh của loài người, ôm hôn cây thánh giá và hứa, trong tương lai sẽ hành xử như là một con chiên trung thành. Rồi học cắm trại không xa nơi đó và ăn tối bằng một hộp cá sác-đin sau bài học tiếng La-tinh.

Tám tuổi, giờ thì đã rõ ràng, cậu không chỉ dành lòng trở thành một nhà thám tử nữa, mà sẽ trở thành một ông hoàng của những kẻ hoang dã. Cậu sẽ vạch ra một thuộc địa sau khi đã hút cạn các đầm lầy và phác hình các bộ tộc. Cậu sẽ biến nơi đó thành một hoàng triều, sống dưới những ý tưởng và luật pháp của cậu và làm rạng rỡ dưới tài năng đặc biệt của nước Pháp. Ở những đâu: ở Tonkin^[1], hay ở Fouta-Djalón đây? Cậu đã lưỡng lự rất lâu trước khi chọn giải pháp thứ hai. “Tonkin”, trong đầu đứa trẻ là cậu thời đó, mang nhiều âm điệu tiếng chuông báo động liên hồi, trong khi Fouta-Djalón thì không! Hơn nữa, kể từ thời Marco Polo, châu Á thực sự không còn gì để khám phá nữa. Người ta có thể đã hình dung những khu của nó, những luật lệ của nó cho đến tận các vùng sâu của TaklaMakan. Còn Phi châu, trong thời gian đó, thì vẫn còn là tăm tối, kỳ cục, điên rồ và lạ lùng, hoàn toàn không thể dự đoán gì trước được.

Lên mười tuổi, cậu bắt đầu nghiên cứu ngẫu những câu chuyện của các nhà thám hiểm và bắt đầu viết cho Sở Địa lý. Cậu đặt dài hạn tạp chí *L'illustration* cũng như tạp chí hướng dẫn *Joanne* và *Murray*. Cậu tự trang bị kiến thức cho mình trong bí mật và để mặc cho thời gian trôi đi. Cuộc sống của cậu diễn ra suôn sẻ trong thung lũng sông Rhône nhưng lại lớn lên cùng với những dòng sông, những cây cỏ và các bộ tộc của đất nước Soudan.

Thế rồi có kỳ thi tốt nghiệp trung học, đậu bằng kỹ sư, đám cưới và những đứa con: cậu thấy buộc phải trả món nợ của mình cho xã hội trước khi bay nhảy nơi xa. Trước khi có chuyện đó, cậu đã có thời gian để chinh phục đỉnh Mont-Blanc,

phát minh ra bánh xe với trục moay-ơ treo và xây dựng nhà máy xe đạp đầu tiên, chỉ là tự trang bị kiến thức. Vào tuổi bốn mươi, ông rút cục đã có thể tiến đến điều chủ yếu: Phi châu!

Phi châu, ông đã luôn sống ở đó, chắc chắn là thế, nhưng đó vẫn chỉ là những câu chữ; những bức họa, những hình ảnh, những tấm bản đồ chìm ngập trong các con chữ. Mọi chuyện nghiêm túc chỉ vừa mới bắt đầu từ vài tháng nay, sự ám ảnh thời hoa niên của ông đã lập ló lần đầu tiên những con quái vật và những ảo ảnh: khi ông đã lên tàu ở nhà ga Austarlitz để đến Lisbonne.

Để đến được bến bờ của châu lục Đen, thì khi ấy, tốt hơn cả phải băng qua Tage đầu tiên. Tiên phong trong các cuộc khám phá châu Phi, vĩ nhân Bồ Đào Nha là những người bén rễ vào nơi đó tốt nhất, những hồ sơ lưu trữ của họ, dồi dào và phong phú nhất, những tấm bản đồ của họ là chắc chắn nhất. Ngoài ra, các chi nhánh Boulam và Bissiao của họ nằm ngay cạnh các dãy hoành sơn của Fouta-Djalou, nơi mà rất nhiều các con sông lớn nhỏ đều đổ về.

Các bạn thân đã cố vấn cho ông người có tên là Francisco da Costa e Silva, Tổng giám đốc của Sở Hải ngoại, cũng như các nhà buôn quan trọng nhất. Ông đã chẳng gặp bất kỳ khó khăn gì để có được visa và những lời khuyên, những tấm bản đồ mới nhất và những thông tin cụ thể về thói đỏng đảnh của khí hậu và những tục lệ của người bản địa. Và, hôm trước đó, ông đã tìm được cho mình một lọ nhỏ cyanure trước khi đến bưu điện bỏ lá thư di chúc cho người bạn Jules Charles-Roux, chủ tịch Hội Địa lý của Marseille. Có lẽ ông không nên làm thế, nhưng làm sao được, khi ta đến tận Phi châu mà không viết bản di chúc của mình? Có thể ông nên tự mình đem đến trao tận tay ông ấy và nói lời giã biệt nhưng phải là kẻ thiếu giáo dục thì

mới trao tận tay cho ai đó bản di chúc của mình.

Người ta không đi đến châu Phi giống như khi người ta từ đó trở về. Trong hướng này thì đó là những bữa tiệc tối và các đêm vũ hội, các quý bà đội mũ rộng vành và trong váy vĩ xô, những ván bài của các nhà buôn, những tiếng cười vui thú của đám thủy thủ. Theo hướng khác, thì đó là không khí bệnh tật của các công chức bị sa thải, những nhà phiêu lưu phá sản và các góa phụ than vãn khóc lóc, về các ông chồng bị sát hại bởi căn bệnh sốt rét hay bởi những mũi tên tẩm độc của bọn Mọi đen.

Trên con tàu Niger, các tiệc tối thật tẻ nhạt mặc dù có những hợp âm ồn ào của những bản nhạc dân tộc được ban nhạc chơi nhiệt tình: không một ai đã từng nghe nói về Fouta-Djalón và chỉ duy nhất một khách mời biết chơi cờ một cách tạm chấp nhận được. Đó là một chàng kỹ sư trường Bách khoa còn trẻ, đến Sénégal để họa một con đường tiến sâu vào lãnh thổ. Anh ta tên là Souvignet và được trời ban cho một vẻ ngây thơ đến xúc động cùng với niềm hứng thú điên cuồng của lứa tuổi hai mươi ba. Ngay tối hôm khởi hành, chàng ta tiến lại gần chiếc bàn trong phòng khách, nơi Olivier de Sanderval đang ngồi giết thời gian với những phong sô-cô-la bất ly thân của ông và những ván chơi cờ đơn, kéo một chiếc ghế và ngồi xuống:

- Tôi có thể ngồi chứ ạ?
- Cần thận nhé, tôi chỉ chơi với những bậc cao tay thôi đây!
- Với những bậc cao tay ư! - Chàng nói. - Thế thì, mình bắt đầu thôi, thưa ông ngoại, ông sẽ không tìm đâu ra người nào cao tay hơn tôi trong những ván cờ và tất cả những gì còn lại đâu!... Nếu ông thắng tôi, tôi sẽ tặng ông cái này!... Ông đến Phi châu làm gì, hả ông ngoại?
- Ta đến đó để tạo cho mình một hoàng triều!

– Vua của châu Phi ư, vâng vâng, ông có dáng vẻ để làm điều đó lắm! Ông sẽ không ăn thịt tôi chứ, chí ít thì cũng vậy chứ, một khi ông đã trở thành Da Đen, hả ông ngoại?

– Ta thấy anh có vẻ còn nhạt nhẽo hơn cả hãnh tiến nữa, chàng trai trẻ ạ. Và để nói thật với anh, thì chính là để phanh lại chuyện người ăn thịt người mà ta thân chính đến châu Phi đó.

– Gì cơ, ông sẽ giết hết tất cả các bộ tộc ăn thịt người à?

– Không, ta sẽ cải hóa họ, ta sẽ biến họ thành những bác học!

– Thế thì tuyệt quá, những người Pygmé đối thủ của Gay-Lussac, nhưng mà ông đúng là thần thánh đấy, ông ngoại ạ! Ông không chỉ thắng tôi trong những ván cờ mà ông còn ngông cuồng kỳ cục hơn cả tôi. Tôi không thích vậy đâu, ông ngoại ạ! - Còn anh, anh tính làm thế nào để trở nên nổi tiếng đây?

– Những cây cầu, những bến cảng, những đèn đài, thưa ông ngoại! Nhiều và rất tốt đến chừng nào mà họ lũ lượt đến phủ phục dưới chân tôi để cầu khẩn tôi chấp nhận tước vị thống đốc toàn quyền của Sénégal! Phi châu, đó là cơ hội may mắn cho thế hệ chúng tôi! Còn tôi hả, điều đó đập ngay vào mắt đấy thôi, tôi là một kẻ nhiều tham vọng!

– Tốt thôi, với tất cả mọi lời chúc tốt đẹp nhất, thưa tướng Faidherbe tương lai!

Con tàu lướt qua các vùng Madère, đảo Canari, mũi Blanc, và đây rồi, vùng Gorée!

Trên chừng ba mươi ván đấu kéo dài suốt dọc chuyến đi, chàng trai trẻ Bách khoa dẫu sao cũng thắng được chừng mười trận, nhưng chàng cố nài, mặc dù vấp phải sự từ chối ngần ngại của bạn chơi, để tặng lại cho ông chiếc đồng hồ vàng xinh xắn có khắc tên những chữ cái tên chàng:

– Những gì đã nói là phải thực hiện, cuộc sống là vậy, ông ngoại ạ!

Còn cách vịnh biển cả vài ki-lô-mét, người ta đã nhìn thấy đám dân Da Đen. Những con thuyền nhỏ mong manh của họ xuất hiện rồi lại biến mất trong những làn sóng của con tàu. Họ náo động giữa những ngọn sóng, gần như trần truồng, và hình bóng họ gợi lại nơi đám Da Trắng những hình khối huyền bí và sắc sảo của những bức tượng về họ. Đám này lấp bắp rồi thốt ra những tiếng kêu, đám kia lại lộn nhào, đầu lao xuống trước, kinh địch với những con sóng trong trò xoay mình trên mặt nước.

– Quý bà Xinh-Xinh, hãy ném xu cho tôi đi!

Điều đó khiến cho những ông bà chủ áp mới đến ấy vui thú, lúc này họ đã kéo hết lên boong tàu, náo động như đám cừu cái bị xông khói. Đám Da Đen mừng quýnh. Kẻ đầu tiên lao vào những vật nhỏ xinh được tung xuống, những kẻ may mắn cảm ơn bằng một tiểu khúc dài những ca khúc và những chuỗi nhăn mặt.

– Quý ông Đẹp-Đẹp-Đáng Kính, hãy ném xu cho tôi đi!

Người ta lôi ống nhòm ra, rồi thất lạc trong những phỏng đoán về những cẳng tay và sự uyển chuyển đáng ngạc nhiên của họ.

Những người khác di chuyển từ chỗ này sang chỗ kia trên boong tàu, ồn ào sừng sốt trong lúc chỉ đám Da Đen, chim muông, và cây cỏ. Còn ông, chẳng gì khiến ông ngạc nhiên cả. Ông đã chờ đợi chính những thứ đó. Mọi thứ đều ở đúng vị trí của nó: đất âm u và nóng ẩm, những cây cọ còm cõi và bờm xồm, tiếng trống tam tam inh ỏi không ngớt và đám hải âu quá sắc sảo.

Gorée giờ đây đã nằm trong tầm tay, với ông chủ buôn nô lệ da đen hùng hậu và những ngôi biệt thự có ban công được bao quanh những hàng mi-mô-da, những khóm hồng và dây phượng rực rỡ.

Một cơn rùng mình dữ dội chạy dọc sườn ông, ông bám vào thành tàu, thốt lên mà không hề sợ mang tiếng nực cười:

– Ta đến đây rồi, Phi châu già nua của ta ơi! Ta có mặt đây rồi.

Chẳng có gì ngoài đất, cát, những đóa hoa và các con sóng. Nhưng ở tại tâm điểm Phi châu!

“Mỗi vật sơ đẳng nhất cũng đều có một ý nghĩa tại nơi đây và một sự mãnh liệt khó hình dung ở những nơi khác.”

Mặc dù những xô đẩy chen lấn nhưng ông cũng lôi được cuốn sổ ghi chép của mình ra và mỉm cười ghi lại: “Ở đây, chỗ nào cũng là ánh mặt trời, chỗ nào cũng là niềm vui thú sáng khoái!” Chẳng có ý nghĩa gì, tầm thường, hoàn toàn nực cười, nhưng đúng là những gì ông cảm nhận được lúc đó. Ông chỉnh lại mũ, đặt bàn chân mình lên đất liền mà không hề cởi áo redingote^[2], lẩn tránh tay, thậm chí còn liếc nhìn với ánh mắt chằm chằm những người bạn đồng hành khốn khổ, những người này thì đang thờ hống hống như đám súc vật thờ hàng và đưa khăn thấm mồ hôi trán, càng trở nên ngớ ngẩn u mê gấp bội do không khí nóng và sự lạ nước lạ cái.

Ông sinh ra đã bị chứng mất ngủ và sợ lạnh, có thể nói luôn: dành cho châu Phi! Vả lại, trên miền duyên hải này thì ông đã gần như ở chính nhà mình: ngoài ngôi nhà, nơi ông được đối xử như là một đứa trẻ được chiều chuộng thì ông đã tự tạo cho mình ở Boulam, những thương điểm hải ngoại thuộc quyền sở hữu của ông và Jean-Baptiste, một du thuyền hiện đại mới

toanh, thả trên một cảng tàu khác để phục vụ cho những nhu cầu và những cuộc dã ngoại ở Phi châu của ông.

Ông qua trạm hải quan, lạnh lùng băng qua đám đông ồn ào những kẻ hành khất. Bonnard và những Pistachier^[3] đang đợi ông trước đám đông tụ tập các cô bán hàng rong. Các cô này đứng ngồi nhung nhúc trên các vỉa hè đầy bụi bặm, phủ đầy trái cây thối, phân lừa và ruồi muỗi; phần lớn để ngực trần, tóc phủ đầy ngọc trai, khố đeo buồng chửa quá gối. Các cô hút thứ tẩu ngắn bằng đất nung và chạy hỗn loạn đằng sau những đám khách sang trọng để mời họ mua những bức tượng nhỏ, quả đu đủ và dưa. Bên cạnh các cô, ngồi xồm trên nền đất, đám đàn ông cạo râu hay ngồi chơi cờ bằng những viên sỏi.

Bonnard đã sửa sang cho ông một ngôi biệt thự đối diện đại dương với một khu vườn mênh mông quay ra bãi biển. Nhưng ngay hôm sau, thay bằng việc đi tắm hay dạo một vòng qua các thương điểm, thì ông lại ngụy trang thành một chủ ấp (bốt da, áo vest chống mưa, mũ bảo hiểm) và, bỏ rơi ngài Bonnard đáng thương, ông một mình phiêu lưu trong các con hẻm của thành phố để thăm thú các chủ buôn nô lệ hùng hậu và hít thở đầy buồng phổi mùi vị đậm đặc của các gia vị và trái cây. Nhưng có điều, trên đường đi của ông, bỗng xuất hiện một con bò tót cuồng điên. Một đám trẻ con đổ xô vào ông và chỉ còn mỗi thời gian đẩy ông vào bên trong một ngôi nhà nhỏ.

– Ông, vào đây đi! Con này tồi lắm, xấu lắm đó!

Toàn thân thấm đẫm mồ hôi và tứ chi run rẩy, ông nhìn con vật tiếp tục chặng đường của nó, một thằng bé cầm còi chẳng mấy chốc vướng vào bộ sừng của nó. “Ở đây chẳng có gì là cho không cả, chắc chắn là thế!”, ông làm bầm trong lúc cố lấy lại tinh thần. Buổi tối, sau bữa ăn, theo một đà giờ đã trở thành huyền thoại, ông khép mình đơn côi trong một góc vườn và hòa

chất giọng lạ lùng của ông với chất giọng, gây hoảng loạn, của màn đêm Phi châu:

“Ban này, người đã cứu sống ta, Phi châu già nua của ta ạ, cám ơn người! Còn bây giờ, ta cầu xin người đây, hãy cho ta Fouta- Djallon, để ta có thể biến nơi đó thành hoàng triều của ta!”

Dakar, vẫn còn nhọc nhằn để thoát khỏi những tòa nhà kính phòng vệ cay độc của rừng rậm đã được đón ba chuyến kiệu đến thăm viếng. Sườn núi bao đầy những cây tầm xuân và gió thổi dào dạt, bãi biển, hải cảng, nhà ga và khu nhà thương mới tinh vừa được dựng lên một cách vội vã để trợ giúp khu bệnh viện ở Gorée đã trở nên chật chội do sự tăng trưởng đột biến của bệnh sốt rét và sốt vàng, tạo lên, và thật sự mà nói, đó là những khu giải trí hiếm hoi mà thành phố tặng cho ông. Nhưng những nơi này lại bốc quá nhiều mùi của những thứ mà ông nghĩ là muốn trốn chạy khỏi chúng: những mái tóc vàng bù xù, những cặp vú đàn bà nhợt nhạt, quá ộ ệ, để không thể nằm yên trong làn áo xu-chiên, những chiếc mũ cứng, những bộ ghệt, những chiếc mũ nôi xứ Basque, những giọng nói xứ Catalogne và tỉnh Provence, những loại nước hoa phô trương, làn hơi thở nồng nặc mùi rượu vang đỏ và mùi hôi.

May mắn thay, Phi châu truyền thống (thực sự, mê ly), trong khoảng thời gian đó, vẫn còn chưa từ bỏ những miền duyên hải. Ông có thể thưởng thức nó (những nụ cười và những bóng quỉ mặt ba vạch, những thổ ngữ và các bộ tộc, những sắc màu sặc sỡ và cả những mùi hôi thối của nó) chỉ cách những quán rượu, những phòng khách chơi bài bơ-lốt và các trạm nghỉ của những đoàn khách xuyên sa mạc, vài bước chân. Ông để mặc cho bị choán lấy, như là một thứ lễ nhập môn, bởi sự ngoại lai bất tận của khu chợ, của khu phố bản địa và của khu làng chài.

Và chính thế: một hương vị của mồ hôi và của muối, của gừng và của cola, một sự hỗn độn giữa bạo lực dữ dội và niềm vui, và còn hơn thế nữa, Phi châu, một sự thái quá của sấm động, của độ nóng và gió, một sự bùng nổ thường xuyên. Đầu ông bốc lên một cảm giác khoái trá và cái chết, một cơn chóng mặt say sưa vĩnh cửu.

Niềm hồi tiếc duy nhất trước cơn sôi sục của thế giới đang nảy sinh này: đã không phải là người đầu tiên ở đây! Mong sao điều này được thực hiện ở đó, ở Fouta-Djalón, chắc phải có một hang động, một tổ mối, một cồn đất, một tầng dưới rừng nơi người Da Trắng vẫn còn chưa bao giờ đặt chân đến. Từ lâu, từ rất lâu rồi kia, chính trong vòng tay của Émilie mà ông đã hình dung đang ở giữa sự quay cuồng của mồ hôi và nhựa cây, của cành lá và những hồn ma. Émilie, tình yêu đầu đời của ông, nàng Juliette của ông, chàng Roméo bên bờ sông Azergue; người chị họ của ông, hơn ông ba tuổi, người mà, vì nàng, ông đã nhảy từ trên cầu xuống sông trong ý định tặng nàng cả cuộc đời mình để tỏ dấu hiệu tình yêu và lòng chung thủy. Ông khi đó chừng mười tuổi, cùng lắm là mười hai, nhưng đã có ý chí cứng đầu cứng cổ, một tâm hồn hiệp sĩ. Émilie là người duy nhất chia sẻ điều bí mật huyền bí của ông. Người duy nhất đã biết rằng, một nơi nào đó ở tận cùng Phi châu tăm tối ủ dột, có một vùng đất nguyên sơ đang kiên nhẫn chờ đợi ông lớn lên để đến quỳ mọp trước mặt ông. Lũ anh em trai của ông quá vô vị, còn đám bạn của ông thì quá thô tục để có thể hiểu được điều đó! Buổi tối vào lúc đi ngủ, lũ đàn này vào phòng chúng, còn ông chìm mình vào trong vũ trụ của riêng ông. Điều chắc hẳn là không giống nhau.

Thế rồi thời gian trôi đi và Émilie đã bị một trận dịch tả cuốn đi và rồi thời gian lại trôi đi nữa và Émilie đã tái sinh dưới các

đường nét của nàng Rose...

Điều kỳ diệu này, ông đã chờ đợi nó, ông dành lòng ghi lại điều này: “Sự Vô cùng không phải là một sự cân bằng vững chắc, bất ổn hay vô tình kêu gọi ý tưởng kết thúc hài hòa; nó là MỘT ở khắp nơi giống chính nó, đôi lập ở bất cứ đâu nơi mà danh tính vô cùng của nó xuất hiện... nó sở hữu thuyết Chúa hiện diện ở khắp nơi.”

Một chuyến thăm chóng vánh ở Rufisque (những kẻ vương bệnh hủi, khu chợ nô lệ cổ, những ông hoàng bị truất ngôi, những đồng chuột chết, và những hầm lạch khổng lồ của khu ấy) cuối cùng đã thuyết phục được ông: vùng đất đen này, con quỷ cái gợi tình, hoang dã, kích động kinh khủng dưới những tiếng sột soạt của hàng cọc và những cây leo của nó, chỉ có thể dâng hiến cho những gì còn quỷ quái hơn nó, những con thú hoang dại, những tệ nạn, những băng đảng tội phạm và những tên bạo chúa! Nếu ông muốn sở hữu nó, ông phải tìm ra cái gì đó khác sự hối tiếc, những lời nguyện cầu và những câu thần chú.

Ông hối hả thành lập một đội quân nhỏ bé gồm những tên lính bản xứ người Sénégal và một đoàn mười lăm người đàn ông. Rồi ông tuyển một thông ngôn viên và một đầu bếp. Ông đã cẩn thận chọn một người Peul (Mâly) và một tên Sérère, tức là một người anh em họ của tộc người Peul (Mâ-Yacine): đó là điều tối thiểu nhất trong các vùng lân cận, nơi mà tất cả (đàn bà, bò, vàng ròng, đất đai, sự phiền toái hay mẫn cảm) có thể được coi là lý do cho những trận đánh nhau dài và đẫm máu giữa các bộ tộc.

Tên đầu bếp và kẻ thông ngôn, đó là hai người trọng yếu của đoàn quân! Cuộc sống của người Da Trắng phụ thuộc vào nghệ thuật của họ. Ông sống hay chết trong chảo nấu của kẻ đầu tiên hay trong miệng của kẻ thứ hai. Một nhúm muối nhỏ, đương

nhiên là nhúm muối của thầy phù thủy, và thế là trái tim của bạn ngừng đập sau hai ngày bị cảm cúm! Một từ dịch tễ thì thâm bên tai những ông hoàng Da Đen, thì bạn là người tốt, theo những tập tục của xứ ấy, hay bị thả vào lồng rắn, hoặc bị thắt cổ! Hai kẻ đó, cần phải chọn lựa kỹ càng, phải khen ngợi chúng mỗi sáng và khi tối đến, phải thưởng cho chúng mà chẳng vì cái gì cả, nhất là tên thông ngôn, thuốc độc của những câu nói, trong vùng này, thường xuyên còn đáng gồm hơn cả những chất độc có trong các món ăn.

Ngày mùng 7 tháng Mười hai, người, ngựa, du thuyền, lương thực dự trữ, đều sẵn sàng: ông lên tàu đi Boulam.

Có phải ông đã thực sự băng qua biển Địa Trung Hải chưa, có thực ông đến từ châu Âu không? Ông có cảm giác là không, rằng ông đã đi thẳng từ khu rừng sù vẹt bên bờ biển vùng nhiệt đới của thời hoa niên ông đến khu rừng, thực sự và tuyệt vời, mà nó đang trải dài trước mắt ông. Phi châu, ông muốn trước tiên phải ung dung từ tốn đi dọc chiều dài của nó, theo cách mà người ta thường mơn trớn, sờ nắn mộng của người đàn bà trước khi đưa hẳn vào trong. Nằm dài trên chiếc ghế gấp, tại chỗ nhiều nắng nhất của boong tàu, ông ghi lại địa điểm của những rios^[4], các loài chim và loài cây cỏ đa dạng đến khó tin. Sự hư ảo của mây mù miền duyên hải trôi trượt qua như một cảnh trang trí tuyệt diệu giữa màu xanh lơ của đại dương và mớ lộn xộn không tưởng của rừng hoang. Ông đã hiểu tất cả: sự im lặng đậm đặc của cây cối và tiếng kêu chiêm chiếp nhọn nhọn bất tận của loài chim.

Sự bí ẩn của xứ sở này đã đập thẳng vào tâm hồn ông.

Ông khám phá ra hình dáng kỳ lạ của cây thốt nốt và nghĩ đến việc dùng nó làm biểu tượng của hoàng triều tương lai của ông. Vào giờ nóng nhất trong ngày, ông cho dựng một tấm chắn

đóng chặt vào vỏ tàu để tránh cá mập và bắt đầu một buổi tắm biển trong lúc mơ tới các bức tường thành của xứ sở Timbo.

Thời tiết ôn hòa trong suốt chuyến đi, còn con người thì có phần kém nhã nhặn hơn nhiều. Đoàn thám hiểm không hề dễ dàng, đó là một sự xung đột dữ dội thường xuyên giữa các thủy thủ xứ Gascon và các tộc người Phi châu. Nhưng khi cập bến Boulam vào ngày 15 cùng tháng, thì ông đã thành công thuận hóa được lũ vật: mỉm cười và vỗ vai đối với đám đầu tiên; những cú roi ngựa và đôi khi là những hạt san hô và sô-cô-la đối với nhóm thứ hai.

Boulam, cửa ngõ của thành Fouta-Djalón! Giờ ông chỉ còn việc phải làm sao để ních ra được chiếc chìa khóa của từng nơi mà thôi!

Ông được ngài tham tán Anh quốc, một quý ông trẻ, mặc dù những cử chỉ kiêu cách của mình, đang chuẩn bị đến nhập hội với Stanley trước những sụp đổ của Yolala. Họ đàm luận đôi chút trên con tàu *Jean-Baptiste*, quanh một chai rượu vang Bordeaux có hạng:

– Đó quả là một ý tưởng Pháp khi muốn đi đến tận Fouta-Djalón đây! Từ bốn thế kỷ nay, người Da Trắng có mặt trên vùng duyên hải và họ chỉ còn chưa đến mười người sống sót từ Timbo trở về! Nhưng thực sự là các ông, những người Pháp, các ông không cần lịch sử, các ông chỉ cần những người hùng!

– Chúng tôi chính là những người có tài năng, ngài lãnh sự thân mến ạ, chỉ thế thôi!

– Với các ngài, chơi trò người hùng ở Fouta-Djalón sẽ còn khó khăn hơn nhiều so với trận Waterloo đây. Nếu có điều gì xảy đến với ngài thì thế giới thậm chí sẽ còn chẳng biết đây là đâu.

– Tôi dẫu sao sẽ chết với sự thỏa mãn khi thấy mình đi trước các ngài ở một nơi nào đó. Các ngài đã hiện diện ở khắp nơi, các ngài lan truyền như một căn bệnh. Ngài sẽ lại nói với tôi rằng điều đó thật dễ dàng đối với những cái đầu chật hẹp hoành hành trong các bộ ngành của chúng tôi. Nhân viên tham tán duy nhất mà chúng tôi đã có trong khu vực này cho thấy là rất ít ỏi. Tôi buộc phải cầu viện trợ tới các sở trực thuộc Bồ Đào Nha và... Anh quốc đây!

– Nếu ngài tử tế hơn một chút, thì tôi hẳn đã có thể giúp ngài một tay. Không điếm tựa thì rất khó tiến sâu vào Fouta-Djalou, và còn khó hơn nhiều khi muốn ra khỏi đó.

– Gì cơ, ông quen biết ai à?

– Có thể lắm nếu ngài thuận tình bỏ đi cái thói sùng sộ của đám con cháu ông hoàng Louis XIV.

Gã người Anh uống cạn ly của mình và tế nhị lau miệng bằng một chiếc khăn trắng tinh, hơi bất thường trong nơi rừng rú hoang dã này:

– Thôi được, dẫu gì thì tôi cũng sẽ cố giúp ngài. Không phải vì tính cách tốt của ngài đâu, điều đó là quá đòi hỏi nơi một người Pháp, mà là vì chai rượu Bordeaux ngon tuyệt này. Khi ngài đã nghỉ ngơi thỏa đáng ở Boulam và thăm thú hết vùng duyên hải, thì hãy đến khu Cassis, tìm gặp bạn tôi là Lawrence.

– Sao, những người Anh đã có mặt ở tận Cassis rồi cơ à?

– Gần như thế!

Lawrence, ông hoàng xứ Nalous và liên minh của tộc Peul, mang trong mình dòng máu Da Đen và Da Trắng. Tên ông ta bắt nguồn từ một tổ tiên xa xôi châu Mỹ, một người chủ chương chế độ nô lệ, đã đến đây vào cuối thế kỷ XVIII và, cũng giống như phần lớn đồng loại mình, là người đã kết hôn có cheo

cưỡi đàn hoàng với ái nữ của một vua trị vì một vương quốc Da Đen nhỏ bé để bảo vệ những lợi ích của mình. Hiện tượng đó lan tràn rất nhanh đến nỗi mà, từ Boulam đến Sierra Leone, phần lớn các tộc trưởng kể từ đó mang những cái tên mang hơi hướng châu Âu. Phía sâu trong đất liền, chế độ thuộc địa hóa tiếp tục bằng những cuộc chinh phục, trên miền duyên hải, nó đã được áp đặt: trên giường! Những cái tên Curtis, MácCuley, Harrold, Da Silva, Da Costa, Wilkinson và những MácCuley khác nữa, hết như loài cây mít, từ đó về sau luôn nở rộ rở nơi rừng rậm.

– Chỉ còn thiếu mỗi những cái tên mang âm hưởng Pháp thôi, ngài lãnh sự mĩa mai một cách nham hiểm. Hãy rảo chân lên, ngài thân mến ạ!

Vàng trán Olivier de Sanderval nhú lại, ánh mắt ông trở nên hoang vắng:

– Theo một nghĩa nào đó thì chuyện này như những chồi non của chế độ thực dân. Tinh thần Âu châu thấm vào trong cơ thể châu Phi. Những ước mơ thời trai trẻ của tôi đang bắt đầu được thực hiện. Tôi đã đến đúng lúc thuận tiện. Duy những kẻ Peul cuồng tín của Fouta-Djalón đã thoát khỏi vào lúc này. Chỉ lúc này thôi!

– Hiện giờ, - ngài lãnh sự tiếp tục nói, - nếu như ngài đã mơ mộng xong, thì tôi sẽ dẫn ngài đến định vị trong ngôi nhà của ngài. Ngài có thể phỉnh nịnh cái Tôi thuộc dòng giống Gaulois của ngài: đó là đẹp nhất của thuộc địa đấy. A, các ngài, những người Pháp ấy mà, các ngài phải cần những lâu đài như Versailles, thậm chí chỉ cho một chuyến trung chuyển ở xứ Papous thôi! Khi ông bạn Bonnard của ngài đã chỉ cho tôi dự án kế hoạch về chuyện này, tôi đã ngỡ rằng ông ta đang chế giễu tôi đấy.

Không, đó không phải là lâu đài Versailles, mà nằm giữa những rặng tre và các loài dây leo, nó hơi có vẻ thô thiển, ngôi nhà thuộc địa tuyệt vời dềnh dang với các kiểu cầu thang và thành vịn, khu vườn mênh mông chạy thoai thoải xuống tận mép biển tỏa tiếng rì rào. Ông những muốn một cái gì đó xứng tầm đế vương mà ông đang chuẩn bị để trở thành đây. Ông đã cho đem tới đá cẩm thạch vùng Carrare, đá granít, gỗ sên và ngói đen trong các vùng nổi tiếng nhất nước Pháp. Cảm hứng nhanh của Rose, không bao giờ thiếu tưởng tượng và sự độc đáo tài tình, đã ấn định rất nhanh màu sắc và dáng vóc tại đó, nghiên cứu tỉ mỉ cảnh trí, nhưng trên giấy:

– Thế cầu thang hình xoáy tròn ốc và vòm cửa vào phòng khách thì sao? Và chớ có quên những cây dành dành trong vườn và phòng lớn để tổ chức các đêm khiêu vũ.

Ông phải mất gần nửa giờ để khám phá các gian buồng và những căn phòng. Ngài lãnh sự soi mói nụ cười nửa miệng và ánh mắt sáng lóe sự thỏa mãn của ông bằng một con mắt giấu cợt. Lên tới tầng trên, Sanderval cúi xuống thành vịn lan can ban công và chỉ tay về phía cái gì đó:

– Cái gì vậy, đằng kia kia, gần những cây cổ thụ ấy?

– Những ụ đất nhỏ với các cây thập tự đó ư? Là thuộc địa của Beaver đấy mà! Vào thế kỷ XVIII, người đồng bào Beaver của tôi đã đến đây thành lập một thuộc địa gồm mười lăm người. Mười người chết, còn năm người kia được đưa về Anh quốc, trên một con tàu bị lạc vào chốn này, tận hai mươi năm sau đó, mình đầy lở loét và nửa điên nửa khùng. Ngài có lý đấy, chúng tôi tiến trước các ngài ở khắp mọi nơi, chỉ có điều không bao giờ chúng tôi coi mình là những người hùng.

– Người ta chẳng đòi hỏi các ngài nhiều đến mức ấy đâu! Chỉ

cần các ngài chơi thẳng thắn thôi!

– Ngài có biết Quý ông Chatman nói gì không? “Nếu Anh quốc có thiện chí với Pháp quốc, thì có lẽ nó sẽ chẳng kéo dài hai mươi lăm năm.” Nhưng ngài, ngài chẳng đến đây vì nước Pháp mà vì chính ngài thôi, đúng thế không? Ngài là một gã kỳ cục đấy. Điều gì có thể thu hút ngài đến Phi châu vậy?

– Thị hiếu lịch sử, chính thế đấy, thưa ngài Nước Anh. Cảm giác của châu Âu đã bị tê dại. Thì chính tại đây, lịch sử có cơ may bắt đầu lại từ đầu. Với điều kiện người ta phải lôi đám Da Đen ra khỏi trạng thái súc vật của chúng!

– Và chính vì điều ấy mà ngài có mặt ở đây ư, để lôi người Da Đen ra khỏi trạng thái súc vật của họ?

– Đúng vậy, tôi cho rằng đã đến lúc truyền đạt cho họ nguồn ánh sáng mà chúng ta đã nhận được từ thành Athènes và thành Roma!

– Tôi đang tự hỏi liệu mình đã đúng hay sai khi quyết định gặp ngài, thưa ngài Olivier! Chí ít thì ngài cũng đang không chế giễu tôi đấy chứ hả?

Không, ông không hề tìm cách trở nên xuất chúng hay chế giễu. Ông đang nói một cách nghiêm túc nhất trên đời. Ông nuốt nước bọt, thở sâu để ấy lại phong thái, và nhìn chăm chăm vào ngài lãnh sự đáng thương bằng cặp mắt của vị gia sư bị quấy rầy trước khi lại lên tiếng. Trong già nửa giờ, ông nhắc lại cho Người Anh những điều mà ông đã, trong mười lần liền, cố gắng làm cho những ông tai to mặt lớn ở Marseille hiểu. Nên biết rằng những gen của Âu châu đã bị hao mòn sau hai ngàn năm với những thể thức và các thánh đường, giờ đến lượt nó phải chuyển lại cây đuốc đã được thừa hưởng của thành Athènes và Roma. Ở Hội Địa lý, Jules Charles-Roux đã nghe ông

trình bày vì tình nghĩa bạn bè và cố gắng, nhưng không tin điều đó lắm, để dẫn ông quay lại với những ý tưởng hợp tình hợp lý hơn. Ở Phòng Thương mại, người ta tiếp tục đón tiếp ông, bởi vì chính ông. Duy có nàng Rose xinh đẹp dịu hiền là hình như ủng hộ ông. Nàng uống từng lời ông trong lúc mở to cặp mắt xanh lơ và quán lấy ông tựa như loài cây leo quán quanh một cây sồi để cùng rung lên với ông dưới ảnh hưởng tuyệt diệu của người Peul, người Mandingue, Dakar và Tombouctou. Ông nói đúng, luật lệ của tiến triển luôn đi trước mọi thứ, luôn thông suốt khắp nẻo: những ý tưởng, những phong tục, khí hậu, ngay cả Phi châu. *Lex mea lux*, những cảnh u tối phải biến hết nơi người Lapons cũng như nơi người Da Đen! Châu Phi, đó là một thách thức mới của trí óc sau bánh xe và máy hơi nước! Và con người ông, đương nhiên, sẽ là chủ thi công kỹ nguyên mới này của nhân loại.

– Truyền cho ai? Truyền cho ai cơ?

Ông tiếp tục nói, giọng tăng dần, mặc cho những câu hỏi gây lúng túng của Người Anh, người mà lần đầu tiên, đã mất hẳn vẻ điềm đạm lạnh lùng của mình. Truyền cho ai ư? Thì đương nhiên là cho người Da Đen rồi! Còn có thể cho ai nữa đây? Á châu thì cũng cũ kỹ hao mòn trước cả châu Âu! Còn người Ấn Độ, tộc người khốn khổ đáng thương đó đã không sống sót khỏi lưỡi kiếm của những kẻ chinh phục thế giới mới lần trận sát Tây Ban Nha. Trong khi đó thì người Da Đen...!

– Điều đó là không tưởng! Tôi tự hỏi liệu tôi có nên tiếp tục nghe những chuyện này hay không đây!

Người Da Đen là hiện thực của thế giới! Ông giảng mạnh mẽ mà không thềm để ý đến những lời than vãn của viên lãnh sự. Một tư tưởng nguyên sơ, một nguồn nghị lực chí ít cũng cho cả mười ngàn năm! Chính ông chứ không phải ai khác phải truyền

lại và phải khiến cho những nghiên cứu chỉ dạy của Platon và của Michel-Ange đơm hoa kết trái hơn nữa. Ông sẵn sàng để đón tiếp họ. Người Da Trắng, trong vùng này, không nên chỉ dành lòng vơ vét những cây cọ dầu và sáp ong, mà họ phải giáo dục, phải đem điều văn minh đến đó nữa! Khai hoang, vùng đất hoang này là đương nhiên rồi nhưng trên hết, trên hết, và trên hết là khai phá tinh thần tư tưởng!

– Ngài có lẽ sẽ khiến tôi bớt lo lắng hơn nếu ngài là một gã điên thực sự đấy. Chủ nghĩa lý tưởng của ngài có che giấu cái gì không hả? Khắp nơi người ta đồn rằng ngài đến đây là để tặng cho mình một vương quốc.

– Tại sao lại giấu điều đó chứ? Tôi cần một vùng đất để thử nghiệm những ý tưởng của tôi!

– Nếu tôi hiểu rõ chuyện, thì ngài sẽ đến trình diện trước tộc Peul và nói với họ rằng: “Tôi tên là Aimé Olivier, hãy cho tôi vương quốc của các người để tôi thử nghiệm những ý tưởng của tôi!”

– Không hoàn toàn như thế đâu, tôi thoát đầu sẽ đến đề nghị họ cấp phép thông thương và xây dựng một con đường xe lửa, sau đó...

– Một đường xe lửa cơ à!

– Người La Mã đã khai hóa văn minh cho những bộ tộc châu Âu với những hệ thống cống dẫn nước, thì chúng ta sẽ khai hóa văn minh những bộ tộc Phi châu bằng đường xe lửa!

– Vâng, nhưng tại sao lại là Fouta-Djalou?

– Đầu tiên, đó là do cái tên của nó, sau đó là do vị trí địa lý!

Ông phác họa trong không gian một tấm bản đồ tưởng tượng và giải thích lợi ích chiến lược của vùng miền núi cao nhất Tây Phi, tương đương với khoảng cách của biển và của các vương

triều bên trong đất liền, nơi tất cả các con sông lớn đều bắt nguồn từ đó.

– Nếu như tôi tin lời nhà thám hiểm Lambert, thì đó là vương quốc hùng hậu nhất và có tổ chức nhất khu vực. Ở đó, tôi sẽ lập đại bản doanh của tôi và sẽ dẫn các bộ tộc dọc theo đường xe lửa. Trước tiên là Fouta, rồi đến Dinguiraye, Sakatou, Tombouctou... cho đến tận Oubanguichari, rồi đến cả Limpopo! Ước mơ của tôi là thành lập một quốc gia mới mẻ, quốc gia đầu tiên của người Da Trắng và người Da Đen, để chế Soudan, không giới hạn...

Đến đoạn này của cuộc trò chuyện, vị lãnh sự bắt đầu nghĩ một cách nghiêm túc là phải ra về. Thế rồi, bằng tài ngoại giao tế nhị, ông ta chuyển dần đề tài sang lĩnh vực thơ ca và ca nhạc kịch, điều này đã cho phép họ kéo dài buổi tối bằng một bữa tiệc thịnh soạn được kèm theo một chai vang Bordeaux khác.

Sau buổi đó, ông đến thăm ngài toàn quyền Bồ Đào Nha, người này đã tặng ông một buổi dạ yến và những lời chỉ dẫn. Ông lang thang trong quần đảo Bissagos, nhưng hết sức tránh hòn đảo có tên Orango, nơi mà, theo như người ta nói, do con quái vật Oumpâné ngự trị, hấn đã trở nên nổi tiếng vì đã lột da và cho vào nồi những thủy thủ Áo đã bị đắm tàu trên lãnh thổ của hấn. Ngược lại, ông rất hứng thú lục lọi trên hòn đảo Boubah và làm quen với Phi châu truyền thống, nơi mà, đối lập với thành phố, người Da Trắng vẫn chỉ là một con ma huyền bí. Tập làm quen với nó qua những cảnh sẽ lặp đi diễn lại hàng trăm lần trong suốt cuộc đời rừng rậm dài dặc của ông: đám đàn bà và trẻ nhỏ lĩnh đi ngay khi nhìn thấy ông, những cuộc nói chuyện dông dài vô bổ kèm theo quà biếu, những vụ kiện cáo theo kiểu phù thủy, những vụ trao đổi quà biếu theo tập tục dài bất tận với các ông hoàng Da Đen. Ông mãn nguyện ghi lại

rằng ngay cả với những cư dân của rừng rậm này cũng không hề tỏ thù địch - ngạc nhiên, hoan hỉ, coi thường, hoảng sợ, chứ không bao giờ thù địch hết! Ông chiêm ngưỡng sự điệu dàng hơi bạo dạn của đám phụ nữ, trang điểm bằng những vỏ sò và vận váy bằng rơm tết lại, ông vui đùa với đám con trẻ đeo một túm tóc trên giữa đỉnh đầu cạo trọc và một dải sam. Ông đổi cho chúng những mẩu đường để lấy những con côn trùng hiếm. “Đó là một bước khởi đầu tốt lành - ông tự nhủ. - Thiên nhiên cũng kỳ diệu hết như ta nghĩ còn con người thì thông minh, ngăn nắp, tài trí và thường xuyên lịch lãm.”

Ông hoàng Boubah và hàng trăm thê thiếp của ông ta đã tặng ông một tuần hoan hỉ vui thú. Đáng ngạc nhiên thật! Ông hoàng này ngự trong một cung điện hai tầng với một sân lát toàn vỏ sò.

Ngoài những món quà mà nhân viên xứ Gorée của ông đã cố vấn, ông thêm vào một chiếc ly pha lê, nó đã rất vừa lòng ngài lãnh chúa nơi đây đến nỗi mà người này, ngoại trừ bò, hai con lợn và bốn con gà trống theo tập tục, còn tặng thêm cho ông, như một món quà, đứa con trai mười hai tuổi của ông ta. Ông đã cảm ơn ông hoàng này nhiều ngày liền, đó là cách tôn trọng tập tục thông thường, rồi cố gắng tìm giải pháp rũ bỏ món quà công kênh ấy. Người thông ngôn Maly cố gắng hết sức có thể để giảm tranh chấp:

– Da Trắng đề nghị ngài giữ lại đứa trẻ của ông ấy cho đến lúc ông ấy từ đất liền quay về.

– Thế ông ta đi đâu, Da Trắng ấy?

– Đi Fouta-Djalón!

Rầm! Cơn giận dữ khiến vị quân vương bật khỏi ghế. Ông ta đe dọa tịch biên hết tài sản của họ, bẻ gãy tứ chi họ, rồi ném họ

vào lồng rắn. Mâly ngã ngửa ra rằng mình đã vướng phải một sai lầm nhưng rồi đã bỏ rất nhiều thời gian để tìm lý do biện bạch cho việc ấy. Chàng thông ngôn bất hạnh cứ uống công giồng tai nghe ngóng, anh chỉ hiểu hàng loạt tiếng gầm vang như tiếng súng làm rung chuyển cả cung điện:

– Fouta-Djalón hử, ày ày!!! Không đời nào, không không, Fouta-Djalón, không đâu! Fouta-Djalón, tôi lắm, xấu lắm! Bọn Peul hử, lũ lai căng!

Lưu lượng chảy đến hết như một dòng nham thạch, việc dịch chắc chắn là cam go:

– ... Người Peul, những đứa con của sự phản bội mà lưỡi giáo đã bị cong xuống! Trong đêm, chúng ngủ khi mà bàn tay trái của chúng vẫn thức. Nếu chúng có sắc đẹp, thì tính cách tốt lại bị cấm tiệt nơi chúng... Lũ người Peul lai căng!... Lũ Peul lai căng, lai căng! Người có biết người Peul không, chính người ấy? Ày, người không biết họ ư?... Thế thì, hãy xem câu đố này nhé, hãy khâu nó vào trong bộ da của con mèo, ném nó cho con trăn rồi vớt con trăn đó cho cá sấu. Bây giờ thì hãy vui con cá sấu đó trong đám tro trong một đêm đầy sương mù, khi ấy thì người đã có người Peul rồi đó!...

Vị quân vương không sao ngậm miệng lại được nữa. Rút cục thì Mâly cũng đã vỡ ra: đó là do những cuộc đột nhập không ngừng của người Peul mà tổ tiên ông ta đã dời đất liền để đến trú ngụ trong các hòn đảo này. “Và con quý đó đã nhét vào đầu ý tưởng rằng chúng ta là gián điệp được kẻ thù ở Fouta đưa vào! Chúng ta đang ở trong tình thế rất khó xử đây Da Trắng ạ, những tình huống rất khó xử, *wallâhi!*”.

Cuộc đàm đạo đông dài kéo dài nhiều ngày nhiều đêm liền. Họ đã phải tặng phân nửa số rượu mạnh của mình để thoát khỏi cái chết và một tấm gương phóng đại để tránh khỏi bị giữ

lại đảo. Nhưng, ngay cả khi đã lấy lại được cảm xúc trung hòa nhất thì vị quân vương cũng chẳng chịu lùi bước về món quà hoàng gia của ông: Da Trắng buộc phải mang theo đứa trẻ, nếu không thì sẽ là một sự xúc phạm. Cuối cùng ông ta đã phải nhân nhượng sau hai đêm thương thảo và trà tửu khi đổi lại một bộ pyjama và lời hứa rằng Da Trắng sẽ không đi Fouta-Djalon, rằng gã này sẽ chỉ dành lòng nấn ná ngao du các khu vực cạnh biển, trước khi quay trở lại đón nhận món quà của ông.

Và đây là những gì Olivier de Sanderval ghi lại trong cuốn sổ của mình, sau chuyến quay về tuyệt vọng ở Boulam:

“Chẳng nên làm mất lòng những nhân viên xứ Gorée tốt bụng của tôi, tôi đã làm rất đúng khi phiêu lưu vào vùng Bissagos đấy! Thế nên bây giờ tôi đang bị rình rập rồi đây! Sau chuyện đó thì ta chẳng còn sợ gì nữa hết, ngay cả đám người Peul ở Fouta-Djalon!”

Tuần sau đó, ông đã tiến hành một buổi lễ kỳ cục ngay chính giữa khu vườn nhà ông. Ông ném vào đám lửa những lá thư của ông được đem đến từ nước Pháp và, hai tay giơ cao lên trời, ông lại mở lời nói với Phi châu: “Dành cho người đó, đám tro này đến từ nước Pháp! Liệu ta có thể không phải để lại cho người nắm tro tàn của chính ta không!”

Rồi đến ngày 13 tháng Giêng, ông đi ngược lên vùng Cassis ba ngày liền bằng thuyền độc mộc. Ông gặp Lawrence đang có mặt cùng với các Bộ trưởng, kiểm soát công việc của vương triều. Cung điện của ông ta thực sự có vẻ là một cung điện: một tòa nhà bằng gỗ, chắc chắn là đã rệu rạo nhưng nếu ta bỏ qua sự bừa bộn và ẩm mốc thì nó lại khiến ta nhớ đến những dinh thự cổ của Bahia và của Louisiane nhờ những thành vịn và lan can. Ở Marseille, điều đó có lẽ chỉ có thể là một túp lều tranh vách nát tầm thường, ông thâm nghĩ, nhưng trong vùng này, nơi mà

ngoài những túp lều nhỏ và những ngôi nhà lá, thì chỉ còn sự độc đáo của thực vật thể chỗ cho nền kiến trúc, sự cổ xưa này bắt buộc phải được tôn trọng.

Lawrence giới thiệu ông với người của mình và nói chuyện trực tiếp với ông mà không cần qua phiên dịch. Ngoài tiếng Nalous, tiếng Sousous và tiếng Peul thì ông ta còn nói tiếng Anh một cách hết sức thành thạo và xoay xử rất tốt bằng tiếng Pháp và Bồ Đào Nha. Ông ta đã nhận được thông điệp của vị lãnh sự Anh và có những thông tin cực tốt: không những Almâmi^[5] cho phép ông đi trên lãnh thổ của ông ta, mà hình như, theo như bước đầu, không thù nghịch với dự án đường xe lửa của ông.

Kỳ diệu quá! Trong vài giây đồng hồ, ông đã trở thành khách quý của Fouta-Djalou. Cái vùng đất Fouta quá đỗi khép mình ấy, vùng đất Fouta đáng gờm biết bao nhiêu! Khách quý của chính Almâmi, chừng nào mà ông không ăn trộm, không giết người và bán bỏ đạo Hồi, theo như thể thức đã được thừa nhận! Aguibou, hoàng tử của Labé, sẽ đến gặp ông ở Boubah, một thành phố biên giới, để trao cho ông cuốn hộ chiếu. Điều kỳ diệu, ô vâng, đúng là điều kỳ diệu thật!

Ông đã chờ đợi một lời chối từ, hay chí ít cũng là một quá trình dài lê thê đầy những thủ tục. Ông đã nghĩ rằng điều ấy hẳn sẽ kéo dài nhiều tuần hay còn nhiều tháng liền và rồi cuối cùng người ta sẽ nói không với ông. Ông thậm chí đã dự kiến một kế hoạch: đi lên vào lãnh thổ bằng cách băng qua những ngọn núi phía Nam, mặc cho những rủi ro có thể bị xử tử. Cảm ơn Lawrence, cảm ơn Nalous! Và thậm chí còn cảm ơn cả những người Anh, lần tí tẹo cuối cùng và cũng là lần đầu tiên!

– Chính Almâmi mới là người anh sẽ phải cảm ơn chứ! Aimé độc đáo ạ, chẳng phải ai cũng được là khách quý của người Peul đâu!

- A! Thật vậy sao!... Tôi háo hức muốn đi ngay!
- Trước hết tôi phải tìm cho anh một thông ngôn hăng!
- Tôi đã có một người rồi!
- Với người Peul, thì anh không bao giờ có thể coi là đủ thông ngôn cả đâu!

Ông không muốn trả lời. Nói không, điều đó hẳn đồng nghĩa với sự xúc phạm (thêm một lần nữa, nhấn mạnh trong vùng này nơi những ông hoàng thường hành động theo bản năng mà chẳng nghĩ suy gì và sự trừng phạt thường xuyên là trọng yếu!) Nói có thì sẽ lại lâm vào rủi ro khi bước vào vùng Fouta-Djalon thật khó vào và đầy huyền bí, đã khá đủ, có thể nói thế, lũ trộm cắp và những kẻ thám báo.

Ông chia tay với người hùng Lawrence sau khi đã chắt lên ông ta hàng đồng quà cáp và cũng đã đạt được nơi ông ta nhiều thỏa thuận để lại tiếp tục rong ruổi đây đó dọc miền duyên hải và lục lọi các vùng thượng nguồn và các cửa sông lớn của vô vàn những rio đổ xô vào đó; vẽ đầy sổ những hình ảnh và những ghi chú về bản chất của đất, sự đa dạng của các loài côn trùng và loài khí. Ông bắt đầu học tiếng Nalous và tiếng Peul rồi dành thời gian soạn thảo từ vựng của chúng. Ông bùng nhùng trong miền rừng sú vẹt nhưng bị bất ngờ trước hình dạng của đám thực vật, thừ hương vị xa lạ của hàng trăm loài trái cây, và ký với các bộ tộc quyền mở các thương điểm và cho đoàn người và xe của ông đi qua.

Ông vẽ bản đồ khu vực, lần đầu tiên đưa ra một chỉ dẫn tin tưởng về những đường vòng của vùng ven biển và dòng chảy của các con sông. Sau Kouchala, Cabacera, Koubak, Comédie và vùng Compony, ông đi đến tận những khu quanh co uốn khúc của rio Nunez và viếng thăm cột trụ khủng khiếp Vikaria,

được sử dụng cho những vụ xử tử. Người ta trói những tội phạm vào đó sau khi đã cắt rời tứ chi, rồi nước thủy triều dâng cao sẽ khiến chúng bị ngạt thở nếu như, trước đó, những kẻ ăn thịt người còn chưa đến nghiền ngấu chúng.

Và đương nhiên, ông đã đến Boké và ngay lập tức đến trình diện ở chiến tuyến Pháp.

– Và cứ như vậy mà ngài đến Fouta-Djalón à! Đại úy Dehous, người chỉ huy nơi đó nói với ông bằng một giọng khiển trách. Ngài cần phải biết rằng chúng tôi sẽ không thể làm gì để trợ giúp ngài nếu như có chuyện gì xảy đến với ngài ở nơi đó.

Người ta không thể đến Fouta-Djalón giống như khi đi dạo chơi ở vùng Auvergne. Sắp tới là tròn một năm khi mà một trong những đồng bào của chúng ta đã đi đến đó rồi mất hút, và kể từ đó chúng tôi đã chẳng có bất kỳ một tin tức gì hết.

– Ông muốn nói rằng anh ta đã bị họ ăn thịt rồi ư?

– Liệu còn chuyện gì khác xảy đến với anh ta sao?

– Thế anh ta tên là gì, người đồng bào ấy ấy mà?

– Montet hay Moutet gì đó, tôi không nhớ nữa! Một kẻ khùng điên đã nhét vào đầu ý tưởng đến đó để dạy người Peul cách trồng và sản xuất rượu nho. Dạy cách trồng và sản xuất rượu nho cho lũ Da Đen! Tôi cứ ngỡ mình đã rơi vào một tình trạng tột tệ nhất rồi cơ đấy. Và giờ đây lại đến ngài xuất hiện!

Viên đại úy dẫu sao cũng sửa soạn cho ông một phòng nghỉ và tặng một bữa tiệc tối thịnh soạn. Nhưng trong lúc ăn, họ bị báo động bởi những tiếng kêu dữ dội từ ngoài vắng vào. Họ chạy ra và đã chứng kiến cảnh những người lính gác đang giáng một trận đòn như tử lên một người đàn ông bị xích.

– Điều này xảy đến với chúng tôi cứ hai tuần một lần, - vị đại úy giải thích. - Những kẻ hoang dã này, chúng bôi đầy chất bẩn

của chúng để cho bị yếm bùa rồi đến ăn cắp trong các cửa hàng chúng tôi trong lúc lấy cớ rằng đó là dưới ảnh hưởng của các thần linh... Albert này, hãy giữ con khỉ này trong hầm giam cho tôi nhé. Ngày mai, tôi sẽ trình diện nó cho trưởng thôn.

– Thế trưởng thôn sẽ làm gì? - Olivier de Sanderval hỏi.

– Có lẽ ông ta sẽ kết tội hẳn đến cây trụ Vikaria. Luật pháp của những con người hoang dã này còn ác độc hơn cả luật pháp của hải tặc và các quan tòa dị giáo.

– Tôi đã chứng kiến cảnh hãi hùng này khi đi đến đây. Tôi có thể làm gì để cứu sống con người bất hạnh đáng thương này?

– Chẳng gì hết! Chúng tôi không có thói quen dây dưa đến những phong tục của họ.

– Ngày mai tôi sẽ đến gặp trưởng thôn. Có thể với một chút chất thơm...

– Hãy nghe này, thưa ngài Olivier, cuộc sống của dân Da Trắng chúng ta đã tương đối phức tạp rồi đấy! Tôi xin báo trước để ngài biết, nếu ngài mà gây cho chúng tôi những rắc rối, thì tôi sẽ bắn ngài ngay lập tức đấy!

Ngày hôm sau, ông chẳng cần phải đi đến cầu khẩn viên trưởng thôn. Khi người ta mở cửa tầng hầm, nơi kẻ phạm tội nằm phủ phục, thì chỉ còn thấy đồng xương của anh ta: lũ kiến *bag-bag* đã nghiền nát anh ta hoàn toàn.

Phải đi đến tận Phi châu để chứng kiến một cảnh tượng hãi hùng như vậy sao! Ông sửng sờ suốt cả ngày liền, không sao nuốt thứ gì khác ngoài chính nước bọt của ông. Rồi ông nhớ lại một bài đã đọc từ thời còn trẻ: chính trong hải cảng nhỏ bé này - thời ấy được gọi là Kakandy-, rất khuất gió và tránh khỏi tầm mắt hải tặc mà René Caillé đã bắt đầu chuyến vi hành của ông về hướng Tombouctou. Ông viết một bản ký sự ngắn tưởng

niệm ông ấy và cho đội quân biệt phái của chiến tuyến kéo một hồi kèn và kéo cờ Tờ quốc.

René Caillé hiện diện, và giữ một vị trí đáng kể, trong số những huyền thoại đã khiến tuổi hoa niên của ông kinh ngạc. Giờ đây, khi mà tuổi tác đã thực thi sự sàng lọc của nó, thì ông lại tự hỏi liệu ông ấy lại chẳng vượt cả Ulysse hay Attila. Tên của ông ấy vẫn còn rung lên trong tai ông với cùng một sức mạnh mang tính kinh thánh như tên của một số trưởng lão và của Tombouctou, chắc chắn, với cùng thứ huyền diệu như Java hay Samakand. Nếu ông bị bõm trong vùng sù vẹt, đầy trở ngại và gần như là đã mắc bệnh sốt rét trước những cánh cửa chủng tộc không thể vào được của người Peul này thì trên hết đó là vì điều này: rằng mai đây tên của họ được dính trên cây gia phả tuyệt vời, rằng từ thời Robinson Crusóe, chuyện thần tiên Thời Hiện đại đã bắt đầu trải rộng. Người này là cha, người kia là con! Điều đó dành cho những nhu cầu của sự không tưởng, đương nhiên rồi, còn thực tế thì luôn ác hiểm hơn, đã tạo lập ra chúng cũng khác nhau như đất sét và đá lục bảo.

René Caillé sinh ra trong một gia đình nghèo hèn, tại một ngôi làng nhỏ trong tỉnh Deux-Sèvres. Vì đã ăn trộm một cái dây đeo của phu khuân vác, cha của ông, một công nhân làm việc trong một cửa hàng bánh mì, đã phải chết trong nhà tù khổ sai Rochefort năm 1780, tức năm mười bốn năm trước Jean Valjean. Còn cậu nhỏ Aimé Olivier là ông đã ra đời tại thành phố Lyon, có nghĩa là con nhà giàu, có nghĩa là những món ăn ngon tinh chất, có nghĩa là người sáng tạo, có nghĩa là lạnh lùng và kỳ quặc một cách kín đáo.

Ở gia đình Olivier, người ta chào đời mà không cần lo lắng cho ngày mai, ta lớn lên trong những dinh thự tĩnh lặng và rộng mênh mông, được bao quanh bằng những bức tường lớn,

mắt hút dưới một dải thực vật xum xuê tốt tươi. Sự phát triển công nghiệp của thành phố phải hàm ơn rất nhiều sự thần tài của gia đình^[6]. Bên họ Olivier cũng như họ Perret, cậu bé Aimé có nguồn gốc từ một dòng họ kỹ sư lâu đời. Cha của ông được coi như một nhà bác học. Ông chú Théodore là một trong những nhà sáng lập Trường Nghệ thuật trung tâm và Thủ công Paris, mà chính ông cũng là một sinh viên xuất sắc tại đó. Hợp chất a-xít sun-fua-ric công nghiệp, thế giới này phải chịu ơn người ông ngoại của ông. Còn ông, ông phải chịu ơn tất cả vì ngành hóa học, và trên hết là sự ra đời của ông! Một ngày nọ, Claude-Marius Perret, cha đẻ của ngành hóa học công nghiệp thành phố Lyon, tuyển mộ một kỹ sư trẻ và người này đã làm rất tốt công việc đến nỗi mà ông đã gả con gái mình cho anh ta. Cặp uyên ương này có sáu người con, Olivier de Sanderval là con thứ hai trong gia đình.

“Đứa trẻ này khiến em lo lắng, - người mẹ có bản chất âu lo luôn miệng nói với người bố lúc nào cũng tự tin và đầy lạc quan của ông, - có thể nói như nó không ở đây, có thể nói nó như đang nhìn cái gì đó khác chứ không phải những gì đang diễn ra xung quanh nó.” Không, đó là đứa trẻ giống hệt như những đứa trẻ khác, chỉ hơi bâng khuâng tí chút thôi. Giống như tất cả mọi người, nó vâng lời cha và rất yêu mẹ - bằng một thứ tình yêu mãnh liệt, tuy nhiên lại rất kín đáo, đường đường chính chính nhưng rất dữ dội - cả gia tộc, quyến luyến với bà nhất. Nhưng nó lại không phải là một trong những đứa trẻ ủy mị và hay làm điều bộ mà ta phải buộc dây giày và phải đút cho ăn những miếng thịt rán hay món khoai nghiền. Từ khi còn rất nhỏ, ông đã chứng tỏ sự thông minh, có nghị lực và xoay xở rất tốt. Chàng trai mơ mộng dịu hiền đó rất thích thể thao và những trò chơi nguy hiểm.

Mới lên bốn tuổi, ông đã xen vào những cuộc nói chuyện của người lớn và những câu hỏi của ông có vẻ như rất sáng tạo đến nỗi mà không ai nghĩ đến việc trách mắng cả. Lên bảy tuổi, ông đã vượt hẳn người anh cả và đã áp đặt quyền hành lạnh lùng của mình lên các em. Đó là một kiểu nghiêm khắc kỳ cục, rắn bên ngoài nhưng lại rất mềm yếu bên trong, tóm lại, giống như một con nhím biển vậy. Cậu bé dẻo dai có vóc dáng điển hình, có nội tạng mong manh và trái tim nhân hậu, thì trong thâm tâm lại ngập tràn sự dịu dàng và nhạy cảm. Một thứ tẻo teo khiến cậu mũi lòng: giọng nói của mẹ cậu, sắc bưng sáng của một đóa hoa, nụ cười của một thiếu nữ, một đoạn thơ của Villon hay một vần điệu của Sully Prudhomme. Và nếu như cặp mắt cậu có vẻ như lúc nào cũng khô khốc, thì trái tim cậu lại nhỏ những giọt lệ. Đó là một người mơ mộng, một kẻ mơ mộng trong hành động, một kẻ không bao giờ mãn nguyện. Thực tế không bao giờ là đủ đối với cậu. Cậu luôn muốn phải hùng vĩ hơn, phải mạnh mẽ hơn và đẹp hơn.

Cậu có nghệ thuật câu gât, nhưng cũng có có nghệ thuật quyến rũ nữa. Trong mọi tình huống, từ cậu tỏa ra điều gì đó oai vệ, điều gì đó của bề trên, điều gì đó của người La Mã.

Vóc dáng nam nhi, mũi thẳng, cặp mắt xám chìm ngập trong một thứ ánh sáng trắng rất được phụ nữ ưa chuộng. Ánh mắt xuyên thấu của cậu, vàng trán cao hơi hói phía bên trái và bị chặn ngang một lọn tóc dài phía bên phải -, chòm râu đen luôn được cắt tỉa kỹ lưỡng gây ấn tượng cho cả kẻ thù. Khi ông đi trong phố, mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía ông: vâng, đúng vậy đấy, ông đúng là có bản mặt của thời đại mình. Người ta mừng rỡ ra hình ảnh Jules Verne, hay thậm chí là Victor Hugo.

“Tôi ra đời trong một gia đình mà sự tầm thường không có chỗ của nó.” Đó là tất cả những gì ông sẽ nói về gia tộc mình

nhưng có thể đó đã là hơi quá, trong gia đình quý tộc tư sản xứ Lyon này, chắc chắn thuộc gốc La-tinh và rất sùng đạo, nhưng kín đáo và nhún nhường theo cách của những đại gia đình quý tộc phương Bắc và theo thuyết Luther. Trong gia đình Olivier cũng như Perret, người ta không được sinh ra với một thói kiêu ngạo điên khùng kêu gào sự chào đời của mình, nhưng lại với một kiểu lo sợ ác hiểm là phải làm gì đó ít nhất là cũng tốt như bố. Chỉ có điều, ở những đệ tử cuồng nhiệt của sự cố gắng và kỷ cương này, những niềm vui thú của sự khùng điên thì luôn luôn ve vãn một cách hoạt bát với cách vận dụng khoa học và niềm say mê ngành công nghiệp. Xem này, ví như, ClaudeMarius Perret chẳng hạn! Ông già đáng kính đi ra quảng trường Bellecourt, vào mùa đông, bằng xe trượt do đàn chó kéo và, vào mùa hè, bằng xe, do hai chú ngựa bị kích động thái quá kéo đi. Ngài tỉnh trưởng đã buộc phải ra một sắc lệnh để chấm dứt sự tàn sát. Nhưng, khi vợ ông qua đời, con cáo già đáng kính ấy lại tìm ra cách để đấu chọi với những thông tục và luật pháp: ông đã bí mật cho ướp xác vợ và giữ bà bên mình cho đến tận khi đến lượt ông cũng về chầu Chúa. Và nói gì đây về người chú này khi đã trải qua cả năm chục năm ròng để khám phá những hầm mộ thành Roma để rồi cuối cùng, rút từ đó ra một công trình đồ sộ in các bản vẽ khắc trên đá vôi rồi sau đó lại tặng hết cho tòa thánh Vatican!...

Trước tiên là công việc, tuy nhiên sau đó là đùa tếu, và chỉ khi nào ta thực sự xứng đáng với sự ngơi nghỉ của mình mà thôi! Những quy tắc, trong những cái đầu nóng bỏng của tổ tiên ông, thì cũng bất biến như những công thức trong phòng thí nghiệm của họ: “Người ta không ra đời để vui thú với đời mà là để thực thi những điều phải làm.” Một hôm, khi ông chừng chín tuổi gì đó, ông đã bỏ trốn khỏi ký túc xá Oullins tầm tối

của mình, để thoát khỏi uy quyền và món đậu nghiền chết người. Ông sau đó lén trốn xuống một trong những con thuyền chở axit và chất khoáng của gia đình chạy dọc sông Rhône để đến cùng cha mẹ ông, khi đó đang sống ở thành phố Avignon. Nhưng vừa đến ngưỡng cửa nhà, ông đã va ngay phải cha: “Con không có quyền có mặt ở đây vào giờ này, con biết rõ rồi đấy, Aimé ạ!” Người cha nói câu đó mà không hề biểu lộ một động tác hay to tiếng gì, và cậu bé, ngay lập tức lại ra lấy tàu mà không dám leo lên cầu thang, để ôm hôn mẹ mình, người mà cậu đã không gặp từ gần một năm nay...

Như tình cờ, vị vua Phi châu tương lai của chúng ta rất hợp với câu ngạn ngữ của người Bantous: “Người ta là đứa con của thời đại mình còn hơn là con của chính cha mình đẻ ra.” Đó là cậu bé của thế kỷ XIX, điều đó đã nói lên tất cả!... *Ordem et progresso!*... Sự giáo dục, tính cách bất thường, tất cả đều chuẩn bị cho ông để làm rung động những niềm đam mê của thời đại ông: những ý tưởng, khoa học, những chuyến du lịch dài dặc, ông đã được nhào nặn với một ý thức của người tiên phong, trong một thế kỷ tiên phong! Cuộc đời ông, ông đã dự định nó từ rất sớm như một cầu thang thẳng đứng bắc về phía những kỳ tích. Các người hùng đều có huyền thoại của họ, cuộc tìm kiếm bần bĩ của ông nhắm đến sự vĩ đại và toàn vẹn có lẽ sẽ là sách của ông. Và cuốn sách đó sẽ có tựa đề là *Vô Cùng*, tổng thể những suy nghĩ của ông, điểm hợp nhất của tất cả những đối chiếu: ý tưởng và cuộc sống, thực tế và hư vô, con người và Chúa trời. Cuốn *Sự Siêu hình* của Thời hiện đại được ông bắt tay vào viết khi mười hai tuổi và hiện đã là bản sửa lần thứ hai mươi.

René Caillé đã để lại những cuốn sổ du hành, còn ông, ông hẳn sẽ để lại một cuốn nhật ký đi đường cũng thú vị như một tư

duy, một tác phẩm trữ tình hấp dẫn hay một cuốn bách khoa toàn thư.

Cũng có điều này phân biệt ông với hình mẫu nổi tiếng của ông: người này đã lao động cực nhọc cho đến Guadeloup để có thể trang trải chuyến du lịch của mình đến Toubouctou và đã chẳng có ai đón tiếp ngoài những đàn muỗi và số phận đen đui. Trong khi đó thì ông, từ Rufisque đến Boulam, qua Ziguinchor, phần lớn những thương điểm là của ông, được thừa kế, có ít thôi, từ người buôn tàu biển Pastré, nhạc phụ của ông. Nhưng đương nhiên không có một ai trong số những nhân viên của ông đi thắp tùng ông đến Fouta-Djalón. Ông sẽ khởi hành một mình với đám Da Đen, không hầu gái, không kẻ phục vụ phòng, liệu đó chẳng phải là một kỳ tích.

Ông đi khắp các bản làng, bỏ rơi những bọn bịp bợm phỉnh nịnh trong các khu chợ, nhưng ông gặp nhiều khó khăn trong việc tuyển mộ phu khuân vác. Dân chúng vùng duyên hải không thích phiêu lưu đến Fouta-Djalón cho lắm. “Timbo ư, sẽ chẳng sống sót mà trở về đâu, - họ đáp lời ông với sự kinh hoàng, - và nếu như người ta sống sót trở về thì cũng không được tự do mà trở về.”

Ông đã phải mất ba ngày nói chuyện dông dài và chi rất nhiều quà cáp để tìm thấy đủ một nhóm người sẵn sàng đi thắp tùng ông.

Mười thung lũng, ba dải đồng bằng, năm sườn núi và sáu con sông phải băng qua!... Một buổi sáng đẹp trời, với sự sôi sục của đám Moise lao ào ào trên Miền Đất hứa, Maly chỉ tay về phía khu rừng cao xa xa mất hút trong đám sương mù:

– Ông thấy không, đằng kia kìa?... Ngay sau những tổ mối ấy?... Chính đó là Fouta Djalon đấy! Ở thì đó là xứ sở của nước và quả cây, của sữa nguyên chất và các nhà bác học! Đất nước

của sự xả hơi dưỡng sức! Đừng để ý làm gì, toubab^[7] ạ, chính các griot^[8] nói như vậy đây!

Khoảng cách quá lớn, tầm nhìn quá mờ ảo mặc dù đôi óng nhòm của ông. Ông thoáng nhận ra những phản chiếu của một thành núi đá và đành chấp nhận mừng tượng một cách say mê những gì còn lại: Những *bôwé*, những *touldé*^[9], những cô gái chăn gia súc trang điểm rạng rỡ giữa những đàn bò với bộ lông mao chim sẻ và biết bao hình ảnh khác mà những câu chuyện của Mollien, của Caillé, của Hecquart hay của Lambert đã nhắc đến cả một ngàn lẻ một lần.

Ông tiếp tục lên đường, miệng huýt sáo gió. Nhưng, ở Boubah, những sự kiện đã nhanh chóng bóp chết sự sáng khoái của ông. Ngay đêm ông đến nơi thì Alpha Gaoussou, một lãnh chúa địa phương trở về từ cuộc nổi dậy, đã tấn công khu ấy và bắt đi chừng sáu chục phu khuân vác của ông.

Aguibou, người lẽ ra phải trao cho ông hộ chiếu, do công việc đã phải dừng lại ở nơi cách chỗ đó mấy ngày đường. Phu nhân của anh ta, công nương Taïbou, thay chồng đón tiếp ông. Đây là những gì mà ông miêu tả nàng trong cuốn Hồi ký của mình: “Nàng đeo những hạt hổ phách to như quả trứng, lủng lẳng trên mái tóc tết thành những lớp mảnh mảnh nhỏ. Ngực nàng phủ đầy những đồng xu năm franc mà những tiếng kêu leng keng đánh thức trong nàng một niềm kiêu hãnh trẻ thơ.

Hai cánh tay nàng đeo đầy vòng bạc, to như ngón tay cái, và ở cổ chân đeo những chuỗi vòng bằng sợi bạc tết rất dày.”

Ông cúi chào nàng và ngay lập tức trao quà tặng, một miếng vải len mê-ri-nốt trắng pha kim tuyến bạc. Nàng rất hài lòng và mời ông trò chuyện:

– Vậy chính là ông hả, người Da Trắng mà chồng ta đã nói

với ta! Ông muốn đi bộ đến tận Timbo, phải vậy không?

– Đúng thế, thưa công nương!

– Điều đó chồng ta đã nói với ta và anh ấy còn nói nhiều điều khác nữa mà ta thấy có vẻ kỳ quặc quá đối đến nỗi gần như đã quên hẳn. Hình như là ở nước ông có một cỗ máy kỳ lạ và rằng ông tính cho đem nó đến đây, ở Fouta này.

– Một chuyến tàu hỏa, thưa công nương, một thứ có thể đi từ đây đến Labé chỉ bằng đúng khoảng thời gian nấu một bữa cơm.

– Điều đó hả, điều đó có thể làm được ở đó, chứ không phải ở Fouta này đâu.

– Điều đó có thể làm được ở khắp nơi, thưa công nương.

– Nhưng ta, ngay cả khi nhìn thấy nó rồi thì ta cũng sẽ không tin đâu.

Nàng ấy rất thoải mái và vui tính. Nàng thấy thích thú khi biết rằng ở nơi ấy, ở Pháp, mưa thì như muối, xộp và trắng tinh, rằng người ta cầu nguyện trước một cây thập tự và ăn thịt lợn, rằng tất cả đàn ông thì không hề cắt da quy đầu, và chỉ có quyền lấy một người vợ duy nhất. Nàng nhìn ngắm ông rất lâu, chế giễu làn da trắng nhợt của ông và mái tóc dài thẳng tưng, mái tóc của đứa trẻ sơ sinh. Thế rồi khuôn mặt nàng bỗng đứng bất động, điều đó khiến ông nhớ rằng nàng thậm chí vẫn còn chưa biết tên ông là gì:

– Ông có lẽ sẽ coi ta là đứa đàn: chúng ta đã nói chuyện một thôi dài và ta thậm chí còn chưa hỏi tên của ông. Ta đồ rằng ở xứ sở người Da Trắng, người ta cũng đặt cho ông một cái tên chứ.

– Ô có chứ, thưa công nương! Ngay cả những con phố của chúng tôi cũng có tên nữa kia! Còn tôi, người ta gọi tôi là Aimé!

– Yémé hả? Đó không phải là một cái tên xấu đâu! Chỉ có điều, ông đáng ngạc nhiên thật đấy, Yémé ạ, khi muốn đem cỗ máy ấy đến đất nước chúng ta. Ông nghĩ rằng người Peul sẽ muốn nó ư?

– Tôi tính sẽ thuyết phục Almâmi. Bà sẽ giúp tôi chứ, đúng không, công nương? Bà là phu nhân của quân vương tương lai xứ Labé và chồng bà lại được Almâmi đánh giá rất cao, khắp miền duyên hải ai ai cũng nói vậy.

– Đúng thế, hiện thời là vậy, nhưng sẽ ra sao khi sẽ đến lượt các Alphayas trị vì đây.

Câu chuyện về Soryas và Alphayas này, Lawrence đã mất suốt cả đêm để giải thích cho ông nghe nhưng vô vọng. Giờ thì rất cuộc nàng đã khiến ông hiểu được nhờ một bài học ngắn về lịch sử, được dần dần phát ra từ giọng nói dịu dàng bất biến của nàng. Ông hồi hả ghi lại ngay rằng những người Soryas và Alphayas lập thành hai chi của gia đình Almâmi. Họ lần lượt trị vì, mỗi người thực thi quyền hành hai năm một. Dù gì thì trên giấy tờ là thế! Ai là người quyết định thường xuyên đây? Đó là những độc dực, những nhát dao găm và những trận nội chiến!

Điều quan trọng mà ông buộc phải thấu hiểu, nếu như ông muốn trị vì vùng đất này vào một ngày nào đó, Fouta-Djalón là một hoàng triều thuộc về chính trị thần quyền và phong kiến, và rằng nó bao gồm chín tỉnh: một ông hoàng đứng đầu mỗi tỉnh và Almâmi trị vì ở Timbo, đứng đầu tất cả các ông hoàng đó. Almâmi, hay đúng ra là hai Almâmi: người trị vì và người đang rậm rịch bòn chôn trong thủ đô “ngủ vùi” của ông ta! Trong lúc chờ đợi, đương nhiên rồi, đến lượt mình chiếm lấy ngai vàng!

Có một trò chơi cân bằng tinh tế phân bổ quyền lực nơi

những người Peul hung dữ, nhạy cảm và dè chừng này. Timbo trị vì nhưng Fougoumba, thủ đô tôn giáo, đảng quang *Almâmi*, lại bỏ phiếu luật pháp và tuyên bố chiến tranh...

– Các người có một hệ thống phức tạp quá.

– Ở đây, mọi thứ đều phức tạp cả, Yémé ạ, chính vì thế mà chúng ta mới là người Peul đây!

Nàng giải thích cho ông rằng có vô số cách để tiếp cận chủng tộc Peul đa nghi này, nổi tiếng về mảnh khỏe, hay nghi ngờ, cuồng nhiệt và giáo hoạt, luôn luôn dè chừng và không bao giờ là bạn hữu cả. Ông ngồi nghe nàng nói gần ba giờ đồng hồ, ngây ngất trước những lời cố vấn của nàng cũng như bởi vành môi uốn và mùi hương của loài hoa dại từ nàng tỏa ra. Ông cúi chào già biệt bằng một chất giọng thư giãn, gần như là thân mật:

– Tôi phó thác mình cho công nương, Taïbou ạ. Đường đi đã bị chặn lại và tôi đã mất sáu chục trong đám người của tôi rồi. Tôi bị chẹn lại ở đây, ngay trước cửa ngõ của Fouta. Mỗi ngày qua đi thì lại lấy mất của tôi nghị lực cũng như nhân sự. Nhưng tôi biết mình có thể trông cậy vào công nương, đúng không?

– Đường đã quang từ sáng nay rồi, Yémé ạ, chồng ta đã gửi thư cho ta ngay trước khi ông đến đây. Anh ấy đợi ông ở Guidali, nơi ta cũng sẽ có mặt trong vài ngày tới. Một tên biệt phái sắp tới để đưa ông đến gặp anh ấy. Ta đã ra lệnh để người ta tìm lại người của ông, hoặc sẽ cung cấp cho ông những kẻ đã bị bắt. Nếu ông gặp rắc rối, thì đừng ngại, hãy gọi Taïbou ngay! Còn bây giờ, hãy bình tâm mà ra đi, Yémé, ta ban phước cho ông, ta cầu nguyện cho ông!

Ông ào vào những cuốn sổ, ngay sau khi trở lại lều trại mình:

“Chỉ toàn mật ong, hoa, nước nguồn và một công chúa mà người ta đồn là độc ác nhưng nàng thực ra là rất thanh nhã và

dễ chịu khi nhìn ngắm, nếu Fouta là vậy thì... chúng ta hãy đến đó thôi!”

Những dãy hoành sơn đầu tiên của Fouta-Djalou hiện rõ môn một từ Boubah vàng ròng ở cổ người đẹp, những thác nước và thung lũng đầy hoa ở nơi đó! Những người đàn bà cũng thuộc cùng sự mỹ miều tuyệt vời hết như thiên nhiên. Ông sướng như tiên. “Trong xứ sở mà cây nguyệt quế cao đến mười lăm mét, thì làm sao lại không mơ ngắt cho mình một nhánh được chứ? Trong số những điều phù hoa vô thường của cuộc đời, thì điều gì tặng cho ta một vẻ giống với thực tế hơn là sự chinh phục một hoàng triều, thành lập một Nhà nước đây?”, hết sức kích động, ông ghi lại điều ấy ngay sau một chuyến đi dạo.

Tay biệt phái của Aguibou cuối cùng cũng xuất hiện. Đoàn người của ông khởi hành vào ngày mùng 3 tháng Ba, lúc sáu giờ chiều để tránh nắng, gay gắt đến chết người vào giờ cao điểm ngay cả trên những độ cao ấy. Ông đã dự trù chỉ coi đoạn đường Boulam - Boubah như là một chặng thăm dò, dịp để đánh giá trọng lượng thích hợp nhất cho đám khuôn vác, điều chỉnh hài hòa vận tốc đi, ấn định độ dài của các chặng và nghiên cứu thái độ của dân chúng: phân biệt kẻ cắp với người tham ăn, người nhút nhát với kẻ ương ngạnh, những kẻ lợi dụng và thám báo.

Những việc nghiêm túc bắt đầu từ giờ. Ông đi về hướng miền núi cao, về hướng những người Peul hung dữ và bất ngờ, quá chậm trễ để bày tỏ tình cảm nhưng lại quá nhanh để rút dao ra. Những con đường cheo leo trên những con dốc dựng đứng xuất hiện trong vùng lân cận của Sambafil. Người của ông xuống ngựa để thúc lừa. Còn ông thì không cần xuống khỏi ngựa của ông. Cưỡi ngựa chưa bao giờ là điểm mạnh của con người lực lưỡng rắn chắc vốn chỉ quen thuộc với các đỉnh núi của Mont-Blanc và của các khu núi lửa xứ Islande này cả. Ông chỉ dùng

ngựa của mình để băng qua những ổ gà sũng nước và những nhánh sông cạn mà thôi. Phần thời gian còn lại, ông thường cầm dây ngựa trong tay dắt đi, hay đưa nó cho người chăn ngựa. Người ta bắt đầu đếm các thác nước đầu tiên, những ghềnh đá đầu tiên, những cú bong gân đầu tiên, những cú rấn mổ đầu tiên. Hoa bạt ngàn khắp nơi cũng nhiều như các mạch nước nguồn. Chim muông ló ra, khiến ta ngất ngây bởi màu sắc của chúng, bởi số lượng của chúng, rồi đến lũ khỉ, đông vô số và chí chóc âm ỉ.

Một số kẻ khuân vác lợi dụng các chỗ rẽ để bỏ trốn cùng với số hàng chúng đeo, một số khác lại quẳng đi ở ngay gốc khuất đầu tiên để thưởng thức niềm vui của sự tự do.

Đúng như dự kiến, Aguibou đón ông ở Guidali, cách Boubah ba ngày đường. Lễ đón tiếp diễn ra trong một mảnh sân rộng trải đầy đá dăm và cây sả, bao quanh là những túp lều lớn có mái bằng dưới những khoảnh hiên, những con dê non, gà mái và lũ trẻ đầu bù tóc rối nô giỡn thỏa thuê.

– Chào mừng đến xứ sở của *Almâmi*! Người khỏe chứ? Không gặp rắc rối gì từ lúc khởi hành đến đây chứ?

Nhiều tuần liền sống giữa người Peul và người Nalous đã đủ dạy cho ông những tập tục ở đây, chí ít thì ông cũng nghĩ thế.

– Tôi từ Boubah đến, ở đó chẳng có rắc rối gì, chỉ toàn thuận lợi thôi. Hành trình của tôi rất tốt, không gặp rủi ro gì.

– Chúc mừng ý chí của người, Da Trắng ạ, chúc mừng ý chí của người đây! Ta đã nghe nói về tên người. Người Fouta-Djalón nói rằng cái tên người rất tốt. Timbo sẵn sàng đón người, triều đình sẵn sàng nghiên cứu những mong muốn của người. Có vẻ như người muốn một con đường để cho tàu hơi nước chạy đến tận Timbo.

– Đúng thế! Tôi tính sẽ bàn bạc chuyện này với Almâmi, ngay khi...

Chẳng cần đến Mâly để hiểu rằng ông vừa mới phạm phải một sai lầm có lẽ còn khủng khiếp hơn cả đạn rũi ro kỳ cục của ông trên đảo Boubah. Ông chỉ cần đọc trong vẻ thù nghịch bất ngờ hiện trên những khuôn mặt và trong động tác nóng nảy của những bàn tay đưa nhanh về phía những cây gậy và những con dao găm; Aguibou phác một cử chỉ để giảm nhẹ độ mãnh liệt của đám đông, mặc dù chính ánh mắt ông ta cũng chẳng có gì trấn an cả. Ông ta nháy mắt cho nhà thông thái của mình, người này ngay lập tức biểu thị cơn giận dữ lên đầu tên toubab đang hết sức sửng sốt:

– Mi, bàn luận với Almâmi ư, hỏi người Peul, các người đã nghe rõ câu ấy chưa hả?

Mâ-Yacine cúi sát tai ông để giải thích về tội khi quân không thể dung tha của ông. Almâmi là một biểu tượng linh thiêng, người thứ ba trên đời sau có Chúa trời và Tiên tri. Người không yêu cầu, mà chỉ ra lệnh, Người không đón tiếp mà chỉ triệu tập, Người cũng đôi khi đàm đạo, nhưng chỉ với các ông hoàng và các đấng quân vương mà thôi.

“Người có phải là hoàng tử hoặc vua gì đó không hả? Trả lời đi nào, tên nghịch khách, một kẻ không danh dự và vô giáo dục!”, nhà thông thái gầm lên trong lúc các giọng nói vang lên đòi người ta phải đánh đòn ông, rằng người ta bắt giữ hết người của ông và tịch thu tài sản, rằng người ta nên trục xuất ông khỏi đó và tống về miền duyên hải, rằng người ta nên ném ông cho lũ cá sấu.

Vào lúc đó, Mâly, ngay từ lúc xảy ra cuộc va chạm đã không ngừng nháy mi liên hồi, do cứ vắt óc suy nghĩ, đã phát ra một

cú hăng giọng. Trong thế giới của người Peul này, nơi mà mọi người đều cúi đầu phủ phục và thì thầm, bóng gió và gợi ý, thì điều đó có nghĩa là anh ta có điều cần nói nếu như Triều đình cho phép.

– Hãy tha tội cho kẻ Da Trắng ngớ ngẩn này đi, thưa hoàng tử Aguibou! Hẳn lẽ ra phải bắt đầu bằng việc chuyển tới Fouta lời chào trân trọng của chú hấn...

Rồi người thông ngôn tài tình này đề nghị một cách nhún nhường là đừng nên trông mặt mà bắt hình dong để phán xét: người toubab bất hạnh này, đã trở nên xấu xí do chứng đau bụng, phủ đầy bụi bặm do đường sá, bị gai cào xé, không là ai khác mà chính là đứa cháu ruột gọi vua Pháp bằng bác - hãy nghe cho rõ đây, ái nam của em trai của Almâmi nơi đó đấy, cùng mẹ, cùng cha đấy! Ngai vàng nước Pháp sẽ thuộc về bốn người: vua, con trai vua, em trai của vua và sau cùng là hấn, Olivier de Sanderval, cho dù lớp bụi đường bám trên tóc hấn và lớp bùn dày cả hai pouce^[10] mà ta nhìn thấy rõ ràng dưới đế giày hấn kia... Thì Fouta-Djalou sẽ rất vinh hạnh được đón tiếp hấn như hấn xứng đáng điều ấy, wallâhi!... Thế đấy, người của triều thần, đó là tất cả những gì anh muốn nói, chính anh, Mây này, đó là những gì anh đã nói hết!

Đương nhiên, vị toubab tức thì muốn cải chính sự dối trá bất nhã này. Nhưng những cái nháy mắt và những cú huých tay của hai gia nhân của ông đã ngăn không cho ông mở miệng.

Một loạt tiếng rì rầm dài lan tỏa đi trong đám đông, rồi nhà thông thái quay về phía đám người ngoại bang:

– Kẻ Da Trắng có thư từ gì của ông chú rất tôn kính của hấn không?

– Các người vậy là chẳng hề biết gì về phong tục của nước

Pháp ư, lũ người Peul rùng rú ngu xuẩn và khép mình kia?

Mâ-Yacine vừa nói: *Sérère*, anh có quyền thóa mạ những người Peul nhân danh phong tục cổ truyền có quan hệ thân cận với trò bông lơn. Tên đao phủ rút kiếm ra, Mây chỉ còn đủ thời gian xen vào:

– Người sẽ làm gì hả, đồ bất hạnh?... Aguibou, hoàng tử xứ Peul, Người sẽ không để cho một *Sérère* bị xọc chết dưới mái nhà của Người chứ hả? Ô, có chứ hả?

Một tiếng lều bầu khiến trách bắn thẳng về phía tên đao phủ:

– Sao các người lại nhìn ta như vậy? Ta đâu có biết đó là một *Sérère*, *wallâhi*, ta đã không biết!

Hoàng tử nói với Mâ-Yacine, lúc này đang hì hục lấy lại hơi và chỉnh lại chiếc áo thụng, rõ ràng là rất sung sướng vì đã cứu được cái đầu của mình:

– Người đã thắng rồi đây, *Sérère* ạ, chúng ta sai rồi. Chúng tôi đáng bị phạt. Người đồng ý một con cừu chứ?

– Thật xấu hổ cho chủng tộc các người! Một con cừu, quá ít ỏi cho một *Sérère*. Sẽ là một con bò tốt hoặc chẳng có gì cả!

Phong tục là vậy: một *Sérère* có quyền đả một người Peul, cho dù người đó là hoàng tử hay vua đi nữa. Nếu người này cư xử tồi, thì ông ta sẽ phải chịu một khoản phạt.

– Hãy cho ông ta một sợi dây chèo để tự ông ta vào trong chuồng gia súc, ông ta thích buộc con nào tùy thích!

– Vậy là vụ va chạm đã giải quyết xong, - nhà thông thái sửa lên. - Giờ thì sao, những phong tục của nước Pháp ấy?

Bằng một vẻ nghiêm túc nhất, vị *Sérère* khi ấy bắt đầu giải thích rằng vua Pháp chỉ viết cho bọn tôi tờ thôi, rằng ông nói chuyện với những người đồng chức đồng quyền với mình qua miệng của những đứa cháu ruột. Mà nói về các cháu thì vua

Pháp chỉ có một mà thôi, chính gã toubab khốn khổ này, đở chín người vì nắng mặt trời, muối đốt toàn thân. Con người bất hạnh này đang ở quá xa những vườn hoa quả và cung điện của hắn!

– Rồi, - Aguibou cắt ngang, dứt khoát, - cháu của vua Pháp sẽ được cư xử theo cấp bậc danh phận của ông ta. Hãy mổ một con bò để thết đãi ông ta, hãy tặng cho ông ta mái nhà thơm tất nhất trong ngôi làng này!

Hoàng tử đáng thương của nước Pháp buộc phải mở rương hòm: tám yard^[11] vải cốt tông nhiều màu sắc sỡ, hai mươi coudé^[12] guinée^[13], tám con dao đồ tể, năm hòn hổ phách Thụy Điển, hai mảnh vải len mê-ri-nốt trắng nạm kim tuyến bạc, hai khẩu súng Chassepot và ba ngàn franc để tạ ơn người đồng cấp Peul của mình vì lòng độ lượng.

Đó là một sai lầm!

Lũ lừa đảo và bọn bợ đỡ đã đến quấy quả ông cả mười lần trong đêm. Kẻ này nói mình là anh em họ của Aguibou, muốn hổ phách để đảm bảo lòng thịnh tình của hoàng tử, kẻ kia tự cho mình là đạo sĩ của Almâmi, đòi ngọc trai để đảm bảo an toàn cho ông ở Timbo. Người khác nữa, lại nói mình là nhân viên hải quan của các ông hoàng ở Timbi, đòi một khẩu súng để tạo điều kiện dễ dàng cho ông trên lộ trình. Từ đó, ông nhanh chóng rút ra một bài học: nơi người Peul luôn ganh ghét, hám của và bịp bợm này, những món quà, tốt hơn cả là nên đưa trong đêm, với một nhân chứng duy nhất là ánh mắt các vàng tinh tú và của Ông Trên lòng lành.

Cuối cùng, khi ông đã rũ bỏ được lũ quấy rầy, thì ông quyết định phân giải với hai người dưới quyền kẻ cận mình.

– Ta không phải là hoàng tử nước Pháp, hiểu chưa? Ta trả

tiền cho các người để phục vụ thông ngôn cho ta và để tìm đồ ăn nước uống cho ta, chứ không phải là để kể những điều nhảm nhí.

– Da Trắng ạ, ông đang ở đây, nơi những người Peul đây! - Mâ-Yacine đáp lại. Ở đây thì phải là hoàng tử nếu như ta muốn mọi chuyện diễn ra được dễ dàng!

– Dù gì thì đều tệ hại đã xảy ra rồi, bây giờ chúng ta bị gắn liền vào một sợi thòng lọng rồi! - Mâly tiếp lời. - Ông là hoàng tử nước Pháp, cho dù ông có muốn hay không! Nếu ông nói điều ngược lại, thì chúng ta sẽ bị cho là coi thường Fouta và đầu chúng ta sẽ bị rời khỏi cổ.

– Và nếu như chúng không rời, thì chúng tôi hả, chúng tôi sẽ bỏ mặc ông ở đây để quay về Dakak ngay, hiểu chưa, hả đồ toubab cứng cổ? - Mâ-Yacine nổi cáu.

Cả đêm ông chỉ ngồi giết gián, quá mệt mỏi để vùi đầu vào những cuốn sổ và quá bị tổn thương do bản chất để có thể chìm vào giấc ngủ. Ông đành lòng ghi lại những câu này trên một mẫu các tông: “Ta đã không hề nghi ngờ sẽ gặp phải những phong tục kỳ cục trong các vùng này, nhưng từ đó để rơi vào trò đùa liên quan huyết thống thì...! Một Phi châu kỳ cục! Thật ranh mãnh là Mâly và Mâ-Yacine! Thật bịp bợm là các hoàng tử Peul!... Thôi được, hãy là hoàng tử nước Pháp đi, nhưng chỉ là để giữ được cái đầu mình thôi. Có thể nói nếu ở Pháp, người ta đúng ra là đã chém phứt nó đi rồi!”

Aguibou lại tiếp ông một lần nữa, và lần này là trực diện nhau, có nghĩa là chỉ có người đầu bếp và kẻ thông ngôn. Anh ta luôn giữ được dáng bộ kiêu cách của Négus tự tin vào sự ra đời và ngai vàng của mình. Nhưng dấu sao hình như cũng lo lắng, hay đúng hơn là thận trọng.

– Có thể ông đúng là cháu ruột của vua Pháp, có thể ông cũng không phải thế: người không có mặt ở đây là kẻ duy nhất biết được mẹ ông ta thuộc dạng người như thế nào. Ông có thể nói dối tôi, điều đó chẳng có gì nghiêm trọng, nhưng ở Timbo, sẽ là nghiêm trọng gấp ba lần. Tôi đảm bảo với ông đây, vị toubab đáng thương của tôi ạ, những cái đầu rơi rất nhanh ở Timbo đây!

– Có nghĩa là... Hãy nghe này, tôi sẽ trình bày tất...

– Tôi thề danh dự với ông đây, thừa hoàng tử Aguibou, - Mâly cắt ngang, - người đàn ông này cũng hết sức quý tộc trong triều đình Pháp hết như ông trong triều đình Labé vậy!

– Đồng ý, đồng ý rồi! - Aguibou sốt sắng. - Bàn về chuyện này thế là đủ rồi!

– Về chuyện lộ trình thì thế nào? - Mâly tiếp tục.

– Các trưởng thôn đã buộc phải có trách nhiệm đảm bảo sự an ninh cho các ông, cung cấp phu khuân vác và các khu nhà nghỉ quá giang cho các ông. Phần còn lại thì mỗi người trong bọn họ sẽ thực thi điều thích hợp. Chúc mừng Người ngoại bang đến lãnh thổ của chúng ta!

—Vâng, cảm ơn hoàng tử, cảm ơn!

– Đó là trách nhiệm người Peul của ta, đừng cảm ơn ta làm gì, toubab ạ! Ông tính sẽ ở lại Timbo trong bao lâu?

– Một tuần, có thể là hai, sau đó tôi sẽ đi Dinguiraye!

Ông không nhận thấy khuôn mặt của hoàng tử đã lại tối sầm xuống.

– Đi Dinguiraye à?

– Và tiếp đến sẽ là Siguiri, Sakatou, Kayes. Tôi có ý muốn lượn lách khắp vùng Soudan sau khi viếng thăm vùng đất Fouta

tuyệt diệu của ông.

– Đúng thế đấy, Da Trắng ạ, người ta cho ông một ngón cái, thì ông lại muốn giằng lấy trọn cả cánh tay kìa! Dinguiraye ư! Rồi sau còn gì nữa đây, ngai vàng của Fouta, La Mecque và Médina nữa sao? Tốt hơn hết là ông nên dừng lại ở Timbo, ta đảm bảo rằng ông sẽ an toàn hơn nhiều đấy!

Nói rồi anh ta bỗng bất ngờ chấm dứt cuộc trò chuyện.

Ngày hôm sau, ông đón cuộc thăm viếng của Taïbou. Nàng bước vào với vẻ chậm rãi được nghiên cứu một cách tỉ mỉ chỉ rõ sự quý tộc và thứ hạng ở người Peul. Nàng còn rực rỡ hơn cả lần trước đó: nhiều dải sam và đồ trang sức hơn, hào nhoáng và thanh nhã quý phái hơn! Hai bờ vai bà được phủ nhẹ một tấm khăn san bằng đăng ten, để lộ cặp vú đầy tròn và rắn chắc mà núm vú được những quầng hạt nhỏ tí tí màu mật ong bao quanh và trên đó phủ đặc những chuỗi vòng nhẫn trơn và ngọc trai. Khuôn mặt nàng với những đường nét đều đặn tỏa sáng với những hình phản chiếu màu đồng trong ánh sáng mặt trời đầu ngày. Nhìn nghiêng, nàng có dáng vẻ của một thiếu nữ với thân hình mảnh dẻ và cặp vú tròn căng của nàng. Nhưng từ cặp mắt xinh đẹp hình nhánh tỏi toát ra một cái nhìn đại bàng, chỉ có nơi những người được ra đời để la mắng và ra lệnh. Nàng mới chỉ hai mươi bốn tuổi, hay nhiều nhất là hai mươi tám, trong xứ sở cô lập này, nơi mà ngoài một vài gia đình đã được Ả-rập hóa một cách toàn diện, thì chuyện hộ tịch hoàn toàn xa lạ. Nhưng đó là người đàn bà có thể lực nhất Fouta. Người ta nói nàng rất giàu có, độc lập và hiếu chiến. Nàng sở hữu nhiều vàng và đất đai không kém gì ông hoàng chồng nàng. Những người tình của nàng phải tính đến cả chục và nô lệ của nàng lên tới hàng ngàn. Là người cưỡi ngựa vô địch, chính nàng cầm đầu cả sáu vạn chiến binh. Những huyền thoại điên khùng nhất lan

truyền đi về thân thế nàng. Người ta nói rằng nàng cắt cụt tứ chi đăm nô lệ và cho chặt đầu những người trai trẻ không hợp ý. Kể nào bất hạnh và phải đường ngắm của nàng thì sẽ, ngày một ngày hai, gặp cảnh rủi ro, một kiểu tiến thoái lưỡng nan: lưỡi dao của Aguibou hay độc dược của chính nàng.

Nàng ngồi nghiêng trong một góc nhà. Ở tộc Peul, người ta luôn ngồi nghiêng, ăn nghiêng, nói nghiêng, liên minh nghiêng, đánh nhau theo thể nghiêng và giảng hòa cũng theo thể nghiêng. Bộc lộ sự thẳng thắn là một cách thiếu tế nhị, nhìn thẳng vào mặt nhau là một dấu hiệu không thể tha thứ của thói què kệch. Với cư dân vùng duyên hải, sự thẳng thắn được coi là đức tính tốt nhất của con người, thì ở Fouta, sự hai mặt lại được coi là dấu hiệu của tầng lớp quý tộc và của sự tinh tế.

Giờ đã là hơn một tuần ông sống giữa những người Peul. Ông đã biết rằng sự giáo dục một cá nhân sẽ được nhận biết theo quá trình và cách thức chào đón của người ấy, theo khả năng biết che giấu tình cảm; biết giữ kín đáo và giữ kẽ trong những tình huống kịch tính nhất.

Nàng ngồi nghiêng và cùng nói với chất giọng dịu dàng và bất biến ấy, và thi thoảng, liếc nhìn rất nhanh người đối thoại mình. Ông không hiểu hết điều nàng nói, nhưng trong ngữ cảnh như vậy thì chẳng cần đến thông ngôn, vài nụ cười, vài động tác và chừng hai trăm từ tiếng Peul mà ông đã kịp nhồi nhét vào đầu thì cũng đã rất đủ rồi.

– Yémé có thực sự thích ở chỗ chúng tôi không? Ông ta có bị đau ốm không? Liệu có ai thóa mạ gì ông ấy không? Người ta có từ chối cấp nước cho ông ấy không?...

Ông trả lời rằng không, mọi chuyện diễn ra rất suôn sẻ, ông chưa bao giờ cảm thấy thoải mái như kể từ lúc đặt chân đến Fouta. Cám ơn Labé, cám ơn Timbo, cám ơn Taïbou và Almâmi!

Sự phải phép buộc người ta phải trả lời như vậy ngay cả khi đã bị đánh đòn, bị cắt cụt tay chân và bị lột hết đồ đạc.

Khi nói xong, nàng liền che mặt bằng một vạt khăn san và cười khúc khích:

– Sao Yémé lại nhìn tôi như vậy hả?

– Nàng đã biết là vì sao rồi, - Da Trắng đáp và tiến lại gần.

– Đương nhiên là ta biết - nàng thở dài. - Khi chỉ có mỗi một người đàn ông và một người đàn bà trong một ngôi nhà...

– Chúng ta mới gặp nhau có một lần duy nhất nhưng lại cứ như thể ta đã biết nàng từ lâu lắm rồi trong khi sự thực lại không phải thế.

Ông cố ý tìm nắm tay nàng, nàng đẩy ra:

– Ông đã biết rõ ta là ai rồi. Cả xứ Fouta nói về ta như ở những nơi khác người ta nói về mưa vậy. Những khách ngoại bang biết rõ những bí mật của ta ngay khi vừa bước qua khỏi đường biên giới. Người ta hẳn đã nói với ông rằng ta không yêu chồng ta và rằng ta đúng ra là rất đặc biệt so với một người đàn bà tộc Peul.

Da Trắng không sao rời được ánh mắt mình khỏi ngón cổ nàng, đôi môi và cặp vú. Ông cảm thấy ánh mắt mình bốc lửa, dây thần kinh căng lên, mạch máu ông phồng lên và sôi sục, trái tim ông sắp nhảy khỏi lồng ngực. Thông thường, chính trong những thứ thuộc về tinh thần khiến ông hoảng loạn; ông vẫn luôn biết giữ bình tĩnh trước những gì liên quan đến thân xác. Vậy mà giờ đây, trước ánh mắt của người đàn bà trẻ này, những điều căn bản ngăn nắp Công giáo của ông bắt đầu tan chảy còn nhũn mềm hơn cả sáp nến, lý trí của ông suy sụp, các giác quan của ông tuột mất, các nắp van đức hạnh của ông lần lượt bị đổ gục hết lĩnh vực này đến lĩnh vực khác. Chắc chắn

chính cả điều ấy nữa rồi, sự huyền diệu của Phi châu!

Ông lau trán và nuốt nước bọt một cách khó khăn.

– Đồng ý thôi, công nương không yêu chồng mình, nhưng trong số đám người tình, ai là người được công nương thích hơn cả?

– Nếu mà ta nói điều đó ra thì chính cả Fouta này sẽ bắt đầu bốc lửa cháy hết.

– Thật khó hình dung nổi lại có thể tồn tại những phụ nữ Peul giống như công nương đây!

– Ở đây, chúng ta có một cây được gọi là Kourahi. Nhưng mà này, trong số rất nhiều quả của nó, thì bao giờ cũng có một quả không có hạt.

– Tôi đã phải lòng Người rồi, công nương biết không? - Ông nói tiếp sau một hồi dài im lặng.

– Ta biết. Bất kỳ người đàn ông nào ta gặp thì đều cũng phải lòng ta, đáng buồn thế!

Nàng chỉnh lại những dải sam của mình, mơ màng trong giây lát và lên tiếng:

– Cả ta nữa, ta cũng phải lòng người rồi.

Da Trắng giật thót mình, há hốc miệng, như thể bị ngạt thở do những gì mà ông vừa nghe:

– Người rất đẹp! Ngoài ra, ta vẫn còn chưa biết nó như thế nào, giường ngủ của đàn ông Da Trắng ấy. Nhưng dẫu sao, ta cũng sẽ không trao thân cho người đâu.

– Tại sao vậy hả?

– Cuộc đời ta như vậy đã phức tạp lắm rồi để còn có thể thêm một người tình da trắng nữa.

– A, tôi hiểu rồi, công nương muốn thử nghiệm ta, vậy hãy

tự mình chọn thời điểm. Nhưng tôi cũng sẽ có thể từ chối công nương lắm chứ, cô bé ranh mãnh ạ, công nương không tin điều đó sao?

Nàng chĩnh lại chiếc khăn san và ra dấu cho tên tù nhân đang đứng đợi dưới hiên nhà sắp đến lúc ra về, trước khi đáp lời ông:

– Người sẽ không thể đâu. Có ba điều mà không một người đàn ông nào có thể kháng cự nổi: vàng, quyền lực và đàn bà. Còn ta, ta là cả ba thứ ấy kia! Hi hi hi...!

– Không cho ta thân thể nàng, thì chí ít, hãy cho ta sự bảo vệ đi. Fouta của các người thật không được an toàn cho lắm!

– Ta đã nói với người rồi, ta ban phước cho lộ trình của người.

– Cám ơn công nương, cám ơn! - Ông nói, thở hển hển trong lúc ôm bờ vai nàng.

Nhưng nàng lại đẩy ông ra và khoác lên bộ mặt độc tài:

– Kẻ ngoại bang, hãy liệu hồn đấy, ta là phu nhân của vua Labé tương lai. Hãy buông ta ra, nếu không ta kêu lên bây giờ!

Trong lúc bước qua cửa, nàng nói thêm:

– Sau Dabalâré, hãy rẽ qua thay ta chào hoàng tử Kadé. Rồi người xem, đó là một hoàng tử oai phong lắm liệt, cả Fouta này sẽ nghe nói về người ấy.

Ông chào Aguibou trước khi nhổ trại. Những câu nói của phu quân đáng kính thì lại hoàn toàn trái ngược và thậm chí còn khiến ông run rẩy vì hãi hùng:

– Đến Dabalâré thì đừng có rẽ ngang dọc làm gì, Da Trắng ạ! Hãy đi thẳng đến Timbo, điều ấy sẽ tốt hơn cho người đấy!

Và lại một lần nữa chinh chiến với rừng rú, những ghềnh sâu và những con đèo khó vượt qua và lũ khuan vác bương bình.

Nhưng nỗi cực nhọc thực sự của ông lại không nằm nhiều trong các biến cố bất thường xuất hiện trên lộ trình hay trong chính sự đau ốm quặt quẹo muôn thủa mà thiên nhiên đã gán cho ông: ông không sao tìm thấy cơn buồn ngủ.

Ngay từ khi ở Pháp thì ông đã hiểu rằng vũ khí chủ yếu của ông sẽ là mưu mẹo và lòng kiên nhẫn. Ở đây, phải dùng mưu mẹo với tất cả: khí hậu, thiên nhiên và nhất là con người.

Ông đã tính toán chi li và biết rằng phải mất năm tuần để đến được Timbo. Điều hoàn toàn có thể thực hiện được với những chặng đường hai mươi ki-lô-mét một ngày và trọng tải nhiều nhất từ hai mươi đến hai mươi lăm ki-lô-gam cho một tên phu khuân vác. Ông đã trù tính tất cả những tình huống khó lường có thể xảy ra trong thời gian này: sự ranh mãnh của cư dân, những thói đỏng đảnh của các ông hoàng, những hiểm nguy về lương thực, sự bỏ cuộc của đám khuân vác (mà tốt hơn là nên đổi sau mỗi chặng), những chứng đau bụng và những cơn khủng hoảng của bệnh sốt rét.

Vùng đồi núi mấp mô chẳng khiến cho lộ trình dễ dàng. Có những con lữ bất ngờ xảy đến cuốn người và ngựa xuống hang sâu vực thẳm cũng nhanh như vận tốc những hòn sỏi rơi. Trời mát hơn trên những độ cao này, nhưng dẫu sao vẫn phải đợi cho mặt trời giữa trưa hạ xuống để leo lên những đỉnh núi hiểm trở nhất. Và chẳng có gì tồi tệ hơn đối với một đoàn người ngựa khi phải chờ đợi giữa rừng rú.

Chính trong những thời điểm ấy mà mọi bất hạnh xảy đến: những vụ trộm, những cuộc nổi loạn, những trận ẩu đả, ý chí giảm và sự chồn chân mỗi gôi, những vết mổ của rắn và bọ cạp. Nhưng tất cả những chuyện đó vẫn còn chịu đựng được. Tinh thần ông đã được chuẩn bị cho điều đó rất kỹ càng và, với những gì thuộc về thể trạng, thì ông đúng ra là được trang bị

rất chu đáo.

Trong gia đình Olivier, đứa trẻ chào đời cứng cáp với vóc dáng của tre, bộ xương của ngựa và sức mạnh của đầu xe lửa. Người ta khắc sâu vào trí óc tính cố gắng từ khi còn rất nhỏ. Ở ký túc xá Oullins, những thầy tu dòng thánh Dominique đã dạy cho ông sự chính xác cao độ của toán học, và những quy tắc vàng của khổ hạnh và thiếu thốn. Trong những lần leo núi dài với cha xứ Garnier, ông đã phiêu lưu với tất cả các rủi ro mà một thằng bé ở tuổi ông có thể làm.

Như ông nhớ được, thì ông đã luôn va phải những hiểm nguy và cảm thấy hơi thở của cái chết phả trên mặt ông. Ông đã không lớn lên, mà thực ra, ông đã phải tái sinh, sau mỗi lần để chuyển từ độ tuổi này sang độ tuổi khác. Và điều đó đã bắt đầu gần như từ lúc còn ở trong nôi. Mới lên tám tuổi và đi dạo cùng cha trên cầu Saint-Jean vào cái ngày đáng nguyên rủa đó, hôm mà đám quân Cách mạng năm 1848 đã ném cha ông thẳng xuống dòng sông Saône. Cặp mắt nhỏ của đứa trẻ là ông ngày ấy đã nhìn thấy cha mình biến mất dưới những con sóng cùng lúc với những nền tảng của thế giới và ý nghĩa của cuộc sống. Chuyện đó đã kéo dài một khoảng bất tận và rồi, những người lính gác bỏ đi, tác giả của cuộc đời ông, sau vài sai tay, đã tái xuất hiện từ bên kia cầu, không hề thốt ra một câu và thậm chí cũng chẳng thềm cất lời kể lại vụ rắc rối đó vào buổi tối, khi cả nhà quây quần quanh bàn ăn.

Đây là những gì ông đã ghi nhận được từ bài học không lời đó: “Chết, chẳng có gì là đặc biệt cả; sinh ra từ chính đám tro của mình, cũng vậy thôi!” Chỉ có điều kể từ ngày hôm đó, ông không ngừng bắt chước con Sphinx... Hai mươi tuổi, ông đã bị gãy xương đùi khi thử một bộ nhảy dù theo sự sáng tạo của riêng mình... Hai mươi hai tuổi, ông tự thoát nạn khỏi một con

tàu bị đắm... Đến tuổi hai mươi lăm, ông suýt bị bọn cướp đường xử tử trong lúc thám hiểm những con kênh đào để, theo như ông nói, làm thông thương giữa hai bờ đại dương của Pháp... Ba mươi tuổi, trên chiến tuyến Sedan, nơi ông chỉ huy một đơn vị pháo, ông đã bị tuyên án tử hình bốn lần liên tiếp trong cùng một tuần và cả bốn lần ông đều vượt ngục thành công trước khi về được Paris, nơi những người Công xã Paris đang chuẩn bị dựng lên những chướng ngại vật ở khắp nơi... Ba mươi hai tuổi, ở Marennes, nơi cha ông đã phái ông đến xây dựng các nhà máy, ông đã suýt nữa bị nổ tung cùng với phòng thí nghiệm của mình trong lúc ông đang cố gắng chứng minh rằng người ta có thể phân tách được chất liệu.

Dẫu xảy ra chuyện đó, các nhà máy của ông tiếp tục vận hành. A-xít sun-fua-ric của gia đình ông đã làm giàu cho biết bao cư dân đến nỗi mà ông được họ bầu là thị trưởng của thành phố. Thị trưởng, có thể được, nhưng nghị sĩ hay Bộ trưởng thì không đời nào - dẫu những người bạn thân như Gambetta và hầu tước Chasseloup-Labat cố năn nỉ -, đó phải chăng là chưa đủ liều lĩnh!

Đói khát, mệt mỏi, đi tả, hừm...! Ông hơn nữa buộc phải nhịn ăn ba ngày liền trước khi tiếp tục cuộc phiêu lưu. Ông chẳng thể làm gì để chống lại điều đó, chính căn bệnh mất ngủ mà ông phải đeo đẳng như một bệnh tử hủ. Đêm xuống, chính là thời khắc mộng mơ cho bao người bình thường nhưng với ông lại là điểm khởi đầu nỗi khổ hình. Ông cuối cùng đã bị đẩy đến chỗ nuôi dưỡng một niềm hận thù mãnh liệt đối với sự tra tấn khả ố này, con quái vật Lucifer như ông đã tìm cho nó một biệt danh như thế.

Ông đã không đem theo nhiều sách, trọng lượng tối thiểu nhất cũng được tính đếm trong kiểu phiêu lưu này. Chỉ mỗi ấn

phẩm *Những đặc tính của La Bruyère*, *Những bản điều văn của Bossuet*, *Những thử thách của Sully Prudhomme* và cuốn *Về sự bình an của tâm hồn của Plutarque*. Ngoài những tác phẩm đó ra, ông chỉ còn mỗi bản thảo của cuốn *Vô Cùng*, những cuốn sổ đi đường và những ván chơi bài đơn bất tận để chờ đến lúc những người khác thức dậy mà thôi. Bát đĩa của ông, ông đã đặc biệt cho đặt làm ở xưởng thủ công tỉnh Sèvres: màu đen để tránh xa những kẻ thèm muốn chiếm đoạt, mông đi để không làm nặng thêm đồng đồ đạc. Một cái đĩa bằng nickel và chiếc chảo cao thành dùng để nấu ăn, có dao, nĩa, thìa và một chiếc cốc bằng bạc mạ đỏ - đồng ý là nuốt gì cũng được nhưng chắc chắn là không thể ăn uống một cách cầu thả!

Để thay đổi chút đỉnh, thì thoảng ông ra ngoài để chiêm ngưỡng tán phục sự thoảng dang của bầu trời, cũng lấp lóe như một thứ pháo hoa vào những mùa khô như lúc này: vẫn vờ như ma trời của sao Polaire, đỏ rực của chòm sao Grande Ourse. Ông nghe thấy vắng đến, như một điệu nhạc dịu êm, những tiếng động không thể quên của Fouta đang chìm trong giấc ngủ: những làn điệu tràn trề thành kính của những bài vịnh thánh, những tiếng rên xiết của những đôi đang yêu nhau và bất thành linh vang lên những tiếng kêu khó đỡ bật ra từ một cơn ác mộng của một thằng bé nào đó: “Hãy cứu con, mẹ ơi! Porto^[14], Porto, Da Trắng, Da Trắng! Hắn sẽ ăn thịt con, gã Da Trắng ấy!”

“Hãy đi thẳng đến Timbo, điều ấy sẽ tốt hơn cho người!” Ông đã đang ở Tchikampil, nhưng giọng nói của Aguibou vẫn còn phảng phất trong tâm tưởng ông. Liệu đó có phải là một sự đe dọa không? Hay đó là một sự gợi ý đây? Với những hoàng tử Peul này thì ông có lẽ sẽ chẳng bao giờ biết được điều gì bị cấm đoán và điều gì thì không; điều gì bạn phải trả giá bằng dầu lửa khỏi cổ hay chỉ là một lời khiển trách nhẹ nhàng. Ông đã không

nghe đến điều này, rằng tất cả những tiếng thở dài hay cả những điều bí mật thâm kín nhất thì rốt cuộc, sớm hay muộn cũng sẽ đến được tai các ông hoàng, trong xứ sở Fouta-Djalón này, quá đổi dịu ngọt, quá đổi thanh bình, Chúa ơi, mà rồi khi ông có thời gian để tìm hiểu, thì ra tất cả các bức tường đều có tai hết và mỗi một tên đao phủ đều có việc làm.

Nguy hiểm, ý tưởng của Taïbou, nhưng kích động, tuy nhiên lại rất kích động! Kadé đáng để ghé qua thăm thú lắm. Cả khu này nằm trong một ngã ba đặc biệt giữa những con sông và các bộ tộc, những đoàn lũ hành và các đồ vật hiếm. Dựng một thương điếm tại đó thì sẽ kiểm soát được sự trao đổi hàng hóa thịnh vượng nối liền với các vùng duyên hải và các vương quốc hùng hậu nằm sâu trong đất liền. Nhất là nếu ta có mối liên hệ mật thiết với một ông hoàng xuất chúng và nhiều tham vọng, trong xứ sở Fouta-Djalón này, nơi mà mọi thứ đều được diễn ra trong một kiểu nhập nhằng mờ mịt của một tầng lớp quý tộc mà các mối liên minh máu mủ luôn đổi chọi nhau không ngừng với những cạnh tranh lợi ích! “Được, ta sẽ đi Kadé, điều gì phải xảy ra thì sẽ xảy ra!” Ông quyết định dứt khoát trong lúc ra khỏi Tchikampil.

Ngày hôm sau, tuy nhiên, một rắc rối tởm tếu xảy đến khiến dự định này tan theo bọt nước: một người đàn ông từ đâu chui ra, trên tay cầm một cây gậy lớn và cứ thế bắt đầu đánh túi bụi vào đám phu khuân vác, miệng ra rả chửi rủa chúng. Các người không xấu hổ ư, lũ chó ghẻ, khi đi khuân vác đồ cho một tên Da Trắng, cho một kẻ ngoại đạo, một con chó của Công giáo hả? Các người sẽ bị đầy xuống địa ngục hết, những sinh linh hèn hạ, những tâm hồn bị đầy đọa nơi diêm phủ!

Olivier de Sanderval nắm lấy một khẩu súng từ tên lính gác ouolouf của ông và nã vài phát chỉ thiên để đuổi hắn ra xa.

Người đàn ông lùi vài bước nhưng rồi quay lại ngay sau đó và giơ gậy ra dọa ông. Da Trắng nghĩ sẽ khiến hắn lĩnh đi khi nẩy tiếp vài viên giữa hai chân hắn. Tên này chạy quanh và nhảy choi choi trước mỗi viên nhưng vẫn quay lại, còn cương quyết hơn nữa khi đạn thôi vãi ra:

– Ta không sợ người đâu, Da Trắng ạ, ta sợ khẩu súng của người thôi!

Hắn đuổi theo đoàn người cho đến tận Saala và luôn miệng lặp đi lặp lại:

– Hãy ném súng của người xuống đi, Da Trắng kia, và đến đây đánh nhau như một người đàn ông thực thụ xem nào!

– Chuyện đùa tếu hả - thì đó quả đúng là một đấy, và đúng hơn là chào mừng bạn đến với những con đường gập ghềnh của vùng rừng rú hoang dã, nơi mà đương nhiên ta có nhiều cơ may gặp lũ cướp đường và thú hoang hơn là những nữ vũ công Cabaret - đã kéo dài cho đến tận các vùng ven của Saala, rồi mọi thứ bắt đầu xấu đi một cách nghiêm trọng.

Sự im lặng trang nghiêm của rừng rậm bất ngờ bị phá vỡ do những tiếng động của cơn ho và của tiếng ngựa hí. Một đoàn kỵ sĩ bao vây đoàn người đúng lúc họ băng qua đèo ngang dãy núi ngất ngưởng của thành phố. Những đoàn kiếm rút ra khỏi bao, tiếng súng lên nòng lách cách. Đưa mắt liếc nhanh, Olivier de Sanderval đánh giá lũ người tấn công: năm trăm, có thể cả ngàn! “Kháng cự lại chẳng ích gì, - ông làm bằm. - Aguibou đã giảng dạy ta hoặc Almâmi muốn thủ tiêu ta trước khi ta tiến vào những bí mật của vương quốc ông ta... Và nếu gặp may, khi đó chỉ là những kẻ cướp đường thì ta sẽ thương lượng để giữ lại phân nửa số hổ phách để tiếp tục đi đến tận Dinguiraye. Ta sẽ cho cho chúng một lá thư bảo đảm chúng sẽ được thanh toán trên vùng duyên hải.”

Mùi cái chết lại phảng phất thêm một lần nữa, bất ngờ, sững sờ, quen thuộc, và không thể chấp nhận được! Ô nhục ở Montredon, ở Perrache hay còn ở Montmartre, phi lý ở mọi nơi khác, thì lại tàn bạo, bỉ ổi, phát nôn mửa ở đây, nhất là trong tình cảnh của ông - người Da Trắng duy nhất trên hành tinh đang đứng giữa đồng bụi gai, lũ sói vằn và đám người Peul!

Cuộc sống của ông từ những ngày gần đây, hết như sự vây hãm này: khắp nơi đều là bầy sập, những con bò sát, những kẻ thám báo, những đoàn kiếm! Ông đã trải qua sự nhọc nhằn, cảm giác tuyệt vọng mà thay vì dần sâu vào một lãnh thổ thì ông lại trườn vào trong một trận đồ bát quái xây lên bằng những đám sương mù và những cái bóng lẩn quất chui lủi, bằng những mưu kế ngấm và những tiếng thì thầm, bằng những ngôn từ đẹp đẽ và những nhát dao đâm: thế giới êm ả nhẹ êm và đầy lo ngại của người Peul! Dần dần, rừng dày đặc thêm lên, những vách đá cheo leo hơn, con người trở nên mưu mẹo lắt léo và khó nắm bắt. Lạnh lùng, nhạy cảm và thực sự là khó chia sẻ cuộc sống, lũ người Peul này, đúng là những người Anh thực sự (chúng tộc mà ông vẫn ghét thậm tệ mà thậm chí cũng chẳng thèm đặt câu hỏi tại sao)! Và đó chỉ mới là bước khởi đầu mà thôi, ở Timbo hản còn có điều khủng khiếp hơn nhiều đang đợi ông. Chỉ có điều ông không thể thoát lui được nữa, một cách cụ thể hơn, ông không biết phải thoát lui đi đâu - quá khứ của ông, những khu rừng, những hang đá, những thung lũng, con người, tất cả, cũng hết như những bụi cây gai trên đường, luôn khép lại sau lưng theo nhịp ông tiến lên. Vả lại, ông cũng chẳng thoát lui, lời nói danh dự của người thuộc gia đình Olivier, tính hiếu kỳ sôi sục muốn đi đến cùng sự hãi hùng cuốn ông đi trước mọi thứ còn lại! Ông nhìn lũ người tấn công mình, hai mươi người lính của ông và một trăm phu khuân vác, cởi nút áo

redingote để khỏi bị ngập thở, buồn bã lắc đầu: “Những gì xảy đến thì sẽ xảy đến thôi, dầu ta cũng buồn khi nghèo trước khi nhìn thấy thành Timbo!”

Như để đáp lại đoạn độc thoại thông thiết của ông, giọng nói của một kỵ sĩ vang lên từ trên đỉnh núi, được phóng đại một cách quá quắt do âm vang:

- Là người ư, gã Da Trắng mà người ta gọi là Yémé?
- Đúng thế. Nhưng ơn Chúa, hãy nói ngay cho ta biết người là ai và số phận nào người tính dành cho ta đây!
- Hãy trình hộ chiếu của người cho lính của ta đi... Tốt rồi, ta chỉ muốn trấn an mình thôi.

Đó là một chàng trai khôi ngô, mảnh mai và thanh nhã hết như phần đông những thanh niên trẻ nơi đây, nhưng với một vẻ tuyệt mỹ mà người Da Trắng này vẫn chưa một lần chứng kiến kể từ lúc ông xuống tàu. Anh ta vận một chiếc áo chùng đẹp màu xanh lơ và đeo lưng lẳng trước ngực một đoản kiếm và một khẩu súng. Anh ta chạy nhanh xuống, lao thẳng vào ông, khi còn cách ông chừng một mét thì dừng lại, hích cho ngựa hí vang.

- Alpha Yaya, hoàng tử xứ Kadé! Chính những tiếng súng đã báo động chúng ta. Chính người đã nã chúng ư?
- Kẻ khùng này bỗng dưng lao tới đánh quân của tôi...
- Ồ! Ta cứ ngỡ đó là tên cướp đường Alpha Gaoussou. Kẻ đưa thư của chị dâu ta đã nói cho ta hay về chuyến thăm viếng mà người tính dành cho ta. Than ôi, cùng lúc ta cũng nhận được thông điệp của anh trai ta, mời ta đến gặp anh ấy để trợ giúp đánh lui bọn phiến loạn quân.

Anh ta lại hích cho ngựa hí một lần nữa, rồi quay về phía kẻ điên khùng cầm gậy:

– Người từ đâu đến hả?
– Từ Lèye-Féto, phía Butte-aux-chacals!
– Người đâu, hãy dẫn hắn về Lèye-Féto và hãy bắt hắn nộp phạt một con bò sữa và năm rạ lúa-rơm, điều đó sẽ dạy cho hắn thể nào là thiếu lễ độ với một khách quý của *Almâmi*.

– Ô không, thưa hoàng tử! Một con bò sữa và năm rạ lúa-rơm vì một chuyện tầm thường chẳng đáng kể ư!

– Chuyện đó hả, nó cũng chẳng khiến ta vui thích gì đâu, kẻ ngoại bang ạ! Ta thì ta chiếu theo luật pháp và người chỉ nên đành lòng nhìn thôi. Chúng ta có thể hợp tác như vậy được chứ hả?

Người Da Trắng bối rối, miệng ấp úng điều gì đó.

– Còn bây giờ, nếu người đồng ý, chúng ta hãy đi đến bên dòng sông để cùng nhau uống sữa tình bạn đi, - Alpha Yaya tiếp tục nói.

Họ băng qua sông, đến giữa một *nguérrou*, khoảng trống tròn rộng trải đầy đá dăm và cát, có hàng cọc bao quanh mà người Peul sửa sang ngay ở đầu những ngôi làng hay ở bên cạnh những con đường để dành cho những buổi hòa giải, những buổi lễ an táng hay chuẩn bị tham trận. Da Trắng hắt hơi. Một đàn gà gô từ đám cành cây bay vụt ra.

– Này toubab! - Alpha Yaya thốt lên. - Người hắt hơi, đàn gà gô bay vụt ra, tất cả những điều đó chỉ có thể là những điềm rất lành mà thôi. Sự có mặt của người có thể tạo điều kiện thuận lợi cho Fouta đây!

– Mong sao sự có mặt của tôi tạo điều kiện thuận lợi cho Fouta, mong sao về phía mình, Fouta không hủy diệt tôi!

Đến lượt mình, Alpha Yaya cũng hắt hơi, nhìn trừng trừng vị khách quý của mình trong lúc nắm chặt đoạn kiếm đã cầm

mạnh xuống nền đất:

– Nhờ đấng Allah, đúng là buổi sáng của những điềm báo may mắn! Nào, (anh ta chìa tay cho ông), hãy là bạn của ta nhé, kẻ ngoại bang!

– Taïbou đã cố nài để tôi phải rẽ qua Kadé!

– Thế nên rất bình thường khi phu quân yêu quý của chị ấy phản đối điều đó.

– Điều mà tôi không hiểu, chính là sự hùng hổ cương quyết mà ông ta biểu lộ trong chuyện này!

– Anh trai ta là thế, nông hậu nhưng hung hăng như tất cả những đứa trẻ được nuông chiều. Đôi khi ta tự nhủ rằng cha chúng ta đã quá yêu chiều anh ấy, điều đó thật chẳng tốt gì đối với một hoàng tử.

Họ uống sữa tình bạn trong lúc bàn luận như thể họ đã quen biết nhau từ lâu lắm rồi. Hoàng tử trẻ thu hút người Da Trắng bằng sự thanh lịch và trí óc sống động. “Nếu anh ta ra đời ở Timbo, anh ta hẳn đã là *Almâmi* rồi”, ông nhủ thầm. Ông cảm thấy đằng sau giọng nói từ tốn, hơi có vẻ như hát, là một con người sáng suốt và cương quyết. Tất cả những gì nơi anh ta - ánh mắt, cử chỉ, cách diễn đạt, dáng điệu - đều nói lên sự ra đời và thị hiếu, sự quý tộc và lịch thiệp. Một hoàng tử, một hoàng tử thực sự như vẫn còn tồn tại trong xứ sở Phi châu ấy: những đường nét thanh nhã, đầu óc tinh tế, sự uyển chuyển của loài báo và dáng vóc mảnh mai của các ông bố Peul; nước da đậm, nụ cười rạng rỡ, vẻ oai vệ và tính cách hung hăng của các bà mẹ xứ Mandingue.

“Người này, - Sanderval nhủ thầm, - tất cả các công chúa của Fouta đều phải mơ được lấy làm chồng.”

Rồi bất thành linh, người đàn ông đứng phất dậy và lại chìa

tay ra:

– Giờ ta phải đi đã! Thật đáng tiếc là nói chuyện với nhau quá ít! Nhưng chắc chắn chúng ta sẽ gặp lại nhau. Đấng Tối cao đã cho lộ trình của hai ta giao nhau. Đấng tối cao sẽ không chia rẽ chúng ta nữa. Nếu có điều bất hạnh xảy đến với người, đừng ngần ngại gì cả, hãy gọi Alpha Yaya nhé!

Anh ta phi ngựa lao đi, được một đoạn lại quay đầu và réo gọi Da Trắng:

– Đến Timbo, hãy tìm sự bảo trợ nơi Bôcar-Biro. Ông ta là cháu gọi Almâmi bằng chú ruột, và cũng là người bạn thân nhất của ta đó.

– Tạm biệt hoàng tử! Cảm ơn vì tất cả!

– Hãy bình thân, Yémé! Và hãy thận trọng với người ở Timbo nhé, nhất là với kẻ có tên là Diogo Môdy Macka, đó là quan tể tướng của Almâmi và đó là kẻ đáng gờm nhất trong tất cả.

Sau những vách đá cheo leo Tchikampil và khu chợ nô lệ Saala, thì phải tiến lên giữa các ghềnh núi và đá khối cùng lúc với con đường mà mỗi người phải tự phát quang cho mình, bằng cách phạt ánh chừng trong sự chông chéo của loài dây leo và những cây chứa nhựa độc. May thay, độ nóng gắt của mặt trời và không khí kém phần ngọt ngào hơn ở vùng ven biển. Những bản làng lần lượt hiện ra giống hệt như vậy, hoặc vắt vẻo trên một quả đồi, hoặc nằm rập mình dưới thung lũng sâu, được bao quanh bằng một hàng rào dày đặc những cây ăn quả và cây tầm xuân, tất cả đều bạt ngàn hoa. Có một trận ẩu đả với Parawali, một đợt tấn công của báo ở vùng lân cận Cantabanie. Đám khu khuân vác mà Alpha Yaya cấp cho đã bỏ rơi ông ngay cửa ngõ Dabalâré, đem theo chúng cả số lương thực và gia súc.

Tất cả những chuyện đó gieo rắc một sự náo loạn không tưởng. Đám ouolouf của ông phải hươ súng lên, Mâly và Mâ-Yacine phải điều đình suốt cả một buổi chiều. Ông ăn tối bằng một nắm gạo nấu với mỡ nước và quần nhau suốt đêm, với sự trợ giúp của nguồn long não dự trữ, để chống lại một đội quân kiến bagbag hùng mạnh đã kịp xâm chiếm cả khu nhà. Vào lúc sáng sớm, chiếc xanh-tuya len và dây đồng hồ của ông đã chẳng còn lại gì. Chiếc ô dù lớn của ông bị xé tan thành từng mảnh, những chiếc túi bằng da bị thủng lỗ chỗ to như ngón tay cái!

Ở Dabalâré, ông bỏ rơi những mái nhà bằng cây gai để đến những mái rơm. Họ tiến vào vào một Fouta thực sự. Ông nhận thấy rằng ở đây sự hiếu kỳ của dân chúng có phần kín đáo hơn. Ở đây, người ta không thốt ra những tiếng kêu chế nhạo, người ta không chạm vào ông rồi biểu lộ những cái bĩu môi ghê tởm. Người ta nhắm mắt lại và lấy bẫy vì hãi hùng, hoặc vứt bỏ gói quần áo và chạy trốn mất, miệng kêu inh ỏi như gập quỷ. Ông không hạn chế tán tụng thiên nhiên và đàn bà. Thứ ba ngày mùng chín tháng Ba, ông ghi nhanh, hoan hỉ và hạ cố: “Gặp một cô gái rất xinh: cặp mắt đẹp huyền bí, mũi rất được, mảnh và khoằm, đôi môi gằn như cần chỉ. Đáng tiếc rằng tất cả đều đen!”

Ông có cảm giác là đã bước đi cùng một bước chân từ xứ sở của những giấc mơ thời hoa niên đến xứ sở thực sự tồn tại, lúc này đang trải dài dưới tầm mắt ông. Fouta mà ông đang nhìn thấy đây đã hút hồn ông cũng nhiều hệt như Fouta mà ông đã hình dung rất lâu trong lúc tra cứu những tập tranh và các tấm bản đồ. Khắp nơi đều là những quả đồi, khắp nơi đều là những vườn cây ăn quả, chỗ nào cũng là những thảo nguyên và hoa nở bạt ngàn! Khắp nơi, chỗ nào cũng có suối nguồn, sông ngòi và các con rạch! Ngày 11 tháng Ba, ông băng qua Tominé, dừng lại

rất lâu trong thung lũng của nó, chú tâm quan sát hệ động thực vật, đánh giá sự chênh lệch độ cao của sườn núi, ước lượng sự lưu thông của nó.

Mùa mưa đã kết thúc và lúc này đang bắt đầu mùa khô. Ông đã hiểu làm thế nào để sống sót qua những hậu quả tàn phá hủy diệt của mặt trời: phải đi từ lúc rạng đông đến lúc giữa sáng, và từ lúc nửa buổi chiều đến khi đêm buông xuống. Vào giữa trưa, người ta trùm mình trong mồ hôi của chính mình, buổi đêm thì các vực sâu sẽ hút bạn xuống. Ông ăn những gì mà rừng rậm tặng cho, chữa bệnh đau bụng bằng những quả *botane*. Đám *ouolouf* khiêng ông đi khi căn bệnh quật ngã ông. Maly và Mâ-Yacine giúp ông thoát khỏi những mảnh khóc của các trưởng bản và sự giảo hoạt của lũ khuân vác.

Timbo đã ra lệnh đón tiếp ông với những vinh hạnh bắt buộc dành cho một khách quý của Fouta. Nhưng tất cả các trưởng thôn không cư xử cùng một thể thức. Một số đến gặp ông, dành cho ông những ngôi nhà tinh tươm nhất và thậm chí thi thoảng, trong khi chẳng có gì bắt buộc, còn chu cấp cho ông cả sữa, ngũ cốc và thịt. Một số khác thì ngược lại, cho đám tù nhân của họ đến đón tiếp và cho ông ở trong một túp lều lụp xụp, nếu đó không phải là cái chuồng gà, và không hề để tâm gì đến đám quân của ông, khi ấy buộc phải ngủ ngoài trời.

Đó là một đất nước dễ chịu, dễ chịu nhưng không chắc chắn: rừng rậm đầy báo và rắn độc, địa hình mấp mô, con người thì quá bí ẩn. Phải thận trọng với mọi thứ, ngày cũng như đêm, phải luôn canh chừng. Mỗi bước đi, ông đều có thể gặp phải vực sâu và rắn. Mỗi bữa ăn, ông đều có thể gặp phải sự đầu độc. Ông buộc phải uống nhiều sữa để thanh lọc cơ thể mình khỏi mọi sự trúng độc nếu có. Còn về đám quân của ông, nhất là những người đến từ vùng ven biển, thì họ buộc phải tụ tập lại và

không đi quá xa khỏi người Da Trắng. Biệt lập, người ta có thể lục lợi họ, đánh đòn hoặc biến họ thành nô lệ.

May mắn thay là rừng hoang, thường nông hậu hơn con người, đảm nhận những trách nhiệm bề ngoài của dưỡng đường và công việc nhàn hạ nhưng được việc. Hiểm ác và hoang dã, chắc chắn là thế, nhưng với tính năng cho ở trọ và nuôi ăn! Ông quay về phía nó để thoát khỏi tính keo bần bản tiện của những trưởng thôn hay để tìm lại khiêu thẩm mỹ lạ thường của việc cắm trại mà cha xứ Garnier đã bày cho ông trên bờ sông Azergue. Ông khám phá ra cây *douki*, một loại giống như cây măng cụt, quả hình trái lê ngọt tuyệt, thử loại quả dôn dốt chua của cây mít Phi châu, quả ngọt của cây vả, loại có chùm *tchingali* khiến ông nhớ đến hình dáng và hương vị của những chùm nho ngon và đẹp nhất xứ Beaujolais, quả sơn trà *mampata*, quả *sangala*... Ông săn chim hoang và làm quen với nhựa hoa mà vị của nó mang chất rượu nhẹ khiến ông nghĩ đến những quả mật vàng.

Cả Fouta nhìn ông tiến sâu vào vùng đất của nó. Thoạt tiên, người ta tụ tập bên lề đường và trên các quảng trường khu chợ để chiêm ngưỡng chòm râu đen và đôi găng tay trắng của ông. Người ta chỉ trở cái mũ cứng của ông, đôi giày đinh, chiếc ô không thể thiếu của ông. Người ta thì thầm sôi sục quanh lều trại của ông, “một cái nhà, cha mẹ ơi, một cái nhà thực sự mà lại có thể gập lại và trải ra thật dễ dàng hết như chúng ta làm với cái khổ của mình vậy “. Lũ trẻ chen lấn nhau xung quanh bàn của ông, hy vọng rằng ông rút cục sẽ ném cho chúng những cái bánh bích quy hay những mẩu sô-cô-la. Họ nhìn ông nuốt những loại củ được nấu sống sượng và quả dại nghiền luôn được dọn trong các đĩa sứ và ăn kèm với các loại rượu vang ngon nhất của Pháp. *Wallâhi*, người đàn ông này có vẻ kỳ cục

thật! Kỳ cục khi ăn bằng những mẫu kim loại thay vì giống như tất cả mọi người: ăn bằng tay! Kỳ cục khi hỉ mũi vào một mảnh vải sạch bong và đã được là cẩn thận; sau đó lại còn gói cả nước mũi lại, hệt như người ta làm với số vàng của họ, với những đồng cauri hay những đồ trang sức đắt tiền. Ồi, cha mẹ ơi, ối ối!! Kỳ cục vì không bao giờ rời chiếc ô nhỏ tẹo và đôi găng tay, kỳ cục vì vẫn giữ được độ hoàn hảo ngay giữa đám bùn bẩn. Kỳ cục vì đội mũ cứng, kỳ cục vì không đội mũ mũ cứng. Kỳ cục vì là người da trắng, kỳ cục vì không hề ngủ, kỳ cục vì không ợ hơi, kỳ cục vì chẳng hiểu rõ tiếng Peul, kỳ cục dưới ánh mặt trời, kỳ cục giữa rừng xanh núi thẳm...

Trên đường tới Guélé, ông ghé thăm thác nước Diourney, mà ta nghe tiếng gầm khi còn cách nó cả hai ki-lô-mét, và mơ đem về Pháp vài con loukou, lại xâu dài xoắn ra những sợi tơ dài mảnh mà cho đến tận lúc này vẫn còn bị cho là vô tác dụng.

Ở Waltoundé, xảy đến với ông một chuyện rất hiếm gặp: ông đã ngủ được. Buổi chiều đó, thoát đầu, sau khi đi loanh quanh rất lâu trong những lougan^[15], sau đó hí hoáy ghi chép, rồi tiếp đến chơi vài ván bài, ông nằm dài trên chiếc giường tạp sần sùi, dưới gốc một cây xoài để nghe những bản nhạc ồn ào của trảng rừng. Điều đó kéo dài có thể là năm phút nhưng với ông, nó là cả một khoảng thời gian bất tận ngọt ngào và đáng buồn là đã bị ngắt quãng bởi một tiếng ầm văng tai ông chưa bao giờ nghe thấy, ngay cả trong những giây phút đẫm máu của Công xã Paris. Cả chục dân làng ló ra khỏi nhà và vừa chạy hoảng vừa hét toáng lên vì sợ:

– Quỷ dữ! Quỷ dữ! Quỷ dữ đây!

Ông cố gắng hỏi xem có chuyện gì nhưng xung quanh ông, chẳng còn mấy người. Rồi trong đám xô lấn, ông cuối cùng cũng thoáng thấy Mâ-Yacine và Mâly, toàn thân run rẩy vì sợ,

đang vắt vẻo trên đỉnh ngọn cây bông. Ông không sao thuyết phục họ tụt xuống và lại càng khó khăn hơn để hiểu những gì mà, với cặp mắt thất thần và hơi thở đứt quãng, họ cố gắng giải thích cho ông hiểu: họ đã nhìn thấy quỷ dữ! Tất cả mọi người đều nhìn thấy quỷ dữ. Họ đã nhìn thấy Nó bất ngờ xuất hiện từ hư vô, băng qua ngôi làng, nhặt một quả xoài thối và dừng lại rất lâu gần giếng nước.

- Con quỷ ấy da trắng đấy! - Mâly, sáng suốt nhất trong hai người, kết luận. - Nó có cặp mắt xanh và bộ tóc dài màu vàng xõa xuống tận đầu gối, - anh ta nói thêm bằng một giọng trách móc. - Ông nói gì về điều đó hả?

- Ta tin chắc rằng hấn trần truồng, con quỷ đó ấy mà, - Mâly rên lên. - Nó chỉ có chiếc lá để che buôi của nó thôi.

Mười, mười lăm, hai mươi nhân chứng khác đến xác nhận điều đó: “Quỷ dữ tồn tại và nó đã đi qua Waltoundé rồi!” Sự làm chứng của họ ăn ý nhau hết mức đến nỗi mà Olivier de Sanderval hồi hải chât vẫn:

- Thế thì có đúng là hấn bốc mùi lưu huỳnh không?

- Theo lời những người tiến đến gần hấn, thì có lẽ bốc mùi cứt thì đúng hơn người ta đáp lời ông, mặt tỉnh như không.

- Thế hiện giờ hấn ở đâu?

- Làm sao mà ông lại muốn người ta biết con quỷ ấy sẽ trốn ở đâu mới được chứ? - Một người khác nổi đóa, liền đập lại.

- Hấn đã nhảy qua hàng rào và biến mất đằng kia kìa, trong rừng ấy.

Ông liền đi về phía được chỉ.

- Ông sẽ làm gì, hả con người đáng thương? - Mâ-Yacine hỏi ông bằng giọng run rẩy.

- Ờ thì... ta sẽ đi bắt tay quỷ dữ!

Một nhóm nhỏ can đảm và có vẻ có khí phách tách khỏi đám đông để đi theo ông: một số cầu xin ông quay lại, một số khác thì đợi xem điều gì sẽ xảy ra.

Ông lục lọi những bụi cây gai và các rặng tre, nhìn sang phía sau những tảng đá và trong các vực sát vách núi.

“Lũ người này đã ăn phải nấm”, ông nhủ thầm trong lúc bồn chồn tìm kiếm đường quay về. Vào đúng lúc đó, ánh mắt ông va phải một thân cây và thiếu chút nữa thì ngất xỉu. Ngồi vắt hai bên ở chỗ lõm của cành cây, con quỉ đang quay lưng lại phía ông và cắn ngập răng vào một quả đu đủ chín.

Ông bám vội vào một sợi dây leo để khỏi ngã vì chóng mặt. Rồi bất ngờ vung tay lên sờ trán, lý trí ông vụt bừng sáng trở lại và một nụ cười ma mãnh xuất hiện trên khóe miệng:

– Ê này, hãy xuống khỏi cây đi nào, thưa ngài quỉ dữ! - Ông ra lệnh bằng một giọng của sĩ quan cấp trên.

– Cái gì, - con quỉ kêu lên và quay ngoắt lại, - ông nói tiếng Pháp sao?

Hắn trượt dọc thân cây một cách thuận thục và tiến gần lại:

– Bây giờ, xin hãy nghe câu chuyện buồn của tôi đây. Tôi không phải là quỉ dữ, chớ có tin những gì mà đám ngu dân Mọi đen này kể nhé! Tôi có tất cả những gì của một người dân Pháp. Do muốn thăm viếng xứ sở này, tôi đã phiêu lưu đến tận Timbo, nhưng lại không tính đến sự ác độc của lũ người Peul này, thưa ngài thân mến. *Almâmi* đã giam giữ tôi sáu tháng liền. Sau khi đã lột sạch của tôi tất cả trang phục và gia tài, ông ta cho tôi năm tuần để quay trở lại vùng ven biển.

– Đương nhiên rồi, thưa ngài Moutet, tôi rất tin điều đó đấy!

– Sao cơ, ông biết tôi à?

– Không, nhưng tôi hình dung ông ăn vận chỉn chu hơn thế

kia đây. Ông dẫu sao cũng có thể kiếm cho mình một vài bộ áo quần nhàng nhàng trên đường đi chứ hả?

– Làm thế nào hả, ngài tốt bụng của tôi ời? Con khỉ Phi châu này đã đe dọa chém đầu tất cả dân cư trong hoàng triều của hắn nếu họ dám cho tôi một sợi chỉ. Tôi đi bộ dọc theo các con nước để thoát khỏi những ánh mắt tò mò và phải ăn quả dại để sống. Thế còn ông, ông làm gì ở đây hả?

– Tôi đi Timbo!

– Ông điên hay sao! Rồi ông sẽ kết thúc ở cánh đồng Saroudia thôi. Chính tại đó chúng xử tử những kẻ bị kết tội đây. Tốt hơn là ông nên theo tôi để quay lại vùng ven biển càng nhanh càng tốt.

– Tôi có thể là được gì cho ông?

– Chẳng làm được gì cả!

– Nhưng làm sao tôi có thể để ông như thế này được?

– Được mà! Hãy đi cùng tôi hay cố gắng mà trốn đi thôi! Mong sao chí ít thì một trong hai ta cũng may mắn được gặp lại nước Pháp dịu hiền.

– Hãy chờ đã!

Ông cố nhặt vài đồng louis và chút hạt san hô thất lạc tận sâu trong đáy túi. Nhưng người kia nhìn ông với vẻ ghê tởm và ném chúng xuống sông.

– Ông muốn tôi làm gì với chúng hả? Lũ người ở đây sẽ nói rằng tôi ăn cắp được... Thôi nào, hãy trốn đi, hãy trốn đi nhé, tôi nói với ông rồi mà!

Họ nghe thấy tiếng lũ người Peul đang ở cách đó một bụi cây.

– Đúng hơn là chính ông nên trốn đi! Lần đầu tiên họ chạy trốn ông, nhưng lần thứ hai họ có thể ném đá ông cho đến chết

đấy!

– Thế nào hả, ông cuối cùng đã nhìn thấy con quỷ đó rồi chứ?

– Ô không, Mây đáng thương của ta, ta đã chẳng nhìn thấy gì cả, ta chỉ đang tìm lối để quay trở về làng.

Những cơn đau nhức của ông trong vùng mạc rôi đó càng ngày càng trở nên gay gắt. Để quên chúng đi, ông hòa nhập tất cả tâm hồn và thể xác vào trong thiên nhiên hoang dã tẩm đầy hương thơm mà những bông hồng, những cây hoa phấn, những bông caro-cadoundes và cây dành dành đua nhau rịn ra từng chút một.

Ở Missidé-Goungourou, ông ghi lại: “Nếu như trong đất nước quá đồi mênh mông này có những cánh đồng có thể trồng trọt, đầy nước và ánh nắng mặt trời được người Da Trắng đến ở, thì đó sẽ thật là tuyệt vời.” Ngày hôm sau, vất vẻo trên những quả đồi của Missidé-Malanta, ông tự coi mình là đức Moise: “Ta nhận thấy miền đất hứa từ phía xa xa nơi ta sẽ có những trái cam, chuối và hoa quả tươi, ta có thể sẽ ở đó vào ngày mai.” Sốt cao hừng hực vào đêm hôm đó, ông ních đầy thuốc ký ninh trong lúc tai nghe thấy những lời cầu nguyện Hồi giáo, chúng khiến ông nhớ đến *Bài ca của người châu Phi*: “Về hướng đôi bờ của dòng sông Tage”, vân vân...

Lại bắt đầu các sườn núi dựng đứng và đường bậc thang, thuyền độc mộc, cầu bằng dây leo và những sợi dây chèo bắc qua vực! Lại bắt đầu những đợt khua động để săn thú và các đám lửa rừng, những người mục đồng chuyển súc vật lên miền núi cao và những đoàn nô lệ. Các ngôi làng cứ kéo dài mãi, cũng yêu kiều trên các quả đồi hết như đồ trang sức ngự trong chiếc hộp xinh xắn, cùng với làn hương hoa nhài và cái tên rất đổi ngạc nhiên của chúng: Dounguédâbi, Télikoné, Diountu,

Bouroumba, Simpéting. Ông cảm thấy mệt nhoài nhưng thán phục.

Ở Simpéting, ông lại hí hoáy trong cuốn sổ của mình: “Khắp nơi chỉ toàn là cây hoa: nhài, nguyệt quế hồng, mi-mô-da vàng...” Một cụ già nói với ông rằng cụ nhớ có một người Da Trắng đã đi qua đó, cách đây chừng hai chục năm, có thể là ba chục. Đó chắc chắn phải là ngài Lambert cần mẫn ấy rồi, mà nước Pháp phải đi để tìm cách nối lại những mối quan hệ thương mại với *Almâmi Oumaron*, người khi đó đang ngự trên ngai vàng của Fouta. Ông nấn ná vài ngày ở Missidé Dindéra để thám hiểm các triều thần của Saala và Kakrima: “Những ông chủ ấp sống vương giả ở đó với một ngày làm việc vài giờ... Đó là thiên đường trần gian, thiên đường trong tội lỗi, với những ngọn nước sáng và có chất sắt, quả cây, hoa với mùi hương êm ái và những cánh đồng chặn thả bất tận mà ta có thể nuôi hàng ngàn ngựa, bò và cừu...”

Ở Dindéyah, ông viết: “Tối nay thoát tiên là nuốt ký ninh cùng với Mây, sau đó là cơm nấu với sốt dầu lạc - một món rất ngon để thêm vào ẩm thực Pháp - và sau cùng là thịt dê non nấu với hạt kê.” Ở Dâra-Labé, không khí trong lành trên các đỉnh núi đã khiến ông quên đi đôi chút những cơn đau bụng và sự mệt mỏi, ông cho phép mình mơ mộng và lại viết: “Miền đất vẫn đầy vẻ quyến rũ. Đó là sự tiếp nối không ngừng của những quả đồi và các thung lũng mê ly. Chỉ còn thiếu các trang trại, biệt thự và những tòa lâu đài để vương giả hơn tất cả những gì mà châu Âu gọi là quyến rũ... Những cây cam trĩu quả, hương vị dịu ngọt, những bóng râm mát mẻ, tất cả đều khiến ta mơ tới xứ sở của Aïda... Ngành thương mại với Trung Phi và Niger sẽ thuộc về những ông thầy của đất nước này, nơi mà người châu Âu có thể định cư và sống đê huê.”

Thứ sáu ngày mùng 2 tháng Tư, ông bị choáng ngợp trước phong cảnh mê hồn trải dài trước mắt đến nỗi mà ông quyết định cắm trại ở ngay đó mặc dù mới vừa đi được hơn nửa ngày đường. Một người chăn gia súc già đến kể cho ông nghe cùng một câu chuyện như ở Simpétin:

– Rất lâu rồi, có một người Da Trắng đã ghé qua đây, trên vùng bình nguyên cao này. Ông ta có một khẩu súng và di chuyển trên một cỗ kiệu. Ông ta không cao lớn cho lắm, nhưng đầu đội một cái mũ cứng giống ông đấy.

– Ông ta tên là gì?

– Làm sao mà ta biết được cơ chứ, chuyện diễn ra đã lâu lắm rồi! Vả lại, những người Da Trắng ấy mà, cũng như thể chim trên trời, có lẽ chẳng ai nghĩ tới việc nhớ tên họ... Ông có gì không, hử người Da Trắng ơi, để chữa cho ta chứng chóng mặt?

– Có đấy, tôi có thuốc viên Vichy đây!

– Hãy cho ta đi, ta sẽ đổi cho ông một con dê.

– Không!

– Một con dê để đổi những viên thuốc và người, người Da Trắng, người còn dám từ chối ư!

– Sẽ không cho ông đâu, chừng nào ông còn chưa nói cho ta biết tên của vùng đất này.

– Vùng này à? Ta cho rằng người ta gọi nó là Kahel đấy.

– Kahel ư? Đó quả là một cái tên rất hay!

Ông ngẩng nhìn những xóm làng bao quanh và, sát bên dưới kia là một cánh đồng rộng lớn, phủ đầy màu vàng, những cánh rừng non và bạch đàn cùng với tầng tầng lớp lớp những chỏm núi tuyết diệu ngả về hướng bắc. Một cảm giác chóng mặt mơ hồ bỗng choán lấy ông. Ông cảm thấy như đang mọc cánh, để

mặc cho niềm hạnh phúc bùng nổ lách tách và sự nhẹ nhàng của chim trời cuốn đi. Những tiếng rỗng âm ì của đàn bò phủ đầy vách núi. Những con vẹt và đàn khỉ vui sướng nhảy nhót hát ca trong rừng. Một đàn linh dương băng qua cánh đồng và hốt hoảng chạy về phía dòng sông ngoằn ngoèo sáng màu thủy ngân. Ông đứng dậy mà không hề thốt ra lời nào, và dưới ánh mắt cảm thương của những người đồng hành, ông lao nhanh xuống sườn núi về phía múi đất xanh hình con thoi bao quanh cánh đồng, vừa chạy vừa bám vào các bụi cây. Xuống tới nơi, cả mặt, cánh tay ông đều bị gai cào trầy xước, nhưng lại tràn ngập một sự kích động trẻ thơ. Ông để mặc cho chân bước vào tận giữa khu rừng và vừa dùng gậy chống đập xuống nền đất vừa thốt lên:

– Chính tại đây, ta sẽ xây dựng hoàng triều của ta!

Làn sóng giọng nói của ông rung lên trong những cành cây, va phải những vách núi và rền vang không ngớt trong thung lũng đầy hang động.

Đó chính là đức Moise trên đỉnh ngọn núi Sinai, chính là Alexandre le Grand đi đến Indus, là César đang thưởng thức vinh quang của mình trong những miền đồng bằng tỏa khói ở Alésia!

Tiếng ca của chim trời và tiếng động của súc vật ngừng bật trong khoảnh khắc một giây đồng hồ để mặc cho ông nói, để rồi cuộc sống nơi rừng hoang lại tiếp tục, hết như một ca khúc hùng tráng ca ngợi chiến thắng của ông, bản giao hưởng mờ tối của ông.

Xung quanh ông, chỉ thoáng nhận ra từ đầu trở lên, và giống như những con cú mèo, lũ khỉ nhòm ngó ông qua đám lá. Ông không biết liệu chúng muốn chiêm ngưỡng ông hay chúng muốn chế nhạo ông.

- Điều đó chẳng liên quan gì đến lũ khỉ cả! - Ông vừa nói vừa cố gắng bắt chước những bộ mặt nhăn nhó của chúng.

Điều đó liên quan đến con người, những con người thực sự, người Da Trắng!

Một kiểu như linh tính đã ngay lập tức xâm chiếm con người ông khi ông đi đến chỗ này: sẽ là đây và chẳng ở nơi nào khác cả! Nhưng đó chỉ là một linh cảm thôi. Hơn nữa, người đàn ông ấy đã thốt lên từ Kahel và tất cả đã được tiết lộ cùng với điều kỳ diệu sờn gai ốc của một người đàn bà bị rũ bỏ bộ khổ của mình. Giờ ông chỉ còn việc phác họa những pháo đài và những cung điện của mình, những khu vườn và các trại quân đội và đánh thêm một chấm nhỏ vào niềm vinh quang liên tiếp của nhân loại.

“Maharajah của đất nước Ấn Độ, hoàng đế của Trung Hoa, ông thầy của hai đất nước Ai Cập, ông hoàng của Kahel!”

Nhưng ông vẫn còn chưa đến đoạn đó. Lúc này, ông phải tiếp tục lộ trình đến tận Timbo, phải chiếm được thịnh tình và ơn huệ của những lãnh chúa Peul đáng gờm, phải ních được từ họ vài thửa ruộng từ vùng đất tỏa hương và nhấp nhô này mà ông sẽ chú tâm chăm lo đến chúng tựa như con sư tử cái chăm nom đàn con của nó. Rồi sau đó, đúng vậy, sau đó ông sẽ không cần phải gian lận lẫn giao chiến làm gì: khoa học và kỹ thuật, đường xe lửa và thương mại, chính chúng sẽ tự đánh đổ những kẻ chần chừ súc cuồng nhiệt thô lỗ và kiêu ngạo này - không phải để chinh phục hay vượt trước, khủng bố hay ăn hiếp; mà chỉ cần chiếu theo luật tự nhiên mà qua đó gió mùa thu cuốn đi những chiếc lá vàng. Một mùa này kết thúc, thì đương nhiên một mùa khác sẽ bắt đầu, sẽ mới mẻ hơn, triển vọng hơn, thậm chí đắm hương vị cuộc sống và đầy sức mạnh, đó sẽ là mùa của chính ông!

Khi ấy, từ những tòa lâu đài ở Kahel của ông, chậm rãi, cùng một phương thức như căn bệnh hủi lan dần khắp cơ thể, sức mạnh và vinh quang của ông sẽ trải dài ra mãi, từng mái nhà, từng bộ tộc, từng trống hoang, từng cánh rừng cho tới toàn cả châu lục. Thoạt tiên là những người Peul, tiếp đến là Bambaras, Songhais, Mossis, Haoussas, Béribéri, Bantous, tất cả những người Da Đen, có hay không mang vạch trên mặt, có hay không vắn vành khăn trên đầu, có hay không có xương xuyên qua mũi. Lôi họ ra khỏi những khu rừng rậm và những suy nghĩ tăm tối ủ rột của họ, những kẻ hoang dã này có lẽ phải ném đủ chương trình Đại số học, những món ăn tinh tế, nền kiến trúc và những học thuyết của Platon, trước khi dưới sức đẩy không tránh nổi của sự tiến triển, nền khí hậu chuyển đổi, trước khi những khối đá băng của Laponie xâm lấn cả vùng Languedoc và rằng những kẻ Da Trắng đáng thương hoảng loạn chạy đến sưởi ấm ở gần đường xích đạo. Phi châu khi ấy sẽ là trung tâm của vũ trụ, trái tim của nền văn minh, xứ sở Thèbes mới, thành Athènes mới, thành Roma mới và cả Florence tinh khôi xuất hiện cùng một lúc. Và đó sẽ là một kỷ mới của Nhân loại mà ông đã có linh cảm trước những người khác từ rất lâu rồi và sẽ được chính tài năng của ông đặt nền móng.

Ông đến Kéballi và viết: “Một thung lũng rất hào hoa, được những quả đồi dựng đứng vây quanh ở sườn đông nam. Hệ thực vật xum xuê màu mỡ trên các cánh đồng, nhấp nhô một cách đẹp mắt, những bụi cam, đu đủ và cây sơn trà *mampata*, cây *neré*, những bãi chăn thả tươi mát, những cánh rừng rợp bóng râm sẽ làm lên sự nổi tiếng của một Nhà nước châu Âu.” Ông băng qua Téné, thận trọng tránh xa khu Fougoumba huyền thoại, nơi mà ở vùng ven biển, người ta không ngừng nhắc đi lặp lại rằng tất cả đã bắt đầu. Chính tại đó mà người Peul đã

tung ra cuộc thánh chiến của đạo Hồi và chính nó đã cho phép họ chiếm lấy toàn bộ đất nước. Từ đó nơi này đã trở thành thủ đô tôn giáo rất khắc khổ, nơi trú ngụ của các hoàng tử cuồng nhiệt nhất và đối nghịch nhất đối với người Công giáo. Có lẽ tốt hơn là nên nhận được sự bảo lãnh của Timbo trước khi đi phiêu lưu vào đó. Ông đã đi vòng qua đỉnh Kourou, nó đã khiến ông ngất ngây bởi những đỉnh đồi màu xanh lơ của chúng và sự rực rỡ của mùa hoa nở. Ở Porédaka, ông phác thảo chân dung của một vị vua được cả đoàn tùy tùng kéo theo, trong đó một số cưỡi ngựa, đem theo ô dù và ăn vận toàn áo thụng sắc sỡ và ghi lại ở cuối trang giấy: “Đoàn người đông đúc này sáng rỡ dưới ánh mặt trời thực sự gây hiệu ứng.”

Ở Bhouria, đói lả và mệt nhoài do những cơn đau bụng, do các vết mụn và vết lở loét, ông ngủ ngay mà chẳng vật vã gì, nhưng chẳng mấy chốc lại rơi vào cơn ác mộng: ông mơ thấy con trai mình đang hấp hối.

Thứ ba ngày mùng bảy tháng Tư, sau ba ngày đầy dinh nhọt và sốt cao, ông cuối cùng cũng tới được Timbo.

Cả thị trấn nằm bắt đầu từ giữa một thung lũng sâu rồi trải dài lên cao dần, đến tận một đỉnh quả đồi phủ đầy dương xỉ và *lantanier*. Những hàng rào mây và mái nhà hình chóp của nhà thờ Hồi giáo hình như trung thành với các bức họa của Hecquart và Lambert. Phía tây, những ngọn cây trùng điệp cao thấp khác thường, hình dáng của chúng sẽ hòa lẫn với sắc màu đa dạng của đường chân trời. Phía nam là quả đồi Koudéko, còn phía tây nam là dải bình nguyên Niâli. Ở đằng kia, phía đông chắc phải là đỉnh núi Hélaya, nơi nhà huyền thoại Karamoko Alpha đã kết thúc đợt ở ẩn của mình kéo dài bảy năm bảy tháng và bảy ngày, trước khi thành lập hoàng triều của mình. Dải rừng rực rỡ kia chỉ có thể bao quanh và chạy dọc dòng sông

Bâdio-Dôri chạy xuyên qua miền đồng bằng Saroudia, nơi những kẻ phạm tội bị xử tử.

Ông thu ông nhòm về và bước xuống gò đất toàn đá granit trong lúc nghĩ đến câu nói của Taïbou: “Kẻ ngoại bang, hãy bảo trọng nhé! Ở Timbo, không hề có giải pháp nửa chừng đâu: hoặc người thắng tiến nhanh hoặc người bị chém đầu.”

Hiện thời, ông đang nằm trọn trong quyền lực của người Peul, cũng có thể nói ở ngay giữa tổ của loài rắn vi-pe. Tất cả đều phụ thuộc vào ông, vào khả năng vận dụng trí óc và kiểm soát tinh thần. Ông biết rằng mình đang sẵn sàng chơi ván cờ khủng khiếp nhất đời mình. Ông biết rằng mình sẽ được gắn vương miện khi trò chơi kết thúc hay đầu sẽ lìa khỏi cổ. Để cứu mạng mình, ông sẽ phải tỏ ra cao sang quyền quý mà không ngạo nghễ, khéo léo mà không chứng tỏ là bất khả kháng, nhún nhường mà không mang vẻ hèn nhát. Người Peul thoát đầu là thử bạn rồi sau đó mới mở lòng và mở cửa nhà họ cho bạn, điều đó thì Taïbou đã nhắc đi nhắc lại khá đủ cho ông nghe rồi. Những người tự mình hoàn thành công việc xứng đáng trở thành những người bạn. Nhưng người đàn ông phải hoàn thành cái gì nơi lũ người Peul xảo trá độc ác cổ lỗ này chứ? Một người nào đó nhìn thấy mà không cần người ta chỉ cho và người đó phải hiểu mà không cần người ta giải thích. Người nào đó biết giảng bầy và biết biến những chiếc bầy mà người ta giảng cho mình thành những chiếc nơ rút để khiến cho kẻ thù phải bị mắc trong đó. Tóm lại, phải biết dùng gậy ông đập lưng ông.

Nàng ta đã nói và còn nhắc lại cho ông nghe: “Đầu óc phán đoán, đúng rồi, đó chính là chiếc chìa khóa của Poulâkou, nền đạo đức học vĩ đại của người Peul!”

Những giờ đây thì ông chẳng còn cần Taïbou để hiểu điều đó. Trong năm tuần liền rông rã cuộc bộ, ông đã có thời gian mở

mắt và nhìn thấy chút đỉnh qua vô số những chiếc mặt nạ của người Peul. Ông đã nắm bắt được nghệ thuật mưu phản và tránh né mang đặc xứ Florence của họ. Ông đã hiểu rằng, nơi họ những mảnh khoe được coi là một môn thể thao quý tộc. Sống, trên hết đó là lừa đảo, ăn sống nuốt tươi lẫn nhau. Kẻ nào chuẩn bị những cuộc mưu phản tài tình nhất, thì kẻ đó xứng đáng vị trí trong triều đình và những lời tụng khen của giới thông thái. Những kẻ bình dân và có trí óc dần độn thì chẳng gọi được bất kỳ lòng trắc ẩn nào hết. Ở đây, người ta sinh ra hoặc nhiều mảnh khoe hoặc bị nguyên rửa: là ông hoàng hoặc chẳng là gì hết.

Timbo, dưới con mắt ông, thật trơ lì và không thể thấm vào được hết như một ván chơi cờ quý quái vậy! Ông có thể thắng nếu ông chơi tinh ý. Khi ấy, ông sẽ có hẳn một quốc gia cho ông: với vàng và các đàn súc vật, sức mạnh và vinh quang. Nhưng với bất kỳ một sự vụng về nhỏ nhặt nhất nào, thì đó hẳn sẽ là nhà tù và ai mà biết trước được, có thể là đầu lia khỏi cổ.

Ông băng qua sông, cắm trại ngay giữa cánh đồng và phái hai gia nhân trung thành của mình đến thông báo với triều đình việc ông đã đến nơi. Ông chờ đợi cả ngày liền, chơi cờ và không ngừng nhai sô-cô-la để giữ bình tĩnh. Một ngày dài kiên nhẫn ở ngay trước ngưỡng cửa Timbo chỉ có thể giống như phòng đợi của giá treo cổ dưới thời trị vì của Néron. Điều gì đã xảy đến với hai biệt phái viên của ông? Những ông vua Peul bịp bợm xảo trá này có thể đã bắt nhốt họ chằng, đâm chết, treo cổ hay đã bán họ đi như những kẻ nô lệ. Ý tưởng này thoáng đến trong đầu ông một chốc một lát vào buổi sáng, thì đến cuối ngày chúng đã trở thành một nỗi ám ảnh thực sự. Và mặc dù những ván cờ, những thanh kẹo sô-cô-la, mặc dù dòng huyết quản kiên cường và vững chãi của những người thuộc gia đình Olivier, thì ông

cũng không sao che giấu nỗi sợ lo lắng được nữa. Quân của ông, chỉ cách ông vài mét, đang rang củ và những hạt đậu để đánh lừa cái đói và họ không còn hát nghêu ngao nữa, không còn chông chéo những âm thanh vang vọng bằng tiếng cười giòn và gây bực mình của họ nữa. Lúc này, họ chỉ đành lòng lâu bầu trong thứ thổ ngữ của họ và nhìn ông với ánh mắt đầy oán trách. Đương nhiên, tất cả chuyện này đều là lỗi của ông. Ông hoàn toàn thấu hiểu sự bực tức của họ và ý muốn lộ rõ trong tất cả mọi thổ ngữ trên đời sẽ bỏ trốn ngay khi màn đêm buông xuống và để mặc ông ở đây, gã Da Trắng, con chiên Công giáo và đang đói khát lắm người, một mình ở giữa đám người Peul. Khi ấy ông sẽ phải làm gì đây? Trước hết là phải cố gắng giải thoát hai người bạn đồng hành (danh dự buộc ông phải làm điều đó), kể đến thì nghĩ đến lọ cyanure quý báu (chứng sợ đau vô cơ và vô tác dụng khuyến nhủ ông thực hiện điều ấy).

Vào quãng năm giờ, giọng nói của viên chức Hồi giáo gọi con chiên đi lễ buổi cầu nguyện Alansara từ xa vẳng tới - các bạn biết không chứ, vào đúng lúc mà kích thước cái bóng của bạn bắt đầu dài hơn chính con người bạn ấy mà! - lời ông ra khỏi những phán đoán ma quái. Ông ngược mắt nhìn về phía dòng sông và nhận ra Maly và Ma-Yacine, được vây quanh là vài nhà quý tộc ăn vận áo choàng bóng nhoáng. Ông để mặc họ tiến lại gần và kín đáo chuẩn bị sẵn khẩu súng của mình, và ông chỉ buông xuống khi nụ cười của hai kẻ trung thành Sénégal của ông lộ rõ vẻ hơn hờ.

Rất nhanh, người hình như có vẻ là quan trọng nhất, do chiếc áo choàng lấp lánh và chiếc ô đa sắc của ông ta, bứt khỏi đoàn người để chìa cho ông một bình sữa, làm bằng quả bầu khô, và một hạt cây cô-la. Oài, dấu hiệu của sự chúc mừng đến lãnh thổ!

Ông ta tên là Saïdou, thư ký của triều đình mà Almâmi đã phái đi đón ông, Mâ-Yacine trấn an ông, sự chậm trễ tệ hại này thực ra chẳng có gì trầm trọng cả, đó chỉ là do chứng đồng đảng của Almâmi và sự thiếu nhanh nhẹn của thể lệ đón tiếp chính thức mà thôi!

Ở ngay ngưỡng cửa thành phố, một người đàn bà, đầu đội một trái bầu khô nhìn ngắm ông rất lâu và nói:

– Đúng là lần đầu tiên ta nhìn thấy một người Da Trắng đây. Mọi người nói với ta rằng họ toàn bốc mùi cháy khét, họ thật là một lũ ngoại đạo, trong khi thực tế thì không phải thế!

Người ta xếp ông vào một cái nhà có dáng vẻ là một ngôi nhà thực sự: tường chắc chắn, mái rơm hết như khắp nơi ở Fouta, nhưng ngoài những cánh cửa xếp rộng và cửa ra vào, nó còn có rất nhiều phòng, chắc chắn là ô nhiễm do đầy gián và ruồi, nhưng thông thoáng khí. Quân của ông ở chen chúc trong năm túp lều tranh ngay kế bên. Có một cây xoài to ngay giữa sân và một dây cọc tre với một cánh cửa lớn bằng mây và dây leo bao trùm lên tất cả.

Saïdou sai đem đến cho ông bữa tối cũng như nước để ông tắm rồi biến mất. Trong lúc từ chòi nhỏ nằm sau nhà ông đi ra, nơi được sử dụng làm nhà vệ sinh và nhà tắm, thì ông bắt gặp người đàn bà ban nãy đang đứng đợi ông trong sân cùng với một thiếu nữ có cặp mắt thông minh, lấp lánh và một thân hình tuyệt vời màu đồng hun. Olivier de Sanderval ngay lập tức tìm được cho nàng một cái tên: “nơi tĩnh tại của cặp mắt”.

– Đây là con gái Fatou của ta, - người đàn bà nói với ông. - Nó sẽ đến quét dọn nhà cho người. Người cũng sẽ có quần áo bẩn phải giặt giũ và nó sẽ giặt hết cho người. Nhà ta nằm ngay phía bên kia hàng rào gần *lougan* ấy. Người sẽ nhận ra nó thôi: giàn

dây bầu phủ hết cả mái nhà ấy.

Ngày hôm sau, ông muốn ra ngoài đi dạo cho đỡ cuồng căng, nhưng những lính gác đeo vũ khí và đoàn kiếm ngăn không cho ông bước ra khỏi cổng.

Chẳng còn có ai đến thăm ông lần chào hỏi ông, ngay cả việc đem đồ ăn đồ uống cho ông cũng không nốt.

Vào ngày thứ ba, ông ăn kiệt tất cả đồ dự trữ. Đám người vẫn đứng gác ngay trước cửa cổng: và không chỉ có số người tăng lên gấp đôi mà kể từ đó họ cầm súng và đoàn kiếm trong tay, chứ không còn giắt chúng trong áo choàng như trước

Vào ngày thứ năm, những ước đoán báo động bắt đầu rộ lên trong hàng ngũ quân của ông. Chắc *Almâmi* không hài lòng rồi! Họ mừng tượng cảnh ông ta khép mình trong một gian nhà trái trong cung điện để quyết định điều phù hợp phải làm: trục xuất kẻ Da Trắng hay xử trảm hắn đây? Hay tịch thu tài sản của hắn hay bán đám quân của hắn cho Sierra Leone?

Ngày thứ bảy, ông nghiêm túc nghĩ đến việc nuốt lọ cyanure mà ông vẫn giấu trong một chiếc răng hàm. Vì một điều nhỏ nhặt nhất, có chuyện rằng vua ở Dahomey dành cho số phận những tù nhân da trắng của ông ta: ông ta buộc họ phải chặt đầu và tứ chi đám bạn đồng hành của họ trước khi đến lượt họ cũng bị chặt chân tay và xử trảm.

Ngày thứ tám, ông ních đầy ký ninh và nước long não để đánh lừa cái đói và nguệch ngoạc những câu này trong các cuốn sổ ghi chép: “Ta hiểu rồi, lũ sói Peul này không muốn bắn tay đây! Chúng muốn ta tự chết một mình. Vì bệnh ngã nước hay do đói lả! Và đương nhiên, chúng đã nghĩ là ném một viên đá trúng hai đích: thương thảo trong thời gian này một khoản tiền chuộc kếch sù với Saint Louis! Điều này hả, đúng là chỉ có bọn

Peul mới làm được!” Rồi ông đặt bút chì xuống và bất ngờ vỗ trán: “Mẹ kiếp, lũ người Anh rồi!... Ô, đúng vậy, ta lẽ ra phải ngờ đến điều này... Ông bạn Lawrence... khách quý của Fouta... đường biên giới ấy được mở quá nhanh... Chúa ơi, nhưng từ khi ở Boulam kia, cái bẫy này đã được giăng ra rồi!” Ông liền đi ra ngoài và kêu tướng với đám lính gác: “Quân của ta đã chẳng làm gì hết, hãy cho họ ăn uống đi!” Hình như chỉ có những con bọ rầy đen đỏ đậu đặc trên các cành cây xoài là muốn đáp lời ông mà thôi. Ông đi về phía ngôi nhà một cách buồn bã và thốt lên: “Thế thì sẽ là tối nay, vào lúc đồng hồ điểm mười hai cú giữa đêm nay!” Ông nằm ngay xuống chiếc giường tạm sơ sài và viết một lá thư dài cho vợ, tiếp đến ông chỉ dẫn cho Mâly và Mâ-Yacine những điều cần làm nếu may ra họ sống sót được. Ông chỉnh đồng hồ báo thức và lại đi nằm, hai tay bắt chéo trên ngực.

Những cú chày giã hạt ngũ cốc, những ca khúc của các cô gái chăn gia súc gọi đám bò cái, tiếng gọi của các viên chức Hồi giáo kêu gọi con chiên vào giờ cầu nguyện... Những tiếng chó sủa, những tiếng động bước chân vẳng vào từ ngoài sân... Mâly bỗng xuất hiện ngay trước mặt ông trước khi ông kịp nhòm đầu dậy:

– Ông còn đợi gì nữa hả, Da Trắng kia? Hãy ra ngoài mà chào hoàng tử đi!

Một thiếu niên tuần tú khôi ngô chừng mười lăm tuổi đang đợi ông dưới bóng cây xoài, ngồi trên một mảnh da cừu, dáng vẻ giống hệt như một bức tượng đồng thau trong bóng tối của màn đêm đang đến.

– Ta tên là Diaïla và chính do Almâmi, cha ta phái đến đây. Người sẽ tiếp ngươi vào ngày mai sau buổi lễ rạng đông. Môdy Saidou sẽ đến để dẫn ngươi đến cung điện.

Chỉ vừa ra khỏi giường bệnh, ông đã thấy mình đang đứng trước cửa vào cung điện, nơi có một đội quân ẩn tượng, trang bị toàn đoản kiếm và súng. Ta chỉ bước qua đó nếu được phép mà thôi, trái lệnh sẽ bị xử tử. Những tháp canh, những tường thành, các mái nhà, toàn bộ những công trình đó chỉ là một sự chồng chất toàn rơm khô và giàn bầu leo thảm hại. Nhưng dẫu sao, ông cũng thấy ở đó có một sự long trọng, ông, người đã biết hương vị của triều đình Nga hoàng và tất cả các Nhà nước của liên bang Nga khi Nga hoàng đã phái một viên tướng đến gặp ông để mời xây dựng các nhà máy hóa học ở Odessa! Không cười, không thăm thì gì hết nhé! Người ta chỉ được phép ho hoặc hắt hơi ở đó mà thôi.

Ngay khi vừa đến nơi, ông được đưa vào trong *mbatirdou*, biệt thự mọc ngay giữa sân, và chính tại đó mà *Almâmi* chấp thuận những buổi thuyết trình công khai. Ông đứng đó giây lát và nhà thông thái thường trực, mình vận áo chùng dài, đầu vấn khăn, cả hai thứ đều đỏ rực, thông báo bằng một giọng cao lạnh lạnh rằng ông đã đến, trong lúc miệng hát bài ca được dành cho sự kiện này. *Almâmi* bước vào phòng và ngồi vào chỗ mình mà không một ai phải đứng dậy: bên trái Người là *Sanderval*, bên phải là các Bộ trưởng và các em trai của Người, cách một khoảng khá xa là các quan chức ngồi thành nhiều hàng tùy theo thứ tự quan trọng của họ, giữa Người và những quan chức lớn là những thông ngôn viên.

Một người đàn ông khổ người cao lớn vận áo chùng khắc khổ và đeo một bộ râu xồm xoàm gớm ghiếc đứng dậy, quét ánh mắt đỏ dữ dần lên khắp lượt cử tọa. Chắc phải là ông ta rồi, *Diogo Môdy Macka* mà *Alpha Yaya* đã nhắc tới. Ông ta xướng to chương trình nghị sự và đề nghị *Saïdou* đưa lần lượt từng khách mời đang ngồi đợi trong phòng áo. Thường xuyên nhất là

những đoàn xe khách đến xin giấy phép đi về vùng ven biển, những biệt phái viên của các tù trưởng tỉnh lẻ hay còn có cả những người đến kêu án. Almâmi, không bao giờ mở lời trước công chúng, ngồi nghe những lời biện hộ và kết luận bằng một cử chỉ gật hay lắc đầu. Người này được tái thiết lập các quyền hạn, người khác, bị tuyên án cho vào chuồng gia súc hoặc thưởng vàng. Án được thi hành ngay lập tức, đối với cả những trường hợp bị đày biệt xứ hay bị tuyên án tử hình, những lời tuyên cứ kể tiếp nhau khiến cho vị khách toubab của chúng ta ngồi ngáp dài cả phần lớn buổi sáng.

Toàn bộ lâu đài được thể hiện trong một sự quanh co lòng vòng đầy con hẻm nhỏ, sân và các ngôi nhà chỉ hơi bề thế hơn những nơi ở của dân thường. Cả triều thần, đông và gay gắt, chen lẫn quanh vị quân vương của mình, im lặng đến ấn tượng và trang nghiêm. Ông ngưỡng mộ tư thế đường bệ của đấng quân vương và sự quý tộc trong các đường nét nhưng cũng bị ấn tượng bởi sự đơn giản của nơi chốn và khiêm nhường của đồ đạc. Người ta đem tới cho ông một chiếc ghế.

– Một chiếc ghế chỗ người Da Đen, có lẽ đây là chiếc duy nhất của triều đình! Ông nhăn nhó lắm lắm.

Ngay tức thì, giọng nói chắc nịch của Diogo Moody Macka khiến cả cử tọa rung lên:

– Kẻ Da Trắng vừa nói gì?

– Ông ấy nói rằng ngay cả nơi quê hương ông ta, ở nước Pháp xa xôi kia, những chiếc ghế cũng không đẹp nhường này ạ! - Mây hỏi hả chữa ngay.

“Chuyện tầm phào, tầm phào, rồi lại tầm phào, người ta chẳng đến nơi người Da Đen để nói chuyện tầm phào chứ hả”, ông sẽ ghi lại như thế để tóm tắt lại buổi thuyết trình dài, chán

ngắt và vô vị này.

Lúc này, khi đã vào cuối buổi sáng, thì giọng nói sang sảng và những động tác phóng khoáng của nhà thông thái thường trực cất lên đề nghị Mâly giới thiệu Da Trắng.

Kế đến, người ta đòi ông xuất trình hộ chiếu mà Aguibou đã cấp cho ông. Almâmi liếc nhìn qua, Môdy Saïdou đọc to lên. Sau đó, nhà thông thái có thể hỏi người ngoại bang:

- Người đã khởi hành từ Boulam, chúng ta hiểu rồi. Người đã ghé qua Boubah, chúng ta đã hiểu. Cái này là hộ chiếu mà Aguibou đã cấp cho người, điều này nữa, chúng ta cũng đã hiểu. Điều mà chúng ta không hiểu, Da Trắng ạ, đó là mục đích chuyến viếng thăm của người ở đây.

- Đúng vậy, - cả quần thần tiếp lời trong một sự hỗn độn không tưởng, - một mình ra đi từ nước Pháp và tại sao lại đến tận Timbo chứ?

- Để chúng ta trở thành bạn của nhau và để yêu cầu các ông cho phép mở đường thương mại! - Ông cố gắng trả lời trong lúc cố nhấn mạnh lên giọng nói.

- Hẳn muốn cho chúng ta cái gì và chúng muốn gì ở chúng ta? - Đám đông rền lên trong sự náo động còn dữ dội hơn nữa Almâmi hăng giọng.

- Im lặng, - nhà thông thái thường trực kêu lên.

- Thương mại ư, chuyện đó diễn ra ở vùng ven biển kia, - một người nào đó lên tiếng.

- Anh nói đúng đấy, - một người khác đồng tình, - người Da Trắng chẳng bao giờ đem lại điều gì tốt đẹp cả. Hãy để họ trụ lại ở vùng ven biển đi!

- Im lặng! - Nhà thông thái lại rền lên.

- Để hẳn nói xem hẳn là ai đã!

- Im lặng nào! - Nhà thông thái lại kêu lên lần nữa. - Rồi, người hiểu rồi chứ, Da Trắng, trước hết hãy nói người là ai...

- Tên tôi là Olivier, Aimé Olivier! Tôi đến đây là vì tình bạn, tôi chỉ muốn sự hòa bình mà thôi! Tôi chỉ muốn thăm viếng lãnh thổ của các ông, ký kết những hiệp ước thương mại, xin phép xây dựng một tuyến xe lửa.

- Một còn đường gì hả? - Nhà thông thái chợt bị kích động.

- Tôi đã nói với các ông rồi đấy thôi! Hắn muốn đặt cả Fouta lên đồng sắt! - Một ông già bật khóc sục sịt.

Almâmi lại hắng giọng lần nữa và nhà thông thái dịch nghĩa trong lúc bắt cử tọa giữ im lặng bằng một động tác huơ tay lên:

- Đường xe lửa, đó là cái gì vậy?

- Xin chờ một chút, tôi sẽ quay lại ngay!

Ông chạy ngay về nhà mình dưới cặp mắt sững sờ của cả triều thần. Mây bắt đầu chạy sau ông mà không sao tìm được lời giải thích cho chuyện này. Ông hồi hải lục trong đồng đồ đạc dự trữ và rương hòm. Lát sau, ông quay trở lại cung điện với một chiếc hộp rất lớn và bắt đầu gỡ ra trong lúc miệng lầu bầu những câu mà đương nhiên cả triều đình, chẳng ai hiểu gì.

- Đây, một tuyến đường xe lửa là vậy đấy!

Rồi, dưới cặp mắt sững sờ của cả Fouta, ông lắp từng đoạn đường ray, những thanh ngang, gắn đầu xe lửa và ghép những toa tàu.

- Giờ chỉ còn thiếu tiếng động nữa thôi, nhưng điều này, tôi có thể làm được cho các vị, - ông nói thêm mà không hề cười.

Và ông bắt chước tiếng huyên náo của động cơ, tiếng rít của lò than, tiếng va chạm của sỏi đá đập vào các thành toa tàu, sự va chạm của cành cây, và tiếng rú du dương trầm bổng của gió.

– Với cái này, ông nói thêm, các ông sẽ có thể đi từ Boulam tới Timbo trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn mà thôi.

Rồi nhẹ nhàng, ông tiến về phía Almâmi và chìa cho Người cỗ máy:

– Tặng Người đây, thưa quân vương! Hãy bỏ chút thời gian chiêm ngưỡng kỳ quan này đi, tôi tặng nó cho Người!

Toàn bộ chuyện này có vẻ như vô thực. Người ta gãi đầu, người ta trợn mắt, người ta há hốc miệng. Chỉ có sắc thái trên khuôn mặt mới có thể diễn tả nổi trước một điều huyền hoặc nhường ấy. Hoặc thẳng là sự im lặng và nhún nhường mà, cùng với chúng, người Peul biết tiếp nhận các hiện tượng nguyệt thực, động đất và tất cả những điều kỳ diệu của đấng Tối cao lòng lành. Phải mất thời gian khá lâu để ai đó thốt ra được một câu:

– Kẻ Da Trắng này là một tên bịp bợm!

Rồi từ các hàng bên trái, nhà quý tộc của một tỉnh xa xôi, trán ướt đầm mồ, bị nhụt trí cũng nhanh như cơn phần nộ trào dâng trước trải nghiệm mà ông vừa chứng kiến:

– Anh nói đúng đây, tôi không hiểu làm thế nào mà sắt lại có thể chạy được với một vận tốc mà một con tuần mã cũng không sánh nổi.

– Đúng vậy, - người ngồi cạnh ông ta đồng tình, kẻ Da Trắng này đang nhạo báng chúng ta đây mà, chúng ta buộc phải xử trảm hắn thôi!

– Và cứ cho là có chuyện đó thật đi, thì tại sao lại đặt đường xe lửa trong khi mỗi người có hai chân để đi và các khu chợ thì hung nhúc những ngựa là ngựa chứ?

Almâmi ra một cử chỉ bằng đầu, giọng nói lạnh lạnh của nhà

thông thái thường trực lại cất lên lần nữa:

– Và bằng chính đôi tay của người mà người thực hiện điều ấy ư, hả Da Trắng kia?

– Không, không phải bằng tay của tôi mà bằng khối óc của tôi, - ông đáp lại một cách ranh mãnh. - Còn bàn tay hả, chính các ông sẽ trợ giúp tôi.

Tiếng rì rầm bất bình rộ lên, lan đi trong đám đông. Người ta đã biết mười mười rằng khi đào đất xây dựng cung điện hoàng gia thì phải trả giá bao nhiêu tên nô lệ hay việc chuyển hàng ngàn súc vật đến tận Boulam là bao nhiêu, còn đây phải tạo dựng một con đường xe lửa hoàn toàn bằng sắt và bằng chính đôi tay mình thì khủng khiếp đến cỡ nào!

– Thế nào, hả nhà thông thái? - Một người chột mắt cất giọng khe khẽ hỏi.

– Thế nào cái gì?

– Ta sẽ để cho hấn làm hay sẽ xử trảm hấn đây?

Almâmi thốt lên một tiếng gằn trong cổ họng và nhà thông thái dịch ngay ra:

– Hãy cẩn thận nhé, nhà quý tộc thân mến! Chuyện ấy không thuộc thẩm quyền của anh, mà thuộc thẩm quyền của Almâmi kia... Sáng nay đến đây tạm hết. Mặt trời đã lên cao rồi, chúng ta phải chia tay nhau thôi. Hãy bình thân, hỡi các nhà quý tộc của Timbo, hãy đi thư giãn trong các vườn cây trái và với các đàn gia súc của mình đi.

Nhà thông thái nháy mắt, Mây giải thích cho Da Trắng rằng ông phải ở lại.

Almâmi mắt hút đằng sau những bức tường, kéo theo sau cả đoàn tùy tùng của Người và những lời tụng ca của nhà thông thái. Và chỉ sau đó thì cả cử tọa mới tản dần đi. Ông đang đứng

đợi trong sân, một mình cùng với Mâ-Yacine và Mâly thì một tên lính gác đến kiểm ông:

– Ê, kẻ Da Trắng kia, có thật nhà người là cháu gọi vua Pháp bằng chú ruột không?

– Ờ thì... vâng... đúng thế...

– Thế thì đến đây đi, Almâmi sẽ tiếp người!

Người ta dẫn ông đi dưới giàn cây uốn thành vòm được sử dụng làm phòng khách hoàng gia, nơi Almâmi đang có mặt cùng với đoàn tùy tùng thu hẹp. Vị quân vương mời ông ngồi ngay sát cạnh và lần này, Người nói mà không cần thông qua nhà thông thái. Người lôi chiếc tàu nhỏ xíu ra, yêu cầu giải thích tường tận tỉ mỉ và rất lâu về hệ thống. Da Trắng chỉ cho Người xem chỗ đặt động cơ, chỗ đặt bình hơi, giả làm chức năng vận động của các bánh xe, giải thích tại sao có những lỗ giữa các đường ray. Ông ca ngợi cỗ máy và nân ná rất lâu trên những tiện ích của thương mại:

– Đồng ý, Da Trắng ạ, đồng ý! Chừng nào mà sẽ chỉ vì thông thương, thì chừng ấy người sẽ còn là bạn của ta và sẽ mãi là khách quý của Fouta Người có thể mở các thương điểm, nhập khẩu những gì người muốn.

– Thế còn những gì liên quan đến đường xe lửa thì sao?

– À ừ nhỉ, đường xe lửa của người hả? Ta không nghĩ đó là một điều tồi đâu, nhưng ta còn phải tham khảo ý kiến của các nhà quý tộc đã.

– Khi nào?

– Khi nào đảng Tối cao mong muốn điều đó sẽ được thực hiện. *Diango, fab'i diango*, ngày mai, ngày kia!... Hãy đợi sự gia hạn nhiệm chức của các vua, ta sẽ tận dụng dịp đó để hỏi ý kiến họ...

Một chàng trai trẻ có chòm râu dê, đeo một chuỗi tràng hạt hổ phách to sụ quanh cổ, chặn ông lại trước khi ông ra khỏi giàn cây hình vòm:

– Ta là Pâthé, cháu gọi Almâmi bằng chú ruột. Con tàu của ông là một điều thú vị đấy. Ta tin chắc rằng nó sẽ đem lại sức mạnh cho Fouta. Ta sẽ ghé qua thăm ông, chúng ta có rất nhiều điều để nói với nhau đấy.

Chàng ta vẫn còn chưa dứt câu thì một chàng trai trẻ to con khác, trên mặt loang lổ những nốt rỗ của bệnh đậu mùa, đến lượt mình cũng tiến đến cạnh ông, chìa tay ra:

– Còn tôi, tôi là Bôcar-Biro, một người cháu khác của Almâmi, và cũng là thủ lĩnh chiến tranh.

Pâthé, Bôcar-Biro, Aguibou, Alpha Yaya! Ông còn lâu mới tưởng tượng ra được số phận thê thảm chẳng bao lâu nữa sẽ liên kết ông với bốn vị hoàng tử này của Fouta!

Ông tặng cho Almâmi một con ngựa xứ Camargue, những yên ngựa, cương ngựa và kim loại luyện của hãng Walker, những vũ khí, hổ phách, san hô ngọc trai và cả núi vải đẹp. Hàng loạt đồ vật sang trọng này chẳng mấy chốc lan đi khắp cung điện. Mỗi quần thần đều đòi chút quà gì đó. Ông phải giở hết những mưu mẹo của tổ tiên Gaulois của mình ra để không phải trút lại đó cả giày, lẫn đồng hồ và chiếc lều bạt của mình.

Vẫn còn hai ngày nữa trong tình trạng như thế và, thật kỳ diệu, đám lính gác đã biến khỏi cửa chính. Ba mươi phút đã đủ để ông đi một vòng hết cả Timbo. Quay về nhà, ông ghi lại: “Là vậy đấy, Versailles của Fouta là thế này đây! Lũ gà mái của chúng ta cũng còn được ở tốt hết thế!”

Những ngày sau đó, ông khóa chặt mình trong nhà, tự hứa phải làm việc với tác phẩm Vô Cùng và những cuốn sổ ghi chép.

Nhưng lũ gián và ruồi, và nhất là đám đông những kẻ tò mò không để cho ông có thời gian. Một số đến sờ nắn da ông. Một số khác lại đến hít thở mùi của ông. Người ta kiểm tra độ mềm của mái tóc ông, chỉ trỏ những chiếc cúc áo trên chiếc redingote của ông. Người ta ước đoán đến kiệt cả trí óc về màu da và một số của ông. Liệu ông có ăn uống không? Liệu ông có nhạy cảm với lửa không? Ông uống nước hay uống kim loại hóa lỏng nhỉ? Người ta giám sát khi ông đi sắn, người ta theo dõi từng bước khi ông đi dạo, người ta rình rập khi ông tách khỏi con đường để đi vệ sinh. Không còn khoảng trống nào để mà tạo cảm hứng nữa, không bao giờ còn chút thời gian thầm kín cho riêng ông! Những kẻ bạo gan nhất còn lần vào tận mái hiên nhà ông, đến tận thành giường của ông. Ông cứ uống công để chiếc đồng hồ báo thức của mình réo vang, mọi người chỉ bỏ trốn giây lát để rồi lại kéo đến ngay sau đó. Ông lần lượt thử hết sự phản chiếu của gương soi, mùi vị của long não và đe dọa bằng súng. Chẳng ăn thua gì hết! Chuyện đó cứ kéo dài nhiều ngày liền, cho đến tận lúc ông bỗng chợt hiểu ra. Đó chính là do hai tên vô liêm sỉ Mâly và Mâ-Yacine! Hai kẻ Sénégal này đã đòi được trả bằng gà vịt, ngô hây sữa để cho phép họ đến thưởng thức màn biểu diễn. Hoàn toàn không kiểm soát được cơn bực tức, ông vớ khẩu súng và bắt quả tang đám người thô thiển kia trong nhà của Mâly, đang ngồi giữa đồng lương thực vừa thu gom được.

- Ta đến để đòi phần của mình đây, - ông gào lên. - Kể từ bây giờ, sẽ là chia đôi năm mươi - năm mươi. Dẫu gì thì cũng chính ta là con vật biểu diễn của sở thú đó!

Nhưng, khi về đến nhà, ông bắt gặp cô bé Fatou đang đợi ông trên giường, mình cũng trần như nhộng giống hệt như lúc mới sinh ra.

- Ô không đâu, cô bé Fatou đáng thương, - ông kêu lên và buộc cô bé phải mặc lại quần áo, - chiếc giường này quá bé cho hai chúng ta đây! Hãy đi làm chuyện đó với người khác đi! Đi đi, đi đi nào!

Ông chật vật mãi mới đẩy được cô bé ra sân và cho nó một viên hổ phách để xoa dịu những cơn nấc nức nở của nó. Chính lúc đó, bà mẹ xuất hiện từ những bụi cây rậm *lougan* và lao thẳng vào ông:

- Hãy cưới nó đi! Mi không thấy là nó đẹp đến thế nào ư? Hãy làm nhanh lên đi, hãy cưới nó đi! Hãy vâng lời đi, kẻ Da Trắng vô cảm kia ơi! Nào, hãy làm những gì ta nói đi!

Mâly và Mâ-Yacine, người mà ông đã không tuyển mộ mà vô dụng, ra khỏi nhà để xua đuổi hai con gà mái và bảo vệ ông chủ khỏi những trận cục ta cục tác cuồng nhiệt của họ.

Như đã hứa, Pâthé đến thăm ông. Đó là một hoàng tử Peul hệt như người ta vẫn hình dung trong các phòng khách sang trọng ở Paris hay ở Marseille. Cao lớn và mảnh mai, những đường nét thanh tú, da màu đồng hun, giọng nói nhẹ nhàng, cử chỉ điềm đạm, lại thêm vào một phong thái hiệp sĩ và huyền bí toát ra từ ngọn lửa hừng hực của tia mắt. Chàng vận một chiếc áo chùng đẹp bằng vải bazin trắng thêu xanh ở ngang tầm túi và một trong số những chiếc mũ hình chóp phủ đầy chữ Ả-rập mà người Peul gọi là *pouto*. Và đương nhiên cả chòm râu dê lịch lãm và chuỗi tràng hạt quanh cổ chẳng bao giờ rời khỏi chàng. Chàng chìa ra một cuốn sách rồi cất tiếng mà không hề giấu vẻ tự hào:

- Chính một người Thổ Nhĩ Kỳ đến từ Istanbul đã viết hết lịch sử của gia đình ta trong này đó.

Chàng nói rất lâu về đạo Hồi và về Fouta. Người Da Trắng

ngồi nghe một cách lịch sự, rồi đã thành công chuyển hướng cuộc trò chuyện về điều duy nhất khiến ông quan tâm: Fouta, không còn chỉ toàn nói về thời tổ tiên họ mà còn nói về thời hiện tại. Ngay khi đến Boubah, ông đã không tránh khỏi việc mình đang đứng trên mặt đất của một đất nước đầy phức tạp và mâu thuẫn. Một cánh rừng bao báp thực sự: chắc nịch trong gốc rễ của chúng, nhưng mong manh trong thân và cành lá. Quá nhiều tỉnh lý, quá nhiều các cấp xét xử! Quá nhiều triều đại và các ông hoàng! Đó là một hệ thống sáng sủa, chắc chắn là một sự sắp đặt mềm mỏng nhưng quá nhạy cảm trước những luồng gió độc của sự ganh ghét, hiềm tỵ và hoài bão. Ông không để cho hoàng tử kết thúc nốt bài diễn văn về những thâm nhập lẫn quất của Nhà thờ và sự đạo đức giả của Công giáo, ông lập tức hỏi ngay:

– *Almâmi* bao nhiêu tuổi hả?

– Có hai điều mà ở đây người ta không bao giờ tính đến: đó là số bò Người có và tuổi của Người. Điều đó đem đến bất hạnh.

– Điều chắc chắn, đó là Người không còn trẻ nữa.

Ông nhìn sâu vào đáy mắt hoàng tử để đoán nhận hết những phản ứng của chàng và nói thêm:

– Và sắp phải thay thế Người chứ?

– Fouta đã nghĩ đến mọi chuyện, Da Trắng ạ! Người sẽ được thế vị một cách đều đặn ngay sau khi người ta chôn cất Người.

– Thế mọi người đã biết tên của người có diễm phúc đó chưa?

– Người đó đang ngồi ngay trước mặt ông, kẻ ngoại bang tò mò ạ.

– A, thưa hoàng tử kẻ vị! Hôm nọ, ông đã nói với ta ở cung điện ông là cố vấn thứ nhất.

– Đó hoàn toàn là điểm yếu của người Peul đây, bạn thân mến ơi! Đó là một cái tật nơi đất nước chúng tôi là phải chơi trò nhún nhường. Nếu tôi mà nói là hoàng tử kế vị thì cả Fouta này sẽ cười vào mũi tôi, ấy thế mà đúng đây, tôi là hoàng tử kế vị của Fouta.

– Thế thì người đang ngồi trong nhà tôi đây không ai khác là Almâmi tương lai của Fouta, ông thốt lên và chia cho hoàng tử một thanh sô-cô-la.

– Thế tôi có dáng vẻ đó không hả? - Hoàng tử nói tếu.

– Ở đây, các ông ai cũng có dáng vẻ cả. Phải tự hỏi là các ông để con dân của mình ở đâu nhỉ!... Hãy nói cho tôi biết, thưa hoàng tử, ông sẽ làm gì với con đường xe lửa của tôi khi ông lên ngôi?

– Ta sẽ ủng hộ. Giới trẻ đều muốn có nó, chính các ông già không thích nó.

– Những người già sẽ chẳng bao giờ muốn có nó và ở đây, không có những người già thì... Nếu tôi hiểu rõ thì ngài Bôcar-Biro là anh trai của ông phải không?

– Đúng thế, anh cùng cha đây!

– Hừm, điều đó chẳng bao giờ tốt lành cả, anh em cùng cha ấy mà, nhất là ở người Peul các ông!

– Không đúng với trường hợp chúng tôi đâu, chúng tôi rất hợp ý nhau.

– Hãy coi là tôi chưa nói gì cả, thưa hoàng tử, tôi đã chưa nói gì hết!

Đêm đến, mệt mỏi phải nghe những ca khúc của lũ ếch nhái, ông lại lần mở một trang mới của Vô Cùng ra: “Chúng ta không thể định nghĩa cái hư không của sự Tương đối hay Tuyệt đối bởi vì chúng ta còn lâu mới biết hết toàn bộ sự Tương đối, tất cả

những gì mà sự Tuyệt đối nắm giữ bằng sức mạnh, tất cả những gì sẽ lại ra đời trong cuộc sống trong tương lai...

Một hôm, khi từ nguồn nước suối trở về, nơi ông đã có thói quen đến đó để đánh lừa sự buồn chán của mình, thì một cảnh mê ly thu hút ánh mắt ông và khiến ông dừng bước. Đằng sau một hàng rào tươi mát đầy hoa lay ơn và sơn trà *mampata*, một cô gái trẻ đang giã hạt fonio, miệng lẩm nhẩm hát mà không hề để ý đến sự hiện diện của ông. “Nàng thật tuyệt diệu, vị công chúa da đen này: cặp mắt to đẹp và sâu thẳm khiến ta có thể chết chìm trong đó, một ngấn cổ tuyệt hảo và chẳng có gì bí ẩn, khiến ta mơ tưởng đến Phidias, khiến ta nhập vào sự ngất ngây điên cuồng Anacréon và tất cả những thi sĩ trong trường ông. Diễm lệ và quyến rũ làm sao!” ông ghi lại trong cuốn sổ của mình, hoàn toàn bị thôi miên. Ông hẳn có thể hiến tặng cả đất nước Pérou và tất cả châu báu của Apollon để kéo dài mãi cảnh tượng hoan hỉ này. Nhưng mới chưa được đầy mười phút thì bất hạnh xảy đến, một quả xoài chín ruồng rơi xuống cạnh nơi ông đang đứng! Khi phát hiện ra ông, nữ nhân yêu kiều kia bỏ chạy rồi vừa chạy trốn vừa kêu như gặp quỷ hiện hình. Ông nháy qua hàng rào và chạy đuổi theo nàng: “Daro! Daro Yandi! Đứng lại đi, ta van em, ta thề rằng không có ý định gây hại gì cho em hết!” Ông thốt ra những câu tiếng Peul mà ông đã học được, nhưng thiếu nữ trẻ lại càng chạy nhanh gấp bội. Họ chạy băng qua một hai đám *lougan*, luôn lách giữa nhiều ngôi nhà. Chó sủa rộ lên, gà dê hoảng hồn khi họ chạy qua. Sau vài phút tưởng như bất tận của cuộc chạy đuổi này, cô gái trẻ đẩy cánh cửa của một hàng giậu rách nát mà, phía sau nó, một nhóm đàn bà, mình phủ đầy bột xà phòng đang cọ lưng cho nhau, rồi đóng sập lại ngay lập tức. Đám lính gác có mặt tức thì sau vài giây đồng hồ, lăm lăm đoản kiếm và gậy gộc:

– Rõ là thế mà, lũ Da Trắng, thô lỗ và vô giáo dục! Chúng ta phải cầm tiệt chúng đến Fouta mới được, wallâhi, chúng ta phải làm vậy thôi! Người muốn gì ở người đàn bà trẻ này hả, trả lời ngay, đồ vô giáo dục!...

Ừ nhỉ, ông đã làm gì nhỉ?... Ông thậm chí tự mình cũng chẳng biết nữa. Ông đành đứng trân, vắn xoắn mẩu khăn mùi soa che đầu mà ông đang cầm trên tay, chiếc khăn mà thiếu nữ trẻ đã đánh rơi trong cuộc chạy trốn.

– Nếu địa ngục mà tồn tại, thì nó chắc phải giống như thế, - ông lầm bầm, tin chắc rằng lần này sẽ bị lôi lên giàn xử trảm, hay chí ít cũng bị đối diện với lính gác ngục.

Rồi ông bỗng nghe thấy tiếng ai đó vang lên:

– Các người không thấy, hả lũ đàn kia, rằng ông ta chỉ muốn trả lại cho cô gái chiếc khăn trùm đầu thôi đó sao?

Ông quay lại và nhận ra Diaïla, chàng hoàng tử trẻ mà ông đã gặp tối nọ, đang vắt vẻo trên mình ngựa. Ông đã được cứu sống!

Sự va chạm mau chóng rơi vào quên lãng, nhưng than ôi, cả con người khốn khổ của ông cũng thế. Ông sống vậy trong nhiều ngày liền mà không hề có bất kỳ tin tức gì từ bên ngoài. Pâthé đã không đến như đã hứa còn Bôcar-Biro thì chẳng thấy tăm hơi đâu. Nhưng tất cả những chuyện đó cũng chẳng thấm tháp gì. Bệnh tật đã lợi dụng giai đoạn đen tối cô độc và tâm hồn lãng đãng, buồn bã và lo lắng bồn chồn này để tấn công ông. Lần này là rất nghiêm trọng! Chẳng có gì giống với những lần khủng hoảng thoáng qua của bệnh sốt rét, những cơn đau bụng kinh niên mà ông đã vướng phải khi lên bảy tuổi, khi ông phải sống trong ký túc xá khổ hạnh Oullins, nơi các thầy tu dòng thánh Dominique đã nhồi cho ông toàn tiếng La-tinh, đạu nghiền và những lời đẹp ý hay cơ bản của cuộc sống. Thông

thường, bệnh tật chỉ dành lòng quấy quả ông, mà cơ thể chắc nịch của ông không cảm thấy bị yếu đi thực sự. Lần này thì không rồi! Ông bị ngất đi rất lâu đến nỗi mà người ta đã nghiêm túc nghĩ tới việc đào cho ông một huyệt mộ. Nhưng ở đâu mới được chứ? Và theo phong tục tập quán nào đây, Chúa ơi? Ngoài một nhà mạo hiểm người Anh đã đến đây truyền đạo từ một thế kỷ trước, thì không một người Da Trắng nào đã chết ở Timbo cả.

Ông chìm trong trạng thái hôn mê gần như cả ngày và lại bắt đầu nôn ngay khi vừa tỉnh lại. Các động mạch chạy sát sạt làn da, cũng lộ rõ như các rãnh xương của ông. Tóc ông bắt đầu rụng, da trở nên vàng ửng. Trí óc lơ mờ, ông nghĩ mình đã bốc mùi thối của xác chết. Ngán ngấm vì ních đầy ký ninh, những viên thuốc vichy, nước long não và moóc-phin, ông gọi hoàng tử trẻ Diaïla , và thổ lộ cho anh ta nghe những lời gửi gắm cuối cùng: “Nếu tôi chết, thì tôi đã lệnh cho quân của tôi để họ thiêu thi hài tôi và mong họ sẽ mang tro hài cốt của tôi về tận Saint Louis. Tôi van ông, đừng áp dụng những nguyên tắc cứng nhắc của đạo Hồi để ngăn cản điều đó.” Bị cuốn đi trong cơn mê sảng, ông nói tiếp: “Và đừng quên, hãy ra lệnh không cho ai được đụng đến của cải của tôi nhé! Tôi sẽ nhượng lại cho ông năm xu, bánh xà phòng và chiếc kính hiển vi.”

Mê tín dị đoan cho rằng bên bờ huyệt mộ của mình, kẻ hấp hối thấy lại, hết như trong phim, những biến cố khác nhau của đời mình. Thế mà, ông chẳng cần cố gắng để quan sát với một ấn tượng rõ ràng mười mười, quá khứ của ông dần trôi dạt.

Ông đang ở ký túc xá Oullins trong lớp tiếng La-tinh của cha xứ Lacordaire! Kia là cha Bourgeat đang giảng luận văn về Platon còn cha Mermet đang sắp hàng những công thức vật lý! Hình ảnh cứ dần dần trở nên lơ mờ để nhường chỗ cho hình

ảnh của bậc thầy luyện kim Michaud mà cùng với ông ấy, vào năm 1963, ông đã xây dựng nhà máy sản xuất xe đạp đầu tiên mà, trong cơn điên giận dữ điên loạn, các chiến sĩ công xã đã đốt cháy hết; kể đến là hình ảnh chiếc mề đay mà ông nhận được ít lâu sau vì đã cứu được chiếc thuyền buồm gặp nạn ở vịnh Marseille. Còn bây giờ là lúc ông ba mươi tuổi, râu rậm, đã lập gia đình và là thị trưởng thành phố Marennes, nơi ông sẽ là người đầu tiên trong lịch sử nước Pháp cấp xe đạp cho bưu tá! Sau Marennes, Marseille, nơi mà trong nhiều năm làm việc ở phòng thí nghiệm, ông sẽ một lần nữa cố thử phân tách chất liệu và phát minh máy bay. Và rồi đến bữa ăn trưa tuyệt vời trên đỉnh Verryère mà người ta vẫn còn nói đến bên bờ cảng Vieux-Port, hơn một thế kỷ rưỡi sau đó: ba trăm khách mời nổi tiếng được chở lên đỉnh đồi đá bằng những con lừa đặc biệt được đưa về từ miền núi Pyrénées hay bằng những cỗ kiệu, bát đĩa được đặt ở xưởng gia công của tỉnh Sèvres chỉ cho riêng dịp này và tất cả đều được khắc tên của mỗi khách mời, một dàn nhạc giao hưởng và thi sĩ Jean Aicard xướng to những bài thơ của mình!...

Nhưng sự mê tín cũng không nói sự thật: những ảo giác của kẻ hấp hối còn đi xa hơn rất nhiều chính cuộc sống thực của hắn, để mơn trớn những đường vòng bên ngoài của toàn bộ cây phả hệ của hắn nữa. Những khuôn mặt già nua, đã biến mất cũng lúc với những chiếc quần cộc của tuổi hoa niên của ông, lợi dụng cơ thể ông đang tan chảy theo cơn sốt để tái sinh và trở về chế nhạo ông. Cụ già đội mũ ti-rol kia, nhìn là biết ngay đó là Simonet, có lẽ là ông trẻ, giáo hoàng tuyệt vời của ngành sản xuất vải mút-sơ-lin đấy! Bên phải, vị tướng đội mũ hai sừng kia, đương nhiên đó là ông nội rồi, người là tướng tổng quản của Napoléon trong cuộc chiến ở Italia! Và bên trái, là ông ngoại kỳ

cục Claude Marius Perret!...

Timbo chẳng hiểu gì về chuỗi đuốc bốc lên mà ông khó nhọc lần tìm dưới sự hồi thúc của những cơn mê sảng. Dù gì chẳng nữa, với tộc người Peul, tất cả những gì màu trắng đều kỳ cục, giả tạo và khó giải thích. Cuộc sống của người Da Trắng là một sự cuồng điên mà nó chẳng cần run rẩy và sốt cao để phòng lên và đầu độc quan niệm tốt.

“Nhưng, đáng Tối cao lòng lạnh, kẻ Da Trắng này không còn giống như kẻ kia nữa rồi, kẻ Da Trắng này đã trở thành một trong chúng ta, *wallâhi*, kẻ Da Trắng này sẽ chết!”

Tình trạng ông trở nên quá tồi thảm thương đến nỗi mà *Almâmi* tổ chức một buổi cầu nguyện ở nhà thờ Hồi giáo để cầu xin đấng Allah cho ông khỏi bệnh; và lệnh cho chàng *Pâthé* bí ẩn đến thăm ông, đem theo một siêu nước chứa đầy thuốc chiết được bằng cách ngâm nhựa thảo dược với các trang giấy mà trên những tờ giấy đó người ta đã viết sẵn các tiết thơ trong kinh Coran và người Peul gọi đó là *Nassi*:

– Hãy uống cái này đi cho tôi, - chàng nói với ông.

Và ông uống ngay lập tức, tin chắc là sẽ trút hơi thở cuối cùng trước khi uống đến ngụm thứ hai, vì hợp chất lỏng đó lấp lóa chất bẩn và bốc mùi thối của nhà tiểu cống cộng. Ông khép mắt lại để chờ cái chết, đó chính là điều tốt lành hơn cả đối với ông. Nhưng ông thức dậy mà không hề đau đầu và cũng hết cảm giác chóng mặt sau ba ngày chìm sâu vào giấc ngủ và không chậm trễ đòi ngay một đĩa cơm *ma-phê*. Ông ăn ngon lành và lần này thì ông Ợ hơi, cũng rõ to hết như một người Peul chính hiệu khỏe mạnh biểu thị niềm vui vì đã được ăn uống no đủ. Rồi, không cần trợ giúp gì, ông băng qua khoảng cách vài bước ngăn ông với bên ngoài. Đến giữa sân, ông cho đem ra một chiếc ghế gấp và nằm dài dưới hơi ấm của ánh nắng

mặt trời để bắt đầu một thời kỳ dưỡng sức dài và sáng khoái. Khi được thông báo điều đó, Pâthé đến gặp ông ngay để thưởng thức thành công của mình:

– Ông thấy rõ những đạo sĩ của chúng tôi là những người thần tài nhất rồi đây nhé! Ông nên chuyển đạo đi, bạn thân mến của tôi ơi! Wallâhi, ông là một gã quá tốt để cứ ở lại làm một con chiên Công giáo tồi tàn!

– Tôi thú nhận điều này với anh, bạn Peul của tôi ạ, anh đã cứu sống tôi đây! Làm thế nào để cảm ơn anh đây?

– A ha! Hãy cho tôi những cỗ đạn pháo!

– Những cỗ đạn pháo ư?

– Nếu không, tôi sẽ quay về với các bạn Thổ Nhĩ Kỳ của tôi đây!

Ông hiểu ngay rằng mình cần phải hành động gấp nếu ông muốn có được Fouta.

Ngày hôm sau, rốt cuộc thì anh chàng tàng hình Bôcar-Biro, đến lượt mình cũng xuất hiện cùng với một con vật săn được, một liễn mật ong và một làn quả dưa.

– Anh đã chẳng bao giờ đến thăm tôi cả, anh ấy mà, ấy vậy mà anh đã hứa với tôi, - người Da Trắng phàn nàn.

– Tôi phải đi trận!

– Fouta đã tuyên bố chiến tranh với quốc gia bất hạnh nào vậy?

Khi ấy vị hoàng tử trẻ bắt đầu giải thích rằng chàng đã phải dẫn những đoàn quân của mình đi đến các vùng thuộc xứ Sierra Leone, không phải chinh chiến với đất nước này mà là để cố gắng tiêu diệt lần thứ một trăm tộc người Houbous, giáo phái Hồi giáo Peul và những chiến binh cuồng nhiệt này, kể từ thời cha chàng trị vì, một Almâmi Oumaron rất vĩ đại và rất đáng

kính, đã luôn lăm le bề gầy ngại vàng của những Almâmi.

– Đó là một cuộc chiến khiến chúng tôi hao mòn, - chàng tiếp tục. - Sẽ không có chuyện ấy nếu như tôi đã có đủ súng đạn.

– Súng đạn ư? - Da Trắng thăm thì trong lúc vuốt chòm râu.

– Ông có thể đầu tư cho chúng tôi được không?

– Đó không phải là không thể.

– Này, hãy nói đi, Da Trắng, ông đang nói nghiêm túc đấy chứ hả?... Ờ thì, ông biết đấy, chúng ta có thể trở thành bạn của nhau!

Bị cơn hứng thú cuốn đi, chàng ngay lập tức đứng dậy để chào ra về, nhưng Da Trắng giữ chàng bằng cách kéo một vạt chiếc áo chùng rồi hắng giọng:

– Cẩn thận nhé, tôi có một điều kiện!... Rằng anh phải ủng hộ tôi bên cạnh Almâmi!

– Hãy coi như anh đã có điều ấy rồi! Bây giờ, đây là điều kiện của tôi: ông sẽ không nói gì về chuyện súng đạn cả nhé!

– Với Almâmi à?

– Không, với anh trai tôi kia!

Bôcar-Biro ra về, Fatou cuối cùng đã có thể tiến gần lại để tặng cho ông làn cam và bắt đầu lại ca khúc tình ái bị cự tuyệt của mình:

– Hãy cưới em đi, nếu không em sẽ nhảy xuống giếng đấy!

Chuyện đó kéo cả cả phân nửa buổi sáng và, bất thành lình, cô ngẩng phắt đầu dậy như thể cô vừa có một ý tưởng nào đó, luồn nhanh về phía căn nhà và lẩn vào giường của Da Trắng.

Cô đã đoán đúng: trời bắt đầu đổ mưa. Maly thu dọn ghế gấp và giúp Sanderval đi vào chỗ trú ẩn. Nhưng thiếu nữ nhất định từ chối đi khỏi nơi đó... Họ phải gọi đến đám lính Sénégal để lôi

cô ra khỏi đó.

- Chuyện đã vậy thì, Yémé ạ, tôi sẽ lôi anh đi bộ đến địa ngục, nói như người Peul vẫn nói thế. Tôi sẽ tố cáo anh với Almâmi. Anh là một tên gián điệp, anh đã đến đây để thủ tiêu Người và để chiếm đoạt Fouta của Người và của tổ tiên Người!

Ông chẳng cho những câu nói vu khống của thiếu nữ ấy là quan trọng, lại càng không vì ngay tối đó Bôcar-Biro đến để thông báo cho ông một tin vui:

- Những ông hoàng của các tỉnh sẽ đến trong chừng mười ngày nữa: ông sẽ có nó, con đường xe lửa của ông ấy!

Chỉ có điều, ngày hôm sau, khi đi săn bướm bướm về, ông bắt gặp một cảnh nhộn nhạo ồn ã bao trùm lên nhà ông. Đám lính gác chạy đi chạy lại vất vả trong sân. Đám tù binh xếp hàng dài đi ra khỏi nhà ông và ông nhận ra trên đầu họ vác những hành lý khác nhau của mình. Mâly và Mâ-Yacine cố gắng chặn đường họ nhưng vô ích. Ông vợ ngay được Saïdou và những người của cung điện hoàng gia đang đợi ông dưới gốc cam.

- Điều gì đang xảy ra ở đây vậy hả? - Ông nổi đóa gào lên và nắm ngay cổ áo người này. - Ông nhìn lũ vô tích sự này làm mà không nói gì cả à, hay chính ông cho người lục lọi đồ đạc của tôi vậy?

- Bình tĩnh lại đi! - Saïdou khuyên ông một cách khô khốc. - Ta đảm bảo với ông rằng đây không phải lúc để khiến cho mọi thứ trở nên trầm trọng thêm đâu.

Ông giả bộ huơ súng lên, đám lính rút ngay kiếm ra. Ông thổ ra bốn năm câu chửi thề nhưng cuối cùng cũng phải đi theo đoàn người. Trong lúc bước những bước thật dài để làm dịu đi cơn tức điên của mình thì David, Mâly và Mâ-Yacine thở hổn hển theo sau ông để cố gắng giải thích cho ông hiểu chuyện:

- Chính là Fatou đây! Con bé ngớ ngẩn đó đã thực thi lời đe dọa của nó đây!

- Tệ hại hơn cả là người ta đã tin nó, con điên ấy! - Mây khóc sục sịt. - Họ dọa sẽ xử tử ông còn chúng tôi thì sẽ bị biến thành nô lệ.

Họ đến đầu kia của thành phố, trong khu thợ dệt, trước một quần thể những ngôi nhà tranh thảm hại, bao quanh là một hàng rào cao bằng mây và dây leo. Một bụi cây gai ngăn cách họ với những ngôi nhà gần nhất, một lối mòn nhỏ hẹp, hai bên đường mọc đầy cây lantanier và cây tầm xuân nối liền họ với con lộ lớn. Da Trắng buồn bã ngắm nhìn xung quanh và thốt lên:

- Nếu ta hiểu đúng, thì ta là tù nhân rồi!

- Tù nhân ư? Ô không đâu! - Saïdou phản đối. - Làm sao mà khách quý của Fouta lại có thể trở thành tù nhân được cơ chứ? A, các ông, những người Da Trắng ấy mà! Các ông không thể thốt ra khỏi miệng một câu mà không làm nó trở nên quá đáng!

- Chuyện này là do ông hay đó là quyết định của *Almâmi* hả?

- Không phải do tôi đâu, chính *Almâmi* là người có thể quyết định cho khách quý của mình trọ ở chỗ nào.

Ông cho người của mình vào nơi ở, sắp xếp đồ đạc vào nhà và ngay lập tức bỏ đến cung điện hoàng gia, theo sau là những bạn đồng hành đang hoảng loạn. Ông vớ một nắm sỏi và, trong một động tác điên khùng, chạy xô về phía vị quân vương.

- Yémé! - Mây kêu lên với ông bằng một giọng điệu mà ta có thể đọc được tất cả mọi sự trầm uất trên đời.

Ông giảm tốc độ, và bằng một cố gắng siêu nhân, lấy lại tâm trí và chậm rãi cúi người để đặt nhẹ nhàng những viên sỏi dưới chân *Almâmi*.

- Điều đó là nghĩa gì hả, kẻ Da Trắng kia? - Diogo Môdy Macka nổi đóa hỏi.

- Đó là... đó là một tập tục nơi họ đấy ạ, - Mâly lấp bắp trong lúc lẩy bẩy vì sợ... một dấu hiệu tôn kính... Ở đó, khi ông muốn bày tỏ sự kính trọng với ai đó, ông... đặt những viên sỏi dưới chân họ... Người Da Trắng này ở đây không phải để tỏ lòng bất kính với Người đầu, thưa Almâmi, mà là để tuân phục một cách nhún nhường quyết định của Người... Đây là lỗi của tôi, tôi đã không nghĩ đến việc phải nói với hắn rằng ở chỗ chúng ta mọi chuyện diễn ra không giống thế...

Đám đông nhăn nhó, David, Mâly và Mâ-Yacine cuối cùng đã có thể thở.

- Thế thì, hãy đứng dậy đi, con người quả cảm của ta! - Nhà thông thái mỉm cười nói.

- Nếu dân Da Trắng biết đến sự tôn kính, thì họ đâu sao cũng có những tập tục thật kỳ cục! - Vị đạo sĩ của triều đình nhận xét.

Liệu ông có phải là tù nhân không? Không phải, người ta đảm bảo với ông thế qua miệng của tất cả các nhà chức trách của Timbo. Chính vì an ninh cho ông mà người ta đã chuyển ông tới đây. Ông chẳng có gì phải sợ cả. Ông mãi vẫn là khách quý của Almâmi và là bạn của tộc Peul.

Nhưng ngày hôm sau, khi ông lấy ô và chiếc màn để đi săn bướm bướm, thì những người của cung điện hoàng gia đã chặn cửa hàng rào nhà ông, thì thậm tranh luận với nhau mà thậm chí còn chẳng thèm để ý đến ông.

Đỏ mặt vì tức tối, ông trưng trên mái nhà ông một băng rôn, trên đó, nhớ lại những bài học tiếng La-tinh, ông viết hàng chữ màu đỏ và thật đậm: "*Constituenda est Timbo!*" Cả Timbo nổi

giận kinh hoàng: một số nhìn nhận dòng này là một lời thóa mạ, một số khác lại coi đó là một lời tuyên chiến.

Da Trắng phải cầu viện Pâthé để người ta thôi ném đá vào nhà ông và ngừng những tiếng kêu thù hận chĩa vào ông. Nhưng sự bình yên chỉ quay trở lại khi ông thuận tình cho gỡ dải băng rôn xuống và đốt nó đi trước sự chứng kiến của công chúng. Một sự hòa bình quá đổi tạm thời, dẫu vậy: thứ năm sau đó, ông thấy Fatou đến với một làn quần áo và một chiếc rương bằng gỗ.

– Cô đến làm gì ở đây vậy, hả cô bé ngớ ngẩn kia! Cô không cho rằng mình gây bất hạnh thế là đủ rồi sao?

– Sao lại thế, cô ta đến làm gì? - Mâ-Yacine đáp. - Ông không biết rằng một trong đám Ouolouf của ông vừa cưới với cô ta hay sao?

Các ông hoàng và hoàng tử của Fouta cuối cùng cũng nhóm họp.

Đám lính gác đến kiểm ông để đưa đến cung điện. Thế thức trọng thể chán ngắt không còn xa lạ với ông nữa. *Almâmi* xuất hiện, trong những chiếc áo chùng lấp lánh của Người, và cả thành phố nín lặng; đoàn tùy tùng của Người còn đường bộ hơn lần trước và những lời tán dương của các nhà thông thái còn rền vang hơn nhiều. Những lễ bộ khai mạc kéo dài đến tận trưa. Người ta đọc kinh Co-ran, chúc tụng nhau, người ta ban phước cho Fouta trong lúc sự hiếu kỳ ác tâm của đám đông soi mói sẫm soi ông dưới tất cả mọi góc độ. Ông nhận ra nhà thông thái thường trực và vị đạo sĩ của cung điện. Ngược lại, ông phải căng mắt để phân biệt Bôcar-Biro và Pâthé, lần này, vẻ uy nghi của họ gần như ngang hàng với vẻ uy nghi của *Almâmi*. Sau đó, mọi sự lịch sự và những lời thổ lộ sốt sắng tắt dần trên môi mỗi người. Sự im lặng bao trùm cung điện hết như giọt nước hoa

lấp đầy không gian. Diogo Môdy Macka khua tay và nhà thông thái thường trực đứng dậy để thông báo chương trình nghị sự:

– Để bắt đầu, hỡi các nhà quý tộc của Fouta đã tập hợp ở đây, Almâmi đề nghị chúng ta kiểm tra một vụ việc đã trở nên quan trọng đối với triều đình. Các vị không phải là không biết rằng, kể từ vài tuần nay, chúng ta có một kẻ Da Trắng đến sống giữa bức tường của chúng ta. Kẻ Da Trắng này, hần nói hần đến từ Boulam. Hần nói hần xuất thân từ một gia đình giàu có, thuộc dòng dõi vua Pháp. Hần nói đến đây bằng bàn tay không dao và trí óc không hận thù. Hần nói hần chỉ cần một con đường cho tàu hơi nước chạy qua. Hần nói hần là bạn của Almâmi và là nhà hảo tâm của Fouta. Bằng tình bạn, Almâmi đã đón tiếp hần; bằng tình hảo tâm, Fouta đã mở cửa cho hần. Chính từ đó mà sự nghi ngờ đã bắt đầu xâm chiếm tâm trí mọi người. Rất nhiều cái miệng đã lên tiếng và chúng ta đã nghe được tất cả các thể loại chuyện. Có vẻ như sự ra đời của hần không chắc, rằng con đường đi của hần không thẳng, rằng các ý định của hần không sáng sủa. Toàn bộ chuyện ấy khiến cho những tâm tưởng bấn loạn, toàn bộ chuyện đó gây phức tạp cho những thượng vụ của Almâmi.

Vài tiếng rì rầm nổi lên, vài tiếng ho húng hắng và cả phòng họp không chậm trễ đặt câu hỏi đầu tiên:

– Hãy nói cho chúng tôi biết, thầy Diogo Môdy Macka, người đàn ông này có đem theo giấy tờ gì của chú hần không, vua của nước Pháp ấy?

Thủ tướng đáng gờm giải thích bằng chất giọng to vang rằng người đàn ông này đã đi trên nền đất của Timbo mà chẳng có gì trong tay ngoài đôi găng không thể thiếu của hần. Ông giải thích những điều mà cả Timbo đã biết rõ mười mươi: ở xứ sở Da Trắng, nơi mà tất cả đều trái ngược và vắn vẹo ấy, thì các vị

vua không viết, họ chỉ nói qua miệng những đứa cháu ruột của mình mà thôi.

- Nói vậy, thì bất kể một kẻ coi ngựa nào có thể tới từ Sokotoro hay từ Tombouctou rồi tự nói mình là cháu gọi vua của La Mecque bằng chú ruột được đây! - Một vị hoài nghi cất giọng phẫn nộ.

- Vậy chúng ta hãy bắt đầu bằng việc làm sáng tỏ vấn đề này, - Diogo Môdy Macka gầm gừ trong lúc quay về phía Da Trắng. - Có hay không việc người là cháu ruột của vua Pháp hả?

Và, một lần nữa, lại diễn ra cảnh giống hệt ở Guidali, trong sân của hoàng tử Aguibou. Da Trắng, bằng tất cả lòng trung thực, muốn giải bày sự mập mờ. Mâly Và Mâ-Yacine đã khiến ông câm miệng bằng những cú huých khuỷu tay và những cái nháy mắt và, bằng cách nói vòng vo bóng gió xun xoe của họ, họ đã thành công khiến những kẻ Peul đa nghi nhất phải nuốt trôi câu chuyện huyền thoại hết sức khiếm nhã của họ.

Nhà thông thái lấy lại trật tự và lại cất giọng hỏi cả phòng họp:

- Có ai khác muốn nói gì nữa không?

- Chúng ta hãy quay lại vụ việc này ở Dinguiraye đi! Có vẻ như người ngoại bang đang có mặt tại đây đã đến với rất nhiều của cải và đạn dược và hẳn muốn tặng nó cho vua Dinguiraye, kẻ thù của tất cả chúng ta, điều đó có thật không?

- Chúng ta đã đặt một câu hỏi cho Da Trắng, - nhà thông thái sốt sắng.

Đúng thế, ông rất muốn đi đến Dinguiraye, Sanderval nói. Không, không đời nào ông muốn đi Dinguiraye cả, Mâly dịch lại.

Bị lũng loạn bởi những lời dối trá của mình, con người này

không nhận ra người đàn ông vận áo chùng, ngồi ở hàng ghế thứ hai, lúc này đang sẵn sàng mở miệng:

- Da Trắng có thể nhìn thẳng vào mặt ta và thề rằng hẳn đã chưa bao giờ nói với ta rằng hẳn sẽ đi Dinguiraye không?

Đó chính là Aguibou, người chắc đã thế chỗ của cha mình, ông hoàng của xứ Labé, đã quá già yếu. Mây lão đảo dưới hiệu ứng của sự ngạc nhiên. Những tiếng áp úng của anh ta đã ký nhận những lời thú tội của mình.

- Các vị thấy chưa hả? - Một ai đó kêu lên - ... Ô không, Fatou đã không nói dối đâu!...

Lần này, nhà thông thái không sao ổn định được trật tự. Những giọng nói nổi lên trong những hàng cuối cùng, mặc cho những lễ nghi thể thức:

- Da Trắng, hẳn nói điều này để rồi lát sau lại nói điều khác!
- Một tiếng nói kêu to. - Phải xử trảm hẳn thôi.

Diogo Môdy Macka thì thầm điều gì đó vào tai Almâmi. Người này hắng giọng và, một lần nữa, giọng nói của nhà thông thái vang lên:

- Có ai đó trong số những quý tộc đây phản đối việc xử trảm người đàn ông này không?

Kéo theo đó một sự im lặng dài, chỉ bị ngắt bởi tiếng thì thầm và những cơn ho trước khi giọng nói đã giảm khí thế của vua Kankalabé cất lên:

- Chúng ta là người Peul, những người anh em ạ, ngành đạo đức học của chúng ta, Poulâkou, dạy cho chúng ta cư xử hết như con tắc kè hoa: đảm bảo rằng thế giới không sụp đổ dưới bước chân đầu tiên của chúng ta trước khi mạnh dạn bước bước thứ hai. Chúng ta đang giận dữ, người đàn ông này đã nói dối chúng ta. Nhưng dù có chuyện đó đi nữa, chúng ta hãy thận

trọng. Giờ ta giết hắn, rồi sau đó ta mới vỡ lẽ hắn đúng là cháu của vua Pháp thật thì sao, các người đã nghĩ đến điều đó chưa?

Những câu nói này khiến cho một làn sóng ngờ vực nhỏ nổi lên trong phòng. Những tư tưởng cân bằng đồng tình. Những kẻ quá kích động hồi nãy thì bộc lộ sự lưỡng lự. Điều đó làm nảy sinh một tia sáng hy vọng trong ánh mắt của Mây. Vị thông ngôn bất hạnh này ngẩng đầu lên để cố gắng bám vào một niềm hy vọng mới:

– Wallâhi, người đàn ông này đúng là cháu của vua Pháp thật mà! Tại sao tôi lại phải nói dối các ông chứ?

– Thế thì hắn phải nhanh chóng mà chứng tỏ điều đó trước khi ta cho gọi đao phủ đến! - Diogo Môdy Macka đỏ mặt nói.

– Hắn, một hoàng tử ư? - Có ai đó phẫn nộ. Thế thì tại sao áo quần hắn lại xỉn màu và chật chội như thể hắn thiếu vải vậy?

Một luồng sáng thần tiên lóe lên trong đầu Da Trắng, có lẽ là do hiệu quả huyền bí của sự cùng quẫn! Thay bằng chứng kiến cảnh hắn ta bị suy sụp, thì cả Fouta lại hết sức ngạc nhiên thấy ông phá cười:

– Vậy hãy cho tôi vài phút, tôi sẽ chứng minh cho các ông thấy rằng tôi đúng là cháu của vua Pháp!

Nhà thông thái quay sang Almâmi. Người này gật đầu đồng thuận.

– Đồng ý, - nhà thông thái tiếp tục. - Chúng ta thuận cho Da Trắng vài phút. Nhưng quân lính sẽ nã đạn bắn gục ngay nếu như hắn có ý định bỏ trốn.

Ông chạy nhanh về phía nhà mình, lục từng cái rương và cuối cùng đã tìm thấy bộ trang phục kỳ diệu của Méphistophélès mà ông đã tự nhủ vứt nó xuống khỏi tàu. Ông thậm chí còn không chắc đã đem nó theo. Và trong lúc lôi nó ra khỏi hòm và

giở ra, ông vẫn không biết liệu mình có nên mặc nó vào không. Có đấy, dấu gì đi nữa, ông đã đủ dũng cảm để vận nó vào mình, người ta sẽ coi ông là ai nhỉ: là một hoàng tử kế vị nước Pháp hay là ông hoàng của những tay hề đây? Ông nhìn ngắm màu đỏ tím của bộ trang phục, những chiếc cúc gỗ, những sợi dây lụa và chiếc mũ có sừng điểm những đường viền lông thú và, mặc dù chỉ có một mình trong phòng, ông phá lên cười rất to. Ông diện nó vào người với vẻ ung dung và phong thái đài các của một đảng quân vương sắp sửa đến dự khiêu vũ.

– Họ đã không chấp nhận ta là một con người, thì họ sẽ rất chấp thuận cho ta trong trang phục *Méphistophélès*.

Ông ra khỏi cung điện hoàng gia là một tên tù nhân, giờ quay lại, ông là một hoàng đế.

– Louis XVI chắc cũng tạo cùng một hiệu ứng trước lũ nhà quê của tỉnh Saône-et Loire, - ông lầu bầu trong đám râu rậm, đúng ra là tự hào về diện mạo của mình.

Sự kính trọng và ngưỡng mộ sáng lên ngay trong chính cặp mắt của Diogo Môdy Macka. Ông nghe thấy những tiếng thì thầm nổi lên quanh ông và hiểu rằng ông đã thắng cuộc.

– Thường thì bọn Da Trắng xấu xí, nhưng tên này, hấn đã trở nên đẹp thực sự! - Ai đó lên tiếng trước.

– Ôi, hấn vẫn luôn giữ được cặp mắt tắc kè hoa và bộ tóc dính, chỉ có điều bộ trang phục này, là cái gì đó khác hấn. A, đúng thế đấy!

– Ngay các vị vua của La Mecque cũng không diện những trang phục phong phú và lấp lánh nhường ấy!

Rồi người ta nghe thấy tiếng nhà thông thái vang lên, át hấn những tiếng tiếng khác:

– Một chút im lặng nào, những người anh em! Ibrahima, vua

xứ Fougoumba có đôi điều muốn nói.

– Người đàn ông này là dòng dõi nhà vua, đồng ý! - Ibrahima bắt đầu mở lời. Nhưng có phải vì thế mà chấp nhận hẳn là bạn của Fouta hay không? Có phải là lúc đối với người Peul tin tưởng người đầu tiên đặt chân đến đây hay không?

Những người xứ Alphayas không thể tìm được dịp tốt hơn để thò móng vuốt của mình ra:

– Đúng vậy đấy, thưa *Almâmi*, tại sao Người lại để cho kẻ ngoại bang này chạy qua những đồi núi của chúng ta chứ? Tại sao Người lại đón tiếp hẳn trong tình hữu nghị hả? Người Da Trắng là kẻ thù của chúng ta; chúng đến đây quấy rối sự ngơi nghỉ của chúng ta, ăn cắp đàn bà của chúng ta và có thể biến chúng ta thành một dạng tù nhân, chúng ta không muốn điều đó.

– Còn vụ Dinguiraye nữa, vẫn chưa được giải quyết ổn thỏa! Phải làm sáng tỏ những ý định của Da Trắng! - Có tiếng kêu rõ to vang lên ở hàng cuối cùng.

Bóng gió, thì thầm, giận dữ, thay đổi thái độ, giảng hòa nổi lên, giống hệt như trong tất cả các buổi nhóm họp của người Peul! Điều đó kéo dài cho đến tận giờ cầu nguyện buổi tối. Cuối cùng, *Almâmi* thì thầm điều gì đó vào tai nhà thông thái và người này lại gào lên:

– Da Trắng đang có mặt tại đây là bạn của *Almâmi* và là khách quý của Fouta! *Almâmi* thuận cho ông ta những gì ông ta cầu xin. Ông ta sẽ có con đường cho cỗ máy hơi nước chạy qua, nhưng Người cấm ông ta đi về hướng Dinguiraye. Những ai giúp ông ta thực hiện điều đó sẽ bị xử tử.

Khi trở về nhà mình, ông lại thấy lũ lính gác ra khỏi nhà ông, trên lưng vác tất cả đồ lương thực và những rương hòm.

- Còn chuyện gì diễn ra nữa đây, - ông gào lên. - Người ta dẫn tôi ra cọc xử chém hay trục xuất tôi ra khỏi thành phố thế này hả?

- Cả hai điều ấy đều không có đâu! - Saïdou đến sau lưng ông và trấn an. - Người ta chuyển ông về nơi ở cũ của ông đây thôi mà. Ông thấy đấy, ông đúng là khách quý của Fouta rồi!

Thế giới đã đổi thay. Người ta giúp ông. Người ta giúp ông ổn định lại nơi ăn chốn ở và đem đến cho ông một đĩa to cơm kèm theo một thứ sốt gà ngâm lạc, đến trực tiếp từ cung điện của *Almâmi*.

Các phiên chợ lại mở và những ánh mắt đã kém phần giận dữ đe dọa, đám lính gác có phần kín đáo hơn và hàng xóm tỏ ra vui vẻ hồ hởi hơn. Những làn sóng những kẻ tò mò thô thiển lại tái xuất hiện dưới mái hiên và sân nhà ông, còn các hoàng tử từ khắp các tỉnh tìm kiếm tình bạn nơi ông. Ai nấy đều muốn có kẻ ngoại bang này trong phe mình, kẻ ngoại bang mà người đồn rằng rất giàu có và đầy quyền lực và, hơn thế nữa, kể từ buổi chiều hôm đó, ông là người bạn thực sự của *Almâmi*. Ai nấy đều tin tưởng ở ông: các tỉnh thì muốn sao cho có được quyền hạn ngang bằng với quyền lực lần át của Timbo, xứ Alphayas thì để buộc *Almâmi* phải tôn trọng sự thay đổi quyền lực; và mỗi một hoàng tử *sorya* thì để, đến lúc thuận tiện, thì hất cẳng những người anh em cùng cha khác mẹ và đoạt ngôi báu. Những cuộc thăm viếng này thường diễn ra về đêm và kèm theo vô số quà cáp và những câu chuyện khiếm nhã về phe đối địch.

Ngày mùng 10 tháng Năm, ngán ngẩm vì không ngủ được, ông lôi bút chì ra và ghi lại lời tiên đoán này: “Ta có linh cảm rằng đất nước này đang chuẩn bị diễn lại, và cùng một màn, hai thời kỳ đen tối âu sâu của lịch sử nước Pháp... Một bên là người xứ Armagnac và một bên là xứ Bourgogne! Còn ở đây, một bên

là Timbo; bên kia là Labé! Ai này đều có những vực thẳm để làm chỗ trú cho vua Henri III và Hầu tước De Guise của họ! Ở đây là Pâthé và Bôcar-Biro; ở kia là Aguibou và Alpha Yaya!... Fouta thật kỳ quặc! Những người Peul này rất ranh mãnh, có thể còn quá ranh mãnh là khác! Fouta đã trở thành một tấm lưới, một tấm lưới nghịch lý khác thường. Rơi vào đó cũng dễ dàng như để cho những người Peul này rơi vào đó.

Ông đi lang thang lẩn quất trong vùng để kiểm định và ghi lại những hang hốc và các nguồn suối, lấy những mẫu đất và cây thân mềm rồi lại chuyển sang săn voi. Ông đã thoát chết khỏi một cú ngã, một vụ đầu độc và một vết rắn cắn. Còn về bệnh đau bụng do những khủng hoảng của bệnh sốt rét, thì ông thường xuyên cận kề với hôn mê. Thế rồi người ta thông báo cho ông biết có vua Koïn đến thăm:

- Mọi người gọi ta là Dion-Koïn, ông hình dung ra ông chủ của Koïn nghĩa là gì rồi chứ! - Người này vừa nói vừa cười khẩy. - Ta đã nghe nói về ông từ rất lâu và cũng như tất cả mọi người, hôm nọ ta đã vỗ tay hoan nghênh đáng vẻ bề thế của ông ở cung điện hoàng gia. Nếu ông muốn, chúng ta sẽ trở thành bạn của nhau. Hãy rẽ qua Koïn trước khi quay về nhà ông. Chúng tôi có vật săn rất ngon và sữa tốt nhất nước - còn về những gì thuộc về đàn bà thì...

Ba tràng ho cất lên không ngớt từ ngoài vắng vào. Ông ta cúi xuống, nói trong lúc tay vung vẩy rất bồn chồn:

- Nào!... Vào đi!... Đã bảo vào đi cơ mà!... Ơ, mình còn đợi gì nữa thế hả?

Một cái bóng ngập ngừng, băng qua khu sân trải đá dăm và đến ngồi chồm hõm dưới mái hiên.

- Là vợ tôi đây!... Vào đi, vào đi nào!... Rảo chân lên đi... Ông

không từ chối cô ấy vào đây chứ, đúng thế không? Cô ấy hẳn sẽ rất thất vọng. Ông hiểu chứ, cô ấy chưa bao giờ nhìn thấy một người Da Trắng nào hết.

Người phụ nữ trẻ vẫn lưỡng lự, rồi vào nhà bằng một bước chân và thế là cả căn phòng sáng bừng lên. Đó chính là người đàn bà trẻ hôm nọ, mà do cô ta, ông đã suýt bị xử tội ném đá đến chết. Da Trắng không còn để tâm đến những gì mà vị khách của mình đang nói. Nàng thật đẹp, đẹp, còn kiều diễm hơn nhiều khi nhìn quá gần như thế! Cặp mắt thất thần, miệng há hốc, hơi thở gấp gáp, ông nghiêng ngấu nàng bằng cặp mắt. Ông có dáng vẻ của một kẻ thiếu năng trí tuệ và ông cũng chẳng bận tâm đến điều đó. Ông ngắm soi nàng từ đầu đến chân, ngừng lại rất lâu trên vòng lượn của gáy, đôi vành tai, những nếp gấp của mũi và những nét uốn của vành môi: không một nhược điểm. Làn da Peul của nàng và các đồ trang sức nàng đeo lóe sáng trong bóng tối căn nhà khiến ông nghĩ đến tia sáng của những tấm kính ghép đẹp nhất của thánh đường Đức Bà ở tỉnh Chartres dưới ánh sáng ban ngày.

Dion-Koïn bắt đầu lo lắng:

– Ê, Da Trắng, ông sao vậy? Lạy thánh Allah, có điều gì xảy đến với ông vậy?

Ông không biết có chuyện gì xảy đến với mình, ông không biết liệu mình đang yêu hay đã phát điên.

Ông đứng phất dậy. Nắm hai bả vai Dion-Koïn và nói với anh ta rất rõ ràng:

– Hãy tặng lại vợ ông cho tôi đi! Tôi cầu khẩn ông đấy, hãy nhượng nàng cho tôi!

Người này, ngỡ là một câu chuyện phiếm, miệng cười khẩy trong lúc đi ra khỏi nhà và xông thẳng về phía đoàn tùy tùng

của mình đang đứng trong sân:

– Da Trắng bị điên thật rồi! Hẳn muốn ta tặng lại vợ cho hẳn. Ta chưa bao giờ nghe nói đến chuyện này cả! Đúng là một chuyện kỳ cục! Các ông nên ca tụng điều đó được đây, các nhà thông thái ạ!

Rồi ông ta dụi mắt, quay trở lại nhà và vẫn bắt gặp Da Trắng trong cùng một dáng vẻ của chú bé vị thành niên bị thôi miên như lúc ông ta đi ra.

– Tôi van xin ông, hãy tặng nàng cho tôi đi, - Olivier de Sanderval lặp lại câu nói mà không hề phảng phất chút mai mỉa nào trên khuôn mặt.

– Nhưng ta không thể cho người nàng hôn thê của ta được: đó là ái nữ của một vị vua vĩ đại, hơn nữa, vị vua này là một người bạn thân. Người thấy rõ là ta không thể cho người cô ấy được. Tại sao người không đi Kébou? Ở đó, người sẽ tìm thấy những cô gái còn đẹp hơn nhiều.

– Thế thì, hãy nói cho tôi biết, nàng tên là gì?

– Cô ấy tên là Dalanda. Nhưng đó là một cái tên quá phức tạp đối với người, rồi người sẽ quên nó ngay thôi, ta chắc chắn điều đó.

Anh ta cầm tay vợ và kéo nàng ra phía cửa. Ra đến hiên, anh ta quay lại và nói:

– Cả Dalanda nữa, hãy quên cô ấy đi, điều đó có lợi hơn cho cả ba chúng ta.

Một căn bệnh khủng khiếp đã tấn công ông, còn trầm trọng và khó chịu hơn cả bệnh đau bụng và chứng mất ngủ và nó chẳng có tên. Một cơn đau không định hình đốt nóng thân thể ông, đầu độc dòng huyết quản của ông và khiến tâm trí ông bấn loạn. Mây đã ngỡ ông phát điên, Mâ-Yacine, người lại vừa

bị người ta đầu độc cùng đám lính Sénégal, do một trong những đạo sĩ Peul đáng gờm đã làm việc ông bằng cỗ tràng hạt. Ông trở nên đơn độc và dễ nổi cáu. Ông khước từ tất cả mọi thứ đồ ăn người ta đem đến: sữa đông và couscous hạt kê, món taro nghiền cũng như thịt cừu viên. Ông lả người cả nhiều ngày liền trong một xó nhà. Sau đó, ông lang thang trong các con hẻm của Timbo, vô cảm trước các đám đàn bà trẻ con đang cười hô hố sau lưng và thô lỗ chỉ thẳng vào cặp mắt chim hiêm và làn da đỏ rục của ông. Ông đi hết nhà này đến nhà khác, tìm kiếm dưới mỗi mái hiên và trong các góc khuất của đám *lougan*. Ông mạo hiểm công khai sẫm soi các bà: những người đang giã fonio và cả những người từ giếng trở về. Ông chẳng thấy nàng ở đâu cả. Rõ ràng là bất cần, nhưng ông cũng chẳng thèm để tâm đến điều đó. Ở Cassis, những người Nibous tuy nhiên đã nhắc cho ông nghe cả ngàn lần câu ngạn ngữ: “Nếu anh muốn tránh lưỡi dao của người Peul, thì hãy tránh gai vàng, đàn gia súc và phu nhân của họ.” Ông đi khắp lượt Timbo và các xóm làng lân cận, độc thoại triền miên bên bờ sông và không sao nhấn chìm nỗi buồn rầu băng khuâng của mình trước khi lại lê bước chân về cái tổ của mình hệt như một con sư tử già thất trận.

Thế rồi, vào một buổi chiều đẹp trời, một con bé đến lôi ông ra khỏi trạng thái u mê.

- Nó muốn gì ở ta, con bé kia? - Ông quát mắng Mâly.
- Nó muốn ông đi theo nó.
- Nhưng để đi đâu, hả Chúa ơi?
- Có thể là đến chỗ *Almâmi*.

Trong tất cả những giai đoạn nhọc nhằn và lang thang thì chưa một lần ông đi trên con đường này cả. Con bé dẫn ông đi từ phía sau nhà, xuyên qua một khu *lougan* bỏ hoang. Họ đi qua

trước một cái chòi nghỉ bằng tre, nơi ông vẫn có thói quen đi vệ sinh, vượt qua một hàng rào um tùm những cây dương xỉ, rẽ vào một lối mòn đầy cỏ, ngoằn ngoèo bất tận giữa những gò rau và những ngôi nhà trước khi đến một bãi chuối nhỏ xíu mọc lên gần một con suối. Đến đó, nó dừng lại mà không hề nói lời nào và chỉ tay về phía bãi chuối. Ông khó nhọc căng cặp mắt đã đờ ra do những đêm không ngủ và bệnh sốt rét.

Ông đã nhìn thấy. Nàng đang ở đó, nổi bật giữa những thân chuối và con suối, váy ngắn, ngực trần mái tóc nàng đầy những san hô và ngọc trai, cặp hoa tai bằng vàng, một mạng dây vòng đeo cổ đỏ như san hô, một số chỉ nhỉnh hơn cổ nàng, một số khác lại đổ xuống tận núm vú; một bình sữa và một chiếc thìa gỗ đặt dưới chân nàng.

- Dalanda ư! - Ông run lên.

Nàng chỉ mỉm cười. Rồi thời gian như ngừng trôi. Họ đứng chết lặng trước mặt nhau, im lặng và vô thực hết như những bản khắc mà ta thoáng thấy trên các vách đá của dãy Helaya. Đến lượt mình, nàng thì thầm điều gì đó nhưng ông không hiểu. Ông quay về phía con bé hồi nãy để cầu khẩn nó giúp đỡ, nhưng nó cũng chỉ đành buông thông cánh tay tỏ ý bất lực. Ông những muốn uống ừng ực những câu nói của nàng, cũng hau háu hết như những kẻ chăn gia súc hưởng thụ liền mật ong của họ vào buổi trưa sau cả nửa ngày chạy thốc tháo đó đây. Nàng lại cất giọng trong lúc ra hiệu bằng tay. Lần này thì ông hiểu được:

- Hôm qua em đã nhìn thấy ông đứng gần chuồng ngựa của cung điện... và sau đó hôm kia lại đứng bên cạnh trường Hồi giáo trung tâm... Có phải ông đã mất một con gà mái hay không mà lại lang thang như vậy hả?

Ông lao vào một làn sóng ngôn từ dài bất tận và nhanh liền

láu để diễn tả tình yêu của ông đối với nàng, những đêm dài ông thức thao thức để đợi nàng, cái chết âm ỉ mà sự vắng bóng của nàng gây cho ông. Nàng chẳng hiểu gì cả. Quay về phía con bé, nàng cười khùng khục:

– Sao chứ, đáng Trời cao lòng lạnh, có thể nào người ta sinh ra trên đời này mà lại không nói được một từ Peul nào chứ?

Nàng cúi xuống, cầm chiếc thìa gỗ và múc sữa từ trong bình ra:

– Uống đi, sữa đây!

Ông uống hỗn hển. Có thể nói đó như một con chó con tu nước sau một cuộc chạy dài. Ông lấy lại hơi và nhảy bổ về phía nàng. Nhưng nàng bỗng kêu lên khe khẽ và đẩy ông một cách mãnh liệt vào lúc ông quỳ xuống dưới chân nàng. Nàng ném một ánh mắt gượng gạo về phía con bé và nhắc lại nhiều lần cho đến tận lúc ông hiểu:

– Đêm nay... khi tiếng gọi của người điều hành lễ cầu nguyện chấm dứt, thì em sẽ ghé qua thăm ông.

Tối đó, ông đi nằm sớm mà không hề viết lách tí nào trong các cuốn sổ, cũng chẳng động gì đến những quân cờ. Ông phủ tấm chăn đắp để tránh gián và muỗi rồi dồn hết tâm trí lên những tiếng động xào xạc trữ tình của Timbo. Ông nghe thấy những tiếng chày giã hạt và tiếng chó sủa, tiếng gầm của những ông thầy đọc kinh Coran và tiếng líu ríu của con trẻ lần lượt tắt dần; rồi đến những tiếng kể chuyện và các bài hát đơn điệu của các nhà thông thái. Cả thành phố bắt đầu chìm vào giấc ngủ, ông để mặc tâm tưởng mình chấp chới trong những tiếng kêu chói tai của đám dế mèn, tiếng ộp oạp của ếch và những tiếng hú khùng khiếp của loài sói vằn và linh cẩu. Ông cảm tưởng hình như nàng chẳng bao giờ đến. Bài bi ca chua loét của thầy

điều khiến buổi cầu nguyện quá đỗi siêu thực, gây bấn loạn quá đỗi giữa đêm khuya, ngay cả với kẻ nghịch đạo.

Đây rồi, cuối cùng thì lời than vãn chờ đợi khắc khoải nhường ấy cũng đến! Ông mài sắc các giác quan và nhìn chăm chăm cửa ra vào, nhưng chẳng có gì sượt qua cửa nhà ông ngoài lũ mèo, chó hoang và những con chuột cống bấn thủ kếch xù hàng ngày. Rồi ông cũng mơ màng chìm vào giấc ngủ: có lẽ là do nỗi sợ hãi quá dữ dội! Ông đang mơ thấy mình đứng trước sân khấu nhà hát thì cảm thấy cái gì đó chạm vào tay mình. Ông tiếp tục mơ màng, nghĩ rằng đó là một con chuột cống, rồi bất thành linh hất tung tấm chăn đắp và lao đến vớ ngay lấy khẩu súng, khi ý nghĩ rằng đó có thể là một tên trộm hay một kẻ giết người nào đó sượt qua tâm trí.

– Đừng sợ, là em đây mà! Nàng thì thắm với ông, cả tấm thân lỏa lồ rực rỡ dưới ánh sáng của ngọn nến.

Bôcar-Biro quay lại vào sáng hôm sau để thông báo cho ông biết rằng ông vẫn không nên tuyệt vọng để được phép đi đến tận Dinguiraye. Ông ta đã nói chuyện với Almâmi và người này đã chẳng thấy có điều gì bất tiện nghiêm trọng cả, tóm lại, Almâmi đã đáp lời ông ta:

– Hãy xoay xở với Diogo Môdy Macka và những cố vấn khác của hoàng triều đi!

– Và với Diogo Môdy Macka và lũ chân tay của ông ta hả, sẽ chẳng có gì phức tạp đâu, - Bôcar-Biro kết luận, - ông chỉ cần nhấn chìm họ trong thật nhiều hổ phách và san hô thôi.

Sau đó ít lâu, ông là nạn nhân của một trận ỉa chảy khủng khiếp, nó đã vặn xoắn gan ruột ông một cách dữ dội trong hai ngày liên tiếp trước khi bắt đầu xui đi. May mắn thay, ông được đem kèm một chiếc xô lớn bằng nhựa trước khi xuống tàu, mà

quân của ông, từng người lần lượt đến phiên đem đi đổ.

Tuần sau đó, ông cảm thấy đã hơi khỏe để có thể đi đến tận chiếc chòi tre mà ông đã sử dụng làm nhà vệ sinh Nhưng vào lúc ông sắp bước vào, thì có một cái bóng động đậy đằng sau cây xoài lớn. Cái bóng đó tiến về phía ông, đội trên đầu cái gì đó có vẻ như một bữa ăn. Sự ngạc nhiên và tức giận ngăn ông đáp lại lời chào và nụ cười rạng rỡ của nàng. Ông chộp lấy cánh tay nàng một cách thô lỗ và chạy về phía nhà mình và quẳng nàng vào đó qua cửa hậu.

Xong đâu đó, ông quay lại và khép mình một lúc lâu trong chiếc chòi. Kế đến, ông nấn ná trong sân để nói chuyện phiếm với quân của ông để tránh xa những ngờ vực.

- Không cho ai quấy rầy tôi nhé, tôi sẽ đi nghỉ một lát! - Ông tuyên bố trước khi quay vào gặp nàng.

Ông ghi chặt nàng trong vòng tay mình, trong khi đó thì, trước đây vài phút ông đã có một ý muốn điên cuồng phải giã cho nàng một trận cho hả dạ. Nàng đem đến cho ông những chiếc bánh ga tô pha mật ong và hạt fonio trộn *folléré*. Ông khoái trá thưởng thức trong lúc nghe nàng trút lời thương cảm lên số phận con bệnh của nàng, Da Trắng đáng thương thất lạc nơi những người Peul, người tình không danh dự, người vẫn còn chưa thềm quyết định mời tình địch của mình ra cánh đồng để thẳng thắn giải thích, bằng dao.

Khi nàng nhồi hết cho ông những viên bánh nhỏ xíu được chính bàn tay nàng nhào nặn với tình cảm yêu thương, thì nàng bắt đầu nhẹ nhàng lau rửa chân tay cho ông và kéo ông về phía giường, trong lúc miệng cười nhí nhảnh hệt như một thiếu nữ.

- Ông không phải là một người đàn ông, Yémé ạ, *wallâhi!* - Nàng nói điều đó trong lúc cởi bỏ trang phục. Em đã nghĩ rằng

ông chắc phải đâm chết Dion-Koin rồi và bắt cóc Dalanda!

Lúc này cả hai bọn họ ngồi phệt trên nền đất, Da Trắng chìm mình vào những cuốn sổ ghi, cô gái trẻ, tựa lên vai ông, rót cho ông cốc si rô *soumbala* và miệng hát một ca khúc mục đồng cổ xưa.

- Giữa Fatou và em, ai là người ông thích nhất hả?
- Ta chỉ yêu em thôi.

Ông vỗ nhẹ lên má nàng. Nàng đáp lại trong lúc vuốt ve mơn trớn ngón tay mình giữa sống lưng ông.

- Ông không thể chỉ yêu một mình em, điều ấy là không tưởng!
- Chỉ mình em thôi, mình em, mình em thôi mà!

Nàng đã thành công bắt ông thú nhận rằng mình đã có một người vợ tại Pháp, một người Da Trắng, đương nhiên rồi và rằng ông cũng yêu người ấy hết như ông yêu nàng. Nàng hỏi ông lý do sự có mặt của ông ở chốn này, ở Fouta đây, và thật ngất ngây khi biết rằng ông đến đây để thành lập một vương quốc.

- Thánh Allah cao cả, - nàng thốt lên, - như vậy, ông sẽ có hai hoàng hậu, một Da Trắng và một Da Đen nhỉ!
- Than ôi, - ông thở dài sườn sượt, - mọi thứ lại không bao giờ đơn giản đối với người Da Trắng bọn anh!
- Tại sao mọi thứ lại không bao giờ...

Câu hỏi của nàng bị gián đoạn do một tiếng động rền vang khủng khiếp. Ông nhảy bổ tới vớ cây súng và đi ra xem. Chừng trăm người đem theo đoản kiếm và gậy gộc chạy lao về phía nhà ông theo các ngã đường, xuyên qua khu trảng hoang và nhảy qua các hàng giậu, miệng gào vang cuồn loạn:

- Phải giết Da Trắng đi! Phải giết gã Da Trắng! Phải giết gã Da Trắng!

Phản ứng đầu tiên của ông là quay ngay vào nhà để bảo vệ Dalanda.

- Có chuyện gì thế? - Nàng hỏi ông một cách ngây thơ với nụ cười thiên thần tuyệt diệu của mình. - Họ chạy đuổi theo một tên ăn cắp à?

Ông vợ ngay lấy nàng, quắp nàng chạy nhanh về phía cửa hậu, nhưng rồi lại đổi ý để nghĩ đến cái giường.

- Nào, - ông nói trong lúc đẩy nàng vào đó. - Em phải nằm im dưới đó nhé! Cầm ngo nguậy, cầm ho và cầm hắt hơi đấy!

Rồi ông nằm dài xuống trước cửa nhà, súng chĩa ra sân. Những kẻ đầu tiên bò tới dừng sững ngay lại khi nhìn thấy mũi súng. Ông đã đoán trúng, Dion-Koïn có mặt trong đám đó. Ông nhìn thấy kẻ nhà quê ấy nhảy qua hàng giậu mà không hề giảm độ nhanh, rồi dữ dằn rút đoản kiếm ra khỏi bao khi chạy đến gốc cây cam trong sân. Những ý tưởng xô đẩy nháo nhào trong đầu ông với một vận tốc của tia sét. Bọn họ quá đông, còn ông thì không đủ đạn. Đó là hết đối với ông: Hạ thủ tên đầu kia trước khi bị ném đá đến chết bởi số còn lại hay để cho bị phạt đầu mà không phản ứng gì. Ông nghĩ đến giải pháp thứ ba: tự sát. Nhưng chuyện này không nằm trong tính khí của ông. Con người ta phải cứu cuộc sống của mình trong lúc chiến đấu chống lại tất cả, cha ông đã dạy ông điều này, vào cái ngày đáng nguyên rủa mà những nhà Cách mạng đã ngỡ chìm chết ông ấy khi ném ông xuống dòng sông Saône. Rồi ông nghĩ đến Dalanda. Nếu ông chết thì nàng, ai sẽ bảo vệ nàng đây? Ông chỉ việc nằm im tại chỗ ông đang nằm, ngón tay dính chặt trên cò súng, nhưng trên hết là đừng theo hướng làm bùng nổ những

kịch tính; chỉ nã đạn nếu họ có ý định vượt qua hiên nhà. Sau đó, sự thể thế nào sẽ rõ.

Nhưng có một điều ngỡ ngàng xảy đến. Dion-Koïn vung kiếm lên, không phải chống lại ông, mà là chống lại tất cả những người khác. Anh ta đã đứng chắn giữa Da Trắng và họ, khổ người khổng lồ của anh ta trở thành một tấm ba-ri-e thực sự, ông ta tức đỏ mặt:

– Người đầu tiên bước thêm một bước nữa, ta thì sẽ chém bay đầu! Hãy thu gậy và kiếm rồi bình tâm trở về nhà đi. Nào, nào! Nhanh lên đi!

Từng người một, họ thu vũ khí về và buộc phải kéo nhau lê về phía hàng rào.

Rồi hấn đi vào hiên nhà, thân tình nâng Da Trắng dậy và kéo ông vào bên trong. Người này ngồi sụp xuống gờ của một trong đám rương hòm của mình, duỗi thẳng chân tay để lấy lại hơi và cố tích tụ một cố gắng siêu phàm để không nhìn về phía giường ngủ:

– Số phận thật quá đổi lạ lùng, Da Trắng ạ, - Dion-Koïn cười khẩy trong lúc ngồi phịch xuống một chiếc rương khác. - Tôi, người lẽ ra phải giết ông, thì lại chính tôi cứu sống ông!

– Những người Bồ Đào Nha đã giết chết một người Peul ở vùng ven biển, thế là những kẻ đàn này muốn trả thù.

Người đàn ông đưa mắt quét khắp lượt xung quanh mình và hỏi Da Trắng liệu ông đã có được giấy tờ cho con đường xe lửa của ông hay chưa. Ông trả lời rằng chưa, nhưng chẳng có gì khiến ông nghi ngờ lời hứa của Almâmi.

– Tôi biết tại sao Người lại khiến cho ông tiến triển một cách rù rờ như vậy, đó là bởi Người vẫn còn chưa chắc chắn về các mối quan hệ của ông với kẻ thù Dinguiraye của Người. Trong

hoàng triều, người ta kháo nhau rằng ông đang cất giấu đầy của cải và súng ống cho người này.

– Thế tôi cất giấu chúng ở đâu mới được chứ?

Ông ta đứng lên và nhìn về phía giường ngủ:

– Dưới gầm giường ông, đương nhiên rồi! Ông hẳn sẽ sợ tôi kiểm tra, nhỉ?

– Cứ việc, hãy kiểm tra đi! - Người Da Trắng đáp lại trong lúc hít thở thật sâu để chế ngự cơn hoảng loạn. - Anh sẽ thấy là chẳng có gì hết. Chỉ có tí rượu mạnh thôi!

Bị một cơn lợm giọng bất thần choán lấy, gã trai to con lùi ngay lại:

– Rượu mạnh ư? Eo ôi!

Anh ta khắc nhổ ồm ỉ và chạy ngay ra cửa. Lúc đi qua hiên nhà, anh ta đưa mắt nhìn nhanh sau lưng mình:

– Ông chắc chắn là mình vẫn chưa muốn chuyển đạo ư?

Ngày hôm sau, khi gặp lại nàng gàn bãi chuối cạnh con suối, ông nhận thấy một cái bấu to trên đầu nàng.

– Ai đã làm em như vậy hả? Chính hẳn phải không? Là hẳn hả? Thế thì điều gì đến ắt sẽ đến, lần này anh sẽ giết hẳn.

– Không, không phải là anh ấy đâu, Yémé ạ! Là... là Fatou đấy! Người tình yêu thích nhất của ông đấy! - Nàng nấc lên trước khi chạy đi ẩn đằng sau những thân chuối.

Ông chạy như một cơn lốc xộc thẳng vào trong nhà của Ouolouf. Chỉ có mỗi một mình Fatou ở đó, ngồi gàn ống khói, đang nghiền lạp. Ông nhảy xổ về phía cô gái để tóm cổ cô, nhưng ngay lập tức hạ tay xuống và lùi lại khi nhận thấy tình trạng chiếc bụng ngồn ngộn của cô: Chẳng nghi ngờ gì nữa: cô ta đang mang bầu. Mang bầu, đúng thế và chí ít là cũng đã ba

tháng!

– Tội nghiệp anh chồng ouolouf khốn khổ! Giờ thì ta hiểu tại sao bà già kia lại nhất định muốn ta cưới con gái bà ấy đến thế!

Ông quay lại cửa ra vào, cảm thấy lợm giọng, trong lúc sau lưng ông lạnh lạnh vang lên những tiếng kêu thù hận và khó quên của Fatou:

—Tôi sẽ giết nó, con phò của ông ấy! Tôi sẽ giết nó, tôi sẽ giết nó, giết nó!

Những ngày sau đó, ông không hề nhận được tin tức gì.

– Tôi không thể chịu nổi nữa rồi, tôi phải tìm lại nàng bằng được, - cuối cùng ông thốt lên với chính mình, trong lúc sôi sục đội mũ, đi giày và đeo găng. - Kể cả chồng nàng có giết ta đi nữa, thì ta cũng cóc cần!

Khi đến bên hàng rào, ông chạm ngay với một biệt phái của cung điện hoàng gia, người này buộc ông phải quay lại:

– Da Trắng sẵn sàng chưa? *Almâmi* đang đợi ông.

– Nhưng tại sao thế nhỉ?

– Tại sao, tại sao cái gì hả? Để ra đi chứ còn gì nữa!... Đến Donghol-Féla, đương nhiên rồi, nơi nghỉ mát của ông đấy! Chỉ còn thiếu mỗi Da Trắng, cả hoàng triều đang chờ ông, dây đeo dưới chân và ngựa đã thắng xong.

– A, tôi hiểu rồi, - Da Trắng thở dài nảo nuốt! - Ông ta sợ trong lúc mình vắng mặt, tôi trốn đi Dinguiraye đây mà!

Khoảng thời gian khốn đốn đi nghỉ ở Donghol-Féla này kéo dài lượm thượm gần một tuần. Khi trở về Timbo, ông đau đớn được tin Dion-Koïn đã rời thành phố. Anh ta quay về những vùng độc chiếm của mình, đem theo cả vũ khí và hành lý, cả vợ và đoàn người xe của mình.

Chuyến đi này đã trút nốt toàn bộ những động lực cuối cùng của ông. Ông quay về nhà mình với một cảm giác trống rỗng khủng khiếp. Ông kéo tấm ri đô dày đang ten che phủ giữa ông và những cơn rối loạn không lành mạnh của Tim bo và chìm vào trong sự quên lãng, mệt mỏi mỗi đêm những ngày qua đi, những cơn đau bụng và đau đầu. Ông bắt cuộc sống của mình đông đặc lại trong chiếc vòng xích cổ của những đêm mất ngủ và trong những đợt lóe sáng khó giải thích của hoài niệm về nàng. Cha của ông đã từng dạy ông điều đó, trong cái ngày đáng nguyên rủa mà các nhà Cách mạng đã ném ông ấy xuống nước: phải biết bám vào một cái gì đó, chẳng có cách nào khác để thoát khỏi vực thẳm. Ông đang sống giữa những cơn hiểm nghèo, thêm lý do nữa để trụ vững, và trụ vững hơn nữa. Đằng sau ông, những mưu kế không thành văn của triều đình và những đờn đau cho cuộc hành trình: những cú trượt ngã, những lần hôn mê, và cả ngàn lẻ một lần rấp rem đầu độc, vẻ đẹp choáng váng của đất nước độc ác và mê ly này. Trước mặt ông, là vực thẳm không đáy của điều không tưởng và của những giấc mơ. Chỉ một bước sẩy chân nhỏ thôi và thế là chắc chắn có sự lệch dòng.

Khi thực tế trở nên nhớp nhúa và ngọt nhạt nhường ấy, thì con người thông minh phải buộc mình coi thường nó và phải tỏ thái độ. Vậy là ông ẩn mình vào trong ánh mắt xoa dịu của Dalanda, trong mùi hương quả dại và khăng khăng chối từ những đòi hỏi từ bên ngoài. Ông đẩy đĩa ăn của Mâ-Yacine đưa vào cho ông và, để sống qua ngày, ông chỉ gặm những thanh sô-cô-la cuối cùng và uống trà nhạt, bởi ông chỉ còn một mẫu đường duy nhất. Ông lại nghĩ đến tự tử và đến tình yêu say đắm rồi tự nhủ rằng sau khi đã chịu đựng tất cả những gì ông đã chịu đựng, thì ông còn đủ sức chịu đựng nữa, những cơn đói

còn cào, những bệnh tật, những đau khổ của tình yêu và những vụ đe dọa lấy mạng.

Kết quả gì thì cũng chẳng quan trọng: chỉ có sự cố gắng mới đem lại ý nghĩa của sự tồn tại mà thôi! Không bao giờ được chĩa mắt mình vào khoảng cách, mà chỉ xuống bước chân ta đi. Bước này đã thắng, thì ngay lập tức phải nghĩ đến bước tiếp theo. Và giọng nói khảng khái bất biến của cha ông làm cuộc sống mới lên tám tuổi mong manh của ông rung lên: Từ xưa từ xưa ở Hy Lạp, có một ông tên là Sisyphe... vân vân. Mỗi người hiện diện ở đây, trên mặt đất là để làm điều mình phải làm. Phận sự của mỗi người là di chuyển phiến đá của mình mà không hề bận tâm để xem liệu nó sẽ lại rớt xuống một khi ta đã đẩy nó lên không.

Trước mắt, phiến đá của ông, chính là sự sống sót, phải sống sót bằng mọi giá, có nghĩa là phải giữ được tinh thần và thể xác, dù là nhỏ nhất, ngày mai, sẽ chẳng có gì là không thể. Ông sẽ cân nhắc sau về chuyến hồi hương giả định của ông, con đường xe lửa, những dự án điền trang và các thương điểm và những giấc mơ về đế chế và vinh quang. Để thực hiện điều đó, ông phải bơm hút nghị lực của mình từ trong âm sắc mượt mà của giọng nói của nàng mà ông cảm thấy hình như vẫn còn nghe thấy, trong những làn hơi cỏ thơm bốc lên, chúng xông hương cho cơ thể nàng và chúng còn xúc thơm bàn tay ông như thể nàng chỉ vừa mới vừa rời đi. Quan trọng gì đâu, sau chuyện đó, những âm mưu phản loạn của các hoàng tử Peul gian thâm và tiền hậu bất nhất; ánh mắt ngờ vực của hàng xóm láng giềng, sự tò mò ác tâm của đám đông rối hơi, sự lúc nhúc của đám sinh vật nhỏ và sâu bọ tranh cãi nhau trong ngôi nhà của ông!

Chuyện đó có thể kéo dài một tháng nữa hay có thể là vĩnh viễn, đối với ông thì cũng vậy cả thôi.

Dẫu vậy, cô nàng Fouta ngớ ngẩn kia cũng chẳng chịu buông tha ông. Mệt mỏi vì ngồi đợi ông gần chiếc ghế gấp bên ngoài, bây giờ nó đến gặp ông hẳn trong nhà, lục lọi đám rương hòm của ông, lần lượt thử hết từ mũ cứng, đến găng tay và lại xỏ cả vào đôi boot đinh của ông nữa, xong còn đi lang thang quanh giường ngủ trong lúc miệng lầm bầm những câu kỳ cục mà cũng không sao lôi được ông ra khỏi sự tê dại. Cô ở lại đó nhiều đêm liền để sưởi ấm, cuộn tròn gần lò sưởi của ông mà không lúc ngừng nói lầm bầm. ả chỉ đành rời khỏi đây khi Mây và Mây-Yacine, dưới những mệnh lệnh của chồng ả, quyết định đến đón ả về.

Thực ra, ông thậm chí còn chẳng nhìn thấy ả. Chính Dalanda mới là người ám ông. Dalanda và mái tóc đẹp như lụa của nàng! Dalanda và tám thân mỹ miều thơm mát mùi đu đủ, thật mềm, thật tươi và nhuộm màu nâu ánh vàng mới đẹp tuyệt trần làm sao!

Giá mà chính nàng là người quấy rầy ông nhường ấy nhỉ!

Thế rồi, những tiếng còi của thực tế cuối cùng đã chiến thắng ông. Ông bước lên đến tận chiếc ghế gấp và viết điều này, sau đó giao trách nhiệm cho Mây và Mây-Yacine đem đến triều đình:

“Rốt cục thì các ông muốn gì hả? Rằng tôi chết mòn âm ỉ hay tôi trở nên điên đây? Tôi thông báo cho các ông biết trước rằng nếu các ông không thuận cho tôi ngay những gì tôi đề nghị, thì con đường xe lửa sẽ khởi hành từ Saint-Louis để đi thẳng tới nhà kẻ thù của các người ở Dinguiraye và sau đó sẽ là đến Ségou, chỗ người Bambaras!”

Ông hận mình vì ngay từ đầu đã không sử dụng chiến lược này, bởi Mody Pâthé ngay lập tức đến thăm ông. Sau đó đến Bôcar-Biro và rất đông các đạo sĩ và các cố vấn, các hoàng tử và

các ông lớn. Tất cả đều xin ông tha lỗi và kiên nhẫn.

– Diango, *fab'i diango!* Ngày mai, ngày kia thôi!... Almâmi đồng ý rồi... Các cố vấn của Người thì đều thuận... Tất cả các đạo sĩ đã nhóm họp... Diango, *fab'i diango!* Diango, *fab'i diango!* ... Thứ sáu sau đó, lần đầu tiên từ rất lâu rồi, tim ông lóe lên một luồng sáng hy vọng thực sự khi ông nhìn thấy Môdy Pâthé bước qua hàng rào:

– Đi nào, bạn ơi, đến đây đi!... Thôi, không cần tìm mũ cứng và găng tay làm gì đâu. Đến ngay lập tức trước khi Almâmi đổi ý! Rồi ông xem, sẽ nhanh thôi!

Và quả đúng như vậy, chuyện đã chẳng kéo dài. Almâmi cho đọc to tờ giấy trước mặt toàn thể quần thần và chính Người chìa nó ra cho ông:

“Bis-millâhi!... Ta tạ ơn đấng Allah!... Chỉ mình Allah, salam! Người trình diện cùng với văn bản này đến thay mặt cho thủ lĩnh các đạo sĩ, vua tên là Sory, con trai của Abdoul Kadiri. Tất cả mọi người nhìn thấy văn bản hiện hành hãy biết rằng: người đàn ông đến từ xứ sở Da Trắng này đã đến đây và ông ta đã nói với Almâmi: “Tôi là khách quý của Người... Điều mà tôi đề nghị Người, đó là Người cho tôi một con đường để cho xe hơi nước chạy đến tận nơi nào tôi chỉ định.” Đó là điều ông ta đã nói với Almâmi. Almâmi đã trả lời ông ta: “Đồng ý, những lời nói dành cho ông, ta cho ông con đường để cỗ xe chạy qua... Mong sao sự bảo trợ của đấng Allah sẽ chiếu rọi vào ông!...”

Văn bản được viết vào ngày mùng 1 tháng Sáu năm 1880, đúng theo lời đọc của Almâmi Sory qua đạo sĩ của Người, thầy Salifou Doukayanké. Thông ngôn viên: tên là Mâly.”

Người ta còn đưa cho ông một văn bản khác mà họ cho là không cần thiết phải tiết lộ trước triều thần: cho phép đi xuyên

qua Fouta để đi đến tận Boké, theo lộ trình nào tùy ý, được mua lương thực và tuyển phu khuân vác.

Sau đó, nhà thông thái quay sang nói với ông:

– Ông không còn là một người Da Trắng giống người trước đây. Ông đã trở thành một trong chúng ta, một người anh em của Almâmi, một người bạn của Fouta... Chúng ta hy vọng rằng tất cả những gì ông nói đều là sự thật và rằng ông sẽ quay trở lại đây... Điều buồn phiền đó là các ông, những người da trắng, chúng tôi không bao giờ gặp lại các ông lần thứ hai. Cả Lambert cũng đã nói rằng ông ấy sẽ quay trở lại và Lambert đã chẳng bao giờ quay lại. Chúng ta xấu hổ vì đã không phải lúc nào cũng đối xử tốt với ông. Để tạ lỗi, Almâmi sẽ cho đem đến tặng ông vàng và da hổ cũng như một trăm phu khuân vác. Ông sẽ ra đi vào ngày mai, Almâmi đã quyết định rồi. Hãy đi đi, người bạn da trắng của chúng ta, hãy vui vẻ và nhất là hãy nghĩ đến chúng ta nhé!”

Sau đó là những tiếng khóc nổi lên, những cái ôm hôn, những lời chúc tụng, những câu cáo lỗi không ngớt. Người ta cứ ngỡ là người cùng một gia đình. Chỉ có điều lại có lão Diogo Môdy Macka này. Con quý ấy đã tìm được cách lần đến tận chỗ ông và nói nhỏ vào tai ông, trong lúc làm ra vẻ như bối rối:

– Theo thỏa thuận, ta giữ lại da hổ và vàng cho mình. Ông sẽ chỉ cần đường xe lửa thôi. Người Anh và người Bồ Đào Nha đã khá ghen tỵ với điều đó rồi đây.

Ngày mùng 2 tháng Sáu năm 1880, Olivier de Sanderval rời Timbo cùng với những người trung thành của mình, Mâly và Mâ-Yacine, chừng hai chục tay súng Sénégal và một trăm phu khuân vác. Dưới những mái hiên nhà, đằng sau các hàng giậu hay trên những ngọn cây xoài, cả thành phố náo động một cách thái quá nhìn ông ra đi. Một số đem đến các món quà tặng, một

số khác lại vung tay quệt nước mắt. Một đoàn các nhà quý tộc, trong số đó có Pâthé và Bôcar-Biro, đi bộ tiến ông cả nửa ngày đường. Ngoài ra còn có Saïdou, thư ký của Almâmi, đảng quân vương này còn thêm vào đoàn người ấy rất đông tù nhân và các nhà thông thái, cũng như viên đạo sĩ của triều đình. “Ngay cả đảng quân vương cũng chẳng được đối xử như vậy, ông hả hê ngắm cả giới quý tộc ấy cưỡi ngựa tụ tập chỉ vì mình. Ta cho rằng mình đã đặt được chút nền móng trong xứ sở toàn đạo đức giả và sương mù này. Cho hai ta đẩy, Fouta thân mến ạ!”

Sự vô công rồi nghề còn bào mòn ông hơn cả cơn đói còn cào và bệnh tật. Đó là một người đàn ông lực lưỡng quen với bơi lội và những cuộc cuộc bộ dài. Ông cần hoạt động để giữ tinh thần. Vậy mà, hai tháng ở Timbo, ông không hề động đến mái chèo, lần một lần leo núi. Hoạt động thể thao của ông quy gọn lại trong vài cuộc dạo bộ trong các con hẻm và đi săn bắt bướm bướm, và luôn luôn bị những kẻ thiếu giáo dục và thám báo theo sát. Còn lúc này ông được tự do giữa không gian thoáng đãng. Ông có cả lộ trình cho mình đến tận vùng duyên hải và những kỳ quan bất tận của xứ sở Fouta.

Đây là những thác nước của Gongooré, những vách đá của Doubel, những khu rừng đầy khỉ của Poukou! Gió nhẹ và nắng vàng rực rỡ. Cánh rừng tỏa đậm hương nhài và ớt tươi... ông hít thở tốt hơn... Những con sông và các tầng dây leo thơm ngát... Và đây lại là một ngọn thác nữa, một trảng đất mênh mông và một thung lũng... Đây, dưới chân ông là cả vùng đồng bằng tuyệt diệu Bhouria và những cánh đồng cỏ cao đang mùa nở hoa, uốn mình trong gió. Ông lôi sổ ra và ghi nhanh trước khi tiến vào thành phố: “Nhìn từ đây, hàng loạt những thung lũng và những quả đồi của Timbo nhấp nhô thật dễ chịu. Nó khiến ta nhớ đến con đường chạy từ Paris dẫn đến Versailles.

Một nhánh cỏ xanh dịu hiền trước mặt cũng thu phục được tất cả.”

Dẫu vậy, ông cũng không nản ná lâu. Ông được Tierno Cita, lãnh chúa khu vực đón tiếp lạnh lùng một cách khinh bỉ. “Họ kiêu ngạo một cách ngạc nhiên, lũ độc tài nhỏ mọn Da Đen này”, ông hồi hải ghi lại. Người ta dọn cho ông một bữa ăn dè sẻn. Ngôi nhà ông ở tối om. Ông cho thu dọn hành lý ngay lúc thức dậy.

Ở Fougoumba, ông được biết Aguibou đang có mặt tại đây. Ông không hề muốn gặp lại anh ta sau những gì xảy ra ở Timbo. Ông sẽ làm hết như ở Bhouria, ông sẽ khởi hành ngay ngày hôm sau. Nhưng tối đó, sau một tô fonio đậm bạc nấu với sữa, một tên tù nhân đến thông báo cho ông hay rằng công nương Taïbou sẽ ghé qua thăm ông.

Vẫn cùng một dáng vẻ uyển chuyển tuyệt mỹ hết như ông đã từng gặp ở Boubah và sau đó là ở Guidali: cùng cặp mắt to lóe sáng với cặp mí đầy vẻ ranh mãnh, kiêu kỳ và thanh thoát, cùng vẻ bình tĩnh bất biến của những người được ra đời để chọn lựa và để ra lệnh. Nàng chí ít thì cũng đẹp ngang Dalanda, nhưng đó là một vẻ đẹp khiến ta ngại ngùng và e sợ, lòng nhiệt tình bị giảm do thói quen của sức mạnh và thị hiếu uy quyền.

Nàng ngồi xuống chiếc giường đất nện. Còn ông lại thích một góc chiếc hòm của mình hơn.

Nàng ngược nhìn những dải dây leo quấn quýt nhau, những vành tre và những khoang mạng nhện trên mái nhà rồi lên tiếng:

- Người ta lẽ ra có thể tìm được một ngôi nhà khá hơn đây.
- Điều đó không phải do tôi quyết định, công nương biết rõ rồi mà.

- Ở Labé, ta hẳn đã cho người cư trú trong lâu đài.

- Công nương nói vậy bởi tôi không có ý định rẽ qua Labé!

Nàng chùng ra một nụ cười rạng rỡ và lạnh lùng, rồi lại tiếp tục chất giọng còn nhẹ nhàng hơn nữa:

- Người đã gây đi đây, *wallâhi!* Ở Timbo, người ta không cho người ăn hay sao?

- Vào ngày tôi là bạn của họ thì có, còn ngày tôi bị là tù nhân của họ thì không.

- Đúng thế, đúng thế, ta biết hết, cả những vụ thất tình nào nề của người nữa kia. Những tay đánh xe ở Labé đã chứng kiến trận đấu ở chợ, hai người đàn bà cầu xé nhau vì cặp mắt đẹp của người đây.

- Về phần mình, tôi đã nghe rất nhiều điều về Alpha Yaya và công nương. Giữa hai người có chuyện gì đó à?

- Nếu ta mà nói ra thì có lẽ cả thành Fouta sẽ bắt đầu bốc cháy mất. Cỗ máy phù thủy của người ấy mà, người sẽ đem đến cho chúng ta thực ư?

- Chính vì để biết điều ấy mà công nương đến thăm tôi?

- Ê, đừng chơi trò ngốc đi, Da Trắng, - nàng đáp lại - và cởi áo chên ra, ta đến để qua đêm ở đây.

Ông không đợi bình minh đến. Ông để mặc công nương thưởng thức hơi ấm êm của giường ngủ và ra đi dưới ánh sáng lờ mờ của các vì tinh tú xô đẩy đoàn xe của ông. Họ đang ở giữa mùa mưa. Cả một tuần mưa đổ không ngớt chẳng có gì đặc biệt. Sét và mưa đá đổ xuống cũng thường xuyên như một trận mưa cam trong một ngày có bão. Nếu như không khí dịu mát đi một cách dễ chịu, thì những con lộ lại như nhớp bùn đất và các dòng sông với đôi bờ nhưng nhúc cá sấu lại trở nên sôi sục vì lũ.

Ở Timbi-Touni, ông được tiếp đón với sự nồng nhiệt. Đức vua đi vắng, tham trận. Em trai Người, một vị có tên là Tierno, mời ông vào ngụ trong những ngôi nhà sang trọng nhất, hào phóng tặng ông ngũ cốc và chộc tiết hẳn một con bò tốt. Lệnh cho các nhà thông thái ca tụng ông, tặng ông hẳn một buổi biểu diễn bắn súng trên mình ngựa hoành tráng, đưa ông băng qua con sông Kokoulo, mà lòng sông lúc này đã rộng gấp ba lần bình thường, rồi tiễn ông đến tận Ninguilandé với một đoàn tùy tùng cả năm chục người.

Tuy nhiên, sự vất vả lại nhanh chóng ập đến. Ở Télibôfin, - cách Boké hơn năm ngày đường! - ông đã ngã quỵ ngay trước cổng làng, lả người vì mệt và đói. Ông nằm liệt suốt hai ngày liền, nằm vật giữa đồng nôn mưa mà chính ông oẹ ra. Đám lính của ông, dẫu vậy, vẫn quyết định đi tiếp bằng cách thay nhau rước ông, vì địa thế nơi này kém an toàn.

Ở Missidé-Téliko, mạch đập của ông quá yếu và nhiệt độ cơ thể ông quá cao đến nỗi thêm một lần nữa, ông lại trắng trối lời di chúc của mình: “Xác ta, sẽ phải cho hỏa táng và tro hài cốt của ta thì hãy ném xuống dòng sông nào đó tùy các người: dòng Cogon, dòng Konkouré hay dòng Kakrima cũng được. Còn gia tài của ta, các người hãy phân xử theo ý thích. Nhưng đám giấy tờ của ta thì... ờn Chúa, hãy chuyển bằng được chúng về nước Pháp nhé!” Không gì điên khùng hơn là phải chết quá gần Boké đến thế, một mình giữa bầy Da Đen, không tình thương cảm triu mến của người thân và không được xúc nước thánh! Lại càng ngán ngẩm hơn khi phải chết mà trước đó đã không được gặp một con người văn minh nào để trao lại cho anh ta toàn bộ những hình ảnh tràn trề và cảm xúc mà Fouta đã tặng cho ông trong suốt bốn tháng trời đầy say mê cũng như những rủi ro!

“Thôi nào, hãy cố thêm lần cuối cùng đi! - Ông tự nhủ. - Hãy

manh hơn cả hư vô đi! Mi phải trụ bằng được đến tận Boké! Một khi đã ở Boké rồi, thì điều gì phải đến ắt sẽ đến! Một khi những cuốn sổ của mi đã được an toàn ở đó thì mi có thể thanh thản buông mình cho cái chết đang quá gần gũi và hết sức tốt lành ấy. Và, với một chút may mắn, Dehous có thể sẽ an táng mi gần tượng đài nhỏ mà mi đã dựng để tưởng niệm René Caillé. Vì không thể nắm được nó thì cũng đáng kể cận sự vinh quang ấy lắm chứ, nhất là sẽ bất tử.”

Ở Tinguilinta, ông thuê một hướng dẫn viên để đưa đoàn băng qua rio Nunez và dẫn đoàn đến tận Boké. Nhưng những kẻ bạo gan ấy đã bỏ rơi họ giữa rừng. Họ lần mò, dò dẫm suốt hai ngày liền trước khi vô tình gặp một đoàn người đến từ Sarakolés, trên đường đến vùng duyên hải.

Nước Pháp đã không còn ở quá xa nữa, chỉ còn chừng hai mươi ki-lô-mét nữa thôi. Boké hiện ra dưới ánh sáng le lói đầu đêm cùng với những ngôi nhà lá, cảng và chiến lũy phòng ngự xây bằng đá granit nổi lên sừng sững, vượt hơn cả là chòi gác màu trắng phấp phới lá cờ tam sắc lấp lánh. Ông trợn trừng mắt và lão đảo. Chỉ còn vài bước thôi là đến những ngôi nhà đầu tiên, nhưng với ông thì tưởng chừng như dài bất tận.

Dehous đi vắng, đi sâu vào đất liền để thương thảo với các bộ tộc. May mắn thay, Bonnard đang có mặt trong thành phố. Ông ta đang đợi ông tại nhà một người có tên là Moustier.

– Tôi đang nhìn thấy gì đây hả?... Lạy Chúa lòng lành!... Mọi người cứ ngỡ là ông chết rồi, ông Olivier ạ!

Bonnard, con người cương nghị Bonnard này, đã không thể ngăn nổi hàng nước mắt khi đón ông trên bậc thềm nhà.

– Ôi đây rồi, người đồng loại của tôi! Cảm ơn Bonnard tốt bụng của tôi, cảm ơn đã đến với tôi!

Ông ta đỡ choàng lấy ông, hệt như ông ta có thể làm với một đứa trẻ hay với một quả bóng - ông chủ ngã quy xuống và ông ta, Bonnard, đang sống trong một cơn xúc động cứ trào dâng mãi khiến sức lực của ông ấy tăng gấp bội - để đưa Olivier lên tầng, sau giây lát suy nghĩ, ông ấy lên tiếng:

- Tôi sẽ để ông nằm nghỉ trong lúc chuẩn bị một bài thuốc. Ngài sẽ tốt hơn nhiều khi nằm trên giường. Nhưng trước hết, hãy thề với tôi là không được ngắt xiú nhé!

Olivier de Sanderval ho một cách đau đớn nhưng cũng thốt lên được:

- Ô không, trước tiên tôi phải được nếm lại nguồn thức ăn thực sự đã... những gì sẽ xảy ra sau đó, đối với tôi, chẳng có gì là quan trọng cả... Những cuốn sổ ghi của tôi nằm trong hòm số tám, tôi đã nói hết với Maly rồi... - nhưng hơi thở của ông bỗng trở nên gấp gáp và nước mũi sổ ra át hẳn câu nói của ông.

Moustier đem đến cho ông một chai nước và chạy đi đôn đảo, bằng những cú roi ngựa, chừng chục gia nhân của mình để chúng chuẩn bị bồn tắm và đặt chảo lên bếp.

Họ ăn tối với tất cả đồ ngon vật lạ của nước Pháp mà trong suốt chuỗi ngày dài sống trong rừng hoang núi thẳm, là điều không tưởng đối với ông: gan béo, pa-tê terine thỏ, xúc xích hun khói rosette xứ Lyon, dưa chuột muối xứ Bretagne, hạt đậu lùn, hạt đậu đỏ, măng tây, đùi cừ non tẩm hành và chim cú nấu nhỏ. Có rượu vang, sâm banh, rượu mạnh armagnac. Bữa tiệc kết thúc bằng chục loại pho-mát và một chiếc bánh táo tuyệt vời. Miệng đắng ngắt và run lập cập vì sốt cao, ông chỉ nếm mỗi món chừng một thìa, nhưng sau này khi phu nhân của ông hỏi thì chắc chắn ông sẽ đáp lại rằng chính nhờ bữa ăn đó mà ông đã thoát khỏi những đau đớn và bất hạnh của châu Phi.

Sự sạch sẽ của bàn ăn và sắc màu đa dạng của thực phẩm đã thừa sức để ông tìm lại được sức mạnh của ý chí và ý nghĩa của vạn vật.

Ông vẫn còn đủ sức để lôi sổ ghi chép ra, trước khi chìm lút vào giấc ngủ trên chiếc giường êm ái: “Đây rồi, bánh mì, rượu vang và trứng được nấu chín!... Phải ăn đã, phải viết và phải trải qua cuộc sống cơ cực thì mới thấu hiểu được giá trị của những thứ này, chính chúng phân biệt rõ ràng con người bên bàn ăn và con vật trong máng gia súc.”

Ông dẫu sao cũng rất ngạc nhiên khi thấy mình vẫn còn sống vào ngày hôm sau, ngạc nhiên nhưng cũng mang chút ngất ngây! Ông mở cửa sổ và háo hức hít thở mùi vị phảng phất của đu đủ và hương hoa dại. Ông lắng nghe tiếng hót của lũ chim hồng hoàng, cảm nhận sự mơn man của những tia nắng mặt trời khiến ta khỏe lại. Ông đã tự mình lần đến tận phòng khách, Moustier và Bonnard đang đợi ông ở đó, uống trà và bằng vẻ hào hứng của kẻ chiến thắng, ông đã kịp lấy lại chất giọng của một người ra lệnh: - Tôi cần một con tàu để đi Gorée!

Tầm giữa trưa, sau khi đã húp vài thìa canh và một thứ nước sắc từ vỏ cây ký ninh, ông gượng dậy để đi “thăm hỏi” René Caillé, mặc cho sự ngăn cản nhiệt thành của Moustier và Bonnard.

- Uầy! - Bonnard thốt lên khi thấy ông bước xuống cầu thang.

- Uầy cái gì, hả Bonnard?

- Cái vùng Fouta-Djalón này ấy mà, nó ra sao hả ngài Olivier?

- Ông thấy rõ là tôi từ đó trở về đây rồi còn gì, hả ông bạn Bonnard tốt bụng của tôi ơi, ông thấy rõ rồi đấy thôi!

Rồi ông mất hút trong góc cầu thang. Ông vẫn còn chưa đi đến các bồn hoa hồng trong sân thì Bonnard đã nghe thấy ông kêu lên một tiếng “Ồi” đau đớn và ngã gục xuống. Bonnard lại dìu ông lên tầng mặc cho ông phản đối và đặt ông vào giường, đốt ngay một chảo than khi bắt đầu thấy ông rét run lập cập một cách dữ dội.

Hôm đó là ngày mừng 8 tháng Bảy. Trong mười ngày, ông đã có thời gian bình phục và ăn đã thấy ngon miệng. Dehous, trở về sau chuyến thăm thú nơi rừng hoang vắng, đã ngay lập tức đến thăm ông.

– Trông ông khỏe hơn nhiều so với tình trạng mà người ta đã kể cho tôi nghe đây, thưa ngài Olivier.

Mười lăm ngày trước, Dehous đã được các đoàn xe thông báo, và ông đã nhẹ người trút đi được gánh nặng biết bao nhiêu, rằng ngài De Sanderval không những còn sống mà ông ấy đã gần về đến Boké. Nhưng ông đã phải bất ngờ đi ngược sông để xoa dịu các bộ tộc đứng ra là đang rất kích động trong thời gian này. Ở Balarandé, quân lính của ông và chính ông suýt nữa thì đã bỏ mạng ở đó. Họ đã sống sót được là chỉ nhờ chính tư cách tác phong của họ.

– Thưa đại úy Dehous, ngài đang ở chón tiền đồn của cuộc chiến văn minh của nước Pháp đấy! A, giá mà những kẻ biếng lười ở Bộ Hải quân chịu rời phòng làm việc êm ái của họ giây lát để đến đây chứng kiến, mục sở thị công việc của ngài nhỉ.

Giọng nói của ông nhuốm âm sắc của những vị tướng khi họ gấn mề đay cho cấp dưới trong sân điện Invalides.

– Ngài đang đùa đấy chứ, hả ngài Olivier! Họ hả, ở đây ư, giữa đám Da Đen, muỗi mòng, báo và rắn rết ư!

– Tuy nhiên, điều đó sẽ có ích cho họ đấy, Phi châu sẽ là một

bài học đáng giá cho họ về tính nhún nhường.

– Điều đó hả, thì ngài có lý đấy! Phi châu khiến cho tất cả những gì động chạm đến chúng đều trở nên nhún nhường, chỉ trừ sư tử và voi thôi.

– Ngài chờn gì nhất ở đây hả, thưa đại úy?

– Bệnh tật.

– Còn hơn cả đám Da Đen à?

– Đám Da Đen ư, ta có thể chiến đấu với chúng, còn bệnh tật thì không bao giờ...

Những người Peul thì sao hả?

– Đúng là dân Anh quốc ở Phi châu đấy! Họ có tất cả các nhược điểm và ưu điểm trên trái đất này: keo kiệt, xảo trá, dễ nổi cáu, thông minh, tinh tế và quý tộc về bản chất!

– Thế họ tiếp đón ngài thế nào?

– Theo kiểu người Peul: bạn không bao giờ biết được liệu mình là khách sang hay là tù nhân chiến tranh của họ cả!

– Và ngài đã đạt được những gì?

– Tất cả những gì tôi muốn: quyền mở những thương điểm và vạch một con đường xe lửa.

– Theo ngài, Fouta vậy là có thể trở thành Pháp nhỉ!

– Không có bọn đàn ở Saint-Louis, thì có lẽ nó đã là Pháp rồi.

– Xứ sở ấy có đẹp thật như các đoàn xe kháo không?

Ông đáp lại Dehous rằng đúng như thế và hồi hả miêu tả toàn cảnh rất đổi choáng ngợp của một góc trời Phi châu này, nơi mà những ngọn núi lửa vùng Auvergne và những thửa ruộng có cây cối bao quanh của xứ Normandie hay những con suối róc rách của miền Jura và những thung lũng của đất nước Thụy Sĩ sẽ có thể tới thả hồn vào đó.

– Đúng là thế giới Aida đây! Chúng ta phải chinh phục nó! Và phải thật nhanh, ngài hiểu chứ, hử Dehous?

– Thế thì, hãy cho qua đi, Olivier ạ! Fouta-Djalón như vậy đã là quá khó để tiếp cận rồi còn người Peul thì quá phức tạp.

– Không có Fouta-Djalón thì không thể có được Soudan.

– Các đồn bốt của chúng tôi đã tiến nhanh về phía Soudan rồi, nhờ tướng Faidherbe.

– Chúng ta sẽ mất chúng ngay sau khi người Anh chiếm được Fouta-Djalón, điều rất có thể xảy ra: người Peul rất mê loại vải cốt tông dày để chần ghế của thành phố Manchester và bắt đầu tính bằng đồng shilling.

– Cảm ơn ngài về bài học địa chính trị tuyệt vời này, thưa ngài Olivier. Nhưng hiện tại, nước Pháp có những người để soạn thảo chính sách với Phi châu rồi.

– Những con người chẳng có trí tưởng tượng nào ư?

– Gì hả?

– Chẳng cần đến tám bản đồ của Bộ Tham mưu để biết lẽ ra phải bắt đầu bằng Fouta-Djalón. Nhưng chiếu theo những con số mà những kẻ ngu đần sống trong các Bộ của chúng ta...

– Người ta không thể nói thế với một sĩ quan Pháp về nước Pháp được! Đó là một sự thóa mạ.

– Một sự thóa mạ ư? Tôi chỉ...

– Ông im đi! Trước hết, ông là ai hả? Chẳng là cái gì sất! Ông đã đến đây chính vì những ảo ảnh của ông thúc đẩy. Và người ta vẫn chưa biết là vì lợi ích của ai: của ông, của nước Pháp hay của một thế lực thù địch nào?

Và ông ta đi lại bồn chồn trong phòng, giáng bốt một cách giận dữ lên sàn nhà. Rồi lại ngồi xuống tháo giày và thổ ra

những câu chửi rửa bất bình, giận điên và tu cạ liên hồi nhiều ly rượu liền. Ông ta ợ hơi âm ỉ và lâu bầu một lúc lâu trước khi giọng nói lại trở nên minh bạch:

– Tôi lẽ ra đã cho bắn ông ngay từ đầu... Đúng vậy, đó chính là điều lẽ ra tôi phải làm... Xử bắn ông... Bởi vì chúng tôi những người lính, chúng tôi có mặt ở đây không phải là để đùa tếu đầu, chúng tôi đang ở trong vùng có chiến tranh, ở đây này!... Lũ Da Đen, báo, muỗi mòng... Chúng tôi có mặt ở đây không phải là để chơi trò lấu cá...

Ngạc nhiên trước sự chuyển hướng bất ngờ của cuộc nói chuyện, Olivier de Sanderval nhìn ông ta đang thốt ra từng tiếng chuỗi độc thoại bệnh hoạn của mình mà không biết nên phải thận trọng hay nên thương hại ông ta.

– Tôi nói nghiêm túc đấy, tốt hơn là ông nên đi đi!... Ô không, tôi không thích ông đâu, ông Olivier ạ!... Và nói một cách trung thực thì thậm chí là không hề có chút cảm tình nào với ông hết.

Sau câu đó, ông ta không hề phát ra một tiếng nào nữa. Ông ta chỉ ngồi nắc lên và ợ hơi cho đến tận lúc chai Pernod cuối cùng đã cạn sạch. Rồi cầm mũ lên, đeo súng và đi ửng:

– Ông lẽ ra nên ở lại trong nước thì tốt hơn, Olivier ạ! Ông sẽ chẳng bao giờ hiểu gì về châu Phi cả, và giả như có điều đó xảy ra thật thì châu Phi, về phía nó, nó chẳng bao giờ hiểu ông đâu! Vĩnh biệt, thưa ngài Olivier, vĩnh biệt lần cuối cùng!

Rồi ông ta mất hút trong bóng đêm đúng vào lúc tiếng rền vang của sấm và của những con linh cẩu bắt đầu khiến vùng rừng hoang vắng vắng rung lên.

Ngày 31 tháng Tám, vào tám giờ tối, sau một cơn bão dữ dội, thì ông cập bến Gorée. Các dịch vụ vệ sinh sức khỏe ngay lập

tức tổng ông vào phòng cách ly năm ngày liền.

Nhưng khi ông vẫn còn chưa giở hết hành lý rương hòm thì một người đến gõ cửa phòng ông. Ông mở cửa và thấy trước mặt mình một người đàn ông trẻ, mảnh mai và râu tóc nhẵn nhụi, dáng vẻ thể thao và quyến rũ, mặc dù làn da anh ta nhợt nhạt và cơ thể gầy guộc.

– Sao, ông vẫn chưa có chúng à, các vết rạch trên mặt ấy, hả ông ngoại? Họ chưa cho ông một vương quốc ư? Sao cơ, ông không nhận ra tôi hay sao, hả ông ngoại?

– Souvignet! Ô, ngạc nhiên quá đấy! Nhưng cậu làm gì ở đây, hả chàng trai quả cảm của tôi?

– Con bệnh cùng danh tước như ông thôi, ông ngoại ạ! Chỉ có điều, ông đang trong thời kỳ quan sát còn tôi thì đã vương rồi: bệnh sán xơ mít đấy, rồi sốt vàng và còn rất nhiều các bệnh khác mà người ta vẫn còn chưa tìm ra tên. Vào lúc mà tôi còn trụ được trên đôi chân mình thì tôi chẳng sợ cái đêch gì cả. Tôi tự nhủ mình cảm thấy còn khỏe hơn cả chúng nữa kia.

Anh chỉ tay về phía dãy tranh mà họ có thể nhìn thoáng thấy qua các khe cửa chớp. Ở đó có ba nghĩa địa nhỏ tách biệt, ngăn cách bằng những bức tường thấp, với những nấm mộ màu trắng và cây thập tự gỗ, đứng được là nhờ những sợi dây chèo. Bên trái, bệnh kiết lỵ, bên phải bệnh sốt vàng, còn ở giữa là bệnh sán máng. - Họ chắc sẽ tự hỏi sẽ đặt tôi vào khu nào, vào cái ngày sẽ đến lượt tôi ấy, rất có thể là trong cả ba, anh bắt đầu nhăn nhó. Nhưng ông chắc cũng lạc quan như tôi và ông cũng sẽ nói là tôi vẫn còn trẻ và rằng chẳng phải vài ba căn bệnh nhãi ranh của châu Phi sẽ bẻ gục được Jean-Marie Souvignet đâu, đúng không? Thế thì, ông hoàn toàn có lý, ông ngoại ạ... Chuyến đi trên biển quá nhanh đến nỗi mà tôi quên chưa hỏi tên của ông.

– Olivier! Aimé Olivier!

– Ông có thể thề với tôi rằng ông đã thực sự đặt chân đến chính Fouta-Djalon không, hả ông ngoại?... Hừm!...

– Ô, tôi đã đoán được điều anh sẽ nói với tôi rằng chỉ có bốn người Pháp đã đặt chân đến đó. Mollien, René Caillé, Hecquart và Lambert. Kể từ đây, anh có thể thêm vào bản danh sách người thứ năm, là tôi, Aimé Olivier... Đừng cười nhé, chàng trai trẻ... Ngược lại là khác, nếu anh có một tấm mẽ đay cho tôi, hẳn sẽ không bị từ chối đâu.

– Ông thực sự không tởi lắm đối với một người từ Fouta-Djalon trở về. Tôi hả, tôi mới chỉ từ Rufisque trở về và đã bị tàn phá ghê gớm!

– Đó là vì anh chưa nhìn bộ ruột của tôi đấy thôi.

– Thế còn vương quốc thì thế nào?

– Tôi vẫn chưa có nó, nhưng đã có tên cho nó rồi!

– Tên là gì?

– Ô, không được đâu, chuyện này ấy mà, đó là bí mật quốc gia đầu tiên của tôi đấy... Giờ tôi chỉ còn mỗi việc tìm cho mình một quan đại thần thôi.

– Ông đã nghĩ đến ai chưa?

– Đến anh!

– Đến tôi hả? Thật thế chứ? Ôi, thế thì tuyệt quá!

– Gì hả, anh sẽ chấp nhận nó thật chứ?

– Sao lại không! Tôi không thể bỏ qua rừng hoang vắng vắng được nữa rồi.

– Anh sẽ xây cho tôi cung điện, đường sá và đèn đài!

– Ôi, mọi chuyện coi như đã xong, thưa hoàng thượng!

– Cẩn thận nhé, tôi rất kỹ tính đấy, quan đại thần ạ!

– Tôi sẽ tuân lệnh ngài đến từng chi tiết, thưa hoàng thượng! Nhưng ngài cũng cần phải chú ý, thưa ông ngoại, tôi cũng có điều kiện của mình, và nó không nhỏ đâu.

– Điều kiện gì?

– Rằng trước khi xuống tàu, ông ghé qua cầm bức thư về cho gia đình tôi! Để họ biết rằng tôi sẽ qua Noel ở đây, như vậy tôi có thể thông báo tin vui cho gia đình: chính tôi, đứa con trai đẹp nhất của họ vừa được tiến cử quan đại thần Phi châu! Đó chẳng phải là một nơi để qua đêm Noel hay sao, ông đồng ý với tôi chứ!

Khi ra khỏi phòng cách ly, thì một trong đám nhân viên của ông đang đợi trong một cỗ xe ba bánh do lừa kéo: còn lâu lắm mới có tàu. Ông đành đi bộ, câu cá để giải khuây và dùng bữa với một cặp vợ chồng sinh thái người Đức, hai người này nói rằng đã tìm thấy một con sò không thể xếp hạng theo học thuyết của Limé. Cuối cùng, khi có tin thông báo con tàu Pointe-Noire-Bordeaux sắp khởi hành, ông liền rẽ qua như đã hứa để lấy thư của Souvignet. Nhưng, ở cửa, nhân viên phụ trách nhìn ông với dáng vẻ kỳ lạ:

– Gì cơ? Cậu Souvignet hả? Ông nói rõ là cậu Jean-Marie Souvignet phải không... Ôi, nhưng ông không biết gì sao, hả ngài đáng kính, chính cậu ấy đang ở đằng kia kìa!

Rồi bà chỉ một cỗ quan tài gỗ điều sơ sài mà một nhóm Da Đen đang khênh đi, ở phía bên kia con đường đi dạo.

Một dòng nước mắt chảy tràn trên má ông trong lúc các nhân viên mai táng lắng xuống những xẻng đất đầu tiên. Ông lầm nhảm hát *La Marseillaise* và ném xuống một cành sơn trà đang nở hoa. Giọng ông tự thốt ra, run run và không còn là giọng của ông nữa:

– Vĩnh biệt, vị tướng Faidherbe tương lai của tôi!

Rồi quay lại chỗ người phụ trách, ông chìa cho bà chiếc đồng hồ vàng tuyệt vời mà Souvignet đã tặng ông lúc trên tàu:

– Bà hẳn sẽ gửi đồ đạc của cậu ấy về cho gia đình chứ?

– Đó là quy định chúng, thưa ông!

– Thế thì bà bỏ thêm cái này vào số đồ ấy!

– Nhưng mà...

– Làm ơn hãy thực hiện điều tôi nói đi, thưa bà, - ông cầu khẩn, một tiếng nấc tức tưởi át cả giọng nói của ông.

– Được thôi, thưa ông, được thôi! - Người phụ trách nhân nhượng trong lúc đảo tròn cặp mắt sững sờ nhìn ông đi xa dần.

Con tàu mang tên *Le Congo*, một con tàu chở khách mỹ miều của Công ty vận tải hàng hóa hết như Marseille vẫn thường xuyên nhìn thấy chúng xuất xưởng khỏi những xưởng La Courronne của mình.

Ông nhìn Phi châu đang xa dần, và bằng một giọng thần bí, ông nói với những cái bóng của cây cối và những khoảng thời gian đang lùi xa dần: “Ô, không, Phi châu đáng thương của ta, giờ Người không còn là một kẻ xa lạ nữa rồi!”

Ông cập bến thành phố Bordeaux vào ngày 11 tháng Mười năm 1880. Chính xác là ông đã rời nước Pháp đúng mười tháng mười chín ngày.

PHẦN HAI

Lúc ông xuống tàu thì người đánh xe riêng đã đang đợi ông, ngành điện báo đã hoạt động rất tốt. Nhưng liệu ông đã ra khỏi một toa tàu, hay một cái lỗ sâu không đáy của hư vô đây? Marseille lấp lánh dưới ánh sáng của một mùa hè Anđiêng rực rỡ. Dầu vậy, ông chẳng cảm thấy gì cả: ông không cảm thấy những cái ve vuốt mơn trớn của ánh mặt trời lẫn da thịt của thành phố, tuy đã được ham muốn biết bao từ quá lâu nay. Cơ thể rệu rạo này, dáng đi liêu xiêu này, phải chăng Phi châu đã giữ lại con người ông và chỉ trả về một hồn ma bóng quế?

Ông đưa tay lên che mắt để tránh ánh sáng lóa rực rỡ bên ngoài, ông lão đảo đáp lại lời chào của anh đánh xe, bám rất lâu vào cánh cửa xe để trút bớt sự cuồng căng và làm quen với ánh sáng. Ông kinh ngạc ngắm hai sườn xe trắng véc-ni đen và những bánh xe sáng bóng có nan hoa mạ san hô.

- Anh cho xe chạy qua Cảng Cũ nhé, Marcel! - Ông lâu bầu nói trong lúc ngồi vào ghế. Tựa khuỷu tay lên cánh cửa sổ hé mở và để mặc cho những hình khối lờ mờ của những tòa nhà cao tầng và những hình bóng ma quái của cây cối và khách bộ hành trượt qua dưới cặp mắt nhòa đi vì thiếu ngủ. Họ mau chóng xuống hết đại lộ Athènes và Canebière. Đến kè Belge, ông ra hiệu cho Marcel chạy chậm lại. Tươi hỉnh hẳn nhờ gió biển, ông ngẩng đầu ngoái nhìn về phía Cảng Cũ để lặng ngắm sự đông đúc nháo nhào trên các kè và sự đan chen chồng chéo tráng lệ của những cột buồm. Chỉ đến đoạn đó thì ông mới thực sự cảm nhận được sự hiện diện của thành phố.

Marseille trượt đi theo vận tốc của một bức tranh tường mà người ta gỡ dần ra: cùng một dải rộng lớn hình cánh quạt nhô cao bởi quần thể những quả đồi, những vịnh nhỏ, những ngôi nhà và những mảnh vườn nhỏ, chúng đã liên tục ám ảnh tâm trí ông trong những ngày sống ở rừng rậm. Ông sung sướng gặp lại những khu chợ bán sỉ của nó, những xưởng tàu, những nhà máy sản xuất dầu và xà phòng, háo hức hít thở mùi hoa oải hương và mùi của biển, của lưu huỳnh và mùi mỡ cháy. Ông nhắm mắt lại và để mặc cho tiếng vó ngựa chạy nước kiệu và tiếng nhạc của thành phố du ngủ. Kè Rive-Neuve, âu Carnage, con đường đi dạo Corniche, đại lộ Prado, đại lộ Point-Rouge, rồi đến đại lộ Madrague-de-Montredon.

Xe chạy nhanh qua lối tắt Carthage, phóng ào vào trong công viên, chạy dọc khu chuồng ngựa và khu nhà biệt lập Clary rồi đến đậu trước tòa lâu đài gắn lưng vào sát vách đá, nơi mà cuối cùng ông đã dọn đến ở, sau khi nhạc phụ ông qua đời. Khu nhà biệt lập giờ đây chỉ còn được sử dụng làm thư viện và phòng thí nghiệm. Ông xuống xe và chìm vào không khí gia đình với cùng một sự nhẹ nhõm run rẩy hết như ở Timbo, nóng rục người do sốt rét, ông nhào vào giường ngủ.

Rose, nàng Rose yêu quý bé bỏng của ông, tế nhị và thơm mát hết như khi ông đã để nàng ở lại, ôm hôn ông hai ba lần liền mỗi ngày, rung động bởi các dòng lệ, trước khi giao phó ông cho các bác sĩ và đầu bếp. Nàng kiên nhẫn cho đến tận lúc lũ trẻ, chúng không còn nhận ra ông nữa, dám tiến lại gần cha mà không run sợ nữa trước khi hỏi ông những câu hỏi đốt cháy môi nàng kể từ lúc ông ra đi:

- Thế nào, Aimé, những người Da Đen ấy mà, họ đã thuận cho mình một vai trong vở *Méphistophélès* của họ chứ?
- Hãy tin là có đi, mình yêu của anh ạ! Vả lại, chính nhờ nó

mà anh vẫn còn sống đấy.

Một tháng sau, ông không những đã hết run lập cập và nôn mửa, mà thân thể ông không còn bơi trong áo quần nữa. Con vật nơi rừng hoang trắng vắng mà ông đã từng trở thành ấy đã quen lại được với cuộc sống gia đình và với tiếng ồn ào của thành phố. Dầu vậy, Fouta-Djalou vẫn không rời khỏi ông. Ông lôi những cuốn sổ ghi chép ra khỏi rương ngay khi ông đủ sức cầm một cây bút chì và ghi lại với âm điệu giễu cợt và đầy tính tiên đoán: “Châu Phi chắc chắn sẽ tiến hành cuộc công du này và kèm theo nền văn minh. Trong ba năm nữa, Timbo sẽ thưởng thức quả sơ-ri của vùng Montmorency hệt như ngày xưa người La Mã đã làm với những quả vả của xứ Carthage.” Rồi ông nghĩ đến khối công việc khổng lồ mà ông còn phải đánh vật với chúng để đạt được điều ấy. Sau những hiểm nguy nơi rừng hoang, thì một cuộc chiến khác đang đợi ông: đối đầu với khối rừng rậm quan liêu ở Paris để bán cho họ kết quả tìm kiếm được.

Đương nhiên, ông ghé chào người bạn đồng lõa Jules Charles-Roux trước khi lên Paris.

Là những hóa học gia, rồi con trai của những hóa học gia, họ đã chào đời trong cùng một năm. Gia đình Charles-Roux sở hữu ngành sản xuất xà phòng ở Marseille cũng như gia đình Olivier sở hữu ngành sản xuất a-xít sulfuric ở Lyon. Cả hai cùng mê đắm Darwin và say mê các cuộc phiêu lưu trong các miền thuộc địa, họ tin vào sự tỏa sáng của khoa học và những nguồn bất tận của sự tiến bộ hơn là tin Chúa. Họ là cặp con song sinh của một thời kỳ sôi động, chinh phục và sáng tạo, thời kỳ mà nó chẳng có thời gian, nhất là không có thời gian để nghi ngờ chính mình.

Jules vẫn còn chưa bị xiêu lòng trước sự cám dỗ đang rất

thịnh hành của những chuyến du lịch và thám hiểm nhưng ông lại có mối liên kết chặt chẽ với Gallieni và ủng hộ nhiệt tình việc di cư người Pháp tới Tunisie, Dahomey và Madagascar. Mặc dù sự khác nhau rõ rệt giữa họ về tính khí thì cả hai đều nghĩ rằng Phi châu kể từ đây sẽ thực hiện tài năng thần tài của nước Pháp, từ nơi đó, nó sẽ chiếu rọi không còn chỉ ở Indus hay vùng Địa Trung Hải nữa, mà còn lan xa khắp các đường kinh tuyến, tất cả các cực, mọi góc ngách của quả địa cầu. Nói thế, ta có thể hình dung cảm xúc trào dâng của cuộc hội ngộ!

– Dấu sao thì cũng là cái gì đó khi nắm một bàn tay vừa đi thẳng từ Fouta-Djalou về đây chứ nhỉ!... Con tàu cập bến sáng nay hay tối qua vậy?

– Hừm... không hoàn toàn thế đâu! - Olivier de Sanderval áp úng. Tôi đã muốn tránh đến gặp anh với bộ dạng khi tôi trở về đây. Tôi tự khép mình cách ly một thời gian, hừm... có thể nói là vì sự phải phép thôi. Cả thành phố hẳn sẽ bỏ trốn nếu tôi ngay tức thì chường ra trước mặt nó.

Họ vào phòng khách sau những dây phút tuôn trào cảm xúc mà chúng chỉ bị ngắt quãng bởi những tiếng thở dài. Cái bóng nhẹ nhàng của viên quản gia lẩn vào đến tận cạnh họ: vị khách chọn cho mình một ly rượu bách xù còn chủ nhà dùng một ly Cassis. Olivier de Sanderval thưởng thức ly rượu thơm ngon tuyệt hảo và thở dài, mắt khép lại:

– Chúa ơi, liệu có thể không? Tôi, đang ở Pháp, trong một ngôi nhà thực sự, ăn những thức ăn thực sự, uống trong những chiếc ly thực sự, nói chuyện với những con người thực sự!

Jules chỉ đành ngồi ngắm ông. Đó là một dấu hiệu kính nể nhưng cũng là một ý muốn cháy bỏng được nghe ông kể chuyện. Một từ đơn giản phát ra từ ông hẳn sẽ mở ra thời khắc trịnh trọng của nó, tính xác thực trong câu chuyện, bề dày cho

nhân vật chính? Sự im lặng này chợt đến hết như một bản quốc ca và đương nhiên là sẽ dài, chỉ bị ngắt quãng bởi tiếng líu ríu của lũ chim trong vườn và vài nốt nhạc dương cầm thoát ra từ một ngôi nhà xa xa nào đó vắng tới.

Chỉ có điều, bắt đầu từ đâu đây? Cuối cùng thì Olivier de Sanderval cũng nhân nhượng lên tiếng. Và với sự nhẹ nhõm của một nghi phạm đã đi đến cùng của sự chịu đựng, ông bắt đầu kể, kể hết tất cả những gì mà ông đã im lặng từ quá lâu và một cách quá đôi đốn đau, tất cả những gì mà ông đã không dám thổ lộ với Rose: đám ăn mày ở Gorée, vua Boubah, vị lãnh sự Anh, những vực thăm, rấn, những con báo, bọ cạp, những con tinh tinh, những trận hôn mê, những cơn đau bụng, những lần đe dọa lấy tính mạng và những vụ đầu độc; vẻ đẹp kỳ lạ của xứ sở, thế giới huyền bí của người Peul - quá đôi gian xảo, lắm mánh khéo và quá quý tộc, nhiều giá trị quá đôi và quá mê hoặc, nói tóm lại, người ta sẽ trả tiền những thứ đó bằng cái giá của những nhược điểm của họ.

- Như tôi đã thông báo với anh, bạn Jules thân mến ạ, tôi dự định phiêu lưu đến tận Soudan. Nhưng những ông vua Peul này đã không muốn thế. Họ cấm tôi qua đó, họ đã giữ tôi lại hơn hai tháng liền để cảm ơn tôi vì đã đến tận đó với họ đấy.

- Hai tháng là tù nhân của dân Da Đen và...

- An tâm đi, Jules thân mến, đám Da Đen này không ăn thịt dân Da Trắng. Còn tệ hơn nhiều kia, chúng nhá tâm hồn họ!

Jules Charles-Roux mở màng trong giây lát, rồi thân mật nâng cốc lên:

- Mừng sức khỏe nhà thám hiểm vĩ đại của chúng ta! René Caillé ở Toubouctou, Dupuis ở Tonkin, còn anh thì ở Fouta-Djalou!

– Nhà thám hiểm ư, tôi tự trách mình đây! Thời kỳ thám hiểm đã qua rồi, bạn Jules đáng thương ơ! Giờ đến lúc chiếm làm thuộc địa!

– Anh, người đã gặp tận mặt đám Da Đen ấy, anh nghĩ rằng ta có thể lôi họ ra khỏi rừng hoang núi thẳm, nơi mà sự di truyền đã giam cầm họ ư?

– Đó là một chủng tộc nguyên thủy, tôi thừa nhận, họ gần với khỉ hơn là gần chúng ta, nhưng đó là một chủng tộc trẻ. Con tim mới bắt đầu hiện hữu và tinh thần sẽ nảy sinh sau đó. Sự tiến hóa, Jules thân mến ơ, sự tiến hóa đây!

– Anh thấy thế nào nếu ta tổ chức một buổi nói chuyện trong nhà chúng ta để cùng nhau phát triển tất cả những ý này và khiến cho chúng ta mơ tưởng đến những kỳ quan của Fouta?

– Rất sẵn lòng, bạn thân mến! Đó sẽ là dịp để tôi cảm ơn Hội Địa lý của anh vì sự ủng hộ vô giá của họ.

– Anh còn ở lại thành phố lâu chứ?

– Tôi đang chuẩn bị lên Paris để thông báo cho các quý ông trong Bộ Hàng hải. Tôi vẫn còn chưa hết chuyện với loài bò sát: sau đàn cá sấu châu Phi, giờ đến lũ cá sấu Mỹ sống trong các Bộ hành chính!

– Anh sẽ yêu cầu gì ở họ?

– Ủng hộ những hiệp ước của tôi với người Peul!

– Vì cá nhân anh hay vì nước Pháp?

– Trong tâm tưởng tôi thì cũng thế thôi! Ở Timbo, tôi chính là nước Pháp.

– Rồi, được rồi! Tôi sẽ thảo cho anh một lá thư giới thiệu theo ý kiến của tân chủ tịch Hội Địa lý. Ông ta tên là... Ferdinand de Lesseps. Anh có biết nguyên soái Cloué không?

– Sinh thời, bá tước De Chasseloup-Labat đã nói với tôi rất nhiều về ông này.

– Anh rẽ qua gặp ông ấy và nói là tôi giới thiệu. Ông ấy giờ là tân Bộ trưởng Hàng hải.

Olivier de Sanderval uống cạn ly rượu bách xù của mình, đứng dậy và xin lại áo măng tô.

Ở Paris, ông đến khu đại bản doanh của mình ở khách sạn Terminus-Saint Lazare và bắt đầu bằng thứ dễ chịu nhất: một bữa ăn tối dừng đỉnh tại nhà hàng Grand Véfour với cha đẻ của kênh đào Suez, vẫn còn đang trên đỉnh cao vinh quang của mình. Trong cảnh trí tráng lệ của thế kỷ XVIII, nằm dưới những vòm của điện Palais-Royal, các nhân vật có máu mặt ở Paris có thói quen tụ tập ở đây. Người ta rất hay nhận ra hình dáng của Grévy hay của Gambetta. Ở đó, khi giồng tai lên, ta có thể nghe thấy tiếng Edmond de Goncourt hay Alexandra Dumas con nói về những tác phẩm mới nhất của họ. Món gà hầm Marengo tự tan chảy dưới lưỡi và món sốt Mayonnaise gia cầm vượt quá sự nổi tiếng mà những nhà sành ăn tinh tế đã làm cho ông trong đại sảnh của nhà hát kịch Comédie Française hay trong các lô xem trình diễn của Opéra. Ferdinand de Lesseps tỏ ra vui vẻ, trí thức, một vị khách tuyệt vời. Con người mà ai nấy đều gọi là “Người Pháp vĩ đại” thực ra lại là một ông già lùn thì đúng hơn, tóc muối tiêu khá nhiều nhưng đầy đà, vận trang phục toàn màu tối. Mặc dù ở độ tuổi bảy mươi lăm của mình, ông vẫn nói chuyện với sự thẳng thắn và một nghị lực đáng ngưỡng mộ. Ông vẫn còn rất tin tưởng vào kênh đào Panama của mình. Chắc chắn, dự án này có vẻ như tốn nhiều tiền của hơn so với điều ông đã dự tính. Nhưng điều ấy cũng chẳng khiến ông nản chí, ông không hề nản chí tí nào nhé! Ngược lại là khác, điều ấy chứng tỏ nó sẽ còn thú vị hơn cả kênh đào Suez.

Tiền bạc ư, ông thế nào cũng tìm thấy, chắc chắn là thế, dấu rằng hiện tại những cổ đông đang chẳng mẫn mà gì. Cuộc quyền góp rộng rãi trái phiếu mà ông vừa tung ra vận hành đúng ra là rất tốt.

– Chuyện đó đã vận hành tốt ở Suez, thì nó sẽ vận hành tốt ở Panama! Vả lại, anh bạn trẻ thân mến của tôi ơi, chúng ta không ở đây để nói chuyện về Panama mà để nói về một quốc gia mới mẻ mà tài năng của anh đã đặt vào tầm tay của nước Pháp. Nước... hãy nói lại tên nó cho tôi?

– Fouta-Djalou!

– Đó đúng là cái mà tôi hình như cảm nhận được: Fouta-Djalou! Đó là một xứ lạc thú, có vẻ như thế phải không?

– Đáng buồn là nó không dành cho ngài đâu: chẳng có con kênh nào để đào ở đó cả.

– Ô, có đấy! Charles-Roux đã nói với tôi về ý tưởng về con đường xe lửa của anh. Tôi tính dành hẳn một buổi nói chuyện về chủ đề này tại cuộc họp sắp tới ở viện Hàn lâm Khoa học. Con đường xe lửa, đây chính là kênh đào của thời đại mới đấy!

– Động mạch chính sẽ giúp chúng ta hồi sức cơ thể cứng đờ của Phi châu.

– Anh nói chuyện cứ như Dumas ấy... Ờ, đó là thành viên của chúng tôi ở viện Hàn lâm đấy... Anh nên rẽ qua gặp ông ấy. Ông ấy cũng như tất cả mọi người thôi, Dumas ấy mà, ông ta giả bộ như ghét bỏ vinh dự, nhưng chẳng gì khiến ông ta hài lòng hơn khi thấy những người khác bày tỏ, nâng tầm quan trọng của mình lên. Hãy đến gặp ông ta đi, hãy cảm ơn ông ta vì tất cả những gì ông ta đã làm cho anh (dẫu rằng ông ta vẫn còn chưa làm gì cả), điều đó chắc chắn rồi sẽ đẩy ông ta đến thực hiện cái gì đó, ví như lên chương trình nhanh nhất ngày nói chuyện của

tôi. Anh cũng nên ghé gặp Ganthiot, đó là thư ký thường niên của Hội Địa lý thương mại của Paris. Anh vừa mới hoàn thành một tác phẩm kỳ vĩ, chàng trai trẻ ạ: ở đây, vũ trụ hay một căn bệnh mới, chẳng có gì tồn tại mà không nhận được sự tán đồng của tầng lớp trưởng giả cả.

– Sự nổi tiếng không thu hút tôi, tôi đảm bảo với ngài thế.

– Đó chính là điều tôi đã tự nhủ với mình thế khi giáng nhát cuốc đầu tiên ở Suez. Nhưng khi tất cả mọi người bắt đầu gọi tôi là “Người Pháp vĩ đại”, thì tôi đã thấy điều đó dễ chịu thì đúng hơn. Thế đám Da Đen này thì thế nào?

– Trước mắt, đó là những con vật! Sự tiến bộ chắc chắn sẽ đến được nơi họ.

– A, anh trấn an tôi khi nói về ma thuật của sự tiến bộ đấy! Dân Da Đen trong vài năm! Còn lũ khỉ thì trong bao lâu đây?

Không một bữa ăn nào của giới thượng lưu Paris mà lại không kết thúc bằng vài câu chuyện lạc đề về chính trường hay ca vũ kịch, họ gọi lại Tình yêu y học của F. Poise mà người ta vừa chuyển thể thành sân khấu Opéra-Comique, cũng như về hai nhân vật mang tên Jules trong thời kỳ ấy: Ferry và Guesde.

Sau đó, con người của kênh đào Suez đứng dậy đội mũ cao thành của mình và khoác tấm khăn choàng dài.

– Hãy hứa với tôi sẽ rẽ qua gặp Dumas nhé!... Rồi sau đó đến Ganthiot nữa!

Olivier de Sanderval tháp tùng ông ra tận cỗ xe sang trọng và đứng trân ở đó cho đến tận khi nền vinh quang sống của nước Pháp đi xa dần, trước khi cũng nhào vào xe của mình.

Tờ Những bản tường trình của các phiên họp của viện Hàn lâm Pháp xuất bản những đoạn dài của buổi nói chuyện của Lesseps. Ngay lúc đó, các phòng khách và các quán cà phê đang thịnh

hành rất say mê người con của xứ Lyon coi thường hiểm nguy này - đã rất nổi tiếng vì đã phát minh ra bánh xe có trục treo và bởi những kỳ tích của mình trên mặt trận Sedan và người, trong sự cô độc huy hoàng của mình, đang đề nghị tặng cho nước Pháp một thuộc địa mới mở ra những quyền chần thả khả quan, mật ong mà cái tên ngoại lai đã kịp khiến lũ trẻ vui đùa trong các trường học và những bài hát trong các phòng trà ca-ba-rê. Ngoài những nhật báo như *Le Petit Marseillais*, *Le Firago*, *Le Journal des Débats*, *La Revue des Deux Mondes*, *Le Bulletin de la Société de géographie*, *La Dépêche coloniale* và rất nhiều tờ báo khác đưa một tiếng vang lớn về chuyến du lịch của ông. Tên tuổi ông đã rất nhanh vượt khỏi những đường biên giới: Hội Địa lý Luân đôn đã tường thuật những kỳ tích của ông, báo chí Đức không ngớt lời ca ngợi. Vào thời kỳ này, khi những nhà thám hiểm được hưởng lợi cùng một vàng hào quang như những nhà du hành vũ trụ trong thời đại chúng ta hiện giờ, thì ta trở nên đặc biệt có giá trị hẳn khi thấy tên mình được nêu cạnh những cái tên như Stanley và của sĩ quan hành chính Laing, của Mungo Park và René Caillé.

Ông không phải là không hài lòng về mình. Trong vài tuần, ông đã thành công quyến rũ được các nhà bác học, những nhà tài chính và các thành viên viện Hàn lâm. Giờ ông chỉ còn phải đối đầu với con vật hoang dã ác độc nhất ở Paris: các chính trị gia.

Tên tuổi ông đã quá nổi trong các ngôi nhà lá cũng như trong các phòng khách giàu có và quý phái nhất, hiện giờ thì ông có thể đến gõ cửa văn phòng Bộ trưởng Hàng hải. Nhưng đô đốc Cloué hình như không bị ấn tượng như báo chí. Ông ta để mặc ông đợi vài ngày trước khi mở cánh cửa văn phòng mình:

- Anh chàng Charles-Roux nói với tôi rằng ông đem đến cho

chúng tôi một quốc gia hoàn toàn mới.

Olivier de Sanderval giải trình lập luận rất lâu về chuyến đi của mình, vẻ đẹp của phong cảnh, những tiềm năng du lịch và nông nghiệp khổng lồ của Fouta-Djalón, ông nói về tầng lớp quý tộc Peul và sự ngời tù khó nhọc của ông ở Timbo.

– Ông đã yêu cầu gì ở những người Peul ấy?

– Quyền được mở một con đường xe lửa và buôn bán thương mại.

– Ông chắc chắn là ông không muốn điều gì khác chứ: khai khẩn đất đai và tự xưng vua chẳng hạn?

– Tôi thấy rằng những miệng lưỡi xấu đã hoành hành tới tận những vách tường gỗ hào nhoáng của Nhà nước rồi đấy! Tôi chẳng có tham vọng gì khác là được phục vụ nước Pháp!

– A, nước Pháp! Trong giai đoạn này, kẻ tầm thường nhất trong đám thợ đóng giày cũng huênh hoang giành vinh quang đấy! Ông đã ra đi mà không có chúng tôi: không lệnh công tác, thậm chí còn không hỏi ý kiến chúng tôi.

– Các ngài hẳn sẽ khiến tôi đổi ý, và ngài biết rõ điều đó.

– Hãy nói cho tôi biết, chính xác thì ông đợi gì ở chúng tôi hả?

– Rằng tôi muốn các ngài ủng hộ những hiệp ước của tôi! Rằng ngài phái một đoàn đại diện chính thức đến Timbo, và tôi sẵn sàng đưa đoàn đi!

– Ông có thể chờ đợi nước Pháp lập ông là vua của Fouta-Djalón!

– Tôi chỉ đợi các ngài bảo lãnh những hiệp ước của tôi trước khi những thế lực thù địch hùng mạnh cuồn mát lọ tiền hồ!

– Nước Pháp không có bất kỳ phương tiện pháp lý nào để bảo

vệ những hiệp ước của ông, nếu như chúng có thật. Những thuộc địa của chúng tôi, đó là Sénégal và Soudan!

– Năm giữ Phi châu bằng Sénégal và Soudan, đó chẳng khác gì nắm đũa kiếm đằng lưỡi cả! Không có Fouta-Djalou, chúng ta có nguy cơ mất tất cả ở đó!

Ông dừng lại vài giây để đi về phía tấm bản đồ thế giới treo trên tường:

– Xin phép ngài, chúng ta hãy cùng xem lại tấm bản đồ thế giới một chút, thưa ngài Bộ trưởng. Chúng ta có những gì xung quanh nước Pháp khôn khổ của chúng ta nào?

Ông cầm một thanh thước kẻ và với một vẻ nghiêm trọng, chỉ nước Tây Ban Nha, Anh và Đức, chẳng gì ngoài những kẻ thù! Làm sao có thể sống sót khỏi cái tổ vò vè ấy chứ. Châu Phi! Chẳng có giải pháp nào khác! “Nó phải là cơ thể và chúng ta là tinh thần!”, ông nhấn mạnh. Ông thì ông đã hiểu ngay khi đặt chân đến Gorée rằng châu Phi phải ngừng ngay khi chỉ được coi là một vựa dự trữ nô lệ và cây có dầu, mà phải được khai hóa một cách tỉ mỉ dưới ánh sáng văn minh của thành Athènes và Roma, để trở thành một người bạn, một liên minh, một tỉnh của Pháp. Khi ấy, nước Pháp có thể sẽ thành lập ở đó một nền quân đội hùng mạnh; nhờ nó, cuộc chinh phục Italia sẽ dễ dàng cũng như con đường đến nước Áo thông qua thành phố Brenner. Nước Đức sẽ chẳng còn sự lựa chọn nữa; nền hòa bình vĩnh cửu và thậm chí có thể liên minh đối diện với một nước Anh kẻ thù của châu Âu. Còn làm thế nào để biến châu Phi thành một tỉnh của Pháp ư? Bằng cách biến Fouta-Djalou thành trạm cơ sở, điều đó cũng hiển nhiên như cái mũi nằm giữa khuôn mặt vậy.

Ông không nhận ra rằng ông đã nói liên hồi hai mươi phút liền và cách phát âm nhấn mạnh khiến ta nhớ đến những trận

hoang tưởng của ông ở Timbo và còn siêu hình hơn, những cơn hoang tưởng trong cuốn *Vô Cùng*. Vị Bộ trưởng nhìn ông trong lúc tự hỏi liệu mình có nên nói toạc ra ngay hay cố tận dụng màn đó thêm vài khắc nữa...

– Hãy tin tôi đi, thưa ngài, châu Phi là chiếc chìa khóa cho tương lai của chúng ta.

Trước mắt, chúng ta có thể biến nó thành lá chắn và sau này thành nơi cư trú. Vâng, ngài không phải không biết rằng sự đóng băng đang mạnh dần, rằng trong vài thập kỷ nữa xứ Languedoc cũng sẽ bị đóng băng như ở cực Bắc. Khi ấy những tộc người Inuit và Lapon sẽ tràn xuống xứ sở chúng ta. Và chúng ta, chúng ta sẽ chạy đến trú ngụ dưới làn khí hậu mát lành của vùng xích đạo. Với điều kiện phải chuẩn bị địa hình trước!

Vị Bộ trưởng mở to mắt nhìn ông và lầu bầu dưới chòm râu trong lúc cố tình đảo mắt nhìn đồng hồ:

– Rồi, rồi, sự đóng băng!... A mà đúng thế, anh bạn trẻ ạ, sự đóng băng! Và ông tính với bao nhiêu tiểu đoàn đến chiếm đóng ở miền xích đạo trước khi có sự đóng băng đây hả?

– Để chinh phục châu Phi, chẳng cần đến một trăm ngàn lính đâu, chỉ cần một người là đủ, người đó sẽ phải biết chiếm được lòng tin của nó!

– Và đương nhiên, người đó, sẽ là ông chứ nhỉ!

– Tôi, ngài hoặc sẽ là những người Anh!

– Người Anh, đó là một nỗi ám ảnh nơi ông đấy! - Ông ta thở hắt ra trong lúc dẫn ông ra cửa.

Rồi ông ta ném cho ông ánh mắt cuối cùng, lo lắng, hạ cố, và lắc mạnh tay ông rất lâu:

– Hẹn gặp lại, thưa ông! Và nhất là phải chăm sóc cẩn thận

bản thân! Theo những tin tức cuối cùng, châu Phi hiện thời sẽ thoát khỏi những hậu quả của sự đóng băng, thì dẫu sao ông cũng phải thận trọng trước những cơn sốt của nó!

Lúc đi ra, ông va phải một người đàn ông trong trang phục sĩ quan đang đứng nghe trộm sau cánh cửa.

– Mẹ kiếp, - ông nổi đóa, - ông đứng nghe trộm sau cánh cửa ư? Ông không thấy xấu hổ à, trước tuổi của mình và bộ quân phục ông đang mặc kia?

– Ơ!... Không!... Không, không!...

– Thế thì ông đứng đây làm gì hả?

– Ơ... Tôi... tôi chỉ muốn đưa tiền ngài thôi!

Ông ra khỏi đó với một sự bức bối khó tả. Rõ ràng là Cloué không tin vào dự án của ông lẫn cả con người ông. Ngày hôm đó thật tồi tệ. Ông phải cho đầu óc thoáng khí. Ông đi bộ đến tận quán Café de Paris mặc dù trời mưa, ông chơi cờ ở đó để cho thần kinh bình tĩnh lại cho đến tận khi màn đêm buông xuống. Bữa tối, ông không muốn chường mặt ra ở nhà hàng Grand Véfour lẫn Foyot. Thái độ cáu kỉnh của mình không cho phép ông chịu đựng cảnh ồn ào buôn chuyện của dân Paris ở đó. Còn ăn một mình trong phòng sẽ chỉ khiến sự bức bối của ông tăng thêm. Ông quyết định đi bộ về phía Les Halles, nơi người ta có thể ăn một tối mà chỉ tốn hai xu và trong một làn không khí vô tư nhất.

Suốt dọc đường đi, ông có cảm giác một bóng đen lén lút theo ông từ xa, những tiếng động của bước chân hần vang lên đằng sau ông và im bật một cách huyền bí khi chính ông bất thần dừng lại.

“Phải chăng bọn họ đã bắt đầu cho theo dõi mình?” Ông nổi đóa trong lúc rẽ xuống nhà thờ Saint-Eustache. Ô, nếu như họ

thám thính ta, thì rõ ràng là bởi vì, mặc dù những gì họ biểu thị, ta vẫn còn có tầm quan trọng trong mắt họ!

Ông lưỡng lự đôi chút giữa các quán, quán này có súp ốc, quán kia có vẹm xứ Provence và quán khác nữa lại có món lòng nấu theo kiểu xứ Auvergne. Cuối cùng ông chọn quán phục vụ món chân cừu và một món thịt hầm rau thỉnh soạn, không phải là do thực đơn mà là bởi nó có vẻ không bản và bốc nhiều khói bằng những quán khác. Quán đó đông nghịt người hết như những quán khác nhưng thật may mắn, với những bàn ăn không bị kê sát sạt nhau và có một góc ngoài trời mà ta có thể khiêu vũ tại đó dưới tiếng nhạc của đàn arcordéon.

Đúng như điều ông đang cần! Chẳng gì tốt hơn đóng vai vô danh giữa đám đông ồn ào náo nhiệt để khiến cho đầu óc nhẹ nhõm! Uầy, tại đây ông có thể ngẫu nhiên một món ăn dân dã và uống đến tận say xỉn mà bọn chuyên đưa tin vặt trên báo cũng chẳng biết đây là đâu.

Ông vừa ăn xong những chiếc chân cừu và món rau hầm của mình và chuẩn bị tấn công miếng pho mát. Vào đúng lúc ông đưa tay lên để gọi tên bồi đem đến cho mình một góc rượu vang đỏ nữa, thì có ai đó đẩy ghế và ngồi xuống cạnh ông.

- Tôi có thể ngồi chứ? - Kẻ xa lạ lâu bầu trong lúc đặt tay lên mặt bàn.

Đó là gã sĩ quan sáng nay, kẻ mà ông đã bắt quả tang đứng nghe trộm sau cánh cửa. Hắn đã trút bỏ bộ quân phục để khoác bộ trang phục thành phố rất vô danh, nhưng ông nhận ra hắn ngay lập tức nhờ ánh mắt giảo hoạt và lóe sáng, cái mũi của con vật tò mò thọc mách.

- Vậy chính ông là người theo dõi tôi hả?

- “Theo dõi” quả là từ to tát quá. Tôi chỉ muốn gặp ông

trong một khu yên tĩnh để nói chuyện phiếm chút thôi.

– Thế ông muốn nói với tôi về chuyện gì?

– Đương nhiên là về Fouta-Djalón rồi! Nhưng sự lịch lãm buộc tôi trước hết phải tự giới thiệu đã: bác sĩ Bayol!

Bayol, bác sĩ hải quân, người đã theo Gallieni viễn chinh đến tận Soudan đấy! Thật khó tin! Ông tính có thể gặp hẳn ở Ségou hay ở Kayes sau chuyến đi đến Timbo và Dinguiraye, ấy thế mà ông lại gặp hẳn trong chính tại cái nhà hàng tồi tàn này, sau khi đã bắt quả tang hẳn đang nghe trộm sau cánh cửa! Một sĩ quan hải quân, một người lính Pháp thực sự, người đã từng chói sáng rực rỡ ở Congo trước khi đi giao chiến ở Soudan! Ông nhìn chăm chăm rất lâu lên vầng trán rộng, khuôn miệng ngạo nghễ, cặp mắt nhỏ đầy ranh mãnh và thông minh. Không, ông không thể ngưỡng mộ con người này được: ông đã phải cố gắng một cách hết sức nghiêm túc để không giáng cho hẳn một cái tát nảy lửa.

– A, ra vậy đây, ông cũng quan tâm đến Fouta-Djalón ư? Thế thì tại sao ông không ghé đó một chuyến?

– Cấp trên đã không đề nghị tôi đến đó.

– Đúng thế thật, trong hải quân, khi đi nhà xí mà không hỏi ý kiến cấp trên thì cũng bị mang tiếng xấu.

– Điều đó cũng chẳng có gì là nực cười cả, ông thấy đây! Chúng tôi là những chiến sĩ đi phục vụ Tổ quốc, chứ không phải là những nhà phiêu lưu tráng lệ.

– Là cấp trên của ông đã yêu cầu ông đến gặp tôi để nói những điều đó à?

– Không, tự tôi đến thôi. Tôi và ông, chúng ta khác nhau về mọi thứ: những ý tưởng, tính cách, tính tình. Tất cả, trừ một điểm: Fouta-Djalón. Tôi cũng nghĩ hệt như ông rằng đó sẽ là cây bài chủ của quân lực chúng ta ở Soudan. Ấy thế mà người Anh

có vẻ như muốn hơn chúng ta. Sáng tay tôi được tin rằng họ vừa mới gửi đến đó một phái đoàn, do đích thân Goldsburry, thống đốc Gambie, dẫn đầu đấy!

- Bọn đều!... Goldsburry ở Fouta-Djalou ư, chuyện vậy là quan trọng rồi! Nếu vì việc ấy mà ông có mặt tại đây, thì đúng là ông nên đến đấy!

- Không, không chỉ vì chuyện ấy thôi đâu!

- Thế còn vì chuyện gì nữa?

- Cũng là để nói với ngài rằng ý tưởng về một phái đoàn chính thức đến Timbo ấy mà, tôi rất tâm đắc.

- Rốt cuộc thì cũng có người hiểu tôi! Thế thì ông còn đợi gì mà không thuyết phục Cloué hả? Tiếng nói của ông đã có trọng lượng khi đã từng kề cận với Gallieni kia mà!

- Không đủ để khiến cho con gấu già Cloué này xuôi lòng! Nhưng ngài thì...

- Tôi hả?

- Đúng thế, hãy nói chuyện với Gambetta đi. Tôi biết ngài đã có cửa vào nơi chủ tịch Viện. Nếu Gambetta dính vào, thì Cloué chỉ còn nước phải thi hành thôi.

- Thế thì đồng ý! Khi cho ông ấy xem những bản hiệp ước của tôi, tôi có thể sẽ thuyết phục được ông ấy.

- Hãy làm nhanh đi, trước khi đám dân Anh quốc biến chúng thành tro bụi, những bản hiệp ước của ngài ấy! Thôi nhé, chào tạm biệt và chúng ta sẽ thông tin cho nhau.

Olivier de Sanderval hất hơi đứng vào lúc Bayol chìa tay ra cho ông.

- A! - Người này thốt lên. - Đã có ảnh hưởng của sự đóng băng rồi cơ đây! Hãy mặc ấm vào nhé, Olivier, hãy mặc ấm vào!

Và ông ta tiến ra cửa, miệng phát ra một tiếng cười khẩy tàn ác.

Khi thức giấc, ông viết ngay một lá thư cho chủ tịch Viện. Câu trả lời được đem đến ngay: “Tôi rất sốt sắng được nghe ngài nói về Fouta-Djalón đấy! Ngài thấy thế nào nếu chúng ta cùng ăn tối tối nay tại nhà hàng Drouant. Ở đó sẽ yên tĩnh hơn là ở quán Bœuf đang thịnh hành hoặc như quán Grand Véfour.”

Quán Drouant là một nhà hàng mới trong bản danh sách vẫn còn khá ngắn mà giới tai to mặt lớn của Paris thường lui tới. Ông đã đến rất sớm để tôn trọng những thể thức, nhưng đã thấy Gambetta đang ngồi đợi với một ly rượu, một tờ *Le Figaro* trên tay.

Với phong cách bốc đồng và thẳng thắn, người này đề cập chủ đề ngay lập tức:

– Sáng nay tôi đã gặp Cloué. Nói thẳng với ông, với những ý tưởng mới mẻ của chính ông, ông đã không thuyết phục được ông ấy cho lắm. Tôi hy vọng, với tôi, ông sẽ có cơ may nhiều hơn.

– Tôi chờ đợi nơi ngài hai điều, và đây tôi nói với ngài trong tư cách với một người bạn cũng như với chủ tịch Viện: nhanh chóng thành lập một Bộ Thuộc địa thực sự và ngay lập tức gửi một phái đoàn chính thức đến gặp Almâmi của Timbo.

– Không thể được, bạn thân mến ơi! Chúng ta đã sống trong một cơn khủng hoảng ngân sách chưa từng có. Còn việc gửi một phái đoàn đến Fouta-Djalón thì...!

– Đó là điều cần thiết, Gambetta ạ!

– Trong tâm tưởng ông, mọi chuyện thật đơn giản, nhỉ! Đúng là nếu tôi tin lời Cloué trong chuyện này, thì ông có trí tưởng tượng hết sức dồi dào. Nào, hãy kể cho tôi nghe chuyện

sự đóng băng đi xem nào! - Ông ta giễu cợt.

- Chuyện đó cũng khiến ngài cười à, ấy thế mà nó lại chẳng có điều gì kỳ cục cả. Tư tưởng, thưa ngài chủ tịch, chỉ tiến triển nếu nó được ghi nhận trong sự vận động. Vâng, vụ trụ không phải là thể tĩnh, và nó liên tục trong trạng thái động: trái đất, khí hậu, các chủng tộc! Chẳng có gì bị đóng đông cả!

- Ngay cả những chủng tộc cơ à!

- Nhất là các chủng tộc, thưa ngài chủ tịch! Nhân loại, trong chủng tộc da trắng, thì sự tiến triển không phải là đã kết thúc! Hãy hiểu rằng chúng ta không phải là toàn nhân loại, chúng ta chỉ là một cành nhánh thôi.

- Nếu tôi hiểu rõ ý ông, thì lũ khỉ châu Phi sẽ tiếp tục những tác phẩm của Platon và của Descartes, của Voltaire và Gay-Lussac nhỉ! Đúng thế không?

- Tôi đã không nói đến lũ khỉ, mà nói người Da Đen!

- Nếu tôi đã hiểu tường tận, thì khả năng thần tài của họ sẽ được tiết lộ vào lúc có sự đóng băng?

- Ở một khía cạnh nào đó thì thế.

- Ông gặp may đấy, bạn Olivier thân mến ạ, đã đang ngồi trước mặt một người mà người này, giống như ông, rất thích tính mơ mộng. Ngược hẳn với Cloué, tôi không coi ông là một gã điên khùng. Nhưng tôi có lẽ cũng phải cần đến cả thể kỷ hoặc hai để làm quen với những ý tưởng như những ý tưởng của ông đây.

Chủ tịch Viện đứng lên, đòi áo măng tô và cây gậy. Rồi ngài còn nói thêm:

- Thế thì đồng ý, tôi sẽ đưa vấn đề này ra thảo luận trong nội các. Và tôi xin ông, chớ có thù hằn gì tôi nếu như điều ấy không được chấp nhận.

Ông quay về Marseille ngay lập tức và gửi bức điện tín này đến thương điếm của mình tại Gorée:

“Bonnard thân mến,

Nếu như tôi đã biết tin gì từ khi đánh điện cho ông ở Bordeaux lúc lên khỏi tàu, thì lý do cực kỳ đơn giản: đó là tôi chẳng có tin gì mới hết. Gia đình tôi sống ở Montredon thì phải nói là không gì còn thông thường hơn thế. Còn về cuộc sống của nước Pháp, nói thật đấy, ngoài những tiếng vang thốt ra từ Nghị viện mà ta nghe được thì đó là tiếng nói, bình an và chán ngắt, của một mục già thực lợi cảm thấy rõ là mình đang hấp hối. Chỉ có điều, tôi vừa từ Paris về, nơi mà tôi mòn chân leo lên các tầng lầu để cố gắng giải thích cho các quan chức quan liêu của chúng ta hiểu lợi ích đối với quốc gia chúng ta về việc chiếm đóng Fouta-Djalon, thì cuối cùng tôi cũng có được một thông tin: hình như người Anh đã gửi một phái đoàn do đích thân Goldsburry, thống đốc của họ ở Gambie, dẫn đầu đến Timbo. Tôi chẳng cần phải lập luận để giải thích cho ông hiểu rằng đó là một vố tồi cho chúng ta. Ông biết rõ hơn tôi rằng người Anh thì ranh mãnh đến thế nào và người Peul thì hám của và lập trường bất nhất ra làm sao. Cuộc gặp mặt giữa hai chủng tộc gian xảo này có nguy cơ khiến cho những hiệp ước của chúng ta tan thành mây khói và nhấn chìm tất cả những báu vật mà chúng ta đã đầu tư vào quà cáp và các thương điếm. Chính vì vậy, tôi ra lệnh cho ông, ngừng mọi công việc đang tiến hành, đến Timbo ngay để đảm bảo rằng chúng ta (chứ không phải lũ vô lại Anh kia) là bạn của *Almâmi*, và rằng những hiệp ước của chúng ta vẫn còn giá trị. Ông biết rõ những phong tục đê hèn của các vua da đen. Với họ tình bạn chạy về phía quà tặng. Thế nên, chớ có đắn đo gì: hãy đổ đầy quà cáp lên các lãnh chúa tồi tệ Peul đi nhé (nhất là Pâthé, Aguibou, Bôcar-Biro và Alpha

Yaya! Cho mỗi người một tấm gương hay một viên hổ phách! Còn đám dân Anh, hãy gièm pha chúng thật lực! Hãy phá hoại ngòm gã Goldsburry này! Hãy làm sao đó để người Peul hiểu rằng đám dân Anh chỉ có một ham muốn: cắt đầu Almâmi và xâm chiếm đất nước của ông ta. Hãy chơi trên sợi dây đàn nhảy cảm của tộc Peul: niềm tự hào huyền thoại của họ, sự gắn bó của họ với đạo Hồi, với nền độc lập của nước họ, tất cả những gì người dân Anh kia chỉ muốn tàn phá trong khi đó thì chúng ta, dân Pháp... Hãy nhắc cho họ nhớ cả triệu lần rằng tôi là và mãi mãi sẽ vẫn là người bạn rất trung thành và rất tận tụy của họ nhé! Hãy làm đúng lời tôi nói và hãy thông tin thường xuyên cho tôi.

Còn tôi, trong lúc chờ đợi, tôi phải trụ lại đây để quấy rối các Bộ hành chính. Hiện tại, tất cả đều chống lại tôi. Nhưng ông đã biết tôi là người thế nào rồi!...

Tôi quay lại Fouta ngay khi có thể.

Hãy gửi lời chào của tôi tới những Portôbé ở vùng ven!”

Mùa đông qua đi mà chẳng đem lại tin tức gì mới mẻ: chẳng có gì từ phía Gambetta, phía Timbo cũng không! Vậy là ông chuyên tâm toàn bộ vào hai cực của cuộc sống mới của mình: trong cuộc sống ban đêm, cuộc sống giấc mơ của những người khác và sự thống trị vô nhân tính của chứng mất ngủ của ông - cơn ác mộng của ông -, vào những cuốn sổ du lịch và những học thuyết khó khăn cam go của Vô Cùng; trong cuộc sống ban ngày, tới nếp sống đơn điệu của người Marseille: thể thao, công chuyện làm ăn, những yến tiệc và gia đình. Georges, mười tuổi và Marie-Thérèse, lên tám, đã tận dụng ông như thể chúng đã chưa bao giờ có dịp. Chúng thoát khỏi bàn tay ân cần của đám gia nhân và gia sư với bất kỳ lý do gì để chạy đến ẩn trong vòng tay của cha chúng. Ông quát mắng chúng dữ dằn vì một tí lỗi

nhỏ noi tầm thường nào - đặt khuỷu tay lên mặt bàn ăn, một cách ngồi không đúng, một bài tập La-tinh hay toán cầu thả -, trong lúc bàn tay kín đáo của ông vuốt ve má chúng và trái tim người cha của ông âm thầm chảy tràn tình thương yêu triu mến.

Tuyết đã thổi rơi, những đàn cò xé tan dải sương mù cuối cùng của miền Nam bằng cú vỗ cánh. Vẫn chẳng có tin gì.

Vật báu Rose của ông để mặc được chìm lút dưới tình yêu và sự lãng mạn dưới ảnh hưởng của những ngày đầu xuân tuyết diệu ngập tràn ánh nắng mặt trời, những tiếng chim ca và hương hoa nhài lan khắp. Sự hiện diện chu đáo của chồng và những buổi tập hàng ngày của vợ Méphistophélès chẳng mấy chốc không còn đủ cho nàng nữa. Nàng ngược cặp mắt ngấn lệ lên khu đồi cao của Marseille, bám chặt chồng và tấm tức khóc: “Aimé, nếu mình thực sự yêu em, thì hãy tổ chức cho em một tiệc trưa nữa trên đỉnh La Verryère nhé, lần này sẽ có cả đoàn Teatro alla Scalla nữa nhé.” Ông đã tốn biết bao thời gian để thuyết phục nàng rằng chuyện chẳng có gì vui thú khi hai lần thực hiện cùng một sự khùng điên. Một tiệc trưa lần hai trên đỉnh La Verryère sẽ chẳng tạo được âm hưởng gì. Lũ tò mò và báo chí sẽ tảng lờ đi thôi và, với họ, đó sẽ là một ly sâm banh thừa. Một ý tưởng sáng chói, Teatro alla Scalla, nhưng dẫu sao cũng chẳng phải ở La Verryère đâu, trên bình nguyên Kahel thì được!

Chỉ cần kiên nhẫn một chút. Đủ thời gian thuận phục những ông hoàng kiêu ngạo Peul kia, dựng lên tòa lâu đài và nhà ga, thông thương công thương và công nghiệp, họ chắc hẳn sẽ ních ra được vài bôn cây, khai khẩn chúng để dựng lên một nhà hát kịch theo khuôn mẫu của Paris, của Milan, của Florence hay Luân Đôn, chính nàng sẽ lựa chọn. Khi ấy, Teatro alla Scalla

đương nhiên sẽ được chỉ định đầu tiên để khánh thành. Cần phải văn minh hóa miền đất này gấp bội: tuyến đường sắt cho nền kinh tế, nghệ thuật trữ tình cho những phong tục tập quán!

– Thế mình sẽ trị vì dưới cái tên nào, hả Aimé?

Ông vẫn còn chưa nghĩ đến điều ấy. Ông sẽ để mắt đến triều đại Mérovingien hay nơi những người vĩ đại của sông Nil: cái gì đó như Mérovée hay Ramssès. Ông cũng có thể sẽ liên kết chúng với nhau: Méramvée, tuyệt đỉnh của Ai Cập và thời kỳ đầu rạng rỡ của nước Pháp! Méramvée, chỉ đơn giản thế thôi, các nhà sáng lập không công kèn những con số!

– Và mình sẽ gọi em thế nào?

– Rose! Tên của một loài hoa, loài hoa đẹp nhất! Những nhánh gai, hương thơm: Mình sẽ khiến cho người ta cùng lúc vừa yêu vừa sợ đấy!

Ông đã không nghĩ tới Dalanda khi đáp lại những câu ấy. Ông đã không còn nghĩ đến nàng từ khi trở về đây. Không, các nàng không phải là ba người khác nhau có thể chạm trán nhau và trở thành kình địch. Esmilie, Rose, Dalanda! Các nàng đại diện cho những trạng thái khác nhau của cùng một con người: tuyết ở đây, và nơi ấy là nước lỏng! Sự chuyển đổi phải được tiến hành tại một nơi nào đó gần giữa Thái Bình Dương. Điều ấy phải thấu tình đạt lý như không cảm nhận được gì hết: không ân hận lẫn giằng xé tâm can, không nghi ngờ lẫn trăn trở, chẳng có những cảm xúc phù phiếm hay đạo đức vô bổ khiến bạn rùng mình run rẩy trong những trường hợp như vậy! Ông đã không hỏi xem hoa hồng trong tiếng Peul thì nói như thế nào, chắc chắn là *dalanda* rồi.

– A, Kahel ư! Hãy làm sao đó để đến sang năm nhé, Aimé, ở Marseille sao mà buồn chán thế không biết!

Ông ngay lập tức thuê một con tàu để dẫn nàng đi du lịch trên biển ở Sicile.

Ngay khi ông trở về, một kẻ xa lạ đến trình diện trước công lâu đài. Ông ra lệnh cho bếp trưởng ra nói lại rằng ông không chờ đợi ai cả. Nhưng chàng trai trẻ cố nài, vị khách đã có nhã ý đến từ nước ngoài.

– Từ Anh quốc thưa ngài, nếu đúng như phán đoán của tôi theo cách phát âm.

Ông tiếp người khách lạ trong thư viện của khu nhà biệt lập để chỉ rõ cho anh ta thấy rằng cuộc nói chuyện sẽ không thể kéo dài. Người đàn ông đưa khăn choàng dài và gậy cho gia nhân và tiến đến với toàn bộ vẻ tao nhã lịch thiệp người Anh của mình, gỡ găng tay ra:

– Tôi là Sir Gladstone Jr. Và thật vui biết bao khi được gặp ngài, thưa ngài Olivier!

– Sir Gladstone Jr. ư! Ngài muốn nói rằng ngài là em trai của Thủ tướng hả?

– Không phải em trai! Là con trai ạ, thưa ngài Olivier, là con trai!

– Chúa ơi, con trai của Thủ tướng Hoàng gia ư! Một người Pháp thảm hại như tôi có thể đem lại lợi ích gì đối với nền đế chế của ngài đây hả?

– Người Pháp đã luôn luôn là một mối quan tâm lớn đối với chúng tôi, thưa ngài Olivier!

– Nhất là Jean d’Arc và các nhà tư sản ở Calais nhỉ!

– Thôi nào, thưa ngài Olivier, mọi chuyện đó đã thuộc về dĩ vãng rồi. Giờ đây, chúng ta là bạn của nhau rồi kia mà! Dẫu gì đi nữa, tôi có mặt tại đây trên danh nghĩa tình bạn!

– Thế thì, hãy chấp thuận một ly rượu vang đi, ở Pháp, người ta đôi đũa với bạn bè như vậy đây: với rượu vang!

– Nếu ngài xem đó như một khổ hình, thì tôi chấp nhận chịu án chung thân đấy, thưa ngài Olivier, người Anh thốt lên và chạm cốc một cách ồn ã.

– Chính vị thân sinh của ngài phái ngài đến đây ư?

– Có thể nói rằng tôi tự đến theo sáng kiến của mình dẫu rằng, đương nhiên rồi, cha tôi có biết chuyện.

Một cách tự nhiên mà nói, anh ta đến chỉ vì mục đích duy nhất có thể khiến cả hai quan tâm: Fouta-Djalou! Ở Luân đôn, mọi người đều biết chuyến lưu trú của ông ở Timbo và các bước tiến hành nhọc nhằn của ông ở Paris.

– Cloué có lý đấy, thưa ngài Olivier: Thiên hướng của các ông, người Pháp, nằm ở những trảng rừng thưa của Soudan. Chính các ngài, nói gì thì nói, là dân tộc của Ánh sáng! Vậy nên hãy để cho chúng tôi, dân tộc Anh khốn khổ, những khu rừng rậm đó đi!

Anh ta lập luận rất lâu về việc người Anh đã đi trước người Pháp rất lâu trong khu vực này của trái đất: “Watt và Winterbottom ngay từ năm 1794 và Campelle năm 1817, trước Mollien của các ngài rất lâu kia! Nếu như người ta áp dụng nguyên tắc của kẻ đến trước thì Fouta-Djalou phải thuộc về chúng tôi!”

Olivier de Sanderval đáp lại rằng Fouta-Djalou chẳng thuộc về ai cả, với người Anh lại càng không: các *Almami* đã chẳng ký gì với họ hết, chẳng ký gì với Campelle lẫn sĩ quan Liang.

– Người Peul còn xảo quệt hơn cả ngài: họ luôn làm ra vẻ ký nhưng họ chẳng bao giờ ký gì cả... Trừ tôi! Và ngài có biết tại sao họ đã ký với tôi không, hử ngài Gladstone? Bởi vì tôi, tôi

không đại diện cho một quốc gia, không đại diện cho một quân đội hay một nhà băng nào cả: tôi là một người bạn.

- Hừm... một người bạn à! Ngài thấy thế nào về điều này (anh ta mở xác cốt, chất đầy tiền) và một tước vị quý tộc để đổi lại tất cả những hiệp ước của ngài?

- Ra khỏi đây ngay, thưa ngài Gladstone, nếu không tôi sẽ phạm một vụ khủng bố chống lại Anh quốc đấy!

- Mạn phép ngài, - Gladstone nói và nâng ly lên, tựa như để chứng minh rằng sự điềm tĩnh của người Anh không phải là một huyền thoại.

Anh ta tu cạy một hơi, bình tĩnh đóng túi, nhận lại áo măng tô và gậy, rồi lịch sự cúi chào trước khi leo lên cỗ xe sang trọng của mình. Olivier de Sanderval theo anh ta ra tận cổng, nhổ một bãi nước bọt tức tối và giận dữ đóng sập cửa lại.

Ông dành suốt những tuần sau đó để soạn thảo tác phẩm kể về chuyến đi của mình và tiếp những cuộc phỏng vấn báo chí và thực hiện những buổi nói chuyện trên khắp nước Pháp. Các tờ báo trong các tỉnh hẻo lánh nhất cũng gửi những phóng viên đến gặp ông. Thậm chí cả Đức và Bỉ. Những quý ông trẻ trong chiếc redingote vạt rộng và gi-lê kẻ sọc, các quý bà trong áo dài the, khăn trùm dài và mũ rộng vành xô lấn nhau trong những phòng khách của các Hội Địa lý để nghe ông nói chuyện. Ở Bordeaux, ở Montélimar, ở Dijon hay còn ở Angoulême, người ta vỗ tay cổ vũ ông là người hùng, người ta ôm hôn ông nồng nhiệt trong lúc hét lên với ông những câu “chúc mừng!”. Người ta tặng hoa cho ông, chen lấn nhau để được chụp ảnh bên cạnh ông. Ở Toulouse, một nhóm thanh niên trẻ lãng mạn tưới lên ông những tiếng kêu “Fouta-Djalou thuộc Pháp! Fouta-Djalou thuộc Pháp!” Cuối buổi nói chuyện, một thằng bé đến chìa cho ông một cái tráp:

- Cái gì vậy, hả chàng trai trẻ? - Ông hỏi.

- Ô, cho tuyến đường sắt của ông mà!

Điều đó đã khiến ông cực xúc động, ông không sao giấu nổi những giọt nước mắt.

- A, nếu như trong các Bộ hành chính ở Paris, tất cả bọn họ đều như cháu nhĩ, cháu bé ạ, thì nước Pháp hẳn sẽ được cứu rồi! - Ông rên rỉ trong lúc âu yếm bế bổng thẳng bé lên.

Bởi, ở Paris, những cuộc thăm viếng của ông vẫn chẳng dẫn đến đâu, còn những lá thư của ông, càng ngày càng bôn chôn và xối xả bay đi, thì vẫn chẳng nhận được lời hồi đáp nào hết.

Cuối tháng Tư, ông mở một chiếc phong bì trong số đồng thư từ mà ông nhận được hàng ngày từ những người hâm mộ ông và thốt ra một tiếng kêu sung sướng khi nhận ra nét chữ của Gambetta, đại để ông ấy nói thế này: “Tôi cuối cùng đã thuyết phục được chính phủ để họ gửi một phái đoàn đến Timbo... Ngài thấy là tôi đã không quên ngài đâu!... Aimé Olivier thân mến của tôi, hãy nhận nơi tôi tình bạn hết sức chân thành, lâu dài và trung thực. Ký tên: Gambetta.” Và trong phần tái bút, ông ấy viết thêm: “Thật khó tin, nhưng câu chuyện lộn xộn của ngài về Fouta-Djalou đã bắt đầu thành hình ở đây rồi!”

Ông chạy đến ôm hôn vợ và lũ trẻ, và bật một chai sâm banh. Sau đó, ông đến thư viện và xúc động viết thư hồi đáp. Ông dông dài rất lâu trên những lời cảm ơn thông lệ và kết luận với niềm hứng thú vô hạn: “Đó là thông tin hay nhất mà ngài có thể cho tôi đấy. Ngay từ giờ phút này, tôi sẵn sàng quay lại Timbo và trò chuyện, lần này là với tư cách chính thể, với các bạn Peul của tôi. Tôi để chính phủ chỉ định các thành viên của đoàn, những người sẽ theo tôi và ấn định ngày lên đường. Dầu sao, theo ý tôi, sẽ thích hợp hơn cả là ngày này nên diễn ra

trước đầu mùa đông. Ở Fouta, các miền đồng bằng bị úng lụt hết và các con đường thì không thể giao thông được bắt đầu từ tháng Sáu.”

Sau biết bao dẫn đo, thì lần này, cơ may hình như ngã về phía ông. Bởi vì, cùng tuần ấy, ông đã nhận được một lá thư của triều đình Bồ Đào Nha thông báo cho ông hay rằng, để tạ ơn ông về những thông tin và những hiệp ước mà ông cung cấp về Cassis và Foreyah, vua Louis đệ Nhất phong cho ông tước vị tử tước De Sanderval và sắp mời ông đến Lisbonne để đón nhận chứng thư và tước vị chính thức.

Rõ ràng là đáng Tội cao chỉ còn rơi vào mỗi mình ông mà thôi!

Chưa đầy tuần sau, một thủy thủ bám chuông nhà ông để chuyển tới ông những thông tin của Bonnard, người đại diện của ông ở Gorée. Ông ấy đã từ Timbo trở về, bình an vô sự. Almâmi Ahmadou, người trong thời gian đó đã thay Sory theo quy định, những quy định này quá Peul để khiến ta có thể hiểu được, theo sự thay đổi quyền lực, khẳng định tất cả những hiệp ước mà Fouta đã ký với ông và lặp lại tình bạn bất biến của dân chúng Peul đối với ông. Bonnard cũng chẳng gặp mấy khó khăn để thuyết phục Almâmi: gã đàn Goldsburry đã thực hiện phần lớn công việc thay ông. Với sự tinh tế sặc mùi chiến binh, ông ta đã phạm một sai lầm là cho đoàn quân của mình duyệt binh trước cung điện để bồng súng chào Almâmi. Chủng tộc Peul vốn luôn ngờ vực và rất nhạy cảm này đã xem sự tế nhị đó như là một lời đe dọa: đó là dấu hiệu mà người Anh đã đến đây với ý định hiếu chiến và rằng những điều Olivier de Sanderval đã nói với Almâmi là đúng sự thật: “Người Anh là những kẻ chuyên gây chiến. Họ chỉ có một ý tưởng duy nhất trong đầu: xử trảm Almâmi và xâm chiếm Fouta. Trong khi đó thì tôi, Olivier de

Sanderval, tôi chỉ đến kiểm tìm tình hữu nghị của các ông.”

“Vì thế mà, - viên thủy thủ kết luận với một cánh tay hùng dũng đưa lên, - với người Anh, họ đã nói “Ouste” ngay khi đoàn duyệt binh quân sự kết thúc, thưa ngài Olivier, và rằng con đường đến Timbo vẫn luôn được dọn quang và mở cửa chào đón ngài!”

Tin đó có ảnh hưởng đến ông cùng một hiệu quả như mấy chai rượu vang của xứ Bourgogne mà người ta thưởng thức cùng tiếng nhạc ác-coóc-đê-ông trong các bữa trưa giữa cánh đồng. Ông lại bắt đầu chơi tàu thủy và tổ chức những đêm khiêu vũ và các buổi yến tiệc. Ông dành những đêm mất ngủ dài bất tận để trau chuốt tác phẩm *Vô Cùng*, còn những buổi sáng sớm để tiếp tục chỉnh trang cuốn sách về du lịch của mình. Những buổi chiều, ông thường đến Cassis, đuổi thỏ hoang trong tròng trắng hay leo lên các sườn núi cạnh biển. Những kỳ cuối tuần, ông dẫn gia đình đi pic-nic bên hồ Berre hay trong khu rừng của ChâteauGombert. Để thư giãn, ông nằm dài dưới những bóng thông của vườn để đọc nhật báo *Le Petit Marseillais* hay viết đặc kìn các cuốn sổ và chuẩn bị, đến từng khẩu phần, chuyến đi sắp tới của ông đến Timbo.

Mùa xuân trôi qua rất nhanh và mùa hè (có nghĩa là mùa đông ở đó, với những cơn mưa không ngừng và sấm sét khủng khiếp) phi nước đại đến nhập cuộc, thì vẫn chẳng có dấu hiệu gì từ Bộ Hàng hải cả! Đến giữa tháng Năm, ông lo lắng phàn nàn với Charles-Roux:

- Anh hãy viết thư cho họ đi! Có thể họ đã quên cũng nên!
- Nhưng mà viết cho ai, hả bạn Jules thân mến? Cho Cloué hay cho Gambetta đây?
- Đương nhiên là cho Cloué rồi! Gambetta đã làm hết những

gì ông ấy có thể rồi!

Ông thi hành ngay và, trước sự ngạc nhiên đến sửng sờ của ông, ông đã nhận được câu trả lời rất nhanh: phái đoàn đương sự đã xuống tàu đi Fouta-Djalón từ hồi đầu tháng Năm rồi. Tác giả của lá thư, một gã trưởng phòng chết tiệt đảm nhận Công vụ các nước bản xứ đã đẩy sự thâm ác của mình đến cùng, đến độ nêu cả tên người trưởng đoàn: đốc tờ Bayol, một cựu diễn viên hài kịch ở nhà hát sân khấu Folie Bergère, trở thành họa sĩ - nhiếp ảnh, rồi sau đó là sĩ quan hải quân, được Noirod tiến cử; và họ còn đem theo một lá thư của chủ tịch Jules Grévy mời Almâmi của Timbo đến thăm chính thức Paris. Tim ông suýt nữa thì nhảy ra khỏi lồng ngực. Ông ra lệnh cho quản gia thu xếp va li còn người đánh ngựa đi hỏi lịch trình chuyến tàu sớm nhất đến Paris. Nhưng cơn giận dữ của ông đã khiến vợ ông hoảng loạn, nàng lập tức chạy đi tìm kiếm Charles-Roux. Người này, biết tường tận tính cách cáu kỉnh và cách bùng nổ trong giọng nói của bạn mình, đã khuyên ông từ bỏ chuyến đi đến Paris:

– Việc đó chỉ khiến mọi việc trở nên trầm trọng hơn mà thôi! Trước mắt, anh hãy bình tĩnh lại đi! Trước hết, hãy bình tĩnh đã!

– Đây là một cú tòi của công đoàn đây mà, bọn đạo tặc làm bại hoại các Bộ hành chính của chúng ta mất rồi!

– Anh cứ bình tình đã, chúng ta hãy đợi xem đoạn kết của chuyến đi ra sao!

– Lũ đểu! Chúng muốn lấy Fouta-Djalón của tôi ư, thế thì... không đâu nhé! Anh ngăn tôi đi Paris hả? Thế thì tôi sẽ đi Timbo, phải buộc lũ bất lương này án binh bất động mới được!

Định mệnh đã quyết định mọi chuyện khác đi: lần này, sẽ

không đi Timbo lẫn Paris. Trên thực tế, một thông điệp gửi đến thông báo ông phải đến Lisbonne ngay lập tức để dự lễ phong tước hiệu của mình.

Khi từ Bồ Đào Nha trở về, đất nước Peul đã trở thành chủ đề ưa thích hơn cả của châu Âu và của khu nhà biệt lập Clary, một kè tàu thực sự. Ông lần lượt tiếp đón một sứ giả của vua Léopold II, một nhà địa lý học Thụy Điển, một khách du lịch Thụy Sĩ, người mà sau một cuộc chinh phục mới đây trên sa mạc Sahara, thì lần này lại muốn tiếp tục theo đuổi cuộc phiêu lưu Phi châu của mình theo dấu vết của Mungo Park, tiếp đến là một gã vùng Alsade điên điên khùng khùng, kẻ tự cho mình là một nhà thám hiểm đến đề nghị ông cùng ông ta đi ngược lên dòng sông Congo bằng thuyền từ... Fouta-Djalou đến tận trung tâm Abyssinie. Rồi, nghiêm túc hơn, một phóng viên Áo đã từ thủ đô Vienne đến chỉ để đề nghị ông một bài viết tỉ mỉ về cuộc phiêu lưu của ông. Không còn tính đếm được nữa con số các quý ông từ các Hiệp hội khoa học, những nữ độc giả ngưỡng mộ, những kẻ tò mò hay những phóng viên tiểu phẩm chủ nhật đến nghe ông kể lại chiến tích của mình để nuôi dưỡng nguồn cảm hứng của họ. Ngày cũng như đêm, ông bị những chuyến viếng thăm chộp lấy mặc dù có sự thận trọng của đám gia nhân. Không chịu nổi nữa, ông bí mật tập hợp gia đình và đi nghỉ hè trong ngôi nhà gia đình ở Avignon. Ở đó, giữa một cuộc lẩn trốn trong rừng và một cuộc ngụp lặn trong sông Rhône, ông đã tìm được sự bình an cần thiết để kết thúc cuốn *Từ Đại Tây Dương đến Niger*, một bản tóm tắt cô đặc những ghi chép trong suốt chuyến đi của ông.

Nhà in Ducroq ngay lập tức đề nghị ông cho xuất bản. Khi ông đang sửa chữa những bản in, thì một buổi sáng đẹp trời, Charles-Rous bất ngờ xuất hiện trong thư viện để nhét cho ông

một bản của số báo *L'illustration*. Trên hai trang lớn, tờ báo kể lại chuyến trở về của phái đoàn Bayol và Noirot. Ngày mùng 4 tháng Giêng, đoàn đại biểu của chính phủ Pháp đã cập bến Congo, trên con tàu quý phái của Công ty vận tải biển đảm bảo lưu thông trên tuyến Pointe-Noire-Bordeaux quá giang Dakar. Báo chí và tất cả đám đông tò mò của thành phố đã hối hả chen nhau tại cảng. Bởi hai sĩ quan hải quân đã không chỉ cập bến một mình, mà còn được tháp tùng một đoàn đại sứ hùng mạnh của Timbo, dẫn đầu là vị Saïdou vĩ đại, thư ký của *Almâmi*.

Trên năm cột của trang đầu, tờ báo thuật lại quãng thời gian lưu trú mẫn mà ý nhị của họ ở thủ đô vùng Aquitaine. Sau một buổi dạ yến ở Sở Địa lý thành phố, người ta đã đưa họ đi thăm thánh đường, sau đó tặng họ một buổi hòa nhạc quân sự và một đêm diễn ba lê. “Ở nhà hát kịch, - tờ báo nói thêm một cách hóm hỉnh, - nữ vũ công đầu tiên đã khiến cặp mắt của nhân vật có tên Saïdou, vị trưởng đoàn khách mời Da Đen của chúng ta, sáng lóe lên. Quả là khoái chí khi quan sát những con người hoang dã vừa mới ra khỏi rừng hoang này, với những chiếc áo chùng dị hình và những chiếc mũ lạ lùng của họ, sửng sốt trước vẻ đẹp của thành phố chúng ta, ý tôi muốn nói những tượng đài và các quý bà của chúng ta. Màn trình diễn hẳn sẽ còn tráng lệ hơn nhiều nếu như vị quân vương của họ đã chấp nhận thực thi chuyên công du, nhưng ở những người này, đáng quân vương chỉ rời thủ đô của mình để đi chinh phạt hay để hành hương đến La Mecque mà thôi. Chính đó là những phong tục tập quán của người Da Đen!”, tờ báo kết luận.

Charles-Roux, lần này, đã chẳng thể làm gì được. Olivier de Sanderval ngay lập tức đóng gói va li và lấy tàu đi Paris. Nhưng Gougéard, tân Bộ trưởng Hàng hải từ chối tiếp ông, còn Bayol và Noirot thì rất khó gặp. Ông đã giậm chân suốt mấy tuần liền,

khép mình trong phòng khách sạn Terminus-Saint-Lazare, và đành chấp nhận theo dõi cuộc đi dạo quý tộc âm ỉ xuyên Paris của họ qua báo chí và qua giọng nói hoài nghi của các bà gác cổng. Phái đoàn cao cấp lần lượt được đón tiếp bởi Jules Grévy, Gambetta, với sự có mặt của chủ tịch Hội đồng chính phủ, Auguste Gougeard, tân Bộ trưởng Hàng hải và thậm chí còn bởi tướng Faidherbe, người mà, sau khi đã thành công sáng chói tại Sénégal, hiện giờ đảm nhiệm chức vụ danh dự Đại chưởng ấn của Bắc đẩu bội tinh. Người ta để họ nghỉ tại khách sạn Louvre, người ta duyệt binh bằng súng chào họ trong sân điện Invalides, người ta dẫn họ đi xem *Hamlet* ở Opéra. Báo chí không tiếc lời kể những giai thoại tiêu lâm về dáng vẻ oai phong bệ vệ và những không may nho nhỏ vui vui của họ trên đường phố Paris. Đám người Peul vét sạch các cửa hiệu sang trọng và đáp lại khi người ta đưa hóa đơn thanh toán cho họ:

– Hãy đưa cái đó cho Tierno Balêdio^[16] đi. Chúng tôi là khách mời của ông ấy, nên chúng tôi chẳng phải thanh toán gì hết.

Khi mà, cuối cùng thì ông cũng tóm được Bayol tại phòng làm việc của ông ta, kẻ này chỉ chìa cho ông một tờ giấy mà thậm chí không thèm đáp lại lời chào của ông. Đó chính là bản hiệp ước mà lão ta đem từ Timbo về, với một phiên bản bằng tiếng Pháp và một bản kia bằng tiếng Peul. Ông đã vượt qua được cơn tức giận để đọc hết phần nội dung:

“Fouta-Djalou, mà một tình hữu nghị dài lâu gắn kết với nước Pháp, biết rằng dân tộc Pháp không tìm kiếm cách lan rộng quyền sở hữu của họ ở Phi châu mà chỉ là những quan hệ hữu nghị nhằm tạo điều kiện thuận lợi thông thương thương mại, biết rõ rằng từ lâu, người Pháp không bao giờ có ý định xen vào trong những công chuyện đặc biệt của những liên minh của họ và rằng họ tuyệt đối tôn trọng các luật pháp, phong tục,

những tập quán và tôn giáo của những dân tộc khác... ” Theo sau đó là hàng loạt những hiệp ước xác nhận tình bạn giữa hai quốc gia và những thỏa thuận thương mại. Fouta-Djalón cam kết chuyển hướng một phần những đoàn xe khách từ Gambie và từ Sierra Leone về các trạm của Pháp ở Boké.

Bayol nhìn ông đọc với con mắt lóe sáng của kẻ vừa xọc cho kẻ thù của mình một nhát dao:

– Ông thấy rồi chứ hả? Fouta-Djalón đã trở thành xứ bảo hộ của Pháp rồi đó, Aimé Olivier ạ! Những hiệp ước của ông chẳng còn giá trị gì hết!

– Ông gọi đó là một hiệp ước bảo hộ à?

– Nếu như đó không phải là một hiệp ước, cái này ấy mà, thì nó có thể là cái gì mới được chứ? Vậy hãy nhìn những chữ ký đi: chữ ký của Almâmi và chữ ký của Nhà nước Pháp được tôi đại diện đó!

– Ông nói về các hiệp định à? Những người Peul này, trong thứ ngôn ngữ cầu kỳ của họ, chẳng làm gì ngoài việc tặng cho ông tình bạn của họ đâu. Ông còn đạt được ít điều hơn những gì tôi đạt được kia. Ông gặp may đấy, Bayol ạ, rằng không phải chính tôi là người phân phát cấp bậc trong ngành hàng hải.

– Cẩn thận đấy, Olivier!

– Còn những gì liên quan đến những hiệp ước của tôi, thì tôi vừa mới nhận được tin tức cách đây không lâu, sự đảm bảo của các người bạn Peul của tôi: chúng vẫn còn nguyên vẹn.

– Điều đó hả, đó là trước khi tôi đến đó thôi.

– Chuyến công du của ông chẳng thay đổi được gì hết.

– Ông chẳng còn là cái quái gì ở Timbo nữa. Nếu ông quay lại đó, ông rất chắc có nguy cơ bị ám hại.

– Đó chính là điều mà chúng ta sẽ xem nhé, Bayol, bởi vì tôi

đang chuẩn bị quay lại đó đây, và lần này là để lập nghiệp tại đó.

– Tạm biệt, Aimé Olivier!

– Hãy gọi tôi là Tử tước De Sanderval!

Ông đập cửa và ngay lập tức hỏi hỏi phóng tới khách sạn Louvre. Saïdou và đoàn tùy tùng của ông ta hiện giờ đã kết thúc với những cuộc hẹn chính thức. Ông có thể, đến lượt mình, đến thăm họ, thăm dò ý tứ và đón nhận những thổ lộ tâm tư của họ. Ông đưa họ đi thăm xưởng in của tờ Le Figaro cũng như nhiều cửa hiệu và xưởng sản xuất trong đó có một thợ gia công da thuộc, một thợ làm yên cương ngựa và một thợ thêu ren. Ông mời họ đến rạp xiếc, đến xem các buổi trình diễn sân khấu vui nhộn, mời họ ăn tối tại nhà hàng Grand Véfour và Les Vignes ở Bourgogne. Tất cả bọn họ đều dành cho ông sự đón tiếp hết sức nhiệt tình.

Saïdou rất vui được gặp lại ông và chuyển tới ông lời chào rất thân thiện của Almâmi: “Tôi đã biết được tước danh mà vua Bồ Đào Nha đã phong cho anh. Điều đó xác nhận nguồn gốc quý tộc của anh. Tôi sẽ khoe mạnh điều này ngay khi quay trở về Timbo. Anh xứng đáng với tình bạn của chúng tôi lắm, anh chẳng phải lo lắng gì nữa hết.” Người có tên Alpha Médina chìa cho ông xem tờ báo mà anh ta đang cầm trên tay bằng tiếng Peul viết về chuyến lưu hành của mình tại Paris và rằng “những người ở Fouta sẽ tìm thấy rất lâu sau khi tôi chết đi”. Khi chia tay họ, ông biết rằng không chỉ những hiện ước của mình vẫn còn nguyên giá trị, mà rằng Fouta chỉ chờ ông quay lại để đón tiếp và mở hội mừng ông.

Tác phẩm *Từ Đại Tây Dương đến Niger* ra mắt năm 1883. Cuốn sách đã nhận được lời bình rất hứng khởi. Nó có những uy tín trong những phòng khách và những tờ báo nổi tiếng nhất. Ông là nguồn cảm hứng cho các nhà vẽ biếm họa và các tiểu thuyết

gia. Người ta thậm chí còn chứng kiến một phóng viên tiểu luận tràn trề cảm hứng viết một cách nghiêm túc nhất trên đời: “Kiệt sức vì chuyến đi dài ấy, nhà thám hiểm đã buộc võng của mình để nghỉ ngơi trong bóng râm của của những cây dừa khổng lồ.”

Ông dành cả năm để đáp ứng những đề nghị: ở đây là một dạ yến do một Hội bác học kính tặng, ở kia là một cuộc nói chuyện trong một phòng khách hay trong một giảng đường đại học. Những bài nghị luận của ông về vẻ đẹp của Phi châu và về hiệu lực của chế độ thực dân không ngăn ông theo dõi sát sao công việc tiến triển ở Fouta-Djalou. Sau Gaboriaud và Ansaldi, ông phái một đoàn khác tới Timbo để xác nhận những bản hiệp ước của mình và cố thử một cuộc thám hiểm về hướng Soudan. Để không va chạm vào sự nhạy cảm của người Peul, lần này ông chọn một đoàn toàn Da Đen dẫn đầu là một cựu lính chiến bản xứ Sénégal có tên Ahmadou Boubou. Họ khởi hành từ Boubah, xuyên qua Fouta, nhận sự xác nhận giá trị của các hiệp ước và liên hệ với những thủ lĩnh Mandingue ở phía bắc Niger và các ông hoàng xứ Toucouleur ở Dinguiraye.

Các mối quan hệ giữa ông và Bộ Hàng hải vẫn cứ lạnh lùng như thế, nhưng vào năm 1885, trong Hội nghị ở Berlin, nước Pháp buộc phải công nhận ông là *negotiorum gestor* và phải tự đứng ra đòi những bản hiệp ước của ông để khiến cho người Anh thất bại.

Cùng năm ấy, ông cấp cho Cardonner, thuyền trưởng con tàu Jean-Baptiste, sứ mệnh công nhận cửa sông của rio Compony và, qua trung gian các đại diện Pelage và Bonnard của ông, cho lập các thương điểm ở Bassayah và Kandiafara trong xứ sở của người Nalous, có nghĩa là đã ăn rất sâu trong vùng đất liền.

Các văn phòng Paris vẫn cương quyết thù nghịch với ông.

Ông giải khuây bên cạnh vợ con và anh bạn chí thiết Charles-Roux và cũng với những thông tin tới từ Fouta. Năm 1885, Alpha Yaya đã cho người nói với ông rằng anh ta sẽ thuận cho ông một khu đất ở Kadé. Ông tức tốc cho xây dựng ngay tại đó một thương điếm.

Đó là quyền sở hữu đầu tiên của ông tại xứ sở người Peul.

Vào tháng Mười hai năm 1887, ngán ngẩm bởi những trò manh mún vụn vặt của chính quyền và bởi tình trạng hỗn mang kỹ xảo của Marseille, Olivier de Sanderval ra đi lần thứ hai đến Fouta-Djalón. Hiện giờ ông phải cụ thể hóa những hiệp ước trước khi “tổ chức công đoàn” đáng khinh này của Bộ Hàng hải nhằm phá hoại chúng hay những lãnh chúa Peul nham hiểm kia đối ý. Lần trước, mọi thứ đã phức tạp. Kể từ đây ông sẽ phải chiến đấu trên hai trận tuyến, đáng gờm nhất trong hai trận tuyến này không còn nằm ở sân sau lúc nhúc những kẻ bịp bợm và mưu phản của cung điện Timbo nữa, mà lại mười mười nằm trong những phòng kín của Bộ Hàng hải. Thật xấu hổ cho những kẻ cạo giấy, thư ký quèn ở Paris, ghét thay cái lão trơ trên Bayol, kẻ đã bắt đầu, thề danh dự đầy, lộ rõ là một chương ngại vật quan trọng rồi! Gã này ấy mà, phải bắt hấn án binh bất động ngay từ bây giờ. “Quái vật, người ta phải giết chết nó ngay trước khi nó giở móng vuốt ra!” Điều ấy, ông chẳng cần phải những câu ngạn ngữ dài dòng miên man ấy của Timbo để chiêm nghiệm và tin vào nó.

Ông ghé qua rất nhanh ở Gorée để lấy lại con tàu Jean-Baptiste và ngày lập tức khởi hành đi Boulam, ở đó ông dừng lại suy ngẫm rất lâu trước khi đi đối mặt với Fouta.

Chuyến đi đầu tiên của ông đã cho phép ông vững chân trong xứ sở đầy nghịch lý và mê ly của những hiệp sĩ và những kẻ gian xảo, của lũ ngoan đạo giả và tiểu quý tộc mập mờ. Trước

mắt, một tham vọng khác đưa đường chỉ lối cho ông: nhúng một ngón tay vào trong mớ bong bóng của quyền lực. Đã đến lúc trút bỏ bộ quần áo khách du lịch và nhà thám hiểm để lao toàn thân toàn ý vào trong thế giới đục lờ của người Peul, tóm lấy những sắc thái và những tinh tế của dân tộc không thể dò được này, tinh tế và đáng lo ngại. Lần này, ông sẽ đến tham dự vào những hỗn loạn nguy hiểm của triều đình, ông đến để tạo thành hình số phận của Fouta!

Để bắt đầu, ông cần phải có đất, không có nó thì ông sẽ chẳng bao giờ trở thành vua được! Vùng bình nguyên Kahel ấy, ông sẽ nói chuyện với Almâmi! Ông phải thu phục được nó bây giờ, ngay lập tức! Từ bức tranh toàn cảnh tuyệt vời ấy, từ cái tháp giáo đường Hồi giáo thực sự ấy của miền Tây Phi, đã được viết ra rồi, sẽ thông báo sự đăng quang thời trị vì của ông, bản trường ca diên khùng của châu Phi hiện đại! Bình nguyên Kahel, và chẳng mấy chốc sẽ đến Tombouctou và Limpopo nữa!

Sẽ chẳng dễ dàng gì đâu, ông tin chắc là thế! May mắn thay, đó lại là một thành viên của gia đình Olivier! Nhờ lòng quả cảm và sự cứng đầu đó thôi!... Chỉ cần làm như người Peul, biết kiên nhẫn, biết dùng mưu mẹo, nhất là phải biết chơi sành sỏi những quân cờ của mình.

Bây giờ ông đã có một ý tưởng khá cụ thể về năm hoàng tử mà số phận đã đặt họ trên con lộ của ông. Ông trước hết gạt Aguibou và Pâthé ra, cả hai người đều đẹp, quá đẹp, thông minh, quá thông minh, dữ dội, bí ẩn, tóm lại là quá Peul, là những lãnh chúa quá đối hùng mạnh. Bôcar và Alphayas theo ông hình như dân dã hơn, dễ gần hơn, cụ thể hơn, dễ uốn hơn. Hơn nữa, họ là bạn của nhau, nhưng trong thời gian bao lâu đây?

Qua những người đưa tin của mình, ông biết rằng cuộc chiến

tranh nhẹ nhàng giữa các tỉnh và những ganh đua nham hiểm giữa các hoàng tử đã mạnh lên. Uy quyền của Timbo đang yếu đi từng ngày. Labé không còn che giấu những manh ý về tính ưu việt, thậm chí còn nói về sự độc lập! Labé, một phần hai Fouta: một nửa lãnh thổ của nó, một nửa dân số của nó, một nửa đàn gia súc, một nửa số chiến binh, một nửa số đạo sĩ, một nửa số vàng và toàn bộ các mảnh khoe của nó, thêm vào nữa là những kẻ xấu miệng.

Ở Timbo, hai đảng quân vương già nua nối tiếp nhau lên ngôi. Ở Labé, một vị vua đang hấp hối mãi chẳng chịu chết. Trong hoàng triều này cũng như trong hoàng triều khác, hai hoàng tử kinh địch, hai anh em kẻ thù đang chờ trong hậu trường, thủ sẵn dao sau lưng.

Ông thở dài rất lâu và vừa vuốt râu vừa lầu bầu: “Ta sẽ rất muốn biết tất cả những chuyện này sẽ kết thúc như thế nào, than ôi, ta lại chẳng có được tài năng của Shakespeare.”

Sau đó, ông dẫn sâu vào đất liền qua những dải đá ngầm ven bờ và những đảo nhỏ của rio Compony. Viên quản lý Bonnard đón ông ngay bên bờ sông trong sự mừng vui khôn tả. Ông ta từ Fouta-Djalón trở về, nơi ông vừa cho lập một thương điếm ở Kadé và đem về rất nhiều tin tốt lành. Những hiệp ước của ông vẫn luôn luôn có giá trị và những đoàn xe của ông di chuyển trong Fouta mà chẳng gặp hiểm nguy gì. Ở Labé, vị vua già đã qua đời, con trai là Aguibou đã lên ngôi. Ở Timbo, Almâmi, Sory, bạn ông đang chuẩn bị quay lại cầm quyền, thay đổi quyền lực, điều không thể lý giải nổi, sự thay đổi quyền lực quá kỳ lạ, đúng kiểu Peul! Và để làm cho tròn, số phận vừa mới đẩy Tierno, một người bạn khác, lên ngôi vua ở Timbi-Touni, để thế vị anh trai, vừa tử nạn trong một cuộc chiến chống lại những kẻ tôn thờ tượng thần thánh.

– Bầu trời Fouta bừng sáng để đón ngài đây, thưa Tử tước! Ngài có thể, ngay từ bây giờ, bắt đầu những cuộc leo núi được rồi!

Nhưng trước khi bắt đầu ném trả lại những bãi chẵn thả, những cú ngã, miền núi cao và người Peul thì thoát đầu, ông phải hiến tế một tập tục không thể thiếu: rẽ qua Boké, vinh danh một lần nữa thầy René Caillé đáng kính. Vì hành động gần như là tôn giáo này, chuyến đi của ông là một sự khổ ải thực sự.

Ông đã phải mất ba ngày như sống dưới địa ngục để vượt được hàng rào của rừng rậm. Mười thanh niên lực lưỡng trang bị dao phay và được thuê với giá cắt cổ dẫn đầu đoàn người. Cùng những động tác máy móc và đơn điệu như năm 1880, chỉ có điều người ta chẳng bao giờ quen hoàn toàn với những cơn đau bụng và ỉa chảy, những trận sa lầy và những cú trượt ngã; lại càng ít làm quen hơn với những ông trưởng bản đòi hỏi vải cốt tông và nhựa thơm chỉ vì đoàn của ông đã xéo nát một cánh đồng, hái quả cây hay xâm phạm một ngôi đền!

Ông đến được Boké, bỏng người vì sốt và gần chết. Cảnh vẫn ở đó, với âu tu sửa tàu của nó và những nhà kho, nhưng chẳng còn ai để đón ông nữa. Không hề có dấu vết của Moustier, không ai biết hiện giờ ông ta ra sao. Người ta chỉ cho ông ngôi mộ của chỉ huy trưởng Dehous, đã qua đời hai năm trước do bệnh sốt vàng và họ kể cho ông nghe người phụ tá của ông ta đã được chuyển về Pháp, bị mù và điên điên khùng khùng. Vị tân chỉ huy từ chối mở cửa cho ông và chỉ gào to từ tháp canh của chiến lũy, dưới những cặp mắt giễu cợt của đám lính Sénégal, những người có lẽ chẳng bao giờ hy vọng, với cái giá rất rẻ như thế, được chế giễu một tên toubab đàn độn.

– Tôi là Olivier de Sanderval đây mà! - Ông cố nài.

- Chính vì thế mà tôi không mở! - Vị chỉ huy đáp lại.
- Tôi là người Pháp, tôi đáng được cứu trợ.
- Ông không phải do Nhà nước phái đến, chúng tôi không bắt buộc phải cứu trợ ông!
- Tôi sẽ phá cửa!
- Còn tôi, sẽ lệnh cho nổ súng!
- Nhân danh Chúa, hãy mở cửa cho tôi đi! Tôi cần một bác sĩ!
- Bác sĩ không có ở đây!

Ông lê đến tận đài kỷ niệm mà ông đã lập để hiến cho René Caillé và đặt lên đó một nhánh hoa:

- Giờ thì tôi hiểu tất cả những gì thầy đã phải chịu đựng, hồi người hùng của Toubouctou! Chỉ toàn những cuộc chiến thành công, để trở về Tổ quốc! Còn tôi đây đã nằm xẹp rồi trước khi có cuộc tấn công thứ hai!

Thương cảm, những chủ thuyền và các chủ hàng cá dựng ông dậy và giúp ông quay lại với đoàn người của mình. Họ tặng ông xúp rau chút chút và những vỏ cây ký ninh, được cho là có thể xoa dịu những cơn đau đầu và hạ sốt. Sau đó họ đưa ông đến Balarandé, cách đó vài cây số. Ở đó có một bác sĩ của phòng tuyến, ngụ tại nhà một người đại diện của hãng Compagnie de Sénégal, ông ta vừa mới đến đây mở phòng mạch.

Mattou - tên người đại diện này - đón tiếp ông thật niềm nở, phóng khoáng còn bác sĩ Roberty, người tuy nhiên biết rõ sự va chạm ở phòng tuyến Pháp, ngay lập tức rút xi lanh và các ống hút ra, chăm sóc ông mà không đợi phải cầu khẩn.

Năm ngày dưỡng bệnh để lại có thể lên đường! Ông băng qua rio Numez và đi sâu vào vùng rừng sù vệt một cách hết sức thận trọng. Đất nước Nalous đang sôi sục khắp nơi. Vua Lawrence đã

chết, một trong rất đông những đứa cháu gọi bằng chú, Dinah Salifou, đã tiếm ngai vàng sau một cuộc chiến đẫm máu. Những người bất bình, rất đông, đi xuyên quốc gia, để tìm cách sát hại anh ta.

Địa điểm và con người đã trở nên thân quen khi đoàn của ông tiến gần đến Fouta. Ông đã từng cắm trại ở cánh rừng này, đã uống nước ở nguồn suối kia. Nhưng một số con sông đã đổi dòng chảy, nhiều con đường mòn mới xuất hiện, những ngôi làng đã biến mất do hậu quả của hỏa hoạn, của bệnh dịch hạch hay dưới sự ám ảnh của ma quỷ và những thầy phù thủy.

Ở Tinguilinta, thông tin mà ông nhận được đã hoàn toàn khiến ông khỏe hẳn: một biệt phái của *Almâmi* đang đợi ông với lá thư rất thân tình và rất nhiều quà mừng. Thật là tuyệt, Timbo vẫn chung thủy mặc dù có chuyến ghé qua của gã Bayol lầy lừng ấy! Sau những chào hỏi lễ nghi trọng thể xứng danh chức phận của ông, có nghĩa là ca tụng và dài bất tận, thì biệt phái viên thông báo cho ông biết rằng *Almâmi* đề nghị ông đi thẳng đến Fougoumba, nơi chính Người đang chuẩn bị đến cho cho cuộc đăng quang của mình.

Fouta nhận những kỳ quan của nó lên gấp mười lần, cặp mắt ông nhìn ngắm không chán. Người ta cứ uống công đi khắp đó khắp đây trong đó, nhưng xứ sở này vẫn luôn luôn giữ dự trữ một bức tranh toàn cảnh chưa từng có, một kiểu thác nước không thể lường trước được.

Dân chúng tỏ ra kém thù nghịch hơn lần trước. Một số nhận ra ông, thăm hỏi tin tức nồng nhiệt và tặng ông một bình sữa hay một làn cam. Đám đông những kẻ tò mò đã trở nên thưa thớt một cách rõ rệt: sự xuất hiện của ông không khiến họ bỏ trốn nữa. Họ ít sờ vào làn da ông hơn, không còn khạc nhổ mỗi khi ông đi qua. Chuyến du lịch đầu tiên của ông đã khiến cho

ông quen với khí hậu và những ánh mắt. Kẻ toubab này đã trở nên kém phần lạ lùng, kém phần xa lạ. Huyền thoại về người-đàn-ông-đeo-găng-trắng giờ đây, về mặt huyền bí và nổi tiếng mà nói, thì cũng tương đương với huyền thoại người-đàn-ông-bốn-mắt mà người Peul đã gán cho tướng Faidherbe.

Ông đang ở trong một đất nước bạn hữu, gần như là ở nhà ông. Dầu vậy, ông vẫn thận trọng. Ông giám sát kỹ ngôn từ của mình và chú tâm đến những gì ông đưa lên miệng. Trong đất nước bạn hữu, đúng vậy, nhưng hơn thế là trong đất nước người Peul: nếu như không được phản bội bạn bè, thì cũng rất thường xuyên cho thám thính dò xét họ và nếu có dịp thì rắc vào bữa ăn của họ một nhúm thuốc độc, thậm chí còn đâm họ trong lúc làm bộ vô lương họ một cách thân thiện! Một đất nước có dân chúng quá đôi mập mờ, quá đôi lắt léo đến nỗi mà người ta đến đó chỉ là để chiêm ngưỡng những điều ấy nơi họ! Nhưng xứ sở này, giờ đây khi mà ông đã biết nó, thì ông lại thêm muốn nó, ông cần nó: nó đã trở thành chất ma túy của ông. Ông hiểu phép màu trong nguồn ánh sáng của nó và những bí mật huyền bí trong các cánh rừng. Ông say sưa trong mùi hương của fonio và của hoa nhài, ông chờ người vì vui sướng trước những con sông và các thung lũng gập ghềnh. Những giấc mơ điên khùng nhất của ông kể từ đây pha lẫn cùng những đường chân trời phát quang và cả những đỉnh tháp phủ đầy màu xanh lơ của nó.

Ông bước đi với cùng sự nhẹ nhàng như thể ông đang ở trên những ngọn núi khoáng vùng Auvergne hay trên những bình nguyên cao của xứ Jura. Ông viết những đoạn thơ và đôi khi còn nảy cả những bài hát ngắn. Ông ghi lại lưu lượng dòng chảy của những con sông và góc độ chênh giữa các sườn núi, sưu tầm những mẫu đá, những vỏ cây téli và cây *linguéhi*, những quả *sangala* và quả *doubbhé*. Ông sẽ trình tất cả những thứ đó cho

các phòng thí nghiệm khi trở về, để xem người ta rút được gì từ đó ra. Bởi ông nghi ngờ ẩn sâu dưới lòng đất kia, vẫn còn chắt đầy những vật báu và những cánh rừng nhỏ đáng yêu kia còn là một kho dự trữ vô tận những bài thuốc và nước hoa.

Đôi khi ông phải đi vòng hàng hai chục ki-lô-mét để tránh cướp đường, những dòng sông vào mùa lũ hay những ngôi làng là nạn nhân của bệnh đậu mùa hay dịch hạch.

Tối đến, ông lắng nghe những bài ca của lũ châu chấu và để mèn trong lúc cạo lạo xạo trên những cuốn sổ của mình: “Những cánh rừng lớn này sẽ rất dễ chịu khi đi xuyên qua đó bằng những con lộ được vạch định rõ ràng, dưới bóng những hàng cam và tháp tùng một nữ nhân thông minh; sẽ không tốn đến ba trăm ngàn frăng để tổ chức chuyến đi dạo từ Longchamp ở Đại Tây Dương đến Niger qua những miền đồi núi này của Fouta.” Ông cảm thấy dễ chịu rằng thiên nhiên thoát đầu nảy mầm trong những giấc mơ của ông trước khi sinh ra ngay dưới mắt ông. “Tám năm trước đây, - ông ghi lại, mà mặt lạnh như tiền, - đôi chân ta đẩy ta đi, hôm nay thì chúng đi theo ta, lần sau, chắc ta sẽ phải vác chúng mất.” Ông thấy bước đi dễ chịu mặc dù độ nóng và sự gập ghềnh của con đường và, ở mỗi chặng, lại xuất hiện điều gì đó chưa từng thấy hay rất thú vị. Chỗ này, những con người khổng lồ chỉ vận độc cái khổ nhỏ xíu chường ra một cách cao ngạo, say sưa trong cuộc nội chiến, chỗ kia người ta lại tổ chức đám cưới cho đứa con gái út hay lễ cắt bao quy đầu của một người anh em thúc bá. Và đó là dịp cho những cuộc chè chén nhậu nhẹt bí tỉ với hạt fonio trộn cừu hay couscous ngô trộn sữa đông, với nhiều đêm khiêu vũ liên tiếp trong tiếng nhạc của những quả bầu khô và sáo.

Ở Lémani, một cụ già lôi từ túi mình ra một đồng trinh một penny và nói chào ông bằng tiếng Anh. Lên mười tuổi, ông cụ

kể, cụ đã nhìn thấy mười người Anh đến đây cùng với súng đạn và hàng hóa. Bảo nhau dừng lại ở đó lập nghiệp và gieo trồng cây để sống. Trong tám tháng, sáu trong số họ bị chết. Bệnh tật và chán nản, những người sống sót rút cục đã quay lại vùng ven biển, bỏ lại của cải trước niềm vui khôn tả của dân chúng. Kết nối từng đoạn kể, ông đã hiểu: đó chắc chắn chính là đoàn viễn chinh bất hạnh của Puddie và Campelle, những người mà năm 1817, đã tiến trước, rất ít thôi, cuộc viễn chinh của Mollien.

Tinh tế đến tuyệt vời, *touldé* của Parâdji đây! Màu mỡ và gieo trồng tốt, thung lũng Paniata đây! Ông cho đoàn đi chậm lại, lắp khung chứa phim và chụp ảnh. Ông nấn ná lâu ở Lokouta để nghiên cứu những ghềnh thác Kakrima. Ở Débéa, ông bị nằm bẹp dúm do sự tàn bạo của một đợt tiêu chảy mới.

Ở Timbi-Touni, Tierno, bạn ông, vị vua mới của vương quốc này, đã đón ông bằng ba ngày liền chè chén no say và khiêu vũ, hội hè và nhào lộn. Da Trắng tặng cho bạn Peul một khẩu súng Lafaucheux thật đẹp và nhận lại một thanh đoản kiếm kèm theo một bao kiếm bằng da dê tuyệt trần và một hàng chữ khắc ghi lại gia phả của đại gia đình Ba ở Timbi-Touni. Cuộc trò chuyện ngay lập tức trở thành cuộc trò chuyện của hai kẻ đồng lõa cùng tâm địa lâu năm:

- Lần này, anh đến để xin chúng tôi gì nữa đây?
- Điền địa, bạn Tierno thân mến ạ, chỉ là điền địa thôi! Tôi đã chán ngấy là người xa lạ của dân tộc Peul rồi. Tôi muốn trở thành một trong số họ.
- Đúng là lần đầu tiên tôi nghe thấy điều này đây! Cứ xin đi rồi *Almâmi* sẽ cho anh địa điền, ở Timbo chẳng thiếu gì.
- Bạn thấy đây, tôi thích vùng bình nguyên Kahel hơn cả, trong vương quốc của anh. Toàn cảnh nơi đây thật tuyệt vời và

đó là trái tim của Fouta! Ngoài ra, chỗ đó lại rất gần nhà anh!

– Anh đang nịnh tôi!

– Nói như thế, liệu tôi có thể hiểu là anh sẽ thuận cho tôi điều ấy không vậy?

– Anh đúng là, Da Trắng ạ, phải có thần kinh thật vững để nắm được tất cả những gì chạy qua đầu anh đấy! Nhượng điền địa của tổ tiên mình, chưa bao giờ có một người Peul nào làm vậy cả!

– Tôi xin anh điều đó trên tinh thần bạn hữu mà.

– Tình bạn hữu à?

– Điều đó sẽ đóng dấu phê chuẩn vĩnh viễn, đương nhiên rồi, các mối quan hệ của chúng ta, nhưng cũng là lợi ích của chúng ta nữa.

– Hãy giải thích xem nào!

Ông đề nghị một đồn điền mười ngàn héc-ta và một gói cổ phần trong doanh nghiệp đường xe lửa tương lai của ông. Ông sẫm soi phản ứng của vị hoàng tử và hài lòng nhận thấy ánh mắt anh ta tỏa ra nhiều sự bối rối hơn là giận dữ.

– Thử đặt giả thiết trong giây lát là tôi đồng ý, Yémé ạ, thì đó sẽ là một vấn đề hơn là một giải pháp đấy.

Cuộc trò chuyện trở nên nghiêm túc. Yémé mở tròn mắt, Tierno bắt đầu ngẫm nghĩ.

– Một gói cổ phần lớn trong một doanh nghiệp đường sắt chẳng đặt vấn đề rắc rối cho ai hết, bạn Tierno của tôi ạ!

Nơi người Peul, lúc nào cũng có vấn đề hết, Tierno phản biện. Kahel không chỉ thuộc riêng phần anh ta, vùng bình nguyên ấy nằm ở ngã ba giữa tỉnh Labé và tỉnh Timbi-Touni. Sự đồng ý của anh ta là chưa đủ, sẽ còn phải có sự đồng thuận

của Labé nữa và, đương nhiên, còn của *Almâmi*, người mà, trên hết, là ông chủ của Fouta, chỉ sau mỗi đấng Tối cao lòng lành và đấng Tiên tri. Ngoài ra, Da Trắng chắc phải mù tịt về chuyện này, tức là để có thể sở hữu một phần điền địa ở Fouta, anh ta phải là người Peul, tốt hơn cả là vừa là lãnh chúa vừa là Peul!

– Anh sẽ làm thế nào nào để trở thành lãnh chúa và người Peul hả?

– Tôi sẽ tự xoay xở. Anh sẽ ký giấy nếu tôi có được sự đồng thuận của Labé và của Timbo chứ?

– Với điều kiện ấy thì có thể! Chỉ có điều phải cẩn thận, Da Trắng ạ, nếu Fouta mà biết được những gì chúng ta vừa nói với nhau đây trước khi ý kiến của *Almâmi* được phát ra, thì tôi sẽ cho chém đầu anh đấy!

– Anh an tâm đi, Tierno. Tôi vẫn chưa phải là người Peul nhưng tôi đã biết nói dối và ăn cắp rồi đấy.

Ông quay về nhà mình, đúng ra là lạc quan. Tierno bộc lộ sự ngờ vực, là một người Peul dòng dõi như anh ta, nhưng anh ta lại không có vẻ cáu giận khi phải nhượng đi một mẫu đất vương quốc của mình. Ông đã chờ đợi một phản ứng dữ dội hơn thế. Đêm đó ông ngủ ngon, có nghĩa là ngủ liền chừng mười lăm phút dài. Khách quý của ông đã gõ cửa ngay lúc bình minh rạng và ông tức thì cảm thấy các thông tin không còn tốt lành nữa.

– Ở Labé, người ta vừa bắt được một người Pháp đấy!

– Cha cô, lính chiến hay là nhà thám hiểm hả?

– Tôi chẳng biết. Tôi thậm chí còn chẳng biết anh ta tên là gì và liệu anh ta đi một mình hay có người tháp tùng.

– Dấu hiệu tồi rồi, chuyện đó ấy mà, dấu hiệu rất tồi đấy!

Kỳ quặc, kỳ quặc, Olivier de Sanderval đã không hề nghe thấy ở bất kỳ nơi nào nói về một phái đoàn nào đó tiến về

hướng Fouta cả, ở Gorée lẫn Boulam, ngay cả ở Boké ông cũng không nghe nói đến.

– Anh cho rằng tôi phải cẩn thận ư?

– Không! Anh là bạn của Almâmi, và đó chính là một chiếc lá chắn thực sự ở đây. Dầu vậy, anh bây giờ đang ở trong một tình thế mới rồi đấy.

Anh ta chẳng cần phải nói thêm gì nữa. Yémé ngay lập tức hiểu ra khi nhìn cách anh ta gãi đầu:

– Hãy nói thẳng cho tôi biết đi, Tierno, anh đang sợ cho tôi hay đang lo cho anh hả?

– Fouta phức tạp lắm, Yémé ạ! Chẳng có gì là chắc chắn nơi chúng tôi cả!

– Tôi hiểu! Khi nào thì anh muốn tôi ra đi?

– Hôm nay là thứ bảy. Đó là một ngày tốt lành, thứ bảy ấy mà, để bắt đầu khởi hành một lộ trình.

– Tốt thôi! Thế thì, chỉ xin một sự giúp đỡ cuối cùng! Anh có thể cho tôi mượn chừng hai mươi lính để đi qua Kokoulo được không?

– Lời đề nghị của anh đã được chấp nhận! Tôi vẫn còn là bạn của anh, Yémé ạ, chẳng cần phải bận tâm lo ngại điều đó làm gì!

Những lo lắng của ông được xác nhận khá nhanh: một đội lính gác đã đến gặp ông để chuyển hướng đi của ông và dẫn ông về Digui, một xóm nhỏ chừng hai chục nóc nhà, cách Fougoumba già hai giờ cuộc bộ.

“Thế là xong, - ông tự nhủ, - người ta lại chơi cho tôi nghe cùng một bản nhạc hết như lần trước, chỉ có điều lần trước, đó là ở Timbo, còn lần này thì ở một nơi khỉ ho cò gáy trong rừng rú. Tôi sẽ chết ở đây vì đói, vì rắn cắn hay vì thuốc độc cực mạnh, ở Boké sẽ chẳng ai biết đó là đâu, huống chi là ở Saint-

Louis. Lũ người thâm ác này sẽ thề đứng thề ngời rằng chúng đã đợi tôi ở Gougoumba mãi mà không thấy, rằng chúng đã không hề nhìn thấy tôi đến. Olivier de Sanderval khôn khổ này, vốn hiền lành quá đỗi, nồng nhiệt quá đỗi! Có lẽ là do lũ thú hoang hay bọn cướp đường dài đã xơi tái rồi! Bởi lẽ, đương nhiên rồi, chẳng có ai, ở Saint Louis hay ở Paris, chẳng ai lại không tin rằng bọn cướp đường hành động theo đúng chỉ thị đến từ ngài vàng ở Timbo!”

Người ta giải thích cho ông hay rằng dân số ở Fougoumba đã tăng lên gấp bốn lần: Do các nghi lễ của ngày đăng quang! Đây chính là lý do tại sao người ta lại cho ông đến Digui. “Nhưng an tâm đi, - họ nói với ông. - Almâmi sẽ vờ ông về cạnh Người ngay lập tức khi Người tìm thấy cho ông một vị trí.”

Ông rất nghi ngờ khi nghe tất cả những điều này nhưng khi đến trú ở Digui thì ông nhận thấy rằng, trên thực tế, tất cả các gác xép đều rỗng và các khu chợ thì chẳng có mấy lương thực mà bán. Khi người ta tìm thấy một con gà hay quả trứng, thì việc đầu tiên họ nghĩ đến là nuôi con họ trước khi nghĩ đến Da Trắng. Để ăn tối, ông thường xuyên chỉ dành lòng với một trái cam hay một đĩa quả dại, khi mà ông không dành ngồi đọc Sully Prudhomme hay ngồi nhìn những vì tinh tú lóe lên.

Một người hàng xóm, bà lão Arabia, thấy thương hại ông. Khi dáng người còng vẹo và đôi chân bị căn bệnh thấp khớp hủy hoại cho phép, thì cụ đến tặng cho ông một liễn fonio, một nhúm lạc hay một cốc nhỏ mật ong. Cụ nhìn ông bổ nhào vào thức ăn với cặp mắt ướt nhoèn, vuốt ve mái tóc ông trong lúc ông ăn và chỉ ra về sau khi đã chắc chắn rằng ông đã nghiền ngấu hết.

– Nào, ăn cho bằng hết đi! Chớ để gì cho bọn người khác, cậu là người bất hạnh hơn cả! Cậu có còn mẹ không?

Ông mất rất nhiều thời giờ để giải thích cho cụ hay rằng ông đã bốn mươi tám tuổi, rằng ông có thể tự xoay xử một mình rất tốt mà không cần mẹ và rằng cụ chẳng nên mệt mỏi vì ông làm gì.

– Đưa đây, ta sẽ giặt tất cho cậu, tối nay ta sẽ đem chăn của cậu đến, ta đã phơi chúng trên nóc nhà ta cho khô rồi.

– Hãy để tất cả các chuyện đó cho quân của tôi lo đi, Arabia ạ, hãy nghỉ ngơi một chút đi! Hơn nữa, tôi có thể tự mình làm được, tôi không còn là một đứa trẻ nữa!

– Ăn đi, chính do cậu không phải là người ở đây mà họ quá độc ác với cậu. Ta có con trai hiện giờ đang ở Saint-Louis. Những gì người ta đối xử với cậu ở đây, thì ở đó, người ta chắc cũng làm thế với nó.

Sau hai tuần buồn bã để quên đói và ôn lại những hoài niệm cay đắng đến phát ngáy, trợ lực bằng nước long não và chất bít-mút và được sự bao bọc đầy tình mẫu tử của bà cụ già Arabia nâng đỡ, cuối cùng thì sự giải thoát cũng giống lên bằng giọng nói của một người lính trẻ:

– *Almâmi* giao trọng trách cho tôi dẫn ông về gặp Người.

– A, đến giờ rồi à! Khi nào vậy?

– Ngày mai!

– Ngày mai, ngày kia! *Diango, fab'i diango!* Ta biết ca khúc đó rồi! Thì ông ta hãy nói luôn đi, thêm lần nữa, ta là tù nhân của ông ấy cho rồi!

– Sao lại thế, là tù nhân ư? A, tôi hiểu rồi, Da Trắng giận dữ bởi vì ông ta không được đón tiếp đúng thời hạn! Đó là do sự đăng quang đấy!

Một trò chơi bắn súng cưỡi ngựa hùng tráng đón tiếp ngay khi ông đến Fougoumba. Hàng lính hoàng gia rẽ đường cho ông

qua làn sóng sáng lóa của những đồ trang sức bằng vàng và các áo chùng dài sáng loáng, đưa ông băng qua những dãy lính, các nhà thông thái và quý tộc vắn khăn và xếp ông ngồi cách *Almâmi* hai ba ghế. Người này hơi quay đầu để nhìn ông ngồi xuống. Ông nhẹ người khi nhận thấy một luồng ánh sáng thân thiện trong ánh mắt của đấng quân vương. Đó là một buổi chiều rất đẹp để xả hơi và cho lễ hội nhưng trong một khung cảnh đặc sệt Peul: đầy những tiếng thổi dài và thì thầm, những ánh mắt liếc xéo và những ẩn ý.

Khi mà cuối cùng thì *Almâmi* cũng tiếp ông, ông cảm thấy ngạc nhiên đến khó chịu rằng, trong nhóm quý tộc bao quanh Người, những lão già bản gắt của Fougoumba là đông hơn cả và ngồi gần ngài vàng nhất. Những bạn ông, Tierno, Bocar-Biro, Pâthé và Alpha Yaya cũng có mặt ở đó, nhưng ngồi rải rác trong đám đông và đặc biệt ngoan ngoãn trên những chiếc ghế da dê của họ. Lại bắt đầu nghi lễ bắt di bắt dịch mà ta đã chứng kiến cả ngàn, cả vạn lần trong hoàng triều Timbo: giọng nói của *Almâmi* lâu bầu, giọng nói mạnh mẽ và đanh như thép của nhà thông thái thường trực khiến cho cả xung quanh rung lên để dịch nghĩa những suy nghĩ của Người!

– Đây là lần đầu tiên ta gặp lại một người Da Trắng. Thông thường, những người trong chủng tộc người đến Fouta, họ tỏ ra một hai lời dối trá, sau đó trở về nhà họ rồi chẳng bao giờ quay lại nữa. Nhưng người, người đã quay lại. Chúng ta biết rõ công việc của người ở vùng ven biển: ở Bassayah, ở Kandiafara, ở Kadé. Những gì người đã làm ở đó chính là những gì người muốn thực hiện ở đây: những thương điếm và đồn điền trồng trọt. Chúng ta đã hoàn toàn tin tưởng nơi người là vì thế.

Da Trắng nói điều đó đã khiến ông ta cảm thấy được phỉnh phờ biết bao nhiêu. Ông cảm ơn *Almâmi* vì sự đón tiếp nồng

nhiệt và vì sự tin tưởng của Người và tận dụng vị trí được ân sủng của mình để gợi nói về số phận của tên người Pháp khôn khổ bị bắt giữ ở Labé.

– Tên Da Trắng ấy là một gián điệp! Vua của Labé đã đề nghị cho xử tử hắn. Ta đã từ chối. Là vì người đây!

Nhà thông thái dừng lại giây lát để quay về phía một viên cố vấn, rồi ông ta lại tiếp tục nói với Da Trắng:

—Về vấn đề này, ngay chính lúc này đây, Gallieni gửi đến một đoàn sứ giả. Chỉ có điều, kẻ dẫn đường cho họ đã chết ở Siguiri, do bệnh sốt vàng. *Almâmi* vừa được thông báo những người sống sót hiện đang ở vùng ngoại ô Timbo. Họ sẽ có mặt ở đây vào ngày mai hoặc ngày kia

Khi ra khỏi đó, ông rơi ngay vào Dion-Koïn, người chồng đặc biệt của Dalanda:

– Đáng Allah mới cao cả làm sao, hử Yémé, lại hiện diện trước mặt tôi đây, vẫn sống và đứng vững trên đôi chân của mình!

Anh ta để cho Da Trắng đưa mắt quét khắp lượt xung quanh mình, rồi phá lên cười lớn:

– Chẳng cần phải kiếm tìm đâu, Yémé ạ! Dalanda ấy mà, ta đã để nàng ở Koïn rồi để tránh mọi sự hiểu lầm.

Tên Dion-Koïn khôn kiếp! Cơn mất ngủ, đêm đó, là khó chịu đựng nhất trong tất cả mọi thứ!

Lại một đợt khủng hoảng do sốt rét: một tuần nã ký ninh và ipéca^[17], được bà cụ Arabia trợ giúp, thường đến lau rửa những nôn mửa của ông và cho ông uống vài ngụm nước hãm hoặc nước *folléré*!

Bà cụ già chỉ xuất hiện vào ban ngày. Bà ở rú trong nhà mình ngay khi màn đêm buông xuống và khi ấy người ta nghe thấy

tiếng cụ độc thoại một mình, cho đến tận sáng, bằng chất giọng lẩy bẩy và chua loét, về những điều thậm ác của quỷ dữ và vô số những tội lỗi mà chúng khiến cuộc sống trên mặt đất trở nên bần loạn. Đêm đó, một đêm trăng tròn tuyệt vời rải rác những vì tinh tú, cụ đến gõ cửa nhà ông và giọng nói khê khê kỳ quặc của cụ khiến ông phát hoảng.

– Đến đi, đến nhanh đi nào! - Cụ thì thào với ông.

– Trước hết hãy nói cho tôi biết có chuyện gì đã!

Cụ lôi ông ra ngoài ngay khi ông mở cửa, bàn tay run rẩy của cụ áp bịt miệng ông. Ông dẫu vậy vẫn cố nài để mặc thêm chiếc redingote và đôi ủng khi ông hiểu rằng bà cụ tính đưa ông đi xa, băng qua cả khu rừng.

– Có chuyện gì xảy ra thế, lạy Chúa tôi? Họ muốn xử bắn tôi và cụ, cụ muốn giúp tôi đi trốn, phải vậy không?

Họ đi bộ chừng hơn mười lăm phút qua các dãy cành lá đan xen trước khi dừng lại trước một túp lều bị bỏ hoang.

– Vào đi! - Cụ ra lệnh. - Vào đi nào!

Chẳng thềm để ý đến những dẫn đo của ông, cụ dùng hết sức mình đẩy lưng ông vào, và bây giờ ông đứng giữa túp lều, và tự hỏi liệu ông đang đặt chân vào một nơi trú ẩn hay trong một hang thú dữ. Ánh lửa đỏ lóe lên trong lò sưởi không làm sáng nổi chỉ một phần ba chiếc giường đất mà nàng đang ngồi trên đó, nhưng ông nhận ngay ra nàng từ ánh mắt đầu tiên:

– Dalanda! - Ông gào lên và họ ôm nhau lăn tròn dưới đất, cả hai cùng nấc lên bởi sự va chạm của những vòng tay ghì chặt và những tiếng khóc nức nở.

– Hãy giải thích cho anh nghe chút đi nào, em yêu!

– Em trốn Dion-Koïn đến đây bằng cách đi tắt xuyên qua rừng. Em không thể ngồi yên được nữa khi biết anh đang có

mặt ở đây.

– Thế bà cụ này là thế nào?

– Arabia là dì của một trong đám con hầu của em, chính họ đã bày cho em kế hoạch này đây.

– Một mình ở đây, trong đêm, giữa lũ thú rừng như vậy à?

– Ở trong làng thì chúng ta hẳn đã bị nhìn thấy. Nhưng trước hết hãy ăn đi đã, người đàn ông của em ạ, rồi sau đó ta sẽ nói.

Nàng quay về đám bát đĩa và chiếc bình đặt dưới chân. Ở đó có mật ong, sữa và một món cơm ngon tuyệt ăn kèm với một con gà béo ngậy sốt gừng. Ông chén thỏa thích trong lúc nàng hâm nóng cho ông nước hãm kinkéliba.

Khi chia tay nhau, vào lúc hừng sáng, nàng chìa cho ông một chiếc bùa bằng da, run rẩy khép tay ông lại và bóp thật chặt:

– Nếu anh không để mất nó, chúng ta sẽ được bảo vệ! Chính đạo sĩ đã nói thế đây.

Tối hôm sau ông quay lại đó và tất cả các tối sau đó nữa.

Dẫu vậy, một buổi sáng, lúc quay về làng, ông bắt gặp một đám lính đang túm tụm trước cửa nhà ông.

– Ông ở đâu về vậy, hả Da Trắng, ở đâu hả?

Ông tìm kiếm một lời nói dối tầm cỡ trong mớ suy nghĩ lộn xộn của mình và chỉ tìm thấy điều này:

– Tôi thấy xấu hổ phải nói ra!

– Nếu là ông, kiểu gì thì tôi cũng sẽ nói! - Kẻ to lớn đeo bùa hình như là thủ lĩnh, khuyên ông bằng một chất giọng khùng khiếp của hắn.

– Tôi đã quá đói đến nỗi không thể ngăn mình đi vào rừng để hái quả dại ăn.

– Hi, hi, hi! Hái quả đại ăn vào giờ này ư! Các ông, Da Trắng, quả là có cái bụng thật kỳ quặc! Thôi nào, vào chuẩn bị đi, Almâmi đang đợi chúng ta đây!

Almâmi vừa hoàn thành việc bổ nhiệm thủ lĩnh các tỉnh. Thành phố rền vang trong niềm vui sướng của những người vừa được đăng quang và những lời than vãn của những kẻ bất bình. Các con hẻm của nó bốc lên không khí luồn cúi và gièm pha, âm mưu mưu phản và bỡ đợ, vốn chỉ có trong các nhà thờ và trong các cung điện, nơi mà những số phận, rất thường xuyên, chỉ được treo trên đầu sợi dây. Những ông hoàng bị truất ngôi buồn bã quay về trong tỉnh của mình, những tân quân vương nấn ná lại để củng cố vị trí của họ bằng những món quà và lời ca tụng. Sự thay đổi quyền lực của các Almâmi đem lại cho Fouta điều mới mẻ giống hệt như sự thay đổi mùa: những mái đầu già rơi xuống, những mái đầu hoàn toàn mới mọc lại nở rộ rực rỡ.

Lần này, dẫu sao cái đầu ông đã không bị treo giá. Almâmi tiếp ông lần thứ hai, chỉ có mỗi đạo sĩ của mình và nhà thông thái thường trực tham dự cùng:

– Ta đã cho anh con đường xe lửa và quyền được thành lập các thương điểm. Giờ anh còn muốn gì ở ta nữa, hả Yémé?

– Người biết rõ rồi mà, Almâmi!

– Con đường xe lửa thì ta nhớ, phần còn lại, ta đã quên rồi, chuyện diễn ra đã quá lâu!

– Con đường xe lửa, quyền lập các thương điểm, quyền để cho các đoàn xe của tôi chạy qua, để...

– Rồi, rồi, rồi!... Đây, ta cho anh mượn viên đạo sĩ của ta! Ông ấy sẽ giúp anh thảo toàn bộ những đề nghị xin xỏ của anh, sau đó ta sẽ cho thông qua trong đại hội đồng. Anh không hài

lòng à? Các ông xem, anh ta chẳng bao giờ hài lòng cả, anh bạn Yémé của tôi.

Ông vẫn giữ vẻ mặt khép kín nhưng đó chỉ là một tiểu xảo.

– Sau chừng ấy cố gắng, tôi đã chờ đợi để chứng kiến những lời phân trần của mình được thỏa nguyện ngay lập tức, *Almâmi a!*... - Ông phàn nàn trong lúc thực ra từ đáy lòng ánh lên một niềm vui thầm kín: một mình với đạo sĩ, ông không thể tìm thấy mối lợi trời cho bất ngờ nào hay hơn thế!

Còn ranh mãnh và lắt léo hơn cả những người Peul này mà ông không ngừng chỉ trích, ông tận dụng cơ hội tưởng như không thể này để luồn vào, một cách giấu giếm, trong các điều phân trần xin xỏ của mình, bình nguyên Kahel. Đạo sĩ không nhận ra tiểu xảo ấy ngay lập tức. Chỉ đến khi đọc lại văn bản thì ông ta mới giật nảy mình và nhìn Da Trắng bằng cặp mắt hãi hùng của những người vùng sơn cước - rất đông ở đây! - nghệt thở vì cái bấu:

– Bình nguyên Kahel ư? Không đời nào tôi sẽ dám viết thế đâu!

Ông ta lại nhắc chiếc bút lau của mình lên để gạch phần đó đi, nhưng Olivier đưa tay ngăn lại:

– Anh không phải lo lắng gì đâu! Tôi đã có sự đồng thuận của Người rồi, nếu không thì tôi hẳn sẽ không dám đọc cho anh viết.

Đạo sĩ suýt nữa thì chết vì nghệt thở:

– Và ông hoàng Timbi-Touni đồng ý rồi chứ?

– Chính ông ta đã gợi ý chỗ đó cho tôi đây, - ông nói nhỏ một cách xảo trá trong lúc liếc nhìn đạo sĩ.

– Ông hoàng Labé biết chuyện này chứ?

– Tôi đảm bảo với anh rằng tất cả đều hợp lệ, anh không việc

gì phải lo lắng cả!

Đạo sĩ quét khắp lượt xung quanh mình bằng ánh mắt sững sờ để tin chắc rằng thế giới đã không lung lay sau những gì ông vừa nghe thấy. Sau đó, nhần nhục, ông ta chìa cho ông tờ giấy.

– Nếu mọi chuyện đã vậy thì hãy ký vào chỗ này đi!

Đến lượt mình, ông ta cầm bút ký và trình văn bản cho Almâmi. Người này, khi đọc xong, đã cho gọi Da Trắng đến ngay tức thì:

– Gì hả, bình nguyên Kahel ư? Anh có thấu hiểu gì không, hả Yémé?

– Chỉ chừng hai mươi ki-lô-mét toàn truông trắng thôi mà!

– Chừng ấy đất để buôn bán ư?

– Tôi cần một cơ sở cho con đường xe lửa của mình, Almâmi ạ! Anh không thiếu gì đất cả: anh trị vì từ vùng ven biển đến tận Niger và từ Sierra Leone đến tận Niokolo-Koba kia.

– Những vùng đất này thuộc về người Peul. Tôi chỉ là một tên lính canh giữ tầm thường. Đất của Fouta nhượng cho một người ngoại quốc, điều đó chưa từng xảy ra! Chắc chắn là Timbi-Touni và Labé đã đồng ý rồi chứ?

Trước sự im lặng đầy ẩn ý của Da Trắng, đạo sĩ hỏi hỏi thêm:

– Đó chính là điều mà kẻ ngoại quốc này đã mạo xưng!

– Dù gì đi nữa, - Almâmi tiếp tục, - không phải do ta quyết định, ta phải giải trình ở đại hội đồng. Bây giờ, hãy quay lại Digui đi, ta sẽ thông báo cho người ngay khi ta triệu tập hội đồng.

– Thế còn nhà tôi ở Fougoumba thì sao?

– Hãy ở lại Digui đi! Ông hoàng của Fougoumba không muốn

người có mặt trên lãnh thổ của anh ta.

Ông xoay xử để bí mật gặp Alpha Yaya trước khi quay lại Digui.

– Tôi đã nói chuyện Kahel với Almâmi rồi. Người thấy không có điều gì bất lợi với điều kiện điều đó tới từ phía các anh.

– Từ phía chúng tôi? Tôi không phải là vua của Labé, tôi chỉ là một hoàng tử nối ngôi thôi mà.

– Ô, anh trai Aguibou của anh sẽ chẳng bao giờ chạy theo rủi ro khi chống đối lại anh vì năm ki-lô-mét rừng hoang cỏ dại đâu.

– Anh sẽ cho tôi cái gì để đánh đổi điều ấy?

Câu hỏi của Alpha Yaya thật sỗ sàng, nhưng nó không khiến ông phiền lòng: chính điều đó thu hút ông nơi nhân vật này, ở khía cạnh thực tế của anh ta.

– Những cửa hàng, các đồn điền, những cổ phần trong công ty đường xe lửa của tôi!

– Còn nữa chứ?

– Anh còn muốn gì thêm nữa?

– Ngôi nhà của anh ở Boulam!

– Ngôi nhà của tôi ở Boulam ư? Anh còn háu ăn hơn cả Tierno đấy... Được thôi, anh sẽ có nó, ngôi nhà của tôi ở Boulam ấy!

– Còn nữa không?

– Có lẽ tôi sẽ có thể giúp anh giành ngai vàng của Labé.

Đúng vào lúc ấy, một con gà gô bay vọt lên từ đỉnh một ngọn cây. Olivier de Sanderval nhìn nó chao lượn trong vài khắc, rồi quay lại với kẻ tòng phạm của mình:

– Anh còn nhớ những gì anh nói với tôi lần đầu tiên khi

mình gặp nhau không?

– Buổi sáng nay thật thần kỳ!... Hãy là bạn tôi, kẻ ngoại bang nhé! Đó chính là điều tôi đã nói với anh.

Ông cầm tay anh ta và, ngắm con gà gô đang bay lẩn giữa những đám mây, nói với anh ta bằng chất giọng cố tình gây huyền bí:

– Anh có hiểu nổi tất cả những gì mà chúng ta sẽ có thể thực hiện, chỉ hai chúng ta thôi, nếu như chúng ta nắm tay nhau cùng tiến không hả?

Digui không thiếu nước mặc dù đang là mùa khô. Ngôi làng có rất nhiều giếng và một con sông chảy qua ngay bên cạnh. Ông nghĩ đến việc làm vườn: một cách tuyệt vời để quân của ông có việc mà làm, trấn an thần kinh và quên đi cái đói. Ông khai khẩn các bờ sông, đào một con rạch nhỏ và tưới nước chừng một trăm hec-ta. Ông cho gieo rau cải xoong vùng Orléan, xà lách và củ cải đỏ. Ông trồng các cây ăn quả, cố gắng thành công với loài sơ ri và nho. Ngây ngất bởi kết quả công việc mê ly của mình, ông gửi một lá thư ra vùng duyên hải để khoe khu vườn địa đàng của mình và nêu ra hàng trăm những ưu thế để những người Da Trắng đến lập nghiệp ở Fouta chiêm ngưỡng.

Ông thích tránh gặp mặt Dalanda hơn, sau va chạm lần trước với lính gác, mặc cho những lời nhắn báo động mà cụ già Arabia đã đem tới cho ông. Phải là một thằng ngố để không tự nhủ rằng người ta đã cho theo dõi ông từ rất lâu rồi để có thể biết được những cuộc trốn đi vào rừng ban đêm của ông: để bí mật tìm cái ăn như ông mạo xưng hay để che giấu vũ khí đây? Nhưng một hôm, ông từ vườn trở về, tản bộ cách đám Ououlouf của ông một đoạn đường, thì ông nghe thấy có tiếng gọi ông vẳng ra từ sâu trong một bụi rậm.

- Ngày mai, - nàng thì thảo, - gần con suối-thiên-nga nhé!
Vào phiên cầu nguyện giữa trưa ấy!

Đó là một kế hoạch không tồi. Suối-thiên-nga, chẳng ai bén mảng đến đây vì những dây tầng dưới rừng rậm rạp và vách đá cao vượt hẳn lên. Hơn nữa, lại cách vườn nhà ông có một trảng gai bụi phủ đầy những cỏ gà và tre. Vào giờ cầu nguyện, không ai có thể giám sát họ. Ông chỉ việc khoác dụng cụ và giả bộ như đi xới đất. Suối-thiên-nga trở thành cái tổ tình yêu của họ: chẳng cần phải mạo hiểm đêm tối để đi đến cái lều bỏ hoang kia nữa! Nàng thường đem đến cho ông bình fonio hoặc cơm, nhìn ông ăn, mũi lòng đến rơi lệ và lại bắt đầu đoạn điệp khúc muôn thủa:

- Hãy bắt cóc em đi, Yémé, hãy bắt cóc em đi với anh!

Thế rồi vào một ngày đẹp trời, không hề có lý do gì, người ta cấm ông rời khỏi làng quá hai ki-lô-mét và mua những sản phẩm trong chợ. Đại hội đồng từ chối cho ông bình nguyên Kahel, ông hoàng Fougoumba muốn đuổi ông ra khỏi lãnh thổ của mình. Bà cụ già Arabia cứ uổng công bao bọc ông bằng tình cảm triu mến và những liễn fonio quý giá của cụ, nhưng ông chìm vào một cơn trầm uất còn bệnh hoạn hơn cả đợt mà ông đã từng trải qua ở Timbo.

Ông bắt đầu nghĩ đến lọ cyanure thì, sau một bữa tối thanh đạm với fonio nấu sữa đông, người ta thông báo ông có khách. Ông khoác chiếc redingote, đeo găng và khó nhọc lê bước ra ngoài, người ngợm hao mòn vì đói và lo lắng. Một chàng trai trẻ tuần tú trên mình ngựa nhìn ông bước tới:

- Anh không nhận ra tôi ư? - Chàng nói với một vẻ vui nhộn.

- Ơ... không! Cậu có thể giúp tôi được đây!

- Hồi anh đi qua Timbo, tôi mới mười lăm tuổi!

– Chớ có nói với tôi là cậu đây nhé, là Diaïla rồi! Vậy từ bây giờ cậu trốn ở đâu hả?

– Tôi từ Bhoundou đến hôm qua, tôi đã đi học nhiều năm ở đó. Tôi được tin là anh đang ở đây và thế là ngay lập tức bỏ đến để chào anh.

– Tôi cảm động quá, Diaïla ạ, thực sự cảm động!

– Nếu tôi có thể làm được gì cho anh, đừng ngại nhé!

– Tôi sợ là những gì liên quan đến tôi thì chẳng ai còn có thể làm gì được nữa.

– À thế à, anh đang gặp rắc rối à?

– Rắc rối ư? Đây này, đúng lúc mà cậu đang nhìn tôi đây, hoàng tử thân mến ạ, thì tôi không có quyền đi lại lần mua đồ ăn. Tôi sống bằng cửa bố thí của bà cụ già Arabia và những củ cà rốt trồng được trong vườn nhà tôi.

– Tôi sẽ nói chuyện này với cha tôi.

Diaïla ra về, ông ghi lại vài dòng lạc đề bên dưới một bức họa miêu tả một con lữ trong dòng sông Téné: “Gã Da Đen Diaïla này, quả là một chàng trai khôi ngô tuấn tú, cánh mũi trang nhã, hai lỗ mũi phập phồng, cặp môi linh hoạt, màu hồng phủ lên hàm răng trắng đều đặn, cặp mắt to hiều kỳ, ánh mắt thông minh và sống động, bàn tay uyển chuyển và thanh lịch, bàn chân được chăm sóc tỉ mỉ. Có thể là Sylla chăng? Hay đúng hơn là Henri III. Một thủ lĩnh tốt của thời kỳ suy tàn. Điều mà gã đẹp trai này có thể làm cho bại hoại, là nếu hắn xuất hiện trên đại lộ, thì tất cả mọi thứ đều dành cho hắn.”

Chẳng có gì mới mẻ cả, những ngày sau đó trống trơn mặc dù lời hứa của vị hoàng tử trẻ. Ông hoàng Fougoumba không chỉ đành lòng với việc phản đối người ta đồng thuận cho ông đất đai, mà bây giờ ông ta còn muốn người ta rút lại giấy phép xây

dựng đường xe lửa. Lão đòi người ta tịch biên tài sản và trục xuất ông ra khỏi Fouta. Ý muốn bỏ trốn đã chấp chới trong đầu ông cả trăm lần, nhưng ngay lập tức khi nghĩ đến điều bất hạnh của Moutet thế là ông lại mệt mỏi đổ ập xuống giường...

Phải đợi thêm một hai tuần nữa thì thông điệp của hoàng tử Diaïla mới được gửi đến: *Almâmi* đã quyết định trả lại tự do đi lại cho ông và lại mở các gác chứa hàng và những khu chợ của Fouta cho ông!

Ông đến Galin ngay lập tức, ngôi làng nổi tiếng với các phiên hội chợ đông đúc bán buôn gia súc và các loại hạt. Trước sự ngạc nhiên sửng sờ của ông, các cửa hàng thịt từ chối hạt san hô của ông, các chủ hàng sữa quay mặt đi trước các đồng tiền của ông. Chàng trai khôi ngô Diaïla đã nói dối ông ư? Rã rượi vì nóng, lả người vì đói, cô độc và suy sụp chưa từng thấy, ông chuẩn bị đối đầu với các sườn núi mà người ta phải leo theo thế thẳng đứng và những dòng suối mà ta phải tìm đến chỗ nông nhất mới vượt qua được để quay trở về Digui, thì có một gã to con chạy đến giúp ông, hấn huơ cao một cây gậy:

- Hãy bán cho ông ấy đi và nhanh tay lên!
- Hãy giết ta đi còn hơn, - một bà bán hàng đáp lại, - ta thích cây gậy của người hơn là gậy của *Almâmi*!
- *Almâmi* đã gỡ bỏ lệnh cấm bán cho ông ta rồi. Hôm qua ta có mặt ở Fougoumba, điều đó đã diễn ra ngay trước mặt ta.
- Ông ta có tờ giấy ấy trên người không?
- Ông ấy không cần. Tờ giấy đương sự đã được đọc to trong nhà thờ Hồi giáo ngay trước mặt tất cả mọi người.
- Ở Galin, - một người bán gia cầm đáp lại, - thông tin không được bán cho ông ta đã đến với chúng tôi trước, còn lệnh mới thì chưa đến.

- Tôi chẳng ngạc nhiên gì đâu, ở Galin, các người là một lũ thộn hết lượt!

- Hãy nhắc điều anh vừa nói xem nào!

Một cuộc ẩu đả tiềm tàng thành hình, dẫu vậy ngài Olivier de Sanderval khốn khổ không còn cảm thấy đủ sức để can ngăn lẫn ý muốn đứng lại xem. Một tiếng vó ngựa khi ấy chột vẳng lại từ phía Fougoumba, ba hiệp sĩ xuất hiện. Một người rẽ đám đông những kẻ tò mò, đứng hẳn lên lưng ngựa và đọc tờ giấy đang cầm trên tay:

- Theo sự điều tra và hiểu biết của Fouta thì người đàn ông Da Trắng mang tên Yémé lại được quyền tham gia các khu chợ của Almâmi và mua những đồ hàng quý hiếm theo sự lựa chọn của mình.

- Các người thấy chưa? - Kẻ lạ mặt thốt lên về phía các tiểu thương.

- Tốt thôi, thì ông ta cứ yêu cầu điều mình muốn thôi, giờ thì chúng ta có thể bán cho ông ấy!

- Hãy tha lỗi cho chúng tôi, Da Trắng đáng mến ạ, nhưng trong lãnh địa Fouta yêu quý của chúng ta, những thông tin tồi bao giờ cũng đến quá sớm, còn những thông tin tốt lành thì chẳng khi nào đến đúng thời hạn cả! Tôi có một khu vườn không xa đây lắm, hãy đến đó nghỉ cho mát mẻ đi!

Da Trắng chẳng đợi phải khẩn nài, ông lau trán bằng một vạt áo và chỉ đóng hàng hóa mà các tiểu thương gói cho ông trong lúc cố gắng đùa lại với anh ta để xua tan sự va chạm vừa rồi.

- Đừng bận tâm vì chuyện đó đi! - Người đàn ông vừa nói vừa nhìn một lũ trẻ đang chơi vật nhau gần đây:

- Hãy khuân các thứ này đến Digui và nói rõ rằng đó là của Da Trắng nhé!

Rồi anh ta lại quay về phía Sanderval:

– Anh thấy không, đơn giản thôi mà! Giờ hãy cho lũ trẻ này cái gì đó để thưởng cho sự cố gắng của chúng!

Khu vườn của người cứu mạng ông nằm cách đó hai ki-lô-mét, rất khuất mắt những kẻ tò mò, giữa một thành vách đá granít, một khu rừng tre và những hẻm núi cao chừng hai mươi mét, bên trong đó vẳng ra tiếng suối chảy âm ào. Có lẽ chừng đến mười héc-ta sắn và củ từ, củ cải đỏ và bắp cải, mướp tây, ớt, xà lách và hành củ. Hai nhà kho chứa đầy hạt và dụng cụ. Một quần thể năm ngôi nhà đẹp đẽ là nơi ở của anh ta. Anh ta mời ông vào một trong năm ngôi nhà ấy và cẩn thận khép ngay cửa lại sau lưng họ. Anh ta mời ông bia và rượu vang, pho mát và giăm bông, miệng thì thầm với kiểu tinh nghịch của một thằng lỏi đang ăn vụng đồ ăn của gia đình:

– Thế còn cái này thì sao? Cái này nữa? Hả, anh nói gì về thứ này?

Da Trắng thốt ra một tiếng sáo gió thán phục và hỏi hả lao ngay vào bàn ăn, thậm chí trước cả khi được mời.

– Anh đã lấy chúng ở đâu vậy, hả bạn thân mến? Anh đã moi được những vật báu này ở đâu vậy?

– Ở vùng ven biển đấy, ha ha! Ở vùng ven biển! Tôi biết Rufisque và Saint-Louis! Tôi đã từng sống ở Boulam, tôi thậm chí đã ghé qua Boké. Nó ngon thật, đúng không, thứ giăm bông này ấy mà?

– Ngon tuyệt đỉnh! Thịt lợn và rượu vang, a ha, nếu người Peul mà nhìn thấy tụi mình nhỉ!

– Chính vì thế mà tôi đã đóng cửa lại!

– Đương nhiên rồi! Anh có một cái tên gọi chứ?

– Hãy gọi tôi là Yéro Baldé!

- Thế thì, Yéro Baldé à, hãy bắt tay người bạn của anh đi!

Tuần sau đó, người ta thông báo cho ông tin phái đoàn Gallieni đã tới. Ông ngay lập tức lên đến Fougoumba. Đoàn bao gồm chừng trăm tay súng Sénégal và hai Da Trắng sống sót, thoát khỏi sốt vàng. Một đoàn quân thật sự của Gallieni: trang bị vũ khí đến tận răng và lương thực dự trữ hết sức dồi dào! Những kiện đạn và đồ hộp, và một đàn cừu và bò khá hậu hĩnh! Họ đã nghe phong thanh về chuyến viễn chinh lần trước của ông và biết, từ lúc ở Timbo, ông đang có mặt ở Fougoumba!

- Bác sĩ Fras! - Người lớn tuổi nhất lên tiếng. - Còn đây là trung úy Plat!

Almâmi đã mời họ ở trong một khu sang trọng nằm ngay giữa làng với những ngôi nhà mái chắc chắn và một mảnh sân mà hiện giờ họ đã dựng lên một chiếc bàn gấp khổng lồ, trên đó chất đầy những chai và các đồ hộp - vậy nên có chỗ dành cho Fougoumba! Một cảm xúc sâu xa, bất thường xâm chiếm người ông: hương vị những món ăn Pháp, ly nước táo mà người ta rót cho ông, những khuôn mặt không hài hòa, hào hứng và dễ bị tổn thương của những người đồng bào của ông! Trung úy Plat khiến ông nghĩ đến cậu Souvignet đáng thương: người này cũng hai mươi ba tuổi và, cũng giống như cậu ấy, tận tâm dồn hết cả tâm hồn lẫn thể xác cho những ảo tưởng phù hoa đẹp đẽ của lứa tuổi mình!

- Chúng tôi đã nhận được thư của trung úy Levasseur, - bác sĩ nói.

- Trung úy Levasseur à?

- Chớ có nói với tôi rằng ông đã không nghe nói đến người đồng bào bất hạnh của chúng ta ở Labé nhé!

Họ đã có tin tức về vị Lavasseur đáng thương ấy, vẫn ở trong

trại giam, đói khát và bệnh tật. Cả anh ta nữa, cũng chính là do Gallieni phái đi, anh ấy xứng đáng hơn thế: lúc nào cũng là hai phái đoàn và bằng những lộ trình đi khác nhau. Phi châu nhan nhản những cạm bẫy, người Da Trắng thận trọng bao nhiêu cũng chẳng bao giờ đủ cả.

Ông hỏi lý do họ có mặt ở đây. Điều đó có thể đoán được, họ đến để ký một hiệp ước bảo hộ, một hiệp ước thực sự.

- Bản của Bayol không đủ à?

- Không, bản đó chưa đủ dưới con mắt của Gallieni, trong đó người ta chỉ nói về tình hữu nghị, ông ấy cần nhiều hơn thế.

- Và ông nghĩ rằng ông sẽ đạt được điều ấy ư?

- Chúng tôi sẽ không để cho họ có sự lựa chọn! - Fras giáng xuống. - Sẽ chỉ, hoặc là bảo hộ ngay từ bây giờ hoặc là chiến tranh sắp tới. Một đoàn quân đã đang chuẩn bị ở Saint-Louis rồi.

- Ừm! Ông đã làm việc với người Peul chưa?

- Chưa, chưa thực sự!

- Thế thì hãy đợi để biết rõ họ đã, trước khi phát ngôn như thế. Ông đã gặp Almâmi chưa?

- Tôi đã đọc cho ông ta nghe dự thảo hiệp ước sáng nay, - Fras đáp. - Ông ta nói sẽ tham khảo ý kiến những bô lão!

- Ông, người sống ở đất nước này đã mười năm nay và là người đã có những hiệp ước với họ, chúng tôi phải bắt đầu từ đoạn nào đây? - Plat hỏi.

Một làn sóng buồn bã và thoáng qua trôi dạt trong tâm trí ông trước khi đáp lại. Thật uổng phí quá chừng! Họ sẽ không ở đoạn này nếu như người ta đã tin ông! Fouta-Djalou, nước Pháp lẽ ra lên để tâm đến nó ngay từ chuyến đi đầu tiên của ông! Nhưng Cloué đã coi ông như một kẻ gàn, còn Gambetta đã nghe

ông theo kiểu tình bạn bè hơn là niềm tin chắc chắn. Tất cả chuyện đó đã mở đường cho kẻ cơ hội có tên Bayol ấy, người chỉ chuyên tìm cách hại ông và thúc đẩy sự nghiệp của hắn! Gallieni không thiếu lòng quả cảm lẫn tài trí, nhưng ông ta lại có cái tật: bản chất lính chiến của ông ta! Nước Pháp đã chẩn đoán nhầm: họ đã phái một nhà giải phẫu đến nơi mà chỗ ấy chỉ cần một người xoa bóp là đủ. Những con người trẻ tuổi này buộc ông phải khâm phục vì lý tưởng và sự trinh nguyên của họ, cùng lúc họ lại gây cho ông một cảm giác thương hại đến cùng cực. Người ta không dẫn họ ra chiến trường, mà ném họ vào miệng sói. Đó chính là những gì ông nghĩ khi gắn lên họ một ánh mắt kém hà khắc, dấu hiệu của sự cảm thông và ngờ vực.

“Phải là kẻ ngốc mới gửi đến xứ sở Peul những người trẻ tuổi thiếu kinh nghiệm nhường ấy, - ông nhủ thầm. - Rõ ràng rằng họ sẽ rất chật vật để đạt được điều gì đó nghiêm túc. Nhưng có thể người ta, từ trên vị trí cao ngất kia, chỉ muốn gây ấn tượng cho dư luận thôi. Chứ không phải là để chinh phục Fouta. Nhưng tôi chẳng việc gì mà phải thổ lộ những suy nghĩ của mình cho họ. Họ thực hiện những gì mà người ta đã đề nghị họ làm. Cũng chẳng còn gì để nói với chính phủ nữa, nơi chúng tôi, do nghề nghiệp và do thói quen cố hữu cổ xưa, thường là điếc trước tất cả những gì không phải là mình: cần phải đòi hỏi chính quốc gia cần chú tâm và sáng suốt hơn nữa.”

– Thế thì những người Peul này thì thế nào? - Trung úy Plat cố gắng hỏi.

– Những người này khó nắm bắt, cả bằng tay cũng như bằng trí óc! Có thể nói, ở đây họ đã đọc Montaigne. Các ông sẽ không bao giờ nhìn thấy dân tộc nào lại rập rờn uốn lượn nhường ấy: không bao giờ ở cùng một chỗ, không bao giờ nói cùng một lời.

- Họ không phải lúc nào cũng sẽ thoát khỏi chúng ta được.

- Với điều kiện chúng ta phải học cách dùng mẹo. Ở đây, lừa người khác không bị coi là một nhược điểm, mà là một hành động dũng cảm và chính nó rèn lên danh tiếng của bạn.

- Dẫn cho họ có làm gì đi nữa, chúng tôi sẽ moi bằng được sự bảo hộ này! - Trung úy Plat nổi đóa. - Chính ông đã có được những hiệp ước rồi đấy thôi, đúng không?

- Những hiệp ước của tôi, tôi đã có được chúng sau gần hai tháng tù tội, hàng tá những trận lên cơn sốt rét và năm lần trong tình trạng hôn mê, - ông đáp lại, bị cuốn đi quá đà. - Còn các ông, các ông đi thẳng từ Saint-Louis đến đây với một tờ giấy giả rách để nói với Almâmi của Fouta: "Nào, hãy ký vào đây!" Giỏi đấy, những con người quả cảm thân mến, giỏi đấy!

- Chúng tôi muốn chỉ cho ông ta thấy những vấn đề chính yếu không còn giống nhau nữa, rằng kỷ nguyên của những lời đàm tiếu đã qua rồi! Nếu ông ấy không ký, ông ấy sẽ bị xâm chiếm!

- Ông ấy sẽ không ký đâu, nhưng lại giả bộ ký. Ôi, giá mà ông biết được những con người này biết cách giả bộ tốt đến nhường nào nhỉ!

- Chúng tôi không có thời gian, ông hiểu không hả?

- Thảm kịch nằm ở chính chỗ đó, họ hả, họ thì có đầy thời gian.

Thế rồi ông im lặng, đầy sự thương hại và phẫn nộ. Những chàng trai Pháp khốn khổ! Ông những muốn nói với họ: "Sự có mặt của các người gây nhiều thiệt hại hơn là tiện ích, những thiệt hại cho ích lợi của chúng ta, chứ không phải của người Peul." Nhưng ông chẳng nói gì cả, tu một hơi hết ly của mình và làm ra vẻ muốn về. Quá trẻ trung, quá dễ mến, ông không hề có

ý định làm tổn thương họ! Plat rót tiếp cho ông một ly nước táo và nói:

– Chúng tôi giữ ông lại ăn tối!

– Tôi đang định đề nghị ông. Khi mà, như tôi đây, ta đã nhồi suốt cả nhiều tuần liền toàn quả đại nghiền, thì ta chẳng còn gu khách sáo cho hợp thể thức nữa.

Trước khi để ông ra về, họ chắt cho ông đầy những trà, cà phê, đường, bánh mì, cá hộp sác-đin, bích quy, đậu đỏ cũng như một chồng lớn báo chí.

Lần thăm viếng tiếp theo, ông thấy trung úy Plat đang ngắc ngoải sắp chết. Bác sĩ Frás, trong giầy lát, rời tay khỏi xi lanh và những miếng gạc để kín đáo kéo ông ra một góc:

– Tôi rất sợ là cậu ta sẽ ở lại đây mất, - ông ta thì thào trong lúc thấm mồ hôi trán.- A, tôi hận mình đã không bị ốm thay cho cậu ấy! Cậu ấy quá trẻ để phải chết, cậu ấy ấy mà, ông nghe tôi nói không hả? Quá trẻ.

– Chẩn đoán của ông thế nào?

– Ông nghĩ rằng có thể thiết lập một đợt chẩn đoán trong vùng này ư?

– Cậu ấy sẽ qua khỏi thôi, rồi ông xem! - Olivier de Sanderval nói bằng một giọng hết sức thuyết phục đến nỗi mà vị bác sĩ lấy lại được tinh thần.

– Điều đó sẽ đơn giản hơn nhiều. Một mình, tôi có lẽ sẽ không bao giờ đủ sức. Saint-Louis ở quá xa, người Peul lại quá gần, còn anh chàng Levasseur khốn khổ kia nữa, anh ta còn gần nắm mồ hơn bất kỳ con bệnh nào.

Ông ở lại bên họ suốt cả ngày liền, lau mồ hôi và nôn mửa cho người này, củng cố tinh thần cho người kia. Ông giúp lọc nước, tiết trùng xi lanh, chuẩn bị những hộp thuốc mỡ và sữa

tắm.

Vài ngày sau, một tên lính Sénégal dừng lại trước cửa nhà ông mà không hề xuống khỏi ngựa:

– Là bác sĩ Fras phải anh đến phải không?... Là để đi đám tang à, đúng không?

– Không, để mượn ông ống thụt!

Con người quả cảm ấy giải thích rằng trung úy Plat đã lành bệnh và rằng bác sĩ Fras lại ốm (đúng là ai có phận người này) vì táo bón, nên phải anh ta đến mượn ông chiếc ống thụt để có thể thông được. “Phải đoàn đi mà không có ống thụt! Ông hồi hả ghi lại, nhạo báng hơn bao giờ hết. - Thế đấy, người ta tổ chức những ngoại vụ thuộc địa của chúng ta như thế và chúng ta đã có một ngân sách là bốn tỷ cơ đấy! Thôi thì, cầu cho ở Bộ được bình an; nhưng tôi cũng rất muốn nhìn thấy ông ta ở đây, ở chỗ của của chúng tôi, vị Bộ trưởng ấy, chết khô chết héo dưới ánh nắng mặt trời mà không có ống thụt.”

Quân đội Pháp đi viễn chinh chỗ người Da Đen và thậm chí không có lấy một cái ống thụt! Ấy thế mà cái đó lại làm nên những điều kỳ diệu đấy, dụng cụ tưởng như rất tầm thường này! Khi, vài ngày sau, tên lính đem lại trả cho ông, anh ta cùng lúc trao cho ông một lá thư già biệt: bác sĩ Fras đã lành bệnh. Rất khỏe mạnh đến nỗi mà ông đã lên đường chuồn về Saint-Louis cùng với đoàn của ông ta dưới âm thanh của tiếng kèn đồng!

Rồi Diaïla đến thăm đúng lúc ông đang vật lộn với một cơn sốt rét mới:

– Anh phải đến nói chuyện với họ đi thôi.

– Nhưng mà với ai mới được chứ, hả Chúa ơi?

– Với các bô lão của Fougoumba! Không có họ thì Kahel đã là

của anh rồi, còn cha tôi, ông ấy chẳng thấy gì là bất lợi cả! Ngày mai, sau buổi cầu nguyện giữa ngày, cha tôi sẽ triệu tập đại hội đồng và anh sẽ đến để nói. Để thuyết phục những kiểu dẫn đo ngập ngừng của Fougoumba, anh cần phải làm sáng tỏ sự thật mà không để lộ vẻ hình như anh đã có điểm tựa. Anh sẽ đến chứ?

– Tôi chẳng có sự lựa chọn nào.

– Thế thì, chúc may mắn, và hãy cố tỏ ra có tính thuyết phục nhé!

Sự hoảng sợ còn kinh khủng hơn cả hôm trước của một kỳ thi. Ông tận dụng cơn mất ngủ để phác thảo bài diễn văn của mình và lấy thêm can đảm:

“Thôi nào, hãy tiến lên, hãy nói những gì mi muốn nói, nhưng phải thật tốt! Người Peul là một chủng tộc biết cách diễn đạt. Ở họ, cách thức là quan trọng nhất: những lời đẹp ý hay có giá trị hơn cả những hành động.”

Nhà thông thái của Almâmi ngay lập tức chuyển qua vấn đề về Kahel. Nhưng Ibrahima, vị vua rất thâm sâu của Fougoumba, phản ứng dữ dội ngay lập tức, mặc dù dáng vẻ gà gât của ông ta:

– Người đàn ông này ở đây không phải là để cầu xin một ân huệ, ông ta ở đây bởi vì đã vướng một tội. Hãy bàn về lá thư mà chúng ta đã vớ được ở vùng ven biển đi!

– Liệu những gì người ta nói có thật không, rằng ông muốn chuyển người Da Trắng từ miền vùng ven đến đây để họ lấy đất đai của chúng ta và chiếm đoạt hoàng triều của chúng ta hả? - Vua của Kébalì hỏi ngay.

– Người nào dịch cho các ông lá thư này đã cắt cụt đi sự thật. Tôi thề với các ông rằng những gì được viết trong thư chẳng có

gì là thù nghịch đối với các lãnh chúa của Fouta cả.

- Nếu nó quả trong trắng như ông nói, thì tại sao ông lại không gửi theo đường thư chính thức của Almâmi, mà mỗi tuần đều có chuyến gửi đến vùng ven biển chứ?

- Tôi thậm chí còn không hề nghĩ đến việc viết một lá thư kia. Chỉ có điều, con người mang tên Alpha kia đã đến gặp tôi ở Digui để nói rằng anh ta sẽ đi đến vùng ven, thế là tôi đã tận dụng cơ hội đó để chuyển những thông tin của tôi cho các đại diện của tôi. Dặt một điều, tôi không biết đó lại là một người không được nghiêm túc cho lắm.

Ông những muốn nói: “Tôi không biết đó lại là một trong những thám báo của các ông.”

- Mi dám nói Alpha, con người chín chắn, một đạo sĩ có tiếng tăm và được cả Fouta này kính trọng, là một kẻ nói dối ư?

Tiếng rì rầm phản đối lan đi khắp phòng.

- Ô không, tôi sẽ rất tránh xác nhận điều đó. Tôi đã chỉ nói rằng ông ta đã thiếu kín đáo. Các ông đây đều biết rõ rằng tôi đã đánh giá rất cao các ông và đất nước của các ông. Người ta chưa bao giờ thấy tôi thiếu tôn trọng với một trong những phu quân vác của tôi. Thế thì làm sao tôi lại dám làm với một nhà quý tộc của Fouta chứ?

- Nói hay lắm! - Có tiếng vang lên hết góc này đến góc kia trong phòng.

- Suyt! - Thủ lĩnh của Fougoumba lên tiếng. - Nếu những gì người ta kể cho chúng ta là không đúng, thế chính xác thì ông đã kể gì cho những người Da Trắng ở vùng ven hả?

- Rằng đất nước của các ông rất đẹp, khí hậu thật dễ chịu, dân chúng đáng kính và cởi mở. A, nếu như có vài người Da Trắng đến đây ở để giúp các ông làm giàu thì tốt biết mấy!

– Những đồn điền và các thương điếm của ông, đó chỉ là cái có thôi! Chiếm Fouta, đó mới chính là điều mà lũ Da Trắng các người đang lăm le trong đầu đấy!

Ông đưa ánh mắt thống thiết về phía vua Fougoumba và gióng lên đoạn điệp khúc mà ông thích nhất, đánh bại người Anh và hạ gục kẻ được người Peul yêu thích nhất, bỏ đợ tính kiêu hãnh của họ:

– Người đã đọc lá thư của tôi là một kẻ thù của Fouta hoặc là một người không biết đọc. Tôi đã biết Alpha là một gián điệp làm việc cho những kẻ thù Anh quốc của tôi, tôi đã cảnh báo điều đó với quân của tôi từ lâu rồi, thế nên tôi hẳn đã không ủy thác cho hắn những bí mật của mình. Ông biết rõ rồi đó, Ibrahima ạ, tôi không phải là kẻ đi xâm lấn, tôi là khách quý của *Almâmi*. Tôi sẵn sàng ra đi ngay ngày mai nếu ông muốn... Những thủ lĩnh của Fougoumba đang gặp sai lầm nhưng họ thông minh, tôi biết họ sẽ công nhận cho người bạn toubab này, người chỉ mang sự thịnh vượng theo mình, tôi nói thêm điều mà họ đã biết rất rõ, nên biết là vào năm 1880, tôi đã chỉ gặp hai mươi người Anh Da Đen ở Fouta; năm nay tôi đã gặp hơn sáu trăm người bọn họ và ở Médina, chính một người Anh đã tiếp tôi đầu tiên nhân danh vua. Các ông không thấy gã Alpha này là một gián điệp Anh, được Freetown trả lương để đối lập với chúng ta hay sao? Người Anh không gây chiến với các ông, các ông hãy nói đi, họ không đe dọa các ông, người Da Đen quá tin tưởng! Họ chẳng đòi hỏi gì nhưng họ lại đến hung nhúc cả hoàng triều của các ông, các thủ lĩnh già tiếp đón họ, nghe lời họ, vâng lệnh họ. Những thế hệ tiếp nối các vị vua vĩ đại Peul là các ông đây liệu có từ chối sự độc lập của mình không chứ? Nước Pháp, ngược lại, họ có phái một người Pháp nào đến chỗ các ông không, có phái dù chỉ một người duy nhất đến xâm

chiếm xứ sở này và khai khẩn theo lợi ích của họ không? Tôi chỉ thấy ở đây một người Da Trắng duy nhất và không vũ khí, người đến đây nói với các ông về lợi ích của các ông chứ không phải của ông ta.

Ông im lặng, và cũng như lần trước ở Timbo, đưa cặp mắt lo âu dõi khắp phòng để sẫm soi những phản ứng và hiểu ngay trong sự im lặng đang bao trùm khắp nơi rằng bài biện luận của mình đúng ra là khá thành công. Vua Fougoumba ngồi im như thóc, nhưng Tierno, Alpha Yaya, Bôcar-Biro và Pâthé lại gửi cho ông những cái nháy mắt đồng lõa còn *Almâmi* lại có vẻ hân hoan. Người này thì thầm vài lời và giọng nói danh thếp của nhà thông thái lại vang lên:

- Những điều Da Trắng này nói là đúng, ông ta bao giờ cũng chỉ trang bị mỗi cái ô nhỏ và khăn mùi soa bỏ túi! Năm 1880, chúng ta đã có những ngờ vực, nhưng bây giờ chúng ta có thể tin tưởng vì đã gặp gỡ ông ta khá đủ: người đàn ông này là một người bạn.

- Tình bạn mà nước Pháp muốn chia cho chúng ta, đó là tình bạn giữa dầu và nước: một trên cao, một dưới thấp, - vua Fougoumba lầm bầm.

- Ông ta đúng là có vài khẩu súng, - Pâthé pha trò, - nhưng đó là để đi bắn gà gô. Ông ta chưa bao giờ nã đạn vào một người Peul nào cả.

- Ông ta đến với chúng ta trên tình bằng hữu! - Bôcar-Biro nói thêm.

- Trong khi đó thì gã người Anh có cái tên không thể phát âm nổi kia đã đem đến cả một quân đội! - Alpha Yaya cũng cố thêm.

- Người đàn ông này đến trong tình bạn, - Tierno đế vào. -

Chúng ta là người Peul, sách *poulâkou* đã dạy chúng ta là phải đối xử tốt với bạn bè.

Cuộc tranh luận xoay qua chiều có lợi cho ông. Kể từ đó, phần lớn những ai mở miệng đều nói thay ông.

Các bô lão Fougoumba rút lui, ẩn mình trong những tiếng lầu bầu bị kìm nén. Giờ ông chỉ còn việc thưởng thức thành quả chiến thắng của mình.

Almâmi lại thì thầm vào tai nhà thông thái:

– Da Trắng đã nói rất hay! Fouta đã nghe thấy! Bây giờ, vua Fougoumba có gì để nói nữa không?

Người này thẳng thắn bộc lộ tính khí bản gât của mình và nói ngay mà không thêm để ý đến Da Trắng:

– Chính Người, thưa *Almâmi*, đã đem Da Trắng này tới đây cho chúng tôi! Vậy thì chính Người phải quyết định!

Almâmi để ba phút dài trôi đi trong yên lặng trước khi lại thì thầm vào tai nhà thông thái:

—Vậy thì, đây là những gì ta quyết định: Fouta thuận cho người mang tên Yémé bình nguyên Kahel và vách đá Guémé-Sangan! Ông ta sẽ ở đó như ở nhà mình, buôn bán như ông ta muốn và gieo trồng những gì ông ta muốn.

– Đó thuộc thẩm quyền của Người, thưa *Almâmi*, ngặt một nỗi người đàn ông này không phải người Peul cũng chẳng phải lãnh chúa để có quyền sở hữu đất đai của Fouta.

– Thế thì, nhân danh *Almâmi* của Fouta, ta khiến ông ta thành một người Peul và một lãnh chúa.

Almâmi đứng lên, tất cả mọi người đi theo để đến nhà thờ Hồi giáo. Buổi cầu nguyện đã kết thúc, người chủ lễ đang vát vẻo trên tháp và gõ *tabala* ba lần trước khi phát đi những âm thanh vang vọng như sấm rền bằng chính giọng nói của mình:

“Bắt đầu từ khoảng khắc này, thể nhân da trắng và cao lớn mà đáng Tồi cao lòng lành đã gọi là Yémé Wéliyéyé Sandarawalia được tuyên bố là Peul, công dân của Fouta và quý tộc từ đầu đến chân. Được kính trọng trong vương quốc và là lãnh chúa của Kahel, chỉ có đáng Tồi cao và Almâmi là bậc trên của ông ta. Kẻ nào không vâng lệnh ông ấy sẽ bị đánh roi, kẻ nào thóa mạ ông ấy sẽ bị cắt lưỡi, kẻ nào ăn cắp đồ của ông ấy sẽ bị xử trảm.”

Bắt đầu từ lúc đó, mọi chuyện diễn ra quá nhanh. Người ta cho phép ông rời khỏi ngôi làng rừng rú nơi họ đã đày ải ông để về Fougoumba. Những Ouolouf tháp tùng quay lại Digui, miệng hét lớn bài ca chiến thắng. Bà cụ già Arabia chạy loăng quăng đến thì thầm với ông rằng Dalanda đang đợi ông ở nhà cụ. Mạo hiểm quá, quá mạo hiểm!

– Bé yêu Dalanda, - ông nói trong lúc ôm ghì nàng, - em không bao giờ thôi làm những trò ngốc nghếch cả. Đôi lúc anh muốn phạt em, nhưng ngay khi nhìn thấy em, thì anh lại muốn cái khác.

– Thế thì, Yémé, anh sẽ bắt cóc em bây giờ chứ, khi mà anh đã trở thành vua rồi?

– Khi anh sẽ ở Kahel, khi anh sẽ đến ở Kahel đã.

Nàng bắt ông hứa cả mười lần trước khi để ông ra về.

Trong sân nhà mình, ông bắt gặp một người đưa tin cùng với một con cừu đực và một làn lớn trái cây:

– Con cừu đến từ Almâmi và làn trái cây là của Diaïla . Almâmi đã quyết định trở về Timbo sớm hơn dự định. Người đợi ông ngày mai ở Fougoumba để ký với ông những hiệp ước và để chào dã biệt ông.

Một bầu không khí căng thẳng đón ông ở Fougoumba. Cả

thành phố tiến về phía Quảng trường, thì thảo với nhau bằng những giọng khàn khàn nghiêm trọng:

- Có chuyện gì vậy? - Ông hỏi một thằng bé.
- Chúng ta sẽ tham dự một cuộc xử tử.
- Nhưng xử tử ai?
- Tên tuổi chẳng có gì quan trọng, chính màn trình diễn mới thú!

Ai là người mà Fouta đã quyết định chém đầu trong thời gian quá ít ỏi như vậy chứ? “Chúa ơi, - ông nhủ thầm, - hãy làm sao cho đó không phải là anh chàng Levasseur khốn khổ chứ? Con cầu khẩn người đấy, Chúa ơi!”

Ông tiếp tục hỏi thăm nhưng chẳng ai đáp lại ông cả. Cuối cùng thì ông cũng nhận ra bóng Saïdou lẩn trong đám đông hỗn loạn.

- A! - Người này kêu lên, - Da Trắng đến quan sát tận mắt những tập quán luật pháp của chúng ta hả! Anh sẽ thấy, chúng tôi vẫn còn chưa biết đến máy chém, nên chúng tôi hành sự bằng kiếm.

- Là trung úy Lévesseur à, tôi đoán chừng thế, - ông nói, người toát mồ hôi hột.

- Trung úy Levasseur ư? A, tên người Pháp mà chúng tôi đã tóm được ở Labé hả? Ô không, không đâu, Yémé! Đó chỉ là một tên nhà quê khốn nạn thôi, một kẻ cướp đường mà chúng tôi đã tìm kiếm từ bấy lâu nay và hắn vừa bị lộ mặt nạ. Nếu đó là một người Pháp, thì chúng tôi hẳn đã phải hỏi ý kiến anh. Hiện giờ, anh là vua của Kahel rồi!

Vị đạo sĩ và tên đao phủ đã có mặt ở giữa quảng trường, xung quanh là một đám đông nháo nhào và rất đông.

- Thế thì, bạn Saïdou thân mến, đó là một điều khiến tôi an

tâm đậy. Almâmi không đến à?

– Người có đến chứ. Tôi đi trước để dọn đường đón tiếp Người đây.

Saïdou kéo ông về phía khán đài dựng tạm mà đám lính cuối cùng đã dựng xong. Khi tất cả đã sẵn sàng, Almâmi xuất hiện cùng với đám quần thần, chào Da Trắng rất lâu và trao đổi vài câu với Saïdou trước khi đến ngồi vào vị trí của mình. Người ra dấu tay và người ta dẫn tội nhân đến, chỉ được vận đúng một cái khố ngắn, đầu bị chụp một mảnh vải còn cổ và chân bị đóng xích. Đạo sĩ để tay mình lên miệng làm loa để tuyên bố lời phán:

– Người, Mangoné Niang, người đã nâng hết những thương điểm ở Rufisque, người đã càn quét của một đoàn xe ở Boubah, người đã ăn trộm những đàn gia súc ở Mâci, sau đó người đã đến ẩn ở Yali dưới một cái tên giả. Nhưng kẻ đồng lõa của người là Doura Sow, bị bắt ở Boké, đã khai ra người. Vì tất cả những lý do đó và vì những thứ khác mà chúng ta còn chưa biết, người bị kết tội xử tử. Bây giờ, ta sẽ đọc kinh *Fatiha* và đao phủ sẽ tiến hành hành quyết.

Ông ta đọc kinh Coran và lật khăn trên đầu tội nhân ra.

– Không được!

Tiếng kêu của Olivier de Sanderval khiến đao phủ dừng lại. Ông nhảy về phía hắn để kịp thời giằng cây kiếm khỏi tay hắn.

– Người đàn ông này là bạn tôi! Nhân danh ông hoàng Kahel, tôi đề nghị Almâmi ân xá cho anh ta.

Đó chính là người đàn ông đã tặng ông giăm bông và rượu vang trong trang trại của mình. Trên thực tế, anh ta không phải tên là Yéro Baldé mà là Mangoné Niang, anh ta thậm chí không phải người Fouta. Anh ta sinh ở Rufisque. Đó là một Ouolouf.

- Nhưng chính hắn đã càn quét những thương điểm ở Rufisque! - Saïdou ngạc nhiên kêu lên.

- Không sao hết, có chuyện đó thì cũng vẫn là bạn tôi!

- Anh thực sự muốn ân xá cho hắn ư? - Nhà thông thái của Almâmi hỏi.

- Tôi thực sự muốn điều ấy, thưa Almâmi!

Một làn sóng rì rào sôi sục chạy khắp khán đài. Họ ngạc nhiên, họ nổi đóa, họ hỏi ý kiến nhau. Rồi nhà thông thái lại lên tiếng nói tiếp:

- Không một lãnh chúa nào của Fouta muốn tên trộm cướp này ở lãnh thổ của mình!

- Thì anh ta đến Kahel vậy! Đó sẽ là thần dân đầu tiên của tôi!

Ông rẽ qua Kahel, đi dạo một vòng quanh lãnh địa của mình trước khi quay về vùng ven biển: hai mươi ki-lô-mét chiều dài, gần năm ki-lô-mét chiều rộng! Ông lôi ra một cuốn sổ mới tinh để kiểm kê tài sản của mình, ông có tất tậ là một bình nguyên cao đầy cỏ, năm thung lũng, mười quả đồi, hai con suối, một thác nước, ba con sông và ba nhánh sông cụt. Năm làng và mười xóm là dân số con dân của ông, trong đó có hai ngàn đàn ông tự do và năm trăm tù nhân. Mười lăm con lừa, một trăm con chó, ba ngàn con bò và cũng ngần ấy dê và cừu, chừng trăm chuồng gà, năm con ngựa! Ông hít hà cỏ cây, bóp vụn một nhúm đất giữa các ngón tay. Đó là đất Peul thực sự: không hợp với ngũ cốc và các loại củ, nhưng lại rất thuận lợi cho chăn nuôi và trồng rau. Chỉ riêng mùi của nó thôi thì ông hiểu ngay và hiểu rất rõ rằng có thể cho trồng và phát triển cây cà phê và nho, cây thùa^[18] và khoai tây. Trên vùng đất cao này, ông cảm thấy đôi chút như ở vùng Auvergne: do phong cảnh, và cũng

bởi khí hậu nữa. Nước chảy rất nhiều.

Vài con kênh là đủ để giảm bớt sự thô cứng hà khắc của các đỉnh đồi. Vả lại, cỏ vẫn mọc cao trong tất cả các mùa. Fonio và ngô chỉ cần gieo vãi; hoa, nấm, trái cây, thì chỉ mất công đi hái. Những sườn đồi sắc sỡ của khu bắc ngay lập tức thu hút ánh mắt ông, ở đó ông sẽ nuôi ngựa. Sau đó, ông quay nhìn về phía những khoảng đồng bằng có rừng ở phía nam, chỗ này, ông sẽ tạo một công viên mênh mông mà tại đó, voi và sư tử, linh dương và khỉ đầu chó sẽ vui vầy cùng nhau trong sự tinh khiết hệt như những ngày đầu tiên của vũ trụ.

Ba ngôi làng lại thu hút sự chú ý của ông: ông sẽ lập Fello-Demli làm thủ đô, Diongassi là trung tâm kinh tế còn Bourouwal-Dâra là cái tổ luyện kim của ông.

Ông chọn địa điểm xây dựng cung điện của mình trên đỉnh đồi ở Fello-Demli và, ngôi bên bờ nhánh sông cụt chảy về phía dưới, phác họa tỉ mỉ dự án: một ngôi nhà Peul tuyệt diệu nhiều phòng hệt như những ngôi nhà ở châu Âu, có mái lợp bằng rơm tốt nhất, chạy xuống sát đất theo từng tầng kế tiếp nhau và được trang điểm bằng những vòng mây và những đường kính tuyến bằng tre. Đó sẽ là một nơi ở tạm thời, đương nhiên rồi. Sau này, ông sẽ mời những nhà kiến trúc tài ba nhất để họ vẽ cho ông cái gì đó. Một cái gì đó thanh lịch và oai phong, một cái gì đó mang phong thái La-tinh ấy mà! Một cung điện, một cung điện thực sự sẽ gợi lại Palazzo Del Principe của thành phố Gênes hay Palazzo Garbello của thành phố Florence. Đất nước Italia vẫn luôn luôn khiến ông mê ly: “Mọi vĩ nhân đều có nguồn gốc Italia!”, chính cuốn Hồi ký của ông đã nhấn mạnh điều này.

Do ngôi nhà của ông ở Boulam đã trở thành nhà của Alpha Yaya, ông sẽ cho chuyển đá cẩm thạch từ Carrare tới để xây mặt tiền và cầu thang. Mái và tường, ông sẽ cho xây bằng vật liệu ở

đây. Xứ sở này hình như đầy ứ những đá đen ardoise và đá granít, và cũng có thể bằng than chì và bằng đá quý nữa.

Chính tại đây, ở Fello-Demli này, thủ đô tương lai của ông mà ông sẽ hoàn thiện tấm bản đồ kỳ diệu của Fouta-Djalón và vùng ven, những con sông phía nam, và là nơi ông sẽ phác họa bản vẽ tuyến xe lửa của ông. Sau đó, ông cho Mangoné Niang đến đó ở và lệnh cho anh ta tuyển ba ngàn người khỏe mạnh để góp phần thành lập quân đội mới của ông và khai khẩn rừng hoang để biến chúng thành những đồn điền và thương điếm.

Ông cưỡi ngựa dạo khắp vương quốc và gặp gỡ phần lớn con dân của mình. Ông tổ chức những buổi lễ hoành tráng, được tất cả những nhà thông thái nổi tiếng nhất vùng và những mỹ nhân đẹp nhất đến chiêm ngưỡng: thịt thú săn xếp ở từng khu, sữa và mật ong chảy thành dòng! Fonio và cơm nấu trong những chiếc chảo đồng thau khổng lồ. “Vương quốc Kahel ở đây chỉ là những bước khởi đầu của nó, người ta bàn tán trong các lễ hội và trong các khu chợ. Nhưng trong tất cả các vương quốc của Fouta, đó đã là nơi mà người ta được ăn ngon nhất trong lúc nghe các nhạc công chơi sáo tuyệt nhất.”

Hiện tại, ông đã hoàn thành việc phát quang những địa điểm cho cung điện và nhà ga, dựng tường các thương điếm và gieo hạt. Huy hiệu của ông được gắn ngay cửa vào những ngôi làng và ba ngàn lính chiến duyệt binh dưới màu sắc của ông. Ông có thể ra đi mà không phải lo sợ, để lại Kahel cho cánh tay lực lưỡng và chắc chắn của viên phó của mình: tên cướp đường Mangoné Niang.

Trên con đường về vùng ven, ông dừng lại ở Timbi-Touni để chào tạm biệt người bạn thân Tierno và cho anh ta xem bản vẽ những con phố, những nhà máy và cung điện của mình. Những vòng tay ôm hôn nồng nhiệt kéo theo một bữa tiệc tối dài linh

đình.

– Cám ơn, bạn Tierno thân mến của tôi, cám ơn nhiều lắm! - Olivier de Sanderval thốt lên. - Tôi thấy món fonio cừu của anh ngon tuyệt vời chưa từng có, những lời ca tụng của các nhà thông thái của anh có khiêu nhất, nhưng dầu sao tôi vẫn không hài lòng.

– Tại sao?

– Tôi có cảm giác anh giấu tôi cái gì đó.

– Những thông tin không được tốt, tôi thú nhận điều này. Gallieni đã cho đổ quân đến.

– Đúng là một gã đàn!

– Một đoàn quân do một đại úy tên là Audéou chỉ huy! Không hề có phép của Almâmi! Nước Pháp muốn gì đây?

– Hãy đặt câu hỏi này cho người ở Saint-Louis! Còn tôi, anh biết tôi rồi đây, anh biết thứ tôi muốn: tình bạn của Fouta... Anh có vẻ như không tin tôi...

– Chẳng dễ dàng gì khi đặt lòng tin vào một người Da Trắng!

– Tôi là một người bạn cơ mà, Tierno!

– Tôi tệ nhất, đó chính là tôi không có quyền nghi ngờ điều ấy. Trước mắt, anh đã chẳng xâm chiếm cái gì, nhưng gã Gallieni này?

– Almâmi đã phản ứng ra sao?

– Người đã cầm bán lương thực cho Plat và Fras, và nếu như đoàn quân không đi khỏi Fouta, thì Lavasseur sẽ bị hành quyết.

– Những gì liên quan đến tôi thì thế nào?

– Với chúng tôi, anh là người Peul. Về chuyện này, lời nói mà chúng tôi đã phát ra thì gắn liền mãi mãi ở miệng chúng tôi.

– Nếu đó là một sự xâm lấn thì Gallieni, trước hết, chắc phải

đợi cho Plat và Fras về đến Sénégal đã.

Tierno không đáp lại. Trong ngôn ngữ Peul, điều đó muốn nói rằng anh ta không đồng tình. Anh tránh, trong vòng ba ngày Olivier de Sanderval có mặt tại nhà anh, đề cập đến vấn đề nhạy cảm và càng ngày càng nóng bỏng trong các mối quan hệ giữa Fouta và nước Pháp. Thật chẳng phù hợp chút nào khi làm bạn mình méch lòng, nhất là khi người bạn đó lại đang ở dưới mái nhà mình. Vậy là hai người, một Pháp một Peul đành thăm soi dò xét nhau, trao đổi vài câu xã giao lịch sự và vài nụ cười giả tạo. Giờ đây họ đã biết nhau quá rõ: đó là những người bạn, hơn thế, là những người hợp tác với nhau. Nhưng, qua những chiếc mặt nạ của tình bạn và sự đồng lõa, ai nấy đều thỏa mái hình dung những tính toán nhỏ mọn đang diễn ra trong tâm trí người kia; sự lo lắng ngấm ngấm đang giày vò ruột gan người kia. Họ biết rõ rằng, ở người Peul cũng như người Pháp, trong một thương vụ giống như vụ này, sự ngờ vực điều hành những hiệp ước chắc chắn nhất và trái quả của tình bạn luôn che giấu một cái hạt: hạt này, thứ chất độc, của sự gian xảo và lừa dối.

Người này đã cắt đất của cha ông mình cho người kia; người kia hứa sẽ đem lại tiền bạc, máy móc, sự giàu có và sự tiến bộ. Da Trắng khoe khoang bảo vệ đất nước mình, thêm vào sự lớn mạnh của nước Pháp, cùng lúc ông ta lại muốn làm vua châu Phi: một bên, tiếng gọi của nghĩa vụ; mặt khác, bản năng thích quyền lực. Tierno bộc lộ như là một kẻ tội tở trung thành của đạo Hồi và Fouta mà không phải không nhạy cảm trước tiếng còi rú của sự giàu có và tham vọng. Peul mẫu mực, con chiên Hồi giáo trung thành, thì đúng rồi, nhưng trong bí mật, anh chỉ muốn một điều: tương đương hoặc vượt trội hơn những tỉnh Labé hay Timbo. Người này cần người kia và người kia lại cảnh giác người này. Đó là những đối tác, những đối tác không phải

lúc nào cũng thẳng thắn với nhau, nhưng lại kết nối với nhau bằng cùng một sợi dây chằng treo lơ lửng tận trên cao của vực thẳm. Bởi điều này, cả hai người đều biết: giai đoạn này bốc mùi không thơm. Sự già nua của *Almâmi* và, bất thành linh, lại có đoàn quân này của Gallieni! Bầu trời nặng nề toàn điềm báo xấu. Các luồng gió xấu bốc lên từ khắp phía. Những đám mây nặng nề che khuất đường chân trời, những dự định. Những lời tuyên thệ và những lời hứa hùng mạnh nhất trong cơn bão sẽ là gì đây?

Họ giả quên đi điều đó trong lúc săn báo và gà gô. Tierno dạy cho Da Trắng cách bắn cung và đẩy ông chơi cưỡi ngựa, chạy vài đường mặc dù ông chẳng thích thú gì môn cưỡi ngựa này. Để đổi lại, Da Trắng dạy anh ta vài kiến thức cơ bản về leo núi và bày cho anh khám phá môn cờ vua.

Ngày giã biệt, vua xứ Timbi-Touni, theo sau là các kỵ sĩ của mình, đưa tiễn khách quý của họ đến tận dòng sông Kakrima:

- Hãy nhìn các ao chuôm này đi, những thung lũng, những quả đồi nở hoa đẹp nhã nhặn, anh ta tự hào chỉ cho ông xem. Chúng tôi có một đất nước thật đẹp, đúng thế không hả?... Anh thấy đó, dưới kia kia, khu rừng phía sau núi đá ấy? Đó là một nguồn nước. Một nguồn nước chỉ mỗi một người biết!

- Điều đó chẳng là gì cả, - Da Trắng đáp lại, mang tính cách Pháp hơn bao giờ hết. - Chỗ chúng tôi, có tồn tại một nguồn suối mà chưa có ai biết đến hết!

Sau khi đã, lại một lần nữa, thoát khỏi một cách sát sạt bị xử trảm ở Kountou, vì đã vô tình xéo lên vị thần hoàng làng, một bức tượng khốn khổ được đóng trên cột nhỏ ngay trước cửa làng, ông bị vương ở đó, mệt lả và bị kiệt lực gần chết ở Ya Fraya, nơi ông được một người Pháp tên là Gaillard đón tiếp, ông này lập nghiệp trong cái xó xỉnh heo hút này đã từ rất lâu rồi. Ở

đây, ông ta bán muối, vải và nển. Ông ta cũng chăm sóc đất đai và các đàn gia súc và đổi đồng lấy ngà voi và vàng cho các đoàn xe khách du lịch qua đường. Ông ta lấy một người đàn bà bản địa, một người đàn bà đẹp, đã cho ông ta những bảy người con, trong đó có hai cô gái đã lớn, đi chân đất và mặc váy có diềm.

Một tuần dài nằm bẹp giường trước khi có thể gượng dậy được! Phu nhân Gaillard đã chuẩn bị chu đáo cho ông một món cháo vịt nấu lẫn với rau épınard đại để giúp ông lấy lại sức. Gaillard tỏ ra rất nồng hậu và dễ chịu dẫu những cơn ho dữ dội khiến ông ta ngọt thở. Ông ta giới thiệu con cái mình với ông và rất tự hào nói về hai đứa con gái, chúng đều biết đọc và biết viết và thậm chí còn biết chơi đàn dương cầm. Nhưng đến giờ ăn tối, Olivier de Sanderval, gọi những thành viên còn lại của gia đình lên, thì đã rất ngạc nhiên khi nghe thấy đáp lại:

– Gì cơ, bọn Da Đen ngồi cùng bàn ăn với chúng ta hả, ông không nghĩ thế chứ, thưa ông Olivier de Sanderval!

“Những người Da Đen đáng thương! - Ông ghi lại ngay lập tức. - Những người Da Trắng phải ghét Phi châu ngay cả khi họ chẳng muốn.”

“Từ sáu tháng nay, lúc nào tôi cũng đói!” Ông cảnh báo trước trong lúc cầm nĩa lên. Ông ăn nghiêng ngấu cháo vịt và nuốt cả một phần pho mát Rebrochon cũng như một cốc kem caramen. Sự tuyệt diệu của rượu vang, hương vị của cà phê, lòng nhân từ của Gaillard, nhạc duỗi của Mozart ló ra giữa sâu thẳm rừng rậm... Ông nhắm mắt lại, xua khỏi tai những tiếng ồn ã của ếch nhái và sói vằn, rồi bỗng dưng cảm thấy thực sự như đang ở trong lâu đài Montredon của ông. Từ lâu lắm rồi ông mới lại cảm thấy hạnh phúc!

Còn năm ngày đường rừng nữa và, cuối cùng, cũng đến được vùng ven biển! Conakry chỉ có thể gọi là hơi tồn tại, chỉ còn một

khoảnh của Boké hay Boubah, của Boulam hay Timbo. Một dải rừng thưa hình cái miệng ngựa trên khuôn mặt đầy đặn rừng rậm mà thôi!

Người ta không thể tiến lên một bước mà không cảm thấy mặt mình sượt qua những đôi cánh đen u tối của lũ dơi. Nhựa cây và dãi ốc nhỏ giọt long tong trên đầu bạn, những con sâu trườn hẳn vào bên trong áo sơ mi. Lũ tắc kè hoa nhỏ vào mắt bạn, những con vipe và rắn-huyết quấn tròn dưới cổ chân bạn. Những lối đi và sân nhà thổi inh mùi cứt linh cẩu và phân chim sẵn mồi. Người ta không còn nhìn thấy cát trên các bãi biển vì những đàn sứa và rái cá, vì cá chết và những con coong. Lũ sói và lợn nanh cong rúc dũi cũng nhan nhản như ruồi. Để săn thú, người ta ngồi trong phòng khách và ngắm qua khe cửa chớp để bắn những con nai và báo đi ngang qua.

Đó là một vùng đất nguyên sơ, mà hiện giờ, vẫn chưa thuộc về ai cả, có nghĩa là nó không thuộc về bất kỳ người Da Trắng nào hết! Người Bỉ thèm muốn nó, người Đức đòi nó. Trú chân trên những hòn đảo Loos, người Anh huênh hoang nói họ là ông chủ. Có mặt từ Sénégal đến Zanzibar từ thế kỷ XV, người Bồ Đào Nha cảm thấy chỗ nào cũng là nhà họ. Người Pháp, đã lập một trung tâm điện báo và một đồn quân sự nhỏ, và lính của họ, từ Boké, đến đóng tại đó theo thời kỳ, thì vẫn còn chưa dám nghĩ là nhà họ. Những tàu chiến và tàu đánh cá Pháp thi thoảng đến chạy vòng quanh những hòn đảo và khu rừng sú vẹt để can ngăn những người khác tấn công vị trí của họ.

Người Đức gọi nơi đây là Boulbinet, người Anh gọi là Tombo, còn người Pháp lại gọi là Conakry. Người Anh nói rằng đó là một hòn đảo, người Pháp đáp lại rằng không phải và tất cả các quý ông này đều có lý trong khoảng thời gian chừng sáu tiếng trên mười hai tiếng đồng hồ trong ngày: vào lúc thủy triều dâng

cao, Tombo hiện rõ như một hòn đảo nhưng, khi thủy triều xuống thấp, thì nó lại được nhìn thấy chỉ như một cục bứu của bán đảo Kaloum: hai trăm mét đường, là cùng, toàn sỏi lớn chia rẽ chúng.

Và “hòn đảo” này, mà trên đó bắt đầu chớm nở ra thành phố, tính tất cả gồm ba thương điếm và hai xóm nhỏ xíu, do hai bộ tộc chiến binh và thù nghịch trú ngụ: Boulbinet ở phía quay ra biển, nơi ở của bộ tộc dữ dằn Téné, còn Tombo nằm trong phía quay về bán đảo, là nơi tụ tập những người Bagas gan góc. Boulbinet có thương điếm của người Đức tên Collin, còn ở Tombo là thương điếm Anh! Ở đầu kia của đảo, cách bán đảo một dải đá dăm, có một người Pháp lạ lùng cư ngụ, một kiểu Robinson Crusoe, ông ta bán da động vật và sáp nến cho những con tàu quá giang. Một ông già béo tốt hồng hào mang tên Maillard, người mà, trong mảnh đất hẻo lánh heo hút này, đã biến sự tồn tại của mình thành một hòn đảo san hô xa xôi và khó tiếp cận.

Ngôi nhà của ông ta nổi lên giữa một hàng giậu dày, lờm chớm những gai góc và dây thép gai, không cửa rá lẫn cổng ra vào. Người ta chỉ có thể vào được nhà nhờ một cầu thang mà ông ta dựng lên với một thiết bị tài tình. Thoạt đầu phải lên tiếng giới thiệu danh tính: nếu người đó đáng tin tưởng, ông ta xoay cầu thang và mời người đó leo lên, nếu không thì ông ta hươ súng và nhả đạn cho đến tận khi nào kẻ lạ mặt phải quay gót.

Ông ta có cả thảy năm khẩu súng và tất cả đều mang tên phụ nữ: Carmen dùng cho bọn Da Đen, Esméralda dùng cho người Đức, Arippine cho người Anh, còn Marie-Antoinette dùng để bắn thú dữ.

- Thế còn khẩu này thì sao, hả ông Maillard? - Những kẻ tò

mò hỏi ông.

– Khẩu đó hả? Ô, dành cho tôi đây, sẽ dành cho ngày mà tôi không còn đủ sức để leo lên trên đỉnh cầu thang nữa. Tốt hơn là chết như một con chó còn hơn là bị ốm ở nơi này!

– Nó tên là gì, hả ông Maillard?

– Tôi cũng không rõ lắm: là Dominique vào những ngày mưa và Monique cho những ngày còn lại trong năm.

Ngoài ông ta ra, có tất cả sáu người Da Trắng sống ở Conakry: Collin, con gái ông ta và con rể Jacob, giám đốc trung tâm điện tín và hai kẻ ngộ nghĩnh của thương điếm Anh, những kẻ chẳng bao giờ chào hỏi ai. Một bên, bảy Da Trắng run rẩy vì sợ, suy sụp bởi rượu Pernod và vàng ệch do sốt rét; bên kia là khoảng chừng ba trăm người Da Đen, hao mòn vì ẩm thấp và các loài ký sinh như chí, rận và say xỉn phần lớn trong ngày! Với hệ thực vật và thú dữ ấy, thì chỉ có loại người đó sống nơi đây: một con tàu Noé chờ đợi một sự hồi sinh giả tưởng, hay những tàn tích cuối cùng của một thế giới đã chìm vào đồ nát đây?

Dù sao đi nữa thì đó cũng là điều tổng kết tổng thể về Conakry khi mà, vào năm 1888, Olivier de Sanderval đã đặt chân đến đó lần đầu tiên.

Ông gây guộc và rách rưới quá đỗi đến nỗi những người Da Trắng đã bỏ trốn khi ông tiến lại gần còn bọn Da Đen thì cười nhạo báng, giơ tay chỉ trỏ ông. Khi nhìn thấy ông tiến vào văn phòng mình, người đánh điện tín, ghê tởm, phác một động tác lùi lại:

– Ê, ê, ê!... Ông muốn gì ở tôi, hả ông kia?

– Đưa tin tức của tôi về Pháp! Đó chính là điều mà những người đến văn phòng của ông thường làm, ấy là tôi đoán thế, -

con người khốn khổ run lập cập lên tiếng.

– Thế thì hãy cho tôi xem tiền của ông đi!

– Tôi chỉ có chút nhựa thơm và san hô thôi!

– Cái phải trả cho tôi, đó là bạc trắng đẹp và kêu leng keng kia. Những đồng louis, thưa ông, nếu ông hiểu điều tôi muốn nói là gì!

– Và ông không thể thuận cho tôi thời hạn để thanh toán hay sao?

– Ô, không, thưa ông!

– Vì lý do gì vậy?

– Tôi thấy ông có vẻ kỳ cục ghê gớm!

– Thế có còn người Da Trắng nào trú ngụ trong cánh rừng rậm này nữa không vậy?

– Hãy đến nhà tay người Đức Collin ấy! Khi ra khỏi đây thì rẽ trái, ông sẽ nhìn thấy mái thương điếm của ông ta ở giữa khóm cây lớn.

– Một người Đức có tên là Collin à?

– Ông ta có gốc gác xứ Normandie. Cha ông ta là lính trong quân đội của Napoléon. Sau lần thất trận ở Nga, ông ấy đã muốn lập nghiệp ở Hambourg để quên đi nỗi nhục. Ở đó, ông ta đã thành hôn với một phụ nữ Tơ-tông^[19], vâng thưa ông, và điều ấy đã tạo nên chuyện như ông thấy đây, tay Collin này. Nhưng với tôi, Collin hay không phải là Collin, thì một gã người Đức vẫn chỉ là một tên Đức bán thú mà thôi!

Bước đi chậm chạp, hơi thở rít róng, người cúi rạp, ông lần đi về phía hàng cây lớn, hai tay nắm giữ chặt quần mình mà lúc này đã trở nên quá rộng đối với thân thể gầy guộc của ông.

– Ông từ đâu đến vậy, thưa ông? - Người đàn ông kỳ lạ tên

gọi Collin hỏi trong lúc sờ soạng trên báng súng.

– Từ Fouta-Djalón!

—Tôi chỉ biết một tay lữ hành, người này đã nói với chúng tôi về vùng đồi núi ấy, một ông De Sanderval nào đó!

– Tôi chính là Olivier de Sanderval đây!

Người đàn ông quay lại phía ngăn kéo và lôi ra một tờ báo *Le Figaro* đã cũ mèm:

– Olivier de Sanderval đã chết, thưa ông! Ông hãy tự mình xem đi!

Ông nhận ra một bức ảnh cũ chụp trong một buổi dạ tiệc khi ông vẫn còn là thị trưởng thành phố Marennes. Ông phải mất hơn mười phút để đọc hết bài báo mà trong suốt cả một trang, đã miêu tả không thiếu một chi tiết cái chết hùng tráng của ông trước một dãy dài kỵ sĩ Peul.

– Ấy vậy mà tôi vẫn còn sống đây, tôi thề với ông đấy, - ông nói, - hàm răng va vào nhau lập cập. Hãy xem đi, bắt mạch tôi đi này nếu như ông không tin lời tôi!

Người đàn ông ngấm ông cả hơn một phút, mở tủ ra và nói bằng một giọng rung động do ngàn ngạt nước mắt:

– Nếu vậy thì thưa ông, hãy đến và dùng đi!

Ông vội vã đánh một bức điện tín trước khi định mệnh cho bài báo nói về cái chết kia của ông là có lý. Rồi sau vài ngày nghỉ, ông dạo một vòng quanh Conakry. Với vẻ an bình của Adam nắm quyền sở hữu cả trần thế, ông tự cắt thành hai lãnh địa lớn, một từ mũi tây của hòn đảo; còn phần kia bắt đầu từ phía mũi đất nhô dài ra biển^[20].

PHẦN BA

Hiện tại, tính vậy ít nhất đã là tám năm ông gánh vác vùng đất yêu ma Fouta-Djalón này, những sườn dốc dựng đứng của nó và lũ người Peul bí ẩn, tám năm rông trên địa bàn; cả toàn bộ cuộc sống của ông, nếu ông tính những ngày trôi qua trong những câu chuyện của Mollien, của René Caillé, của Mungo Park hay của Lambert - tất cả máu của ông, nước của ông, nếu ông thêm vào những đêm dành cho việc sáng tạo những cánh rừng phủ đầy sương mù, lúc nhúc toàn dân Da Đen, những loài bò sát tồn tại từ thời tiền sử và quỷ quái nữa; và dưới tấm chăn đắp, sôi sục hình dung ra tiếng động rền rĩ âm u bất tận của các con suối và của các đàn trâu, tính cách tấm tối và làn da thái hóa của người Peul!

Hồi còn nhỏ, Phi châu đối với ông có vẻ như một vở ca kịch baroque đồ sộ: những nhân vật dị dạng, những màn lồ lẳng ngông cuồng, hàng loạt những tiếng động và sắc màu, một thứ âm nhạc chưa từng nghe; một màn diễn quá lồ, để phân tán tâm trí, để đốt cháy các giác quan! Tất cả chỉ toàn là chuyện thần tiên, say sưa, màn ngoại lai thú vị - những tiếng sấm, những cơn bão xoáy, núi lửa và vực thẳm, chỉ là để cho những thú vui mang màu hài kịch, còn những cơn sốt, đình nhọt, những nhát rần rần và những tình trạng hôn mê, chỉ là những thứ cần thiết của thẩm mỹ mà thôi! Ông chỉ cần một thứ đơn giản, một quan viên *contre-ut* để vượt qua những chướng ngại mà chúng hàng ngày thường gieo rắc trên con lộ của các người anh hùng: những thách đố, những mảnh khé, những trở trở của tình

yêu.

Chẳng mấy chốc sẽ có một vương quốc ló ra với cùng độ nhanh như trong các giấc mơ, nó sẽ có cùng một nét phong lưu mã thượng như trong vở *Jules César* ở Hy Lạp hay *Lorenzaccio*.

Đó sẽ là một đất nước hoàn toàn mới mẻ, hoàn toàn trinh nguyên, có hoa nở khắp nơi và toàn quả cây lạ; vô số động vật và các bộ tộc ở rải rác, vui vẻ và thái bình. Một đất nước phôi thai đang chỉ đợi chút sáng le lói của ông để soi rọi và bùng lên trong bóng đêm. Khi ấy công việc của ông chỉ còn là tạo hình nó theo thị hiếu của mình, với sự thỏa mái của một anh thợ đồ gốm trước đồng đất sét. Thoạt đầu, cho những liều nhỏ, nhạc lý và chữ cái ABC, sau đó là Archimède, môn đại số học, rồi đến các đại văn hào Virgil và Ronsard, chỉ sau đó mới là Newton, những ngành xây dựng và kết cấu!

Cái đầu ngây thơ của đứa trẻ là ông ngày xưa không thể, đương nhiên rồi, tưởng tượng ra những cơn đói cồn cào và những ngày nóng gắt đến say nắng, những vết thương, những đận gân chết, lại càng không thể hình dung ra hai con chồn khủng khiếp hiện thời đang đứng dựng trước mặt ông: người Peul và Bayol, Bayol và người Peul, có thể là Charybde và Scylla chẳng! Cuộc chiến sẽ khắc nghiệt, ác độc, rối rắm, ông chỉ có thể tưởng tượng ra nó mà thôi! Dầu sao thì ông cũng sẽ chiến thắng, ông sẽ chiến thắng bằng mọi giá, ông sẽ chiến thắng chống lại lửa và đại dương, chống lại sét và gió mùa, chống lại con người và thần linh! Ông sẽ chứng minh cho thời thế thời kỳ ấy thế nào là một người gốc Lyon, hơn nữa lại là một thành viên gia đình Olivier!

Trên hết, ông chưa hoàn toàn bị cắt cụt hết! Hiện thời ông có hai chỗ dựa, hai điểm thiêng, hai pháo đài bất khả xâm phạm: Kahel và Conakry! Nơi đầu tiên sẽ được sử dụng để ru ngủ

người Peul, để từ từ bắt chước họ, để hấp thụ sữa của họ, mảnh khóc của họ, những ý tưởng nông cuồng kiểu hoàng tử của họ, cách thức phú hào nông thôn của họ trước khi nhẹ nhàng thể chân đứng đầu vương quốc nhỏ bé kiêu diễm của họ. Điểm thứ hai, chống lại Bayol và lũ sói hoang trong Bộ Hàng hải.

Không phải ngẫu nhiên mà ông chọn hai điểm này đâu. Bình nguyên Kahel, tự nó chứng minh là điều cần thiết: rất cao và lại nằm giữa trung tâm đất nước! Conakry tránh cho ông làm vướng chân những người bạn Bò Đao Nha của ông ở Boulam hoặc rơi vào những thủ đoạn của Bộ Hàng hải ở Boké. Bãi bồi được bảo vệ bằng quần đảo Loos, còn những bộ tộc dữ dằn miền duyên hải thì bằng tính chất nửa đảo - nửa đất liền của nó, đó sẽ là nơi bắt đầu tuyệt vời cho tuyến xe lửa của ông. Ở Kahel, ông có Magoné Niang, để thành lập cung điện và nhà ga, dựng các thương điểm và cho hạt nảy mầm. Ở Conakry, ông cần một người nào đó để phác họa một hải cảng và dựng sơ đồ một thành phố. A, giá mà chàng trai dũng cảm Souvignet ấy còn sống nhỉ! A, giá mà có điều đó!

Sau hải quan và các bác sĩ, động tác đầu tiên mà ông phải hoàn thiện khi về Pháp sẽ là cho đúc đồng Kahel, loại tiền chính thức của vương quốc của ông! Mặt phải: một con sư tử Suze tiến về phía trái và nhô cao hơn hẳn một vàng trắng khuyết. Mặt trái: tên Sanderval được khắc hào nhoáng bằng tiếng *adjami*^[21], phía bên trong một các tút có diềm đăng ten mỏng. Để chế của ông, ông tin điều đó hơn bao giờ hết, ông đã thoáng nhận ra trong đó những luồng sáng lờ mờ xuyên qua lớp sương mù, chỉ cần phải chèo lái cho thật tốt, tóm lại là phải tránh bằng được Charybde và Scylla! Chắc chắn là, Kahel, hiện tại Kahel gợi nhớ đến Lilliput hơn là miền đất Eldorado hay Ấn Độ, nhưng bao giờ mà chẳng phải có điểm khởi đầu cho mọi việc cơ chứ.

Thành phố Roma, với những thành lũy Éphèse của nó, những thửa ruộng nho của người Narbonne, những gác chứa Hispanie và Numidie của nó, thì cũng đã chẳng bắt đầu bằng cùn đất Palatin đó sao?

Được tính đếm và gói ghém cẩn thận, vật báu của Quốc gia này ngay lập tức được gửi cho Bonnard, với công lệnh chặt chẽ là cho lưu thông trong các thương điếm của ông và trong tất cả các khu chợ của Fouta và phân phát vũ khí cho các hoàng tử Peul điển trai, rất nhiều vũ khí, sao cho mỗi đứa con này đều có đồ trang sức xinh đẹp của chúng!

Kiện hàng cuối cùng đã được gửi đi, giờ thì ông có thể đến trình diện ở Bộ và, mặt trời trán bóng, trao cho họ bản tổng kết chi tiết về Fouta-Djalón có kèm theo một tấm bản đồ, rất nhiều ảnh và một tấm chi tiết của thung lũng Konkouré. Ông nhắc đi lặp lại rất lâu cho các công chức mơ màng ngủ rằng không cần phải xâm lược Fouta-Djalón; rằng các hoàng tử của nước này đã chia rẽ, rằng dân chúng Peul đang ngày càng bộc lộ sự chán nản của mình trước các thói đỏng đảnh và quá đáng của các ông hoàng, rằng chỉ cần đối lập lại họ nhiều hơn nữa là cả tòa lâu đài sẽ sụp đổ.

– Theo hướng này, thì tôi đã hoàn thành một phần lớn công việc. Hãy để tôi thực hiện và, chẳng bao lâu nữa, Fouta-Djalón sẽ lọt vào hầu bao của chúng ta mà chúng ta không cần phải tốn một viên đạn nào hết. Để đổi lại, tôi đề nghị được là chủ nhân của vài héc-ta, làm nơi ở và trụ sở trung tâm cho doanh nghiệp của tôi.

Ông sẽ chẳng bao giờ đành lòng với vài héc-ta đâu! Giọng nói của ông đã để lộ điều ấy và cặp mắt ông đã phản lại ông. Ông cố gắng để ra vẻ thanh thản hơn, hợp lý hơn, có tính thuyết phục hơn là ông vốn thể trước mặt phó đô đốc Cloué. Điều ấy khiến

ông lo lắng rất nhiều khi thấy rằng, mặc dù, mặc dù cố gắng hết mình, thì những ẩn ý nằm đằng sau những lời ông nói lại chẳng giấu được ai. Những tiếng thì thầm, những cái liếc xéo, những nụ cười thâm, những người đang nghe chuyện ông, chẳng ngây thơ gì, hình như đọc được tâm trạng ông như đọc một cuốn sách để ngỏ: “Ông sẽ chẳng bao giờ từ bỏ thói ngông cuồng về hoàng triều của ông đâu, chúng tôi biết rõ rồi! Có thể ông đang chờ đợi sử dụng nước Pháp làm bậc để tiến đến ngai vàng đấy, hi hi hi!”

Ông dẫu sao cũng ra khỏi cuộc gặp gỡ nhọc nhằn đó với tí chút cảm giác khích lệ: tầm quan trọng của Fouta-Djalón không còn là cái bóng của một sự nghi ngờ nữa. Kể từ đây, người ta tranh luận về nó không ngừng trong các phòng khách, phòng biên tập báo chí và các Bộ trong chính quyền. Gallieni, Archinard, Faidherbe, Brazza, tất cả những biểu tượng của thiên anh hùng ca thuộc địa chỉ còn nói về mỗi điều đó.

Là nhờ ai đây?

Ông quay lại Marseille, dù sao cũng lạc quan, để dành trọn cho nàng Rose, người tuy nhiên, đã rất thất vọng, khi thấy đồng Kahel bị từ chối trong các rạp kịch và các cửa hàng. Sau một năm, những đứa con ông đã thưởng thức và chơi với cha chúng khá đủ. Rose đã lấy lại được liều lượng ca kịch và những tiệc tối trong xã hội thượng lưu của nàng, thỏa mãn rộng rãi thói đỏng đảnh của nàng trong các tòa lâu đài của Pháp và những con phố cổ của Italia.

Như vậy, ông đã sống, mà điều này không phải đến với ông thường xuyên, những khoảng khắc dài và tuyệt vời trong không khí gia đình, dành những đêm dài mất ngủ làm việc với những cuốn sổ ghi chép và bản thảo tâm cỡ của cuốn *Vô Cùng*. Thế rồi, vào một ngày nọ, khi đang chuẩn bị dẫn phu nhân

mình đến tiệm ăn, thì bạn ông, Jules Charles-Roux, với thói cố hữu của hần chuyên mang đến tin xấu, xuất hiện trong phòng khách nhà ông, với một số báo mới tinh của tờ *La Dépêche coloniale* trên tay: nước Pháp vừa kiếm được một thuộc địa mới, thuộc địa của Những dòng sông phía Nam, với Conakry là thủ phủ và một ông tên Bayol làm thống đốc!

– Anh biết rõ tôi rồi đây, Jules! - Ông đỏ mặt khi nhìn tờ báo bay qua chao lại. Tôi đến đó ngay lập tức để đánh bật gã Bayol này khỏi Conakry!

Một bức thông điệp của Thứ trưởng Bộ Thuộc địa (cuối cùng thì người ta cũng thành lập một Bộ, nhưng dưới ý tưởng của ai đây?) gửi đến làm đảo lộn những dự án của ông: ông được mời đến dự buổi Triển lãm về thuộc địa, sẽ diễn ra ở Paris. Liệu có phải cuối cùng thì trong các văn phòng Bộ, người ta đã lấy lại tinh thần chẳng? Liệu có phải rốt cuộc thì người ta cũng sẽ công nhận những hiệp ước của ông, bảo lãnh các quyền của ông về Fouta-Djalou và bảo vệ ông, một công dân Pháp, chống lại những thèm muốn của người Anh chẳng? Trong bất kỳ trường hợp nào, ông cũng không được để lỡ cơ hội này. Triển lãm thuộc địa, đó là địa điểm lý tưởng để gặp gỡ những ông cả bà lớn và diễn đạt những ý tưởng của mình, sẵn sàng quát tháo hay đập vỡ răng của vài thằng thộn!

Ông lên tàu, miệng huýt sáo gió, nhưng khi đến nơi thì tim ông suýt ngừng đập. Noiro, kẻ đã từng tháp tùng Bayol đến Timbo, đang có mặt tại đó, hần hiện diện giữa các ông thầy của buổi lễ ngoại bang này! Cựu diễn viên hài của nhà hát kịch Folies Bergère đăng quan tiến chức kể từ cuộc phiêu lưu của hần đến Timbo: người ta đã trút cho hần chức quản lý thuộc địa trong thung lũng sông Sénégal. Và, với chức danh này, người ta đã đề nghị hần lập một gian và rất mau chóng đã trở thành một

nơi được viếng thăm nhiều nhất của Triễn lăm: một ngôi làng đủ màu sắc ba chục người, bao gồm tất cả mười ngôi nhà, hai túp lều và sáu chảo lớn, một người rao hàng đứng đóng chốt trước cửa ra vào: Hãy đến thăm ngôi làng người Da Đen như thể bạn đang có mặt tại đó! Hãy nhìn dáng vẻ quỷ quái của họ và những trang phục méo mó. Hãy nhìn họ giã gạo, nấu nướng hay xe sợi! Với mười xu, hãy thực hiện một chuyến du lịch thần kỳ: bằng một cú nhảy bạn đi từ thời tàu chạy hơi đến thời kỳ đồ đá!”

Olivier de Sanderval rẽ đường xuyên qua đám đông để tiến gần lại vị đạo diễn của màn trình diễn tráng lệ này:

– Ông lẽ ra nên giữ lại công việc cũ của ông, Noiroտ ạ! Tôi đảm bảo với ông rằng câu chuyện khôi hài thô tục này hợp với ông hết sảy đây, trong khi đó thì chức vụ người quản lý các khu thuộc địa lại khiến ông biến dạng một cách khủng khiếp.

Noiroտ thốt ra một tiếng chửi thề và bực bội quay lưng lại với những mái nhà tranh và đám dân Da Đen của ông ta:

– Đây rồi, vị tử tước Bồ Đào Nha của chúng tôi đây rồi! Tôi cũng chẳng yêu quý gì ông và ông biết rõ điều đó, nhưng dẫu sao ông có mặt ở đây thì cũng rất hay: có người kiếm ông đây!

Ông ta kéo ông vào giữa hội chợ, nơi mà những quý ngài đáng kính đang hươ gậy hươ mũ cao thành trong lúc thì thầm trao đổi với nhau. Ông ta dừng lại trước một vị gậy ấn tượng nhất và nói bằng một giọng của một sĩ quan tùy tùng:

– Thưa ngài Chủ tịch Tư pháp, đây ạ, người có tên Olivier de Sanderval! Ngài Sanderval, cho phép tôi giới thiệu với ngài tướng Faidherbe!

Tướng Faidherbe ư, với mũ kê-pi, bộ ria, cặp kính nhỏ xíu, dáng người cứng danh thép, mũi cao và thẳng và những quân

hàm quân hiệu nữa! Tướng Faidherbe đứng trước mặt ông, còn mang dáng quân sự hơn, còn khắc khổ hơn cả huyền thoại đã kể về ông ấy - và vị Napoléon của các nước thuộc địa muốn gặp ông! “Con người có bốn mắt và có chòm ria hình cánh dơi”, người Peul đã gọi ông ấy như thế, ngay lập tức quay lưng lại phía những người đang nói chuyện với mình, chìa tay ra và mỉm cười:

– Đây rồi, vị René Caillé mới của chúng ta đây rồi! Đáng phục lắm, mọi người chẳng còn nói gì khác ngoài những kỳ tích của ông đây, bạn thân mến của tôi ạ!

Thật dễ chịu quá đôi khi nghe những câu ấy đến nỗi mà Olivier de Sanderval quên mất cả sự trịnh trọng của nơi này và sự vĩ đại của nhân vật kia. Ông thả lỏng tinh thần với sự ngây thơ của một đứa trẻ đang cuống được đi bộ: một mạch, ông trút ra hết, và lần này ông nói với vẻ tự nhiên hết sức, thật hết sức, có tính thuyết phục hết sức đến nỗi mà viên tướng tránh ngắt lời ông. Khi ông nói xong, Faidherbe lại bắt tay ông một lần nữa theo cách người ta thường làm với học trò đứng đầu lớp:

– Ờ được, Fouta, tôi sẽ tự mình để tâm đến! Với những gì liên quan đến các hiệp ước của ông, ông có thể tin tưởng nơi tôi! Và thắng như sẽ có thể thành lập một Đế chế Pháp tại Phi châu, thì thủ đô của nó sẽ là Timbo!

Khi ra khỏi đó, nhẹ nhõm như một màng bong bóng, ông khám phá ra một cảnh tượng tráng lệ khuấy động những đám đông của Paris. Báo chí được lợi trong vụ này; trên vỉa hè, các bà gác cổng đến nghệt thở vì xúc động:

– Hãy hình dung nhé, bạn thân mến, rằng sáng nay khi tỉnh dậy, tôi đã thấy cả Paris toàn đen là đen. Người ta đã mời một ông vua Da Đen cùng với các phù thủy và đàn voi của ông ta đến đây. Và người ta đã cho thế giới đẹp đẽ này ở đâu, bà có biết

không hả? Tại nhà của một nam tước hay một bá tước cơ đấy! Rừng rậm sẽ mọc lên trong các phòng khách sang trọng của Paris đấy!

Ông tìm hỏi thông tin và biết được điều này: Noiro, với tài năng hài kịch không thể chối cãi của mình, đã mời vua xứ Nalous, Dinah Salifou và phu nhân, hoàng hậu Philis đến Paris. Những hoàng tử của các bộ tộc khác đi tháp tùng họ. Đám khách lạ lùng này được mời ở một cách rất tiện nghi gần điện Invalides, phố Fabert, tại nhà bá tước De Maubois. Những bà gác cổng đã không nói dối. Và Nhà nước đã không hề bủn xỉn để khiến cho kỳ lưu trú của họ được dễ chịu. Chính phủ đã mời họ đi thăm những tượng đài tráng lệ và mời họ đi ăn tiệc ga la mà họ vừa mới mời vua Perse^[22] tham dự.

Ông quyết định đến thăm họ vào buổi tối sau bữa ăn để hưởng chút không khí châu Phi, và nhất là để thử lòng vị vua trẻ Nalous này. Hàng chục kẻ tò mò, các phóng viên, các nhà vẽ tranh châm biếm, các chuyên gia dân tộc học, tầng lớp thượng lưu không mệt mỏi, những người say mê xiếc và ca kịch chen lấn nhau trong các hành lang để sờ tay vào giống kỳ lạ của loài người này. Ông rẽ đường, nhờ khổ người to khỏe và dáng vẻ xác đáng của hầu tước xứ Bourgogne của mình trợ giúp.

Dinah Salifou, người nhận ra ông ngay lập tức, đón tiếp ông với sự hồ hởi thân thiện: “Anh không biết tôi, Yémé ạ, tôi còn rất nhỏ khi anh đến triều đình của chú Lawrence tôi!” Ông ta giới thiệu với ông hoàng hậu Philis và hỏi hả trấn an ông: Bayol đang ở Conakry, điều đó chẳng thay đổi gì hết, các hiệp ước của ông với người Nalous vẫn có giá trị, không một biến cố bất kỳ nào có thể xảy đến nói ngược lại sự thật đó. Kể đến, ông ta bào mòn sự tế nhị không thể bắt chước được của thủ lĩnh bộ tộc để nói nhỏ vào tai ông thông tin nóng bỏng đang đốt cháy môi

ông:

– Ở Fouta, nhiều chuyện xảy ra lắm, Yémé ạ: Alpha Yaya đã giết Aguibou, anh ta bỏ trốn cùng với Taïbou rồi!

Tin đó rơi xuống như một lưỡi máy chém, đột ngột, sững sờ, không thể tránh! Ông cần một chỗ khác để đồng hóa nó, và cố gắng đo lường các hướng và những hậu quả khủng khiếp do nó gây lên.

Ông hồi hải chào già biệt hội chợ, nhưng dấu sao cũng ném một ánh mắt cuối cùng lên gã hề Noiro, đang hướng dẫn các khách thăm:

– Môdy Cissé và Môdy Dian, các hoàng tử của Labé! Nabi Yalane Fodé, hoàng tử của xứ Mellancoré!... Mansour Kane, hoàng tử của Matam!... Sérigne Guèye, hoàng tử của Rufisque, M'Bar Sène, hoàng tử của Sine-Saloum!...

Bất lương, điều ấy là chắc chắn, nhưng dấu sao cũng phải công nhận hẳn có tài, gã Noiro này! Hẳn lẽ ra nên đặt một cái giỏ đựng tiền ở cửa ra vào, tất cả mọi người hẳn sẽ ngỡ rằng đang ở trong một buổi trình diễn cabaret.

Ông chạy đi tắm ào dưới vòi hoa sen trong phòng mình tại khách sạn Terminus và ngồi một mình cạnh ly rượu bách xù pha cà phê của quán Paix. Ngay khi đến xứ sở của người Peul, ông đã hiểu ngay rằng mọi chuyện sẽ kết thúc tồi tệ giữa hai anh em trai nhà ấy. Quá nhiều thứ quan trọng kết nối họ nhưng cùng lúc lại chia rẽ họ: hai bà mẹ, chung chồng và là kinh địch của nhau, một ngai vàng, béo bở nhất của Fouta, vả lại, bất diệt hơn và căm dỗ hơn tất cả, là người đàn bà liêm sỉ và đáng thèm muốn kia, người mà chỉ bằng một ánh mắt, hút về mình: nào vàng, nào ngựa, nào nô lệ và các hoàng tử. Ông đã biết rằng chuyện ấy sẽ kết thúc tồi, và rằng Taïbou sẽ là trọng tâm của

kết cục bi thương, trong xứ sở Fouta-Djalou này, nơi rất thường xuyên, con đường dẫn đến ngai vàng phải xuyên qua một dòng sông máu, chỉ có điều, ông hình dung điều đó sẽ được tiến hành theo cách Peul, có nghĩa là theo cách nhẹ nhàng, lịch lãm, tinh tế, mang tính hiệp sĩ. Một cuộc phục kích ở cổng nhà thờ Hồi giáo vào buổi cầu nguyện lúc hoàng hôn, trước các cụ già và trẻ nhỏ. Tất cả các điều này không được Peul cho lắm: không kín đáo, không tiểu xảo, không học thức cho lắm. Một tác phẩm thực sự của kẻ thông thái rởm! Bọn bắt lương ở Sicile chắc cũng hành xử như thế trong các hang hốc ở Etna: giết kẻ thù, tịch thu đĩa ăn và lấy vợ của hắn! Tác phẩm con con, tác phẩm của kẻ vô danh tiểu tốt! Ông không thể tin được đó là của Alpha Yaya! Sau khi nghĩ suy chín chắn, ông cuối cùng đã đặt tiền cọc vào hắn. Aguibou và Pâthé, ông thấy có vẻ như quá phức hợp, quá lý trí, quá kiêu ngạo, tóm lại, quá Peul, thao túng họ sẽ chẳng bao giờ dễ dàng; còn Bôcar, chắc chắn là đầu óc đơn giản hơn nhưng quá bản năng, quá yêu nước, quá nhiều ngờ vực đối với dân Da Trắng! Ông thích Alpha Yaya hơn, mưu mẹo kiêu hãnh như mọi người Peul biết tự trọng, nhưng cởi mở, còn tốt hơn nữa, cùng lúc vừa là một chính trị gia có tài và một chiến binh dũng cảm. Chỉ cần giữ anh ta và vung vẩy chiếc khăn đỏ của quyền lực và vàng ròng là xong! Đó là con người thực tế, dễ hiểu: trước tiên là lợi nhuận, sau đó mới là tâm trạng, ngược hẳn với con thú dễ xúc động Bôcar-Biro. Ông đã biết rằng đó là một người Peul, một người Peul chính hiệu mà ông hẳn sẽ không bao giờ chắc chắn về tình cảm của anh ta, nhưng ông lại có thể tin tưởng nơi hắn chừng nào mà họ còn cùng chung một điểm đích.

Vi phạm một tội ác và bỏ trốn hết như một tên cướp đường thô tục! Và hiện giờ hắn đang lẩn trốn ở đâu mới được chứ?

Và lại chính trong một cuộc trò chuyện ngẫu nhiên mà ông đã biết được một thông tin - có lẽ còn quan trọng hơn cả sự bổ nhiệm của Bayol! Bonnard đã làm gì? Mangoné Niang đang ở đâu? Còn những đại diện của ông ở Boulam và ở Gorée và những thám báo của ông có mặt trong tất cả các hang cùng ngõ hẻm của Fouta đã biến đi đâu hết chứ? Thế thì tại sao ông lại trả tiền lương cho chúng? Mẹ kiếp!

Ông hỏi hả thanh toán tiền và ra ngoài để không sát hại một người nào đó.

Lần này, ông không thể để mất một hút nào nữa. Ngay lập tức khi vừa đến Marseille, ông liền bắt tay vào đóng các kiện hàng ngay và đọc lại hành trình. Ở cảng, người ta thông báo cho ông hay rằng con tàu sắp tới sẽ nhổ neo vào cuối tháng... Hơn nữa, bầu trời lại bắt đầu rối loạn, số phận đảo lộn những dự định của ông: ông sẽ không đi con tàu ấy lẫn con tàu tiếp theo. Chỉ còn hai ngày nữa là ông lên đường, thì ông nhận được một lá thư từ Paris gửi đến khiến ông bùng nổ niềm vui sướng. Vị tân Bộ trưởng Thuộc địa (người ta vừa bổ nhiệm một người, một người thực sự và ông ta tên là De Laporte), người đã nghe ông cả ngàn lần kể chuyện về những kỳ tích của ông ở Fouta-Djalou, bày tỏ với ông sự ngưỡng mộ và mời ông đến gặp trực tiếp để kiểm tra những đề nghị của ông.

Vị De Laporte này là một trong những chính trị gia của nền Cộng hòa III, có tài hùng biện và tinh tế, được tiến cử đến chức vụ này do các cách phối hợp chính trị hiện thời hơn là sự hiểu biết sự kiện đang diễn ra. Phi châu, ông chỉ biết qua loa nó nằm ở đâu, còn những thuộc địa, thì ông hơi hình dung chúng phức tạp hơn vùng Camargue với đàn khỉ thay chỗ những con ngựa mà thôi.

Một Bộ trưởng a-ma-tơ, đúng là một cơ hội tốt! Olivier de

Sanderval cười khẩy sau khi đã tìm hiểu kỹ thông tin. Ông huy động tất cả nguồn gốc Lyon của mình (sự bạo dạn, tính tế nhị trong ngoại giao và hướng lập luận, sức quyến rũ) trước khi lên tàu. Ông thích màn diễn lần này. Buổi thuyết trình vượt xa một giờ mọn như đã dự kiến, và Bộ trưởng tiễn ông ra tận sân, siết chặt tay rất lâu trước khi nhắc lại quyết định của mình mà ông vừa thực hiện và điều ấy thấp lên trong ông một niềm vui tốt lành và bất tận:

– Tôi gửi một bức thông điệp ủng hộ tất cả những đề nghị của ông cho bác sĩ Bayol ngay ngày hôm nay.

Tất cả những đề nghị đấy nhé! Ông đã nghe rõ thế, đó không phải là một chuyện đùa đâu! Đó sẽ vĩnh viễn đóng đinh miệng gã Bayol bất nhân chuyên kiếm lợi trên lưng người khác kia! Chính phủ ở Conakry là hắn, còn Olivier de Sanderval là ở Fouta-Djalón và nước Pháp thì chỗ nào cũng là nhà mình! Tìm thấy thỏa thuận tốt nhất ở chỗ nào đây nhỉ? Mặc kệ, rút cục lại, ông sẽ tặng Rose một bữa tiệc trưa nữa tại đỉnh đồi La Verrrière, đó là cách tốt nhất để ăn mừng sự kiện này!

Ông bắt gặp Rose đang nằm bẹp trên giường, thối đời lúc nào cũng phải có một hạt cát để làm nghẽn cổ máy hạnh phúc:

– Chẳng có gì là nghiêm trọng đâu! - Bác sĩ trấn an ông - Một bệnh viêm phế quản nhẹ, bị nhiễm do một cuộc đi dạo buổi sáng trong công viên thôi mà. Mùa thu này mang những cơn gió lạ lùng của mùa đông, tử tước ạ. Ngài thì chẳng sợ gì đâu, bởi ngài lúc nào cũng mặc ấm.

Nàng gượng dậy khá nhanh, nhưng trong một tình trạng lo ngại đến nỗi mà Olivier de Sanderval hoãn chuyến đi lại vài tuần liền để cùng nàng chia sẻ quãng thời gian dưỡng bệnh của nàng.

Chính thời điểm đó mà cuối cùng ông đã nhận được tin tức từ Phi châu gửi về. Vị Bonnard tận tâm đáng thương kia đã không thể viết cho ông sớm hơn vì một lý do quan trọng sau đây. Bộ tộc Béafada, những kẻ đáng gờm ấy, chúng khiến cả hổ báo và các bộ tộc thù địch trong các cánh rừng Boulam phải hãi hùng, đã bỏ tù ông ta hai tháng liền - ông ta đã, giống như thường xuyên xảy đến với người Da Trắng, vô tình báng bổ lên thần linh bề trên của họ, một bức tượng đất ngậy thơ treo trước cổng làng. Những kẻ cuồng nhiệt nhất đã đòi xử tử ông ta, nhưng vua, người có cánh mũi hàng hóa hơn, sau nhiều tuần thương thảo dông dài, đã thành công chuyển đổi lời phán quyết thánh thần này thành ki-lô-gam những hạt cườm bằng thủy tinh màu.

Chỉ khi ra khỏi địa ngục này thì ông ta mới có thể gặp gỡ những thám báo được

Mangoné Niang phái đến. Đúng vậy, Alpha Yaya và Taïbou đúng là đã cho ám sát Aguibou: một trăm nhát dao ở ngay cửa nhà thờ Hồi giáo, ngay sau buổi lễ cầu nguyện lúc hoàng hôn, buổi linh thiêng nhất, tụ tập được nhiều người đi lễ nhất! Cách thức và lượng máu chảy tràn đã khiến cho các nhà quý tộc nổi loạn dữ dội đến nổi mà chính thủ phạm cũng đã hiểu điều đó. Sau khi đã phạm trọng tội, anh ta đã bỏ trốn thay bằng việc chiếm lấy ngai vàng, mang theo mình ngựa và vàng bạc của anh trai. “Vào lúc tôi đang viết cho ngài đây thì không ai biết bọn nhân tình nhân nghĩa đáng nguyên rủa ấy đã trốn chui trốn lủi ở chỗ nào.” Rồi ông ta thông báo cho ông biết những tin tức đáng mừng về tình trạng các thương điểm và công trường xây dựng ở Kahel.

“Hãy an tâm đi, thưa tử tước, - ông ta tiếp tục viết, - ở đây mọi chuyện diễn ra đúng như dự kiến. Hiện tại, những người

Da Đen tính bằng đồng Kahel cũng thường xuyên như bằng đồng shilling trong các thương điểm ở vùng ven cũng như trong các chợ ở Fouta. Mangoné Niang vừa hiệu quả vừa đáng nể hết như một vị quan tổng trấn La Mã, còn các hệ thống của chúng ta làm việc quá tốt đến nỗi mà một số các ông hoàng hàng tỉnh không còn dám quyết định điều gì mà không tham khảo ý kiến chúng ta.

Thực sự là gã Alpha Yaya này là một quân bài khó thay thế. Trước mắt, chúng ta quay về phía thủ đô. *Almâmi* bị ốm và đã nằm liệt giường. Athé và Bôcar-Biro không nói chuyện với nhau nữa. Cả Fouta biết rằng chẳng mấy chốc máu sẽ chảy ở Timbo cũng hết như nó đã chảy ở Labé. Vấn đề duy nhất để xem đó là ai sẽ giết ai và khi nào?

Tôi để tâm quan sát, ngày cũng như đêm, tôi sẽ thông báo tin tức cho ngài ngay.

Kẻ tận tâm của ngài, Bonnard.”

Rose sau đó lại ôm tiếp. Bệnh viêm phế quản của nàng đã không hoàn toàn dứt hẳn, nàng phải nằm liệt giường cho đến tận cuối mùa đông. Nhưng chẳng có gì phải lo lắng đâu, viên bác sĩ lại trấn an ông, chỉ phải đợi chút xíu cho bệnh ho nhẹ tồi tệ ấy qua đi.

Ở Paris, hàng loạt xung đột não loạn làm rung chuyển Nghị viện và những cuộc khủng hoảng nội các kế tiếp nhau theo nhịp độ ngày cuối tuần. Con người quả cảm De Laporte sắp bị gạt ra. Olivier de Sanderval biết được tin ấy trước khi lên tàu đi Conakry, sắc lệnh của De Laporte trước tiên phải qua Quai d'Orsay^[23] kiểm soát - và phải qua các Bộ khác, các văn phòng khác, và các bộ phận linh tinh không tên khác. Không còn có chuyện để cho ông Fouta-Djalón nữa, mà chỉ thuận cho ông đất đai và một khu cho tuyến đường xe lửa, với điều kiện ông phải

liên doanh với những nguồn vốn khác, các đối tác khác. Lại qua hai ba kỳ thay đổi chính phủ và sắc lệnh của De Laporte đã được chuyển thành một đề nghị đạo luật có thể áp dụng cho tất cả mọi trường hợp tương tự sẽ xảy ra trong các khu thuộc địa.

- Chuyện sẽ không diễn ra như vậy đâu! - Ông công kích, khi đến gặp người bạn Jules Charles-Roux. - Tôi có một ý, tôi sẽ nói chuyện với Faidherbe và nhắc cho ông ấy nhớ những lời đã hứa với tôi.

- Sao hả, anh không biết gì ư? - Người này hỏi ông, mang tính Cassandre hơn bao giờ hết. - Faidherbe qua đời rồi, tôi vừa đọc được tin ấy trong báo xong.

- Khốn nạn cho tôi quá, khốn nạn cho Timbo! - Ông thốt lên trong lúc đổ sụp xuống một chiếc phôi tươi.

Đầu năm 1890, cuối cùng thì ông cũng được tin rằng chính phủ đã chỉ định các ban kiểm tra đặc biệt để chuẩn bị dự luật. Vài tháng sau, cái này, đây là dùng theo tiếng lóng của các nghị sĩ, được giữ lại. Năm 1891, rốt cuộc thì người ta cũng trình nó lên Thượng viện. Kéo theo nó là những cuộc thảo luận hết sức sôi động đến nỗi mà báo chí và dư luận quần chúng nhảy vào cuộc. Phi châu thôi không còn là một chủ đề ngoài lề dành cho các sĩ quan hăng hái và những nhà phiêu lưu hâm hấp nữa. Nó tràn ngập đường phố và các cột báo, đốt lên những niềm say mê tột hại trong các phòng khách và trong các nhà chứa, sòng bạc. Một làn sóng theo chủ nghĩa thực dân trời ra khỏi sự vô thức tập thể của nước Pháp, tạo thành hình trong tiềm thức và lan tràn hết thảy vào cuộc tranh luận chính trị và trí thức. Trong những quán cà phê và trên những cột báo, người ta không còn bàn gì khác ngoài việc nói về Congo, về Dahomey, về Fouta-Djalón, về Soudan hay còn về Madagascar. Người ta tổ chức các buổi tuần hành, người ta ký đơn kiến nghị. Người ta đòi một

quân đội thuộc địa, một tiền tệ thuộc địa, những huy hiệu thuộc địa, những đạo luật, những phong tục tập quán, những khuynh hướng thuộc địa.

Ông đã chẳng hy vọng những ngân ấy! Đó như thể những giấc mơ của ông bước ra khỏi đầu ông, để thâm vào toàn bộ quốc gia.

Người ta liên kết tên ông với tên của Dupuis, của Brazza, của Faidherbe hay còn cả với Gallieni. Người ta công nhận ông như là một trong những nhà thám hiểm lớn của thời đại mình, điều ấy không phải đã khiến ông méch lòng. Chỉ có điều ông thường xuyên nói điều này - kỷ nguyên của những nhà thám hiểm đã qua rồi. Hiện tại, phải xây dựng: những thể chế là chắc chắn, nhưng trên hết là hệ thống đường sá, nhà cửa, các ngành công nghiệp, đường xe lửa. Và những chuyện đó hả, không phải việc của chính phủ đâu mà là công việc của những người như ông đây, tự do trước mọi khuynh hướng phục tùng, có trí tưởng tượng và nhiều tham vọng. Và để thực hiện điều đó, không cần phải phức tạp hóa cuộc sống nhàn rỗi của các chức sắc văn phòng và các ông nghị sĩ làm gì. Không cần một bộ luật mà một sắc lệnh hản đã thừa thãi lắm rồi.

Ai đã tạo ra châu Mỹ? Những nhà tiên phong, đương nhiên rồi, chứ không phải những kẻ cạo giấy ở Washington đâu!

Thế rồi bộ luật đã được hy vọng biết bao nhiêu cuối cùng đã bị sa lầy và mất hút trong những đăm lầy của các cuộc tranh luận và các bước tiến hành. Người ta mất cả hơn năm ròng để đe dọa kiến nghị, bãi chức và đấu tay đôi với nhau, để rồi cuối cùng chán ngấy nhau và chuyển sang đề tài khác. Chính ông cũng dần dần quay lưng lại với nó để chăm sóc vợ ông, đang càng ngày càng ốm yếu hơn.

Vào năm 1891, qua thời báo *La Dépêche colonial*, ông biết rằng

ở Conakry thuộc địa đã được thay tên cũng như đã thay Thống đốc: Những dòng sông phía nam đã trở thành Guinée thuộc Pháp và một người có tên Ballay đã đến thế chỗ Bayol.

Mùa xuân cùng năm ấy, sức khỏe Rose bỗng nhiên yếu đi rõ rệt, và lần này là rất nghiêm trọng. Mặc dù thể tạng bà vốn mảnh mai, nhưng bà luôn luôn năng động và vui vẻ, ờ thì... cho đến lúc ấy. Những trận đau nửa đầu thường xuyên, bệnh viêm phế quản lặp đi lặp lại, những đợt khó thở của bà, đã chưa bao giờ gây lo lắng thực sự cả. Lần này thì khác. Bệnh ho của bà không khỏi hẳn được nữa và còn kéo theo sốt cao, rồi đến tê cứng, sau đó là những trận hôn mê ngày một dài hơn. Mùa hè, bà bắt đầu thổ ra máu, mùa thu, bà nằm liệt giường. Tình trạng của bà càng tồi tệ hơn khi đông đến. Người ta phải kêu bác sĩ nhiều lần trong ngày. Nhưng, theo tốc độ mà ông đã quen - im lặng và với một sự chậm chạp quá đáng -, thì Olivier de Sanderval hiểu rằng đã đến đoạn cuối rồi. Ông quên hẳn những ván cờ và Fouta-Djalón, và thậm chí quên cả bản thảo cuốn *Vòng bắt ly thân* của ông mà, từ mười hai năm nay, nó đã nghiền ngấu phần lớn các đêm của ông. Lần đầu tiên, ông cảm ơn trời đã ban cho ông căn bệnh mất ngủ. Ông giám sát nàng Rose của ông, chia sẻ với nàng những cơn đau như tra tấn, lau mồ hôi và hình dung ra những giấc mơ và ác mộng của nàng, theo dõi những tiếng ran và những đợt lịm đi của nàng.

Vào ngày 15 tháng giêng năm 1892, khi bà qua đời, suýt nữa thì ông đã từ bỏ tất cả: Rose, Bayol, Noiro, các Bộ hành chính, người Peul..., thật quá tải đối với một người! Ông bước sang tuổi năm mươi hai, góa vợ, tinh thần suy sụp, già trước tuổi do những con đường băng rừng vượt trảng và bệnh tật. Ông khép mình lại cả nhiều tháng liền mà không sao chôn vùi được nỗi buồn và sự đau đớn của mình. Tang tóc, những ân hận, những

tiếc nuôi, cả hàng ngàn lẻ một phiên nhiều trong cuộc sống, vào cuối năm ấy, mọi chuyện này đã đánh dấu sức nặng tuổi tác của ông một cách khủng khiếp.

Như vậy là Rose đã chết, nhưng ông có cảm giác mình vừa mới làm quen với nàng hôm qua. Ra đi vĩnh viễn nhưng để lại nguyên vẹn trong ông âm thanh giọng nói và dáng vẻ quý phái nhẹ nhàng của cơ thể mình! Ông gặp lại nàng, ông nghe tiếng nàng, còn thật hơn cả thật, đang ngây ngất, trong vô vàn những cuộc dã ngoại của họ, trước mùi hương của một đóa hoa hay mái vòm của một nhà thờ, và, với toàn bộ sự ngây thơ mà nàng từng có, bộc lộ thói đỏng đảnh hiếm gặp của mình: “Hay chúng mình chuyển nhà đến Vatican nhỉ?... Mình không nghĩ rằng, ngôi nhà của chúng ta ở Avignon ấy, nó sẽ đẹp hơn khi được đặt ở đây à, tại Amsterdam này?... Và nếu chúng mình tậu kênh đào Bourgogne thì sao nhỉ?...”

Những thói đỏng đảnh của nàng, những điều thú vị của nàng, những hờn dỗi nho nhỏ khó quên của nàng ấy, chính chúng đã tạo nên tính cách của nàng. Sự ngây thơ, vẻ ung dung mê hoặc của nàng, chính nàng đã ràng buộc tình yêu của họ. Họ quen nhau trong một buổi khiêu vũ ở Avignon. Chàng vừa ra khỏi Trường Trung tâm, nàng tốt nghiệp Mỹ thuật. Nàng khi ấy đã diện những bộ váy sắc sỡ và cài hoa trên tóc. Nàng mang vẻ đài các của Émilie, hương vị của Émilie, cặp mắt của Émilie. Chàng đã cầm tay nàng và cho nàng đắm mình vào những bức họa về người Peul, những câu chuyện của Mollien và của René Caillé. Nàng đã may cho chàng những bộ trang phục của vở *Méphistophélès* để, ngày hôm nay chàng là nhân vật Faust, hôm khác lại là quỷ quái, còn nàng là trinh nữ Marguerite và cũng người đóng thế của mình, cô bé Gretchen tinh nghịch. Tất cả chuyện đó, đương nhiên diễn ra mà không ai biết, trong khu

vườn bí mật, nơi chỉ có tình yêu và những giấc mơ của họ mới có thể tiếp cận.

Ông đã không dành cho bà toàn bộ thời gian, tất cả sự quan tâm mà bà đáng được hưởng, nhưng bà không bao giờ than phiền về chuyện đó. Bà biết rằng, dầu có chuyện gì, thì ông vẫn yêu bà biết bao nhiêu, bà đã thường xuyên nói điều đó với ông, như thể bà muốn cảm ơn ông vì tình yêu ấy. Luôn luôn có cái gì đó xen vào giữa họ: công việc, thể thao, những chuyến du lịch, những hội bạn bè, những cuộc họp các nhà bác học ở Hội Địa lý và cuối cùng là xứ sở Fouta-Djalón này, nó đã chiếm đoạt ông của bà bằng vẻ quyến rũ và sự ganh ghét kiểu phù thủy của một tình địch thật sự.

Những đứa con ông đã lớn, chỉ bây giờ ông mới nhận ra điều đó. Ông cũng đã chẳng chăm sóc chúng được bao nhiêu. Giờ chính là lúc hoặc sẽ mãi mãi không bao giờ lấy lại được, đem lại cho chúng tình phụ tử yêu thương trìu mến mà chúng có quyền được hưởng và bù đắp nhiều đến chừng nào có thể, tình mẫu tử, mà chúng vừa vĩnh viễn mất đi. Ông xích lại gần chúng, theo dõi sát sao hơn việc học hành và vui chơi của chúng. Ông thuê hẳn một giáo sư nhạc để bồi dưỡng thiên hướng nghệ thuật cho con gái và dẫn con trai đi theo trong những buổi dã ngoại nguy hiểm trên miền núi cao hay ở biển.

Kín đáo và chăm chú, Jules Charles-Roux đã giúp ông vượt qua giai đoạn tồi tệ này. Làm như không có vẻ động đến nó, Jules dần dần đưa bạn về với những ghi chép của mình và với những dự án viễn chinh mới.

Năm 1893, ông cho xuất bản tác phẩm du lịch thứ hai của mình tại nhà xuất bản Félix Alcan, có tựa đề *Soudan, Kahel, sổ du lịch*, và đã nghĩ đến việc lên tàu. Cuộc sống đã trở lại bình thường, niềm say mê Fouta-Djalón một lần nữa lại sôi sục trong

ông.

Ông hoàng Kahel sống xa con dân của mình, nhưng từ lâu đài Montredon, quyền lực của ông được thực thi trên từng mẩu đất nhỏ nhất của Kahel và ảnh hưởng của ông, chắc chắn là lên tất cả mọi sân sau của Fouta. Ông tiếp xúc đều đặn với tất cả những người có máu mặt ở Timbo và trong các tỉnh. Người ta hỏi ý kiến ông về mọi chuyện.

Tàu hỏa và các đoàn xe của ông đều đặn tung ngáp các khu chợ những trang sức rẻ tiền và đồ vô giá trị. Người Anh không còn là ông chủ nữa: vải bố của ông đã hát căng khỉ đầu chó của Manchester, và tỷ giá đồng Kahel đã nhanh chóng vượt xa đồng shilling.

Mangoné Niang, những đại diện ở vùng ven biển, những thám báo của ông ở rải rác đây đó đã thực thi những công lệnh rất chặt chẽ: phải cô lập Timbo, lấy được lòng tin của Labé và Timbi-Touni, trang bị vũ khí cho kẻ này chống lại người kia, tạo cho họ chống đối nhau. Nhất là không được xâm chiếm, để cho đất nước tự rạn nứt bằng cách nhấn mạnh sự chia rẽ. Còn nước Pháp, các sự kiện cuối cùng sẽ kết thúc bằng cách đặt nó vào tình trạng đã rồi. Nó sẽ phải công nhận sớm hay muộn rằng một trong những đứa con của mình, bậc thầy của những người dân châu Phi cao ngạo này, chỉ có thể nâng sự quyền rũ của nó lên cao thêm mà thôi. Bernadotte chẳng đã từng là vua của Thụy Điển, còn Baudoin là vua của Antioche và của Jérusalem đó sao?

Mùa hè sau đó, từ Paris trở về, nơi cậu theo học, con trai Georges của ông, lão đảo trong nước mắt, đẩy cánh cửa gác xép và khiến ông, đang lúi húi với đồng rương hòm thám hiểm của mình, liền quay lại:

– Điều gì đã khiến con khóc vậy, hả con trai?

– Cha à, con đã thi trượt rồi!

– Ờ thì..., người ta có thể thi trượt vào trường Bách khoa nhưng không vì thế mà lỡ dở cuộc đời đâu! Con có muốn đi cùng cha không?

– Nhưng đi đâu hả cha?

– Đi Fouta-Djalou! Đó là một trường học tốt nhất đấy.

– Ôi, thế thì tuyệt quá! Cha cho phép con tận dụng dịp này để thăm Tombouctou chứ?

– Đồng ý! Con sẽ đi Tombouctou trong lúc cha thương lượng dự án đường xe lửa với các ông hoàng Dinguiraye. Những lão vua Peul ngu độn này cuối cùng cũng sẽ phải để cho cha đi đến Dinguiraye thôi!

– Ôi, cảm ơn cha! - Chàng trai thốt lên, đã thay đổi hẳn trước một niềm vui tràn ngập và quá đổi bất ngờ.

– Này, do con đã đồng ý đi theo cha rồi thì cầm lấy này, hãy đọc kỹ cho cha tám bản đồ này và tìm ra phương tiện nhanh nhất để băng qua những thác ghềnh của vùng Konkouré với chừng trăm nhân lực, và mỗi người vác khoảng hai mươi lăm ki-lô-gam.

Hai tháng sau, ông nhận được một lá thư từ Boulam:

“Cảm ơn, thưa tử tước, đã thông báo cho chúng tôi biết rằng ngài sẽ lại sắp có mặt trên các vùng đất nóng Phi châu và lần này là đi cùng con trai của ngài!

Đến đi, hãy đến nhanh đi, nhưng trước khi xuống tàu, hãy thưởng thức thông tin kì diệu này đã: Bôcar-Biro đã giết Pâthé. Chưa hết đâu: tân Almâmi của Fouta đã không cam lòng ân xá cho bạn mình, Alpha Yaya, ông ta đã ẩy hẳn lên ngai vàng của Labé. Ngài thấy rõ là ngài nên đến chưa!

PS: dẫu sao thì cũng có một tin xấu, tôi muốn cho ngài biết

trước khi ngài lên tàu cái điều mà tôi đã dẫn đo từ rất lâu để thông báo với ngài. Chính trên lãnh địa của ngài ở mũi tây của Conakry mà Bayol đã cho xây dựng dinh Thống đốc. Phải là Bayol mới có thể tưởng tượng ra một sự phản trắc nhường ấy! May mắn thay là hắn không còn ở đây nữa để gây rắc rối cho chúng ta!

Kẻ rất tận tâm của ngài, Bonnard.”

“Thêm một lý do nữa! - Ông gầm lên. - Chẳng còn gì giữ ta ở đây cả, cuộc sống của ta kể từ đây là ở nơi ấy.”

Ông gửi con gái vào trường học nội trú và cải trang con trai Georges ăn vận thành chủ đồn điền thực dân.

Vào tháng Hai năm 1895 ấy, nguồn gốc của Conakry mất hút trong rừng rậm ấy khiến ta nghĩ đến cảnh trứng chí nỡ trên tóc người ở ẩn. Thành phố hiện giờ đếm được hơn trăm ngôi nhà xây, điện Thống đốc, trại lính, nhà cách ly và Sở Điện tín được xây dựng tách biệt.

Một đại lộ chừng ba ki-lô-mét, có những hàng xoài bao quanh nối liền điện Thống đốc mới toanh và cực đông của đảo. Người ta nhìn thấy rất nhiều xe đạp và xe ba bánh, và không dưới ba chiến hạm đậu dưới cảng. Nhiều biệt thự lợp ngói đỏ lấp lánh màu trắng và những đóa hoa dưới hàng cây keo. Những ngôi nhà của Da Đen bắt đầu chấp nhận sơn và xi măng. Scoa, Paterson-Zochonis, biển hiệu thương mại với màu sắc sống động đánh dấu mặt tiền các cửa hàng cao tầng bằng gỗ được chạm trổ tinh tế. Ba ngàn, có thể là bốn ngàn sinh linh chen chúc nhau dưới những cây dừa trong thành phố, trong đó có vài trăm Da Trắng.

Olivier de Sanderval đã để lại một khu rừng rậm, giờ ông bắt gặp một thành phố nhỏ trắng lệt. Ballay, tân Thống đốc, mời

ông vào ở trong dinh của mình và làm mọi điều có thể để khiến ông quên đi những thất vọng của mình với Bayol:

– Và nhất là, thưa ngài Olivier de Sanderval, đừng thù hận tôi nhé nếu như cung điện của tôi nằm trên mảnh đất của ngài, tôi chẳng có lỗi gì trong chuyện này, đúng vậy, tuyệt đối không có!...

– Ô không, tôi chẳng hận ngài vì vài arpent^[24] rừng rậm chứ, thưa Thống đốc! Với Bayol, tôi chắc chắn đã la tướng lên, chỉ bởi vì đó là Bayol...

– Ngài thích săn bắn chứ?

– Tôi thích đi bộ hơn, nhưng mà thôi...

– Đáng tiếc thật, đó là một chủ đề nói chuyện tuyệt vời đấy, đi săn, điều đó tránh được những mâu thuẫn vô bổ.

Ballay đã tặng ông một dạ tiệc linh đình, có mặt tất cả đoàn người chủ thuộc địa và chú tâm sát sao để ông không thiếu một thứ gì: rượu ngon cũng như bia lạnh, đùi linh dương cũng như đậu mang từ Pháp; vĩ ruồi và đuốc, giường có tán che và màn. Ông ta còn cho ông mượn đám Da Đen để dẫn ông đi thăm thành phố và tàu chiến để đi dạo trên biển. Dầu vậy, mối quan hệ của họ nổ bùng nhanh chóng. Ngài Thống đốc cứ uổng công muốn tránh điều mà ngài gọi là “những xung đột vô bổ”, sớm hay muộn gì thì ngài cũng phải đề cập đến những chủ đề éo le.

– Hãy tin là tôi rất lấy làm tiếc cho những hiểu lầm của người tiền nhiệm tôi. Tôi chẳng chống đối gì ngài, ngài biết đấy! Tôi sẵn sàng làm việc với ngài. Tất cả sẽ diễn ra tốt đẹp nếu như ngài vẫn thẳng thắn trung thực đối với chính tôi và tôn trọng luật pháp.

– Chúng ta có mặt ở đây với cùng một sự nghiệp, thưa Thống đốc, sự nghiệp của nước Pháp. Ngài nói đúng, ngược hẳn với

Bayol, chẳng có gì khác nhau đối lập chúng ta cả. Tôi sẽ làm hết sức mình để giữ tình bạn với ngài và tôn trọng pháp luật. Và đương nhiên tôi cũng hy vọng về phần mình luật pháp cũng tôn trọng những quyền của tôi.

– Chúng ta rất hợp ý nhau, Olivier de Sanderval ạ! Nếu ngài nói về những hiệp ước của ngài thì mọi thứ rất rõ ràng: với chúng tôi, các hiệp ước ấy là không tồn tại.

– Ngài De Laporte, Thứ trưởng, đã đảm bảo với tôi...

– Sự đảm bảo miệng là chưa đủ, Sanderval ạ, phải có văn bản.

– Những văn bản ư? Chúng bằng cái gì hả, những hiệp ước của tôi ấy?

– Tôi đang nói về văn bản giữa chúng ta kìa, văn bản của những người Da Đen là không còn giá trị nữa: Fouta-Djalou giờ đã thuộc Pháp!

– Ngài đi hơi quá xa đấy, thưa Thống đốc! Chẳng có gì cho chúng ta quyền để mắt đến Fouta-Djalou cả. Ngoài những hiệp ước của tôi, chính thế đấy!

– Nếu như hiện thời nó chưa thuộc Pháp, thì chẳng mấy chốc nữa nó sẽ trở thành thôi. Tôi đã mời Almami đến để ký văn bản chừa hầu thề trung thành với Đại Pháp, nếu không tôi ra lệnh cho lính chiến Soudan phá cửa nhà ông ta. Ngay chính lúc này đây, Beckmann, cộng sự dưới quyền của tôi, đang ở Timbo.

– Ông ta sẽ chẳng đạt được gì đâu!

Với chất giọng thông thái cố ý, Olivier de Sanderval giải thích rằng Almami chỉ rời Timbo vì ba lý do: chiến tranh, hành hương tới La Mecque và sự đấng quang của mình ở Fougoumba mà thôi! Nếu không ông ta sẽ bị truất ngôi!

– Những người này, tốt nhất là chúng ta nên cố gắng hiểu họ

hơn là đánh nhau với họ!

– Cám ơn vì lời khuyên, nhưng tôi đã biến Congo thành Pháp rồi đây thôi!

– Nhưng rắc rối là ở Congo không phải là người Peul, thưa Thống đốc!

Không trí trở nên căng thẳng, mặc dù cả hai đều có ý nghĩ rất tốt về nhau, cung điện, đã bốc mùi xi, thì bây giờ bốc lên mùi khét. Một sự đối mặt lịch lãm nhưng khủng khiếp và nó được lặp lại nhiều lần trong ngày, có nghĩa là mỗi khi họ đến bàn ăn hay cùng nhau uống bia trên sân! Cùng một kịch bản bất biến kéo theo những lời cãi cọ dữ dội: Ballay, người có cái tật là luôn luôn cầm một thanh thước kẻ trên tay, bẻ gãy nó bằng một cú khô khốc mỗi khi cơn tức giận bắt đầu khiến ông ta ngạt thở.

Conakry pháp phối lá cờ Pháp, sống dưới luật pháp của Pháp, dân Da Đen bắt đầu ném pho mát và nói *merde*^[25] nhưng người Đức Collin vẫn có mặt tại đó, trở nên dần thộn vì khí hậu ẩm thấp, người đổ rục vì nắng và nổi đầy mụn do muối đốt ở giữa đồng đồ tạp hóa và những cây nến của mình. Olivier de Sanderval hồi hải đến thăm ông ta. Maillard vừa tự vẫn, Boche^[26] vừa thông tin cho ông hay. Bị rần rần, ông ta đã không đủ sức leo lên tận đỉnh cầu thang, thế là liền nã một phát đạn vào đầu đúng như ông ta đã hứa.

– Với khẩu súng nào vậy? - De Sanderval hỏi.

– Dominique! Hôm đó trời mưa.

Để quên những tức tối của Ballay, Olivier de Sanderval đưa con trai mình ra bờ biển, hưởng đầy gió mang mùi i-ốt và ngửi ngàng trước vẻ kỳ quái của các cây thân mềm và kích cỡ khổng lồ của những con rùa.

Một hôm, trong lúc họ đang tản bộ trên cát, nói chuyện về

Dinguiraye và Tombouctou, một gã xa lạ từ những cây cọ ló ra và gọi họ: một gã Da Trắng trong trang phục thợ đốt lò, với những móng chân móng tay bản thủ và một chòm râu dài kiểu tông đồ. Người ta đã từng nói với họ về nhân vật này. Một ngày nọ, bước xuống từ một con tàu, từ Saint-Louis đến, anh ta kể oang oang cho tất cả mọi người nghe một câu chuyện, mà cho đến giờ vẫn chẳng ai hiểu được đó là gì. Anh ta câu cá để ăn và ngủ giữa đám cây cối, trên một chiếc võng tạm bợ, không một thành viên nào của đoàn thuộc địa muốn cho một người đồng hương, một người chẳng phải sĩ quan, chẳng phải buôn bán, lẫn cha cố hay nhà thám hiểm này, ở nhờ.

– Các ông cũng có mặt ở đây à, để tìm kiếm gia tài chứ gì, tôi đoán thế? Thế thì, hãy nghe tôi này, tôi có một hướng cho các ông...

– Đừng mất công làm gì, cụ khốt ạ, chúng tôi đã nghe nói về anh rồi! - Georges cắt ngang lời anh ta.

– Cả các ông nữa, các ông sẽ không làm vậy với tôi chứ hả! Chí ít thì hãy nghe tôi nói hết đã nào và các ông sẽ biết rằng tôi đâu có điên.

Và con người ý nhị kia bắt đầu giải thích cho họ hay rằng anh ta đang tìm kiếm một gia sản khổng lồ mà những người Tenguélas đã để lại trong các hang hốc ở Guémé-Sangan, trước khi những vị vua Peul này xuống chinh phục thung lũng Sénégal ở thế kỷ thứ XVI.

– Kho báu này, tất cả mọi người đều biết nó tồn tại thực sự. Dân Da Đen cho rằng nó có vom và rằng ai mà động vào nó sẽ mất đầu. Đương nhiên, đó là những chuyện nhảm nhí... Thế nào hả, các ông ủng hộ tôi chứ? Sẽ là năm mươi - năm mươi: năm mươi cho tôi và năm mươi cho hai ông! Ở đúng vậy đấy, dù gì thì cũng là do tôi đã đem lại mối lợi bất ngờ này!...

Họ cười và bỏ đi mà không thèm để ý đến những lời phản đối nghiêm túc và chân thành mà kẻ xa lạ kia đang gióng lên sau lưng.

Khi trở về cung điện, Ballay cho họ hay rằng ông ta vừa nhận được một lá thư từ Saint-Louis liên quan đến Bôcar-Biro: phải giải quyết vấn đề Fouta trước cuối năm nay, không thể chần chừ được nữa!

“Fouta-Djalou phải phục tùng lệnh bảo hộ của Pháp: Bôcar-Biro phải ký văn bản hoặc nếu không ta sẽ tuyên chiến với họ”, lá thư viết rõ ràng như thế.

– Và ngài nghĩ rằng con lừa Bôcar-Biro sẽ ký ngay ư, thưa Thống đốc?

– Nếu như Beckmann không thuyết phục được ông ta, tôi sẽ gửi một biệt phái viên cuối cùng, và sau đó sẽ là đại bác. Hẳn ngài nghĩ thật, tên Bôcar-Biro này và ngoài chuyện ấy ra thì chúng tôi vừa phát hiện điều này, hẳn trang bị vũ khí cho kẻ thù của chúng ta, Samory.

– Đại bác ư!... Vậy hãy để tôi thực thi vụ này đi, Thống đốc!

– Để ngài làm ư! Mọi người hãy nghe này! Chừng nào thì ngài mới hiểu được là ngài chẳng có ý nghĩa gì đối với chúng tôi cả. Ngài chỉ là một công dân quyết ăn chơi phóng túng thôi. Còn các hiệp ước của ngài...

Ông ta lại bẻ gãy thước kẻ vì tức tối và tiếng nói lạc hẳn trong tiếng động lạ lùng của cơn ho và hơi thở rít lên.

Dẫu sao họ cũng sống cùng nhau trong hơn ba tuần liền, cố gắng một cách khó khăn để tìm lại nụ cười khi cùng nhau chơi cờ hay uống bia lạnh, sau năm sáu vụ cãi cọ nảy lửa.

Trong những tình huống khác, họ có lẽ sẽ trở thành những người bạn thân thiết. Ballay ngưỡng mộ sự dũng cảm của

Olivier de Sanderval, sự thông minh nhanh nhạy của ông và dáng vẻ thống thiết kiểu hiệp sĩ Bayard của ông. Sanderval tôn trọng vị sĩ quan hải quân này, người đã được thưởng những mẻ đay ở Congo khi hoạt động cùng Brazza và người, ngược hẳn với Bayol, bằng sự thẳng thắn và ý thức tuyệt hảo về nghĩa vụ, làm rạng danh nước Pháp và bộ quân phục mà ông ta mang trên mình.

Than ôi, họ cứ uống công xoay xử, tình trạng thực tế biến họ thành những kẻ thù đáng gờm của nhau. Người này chiến đấu vì một thuộc địa cho các nhà quản lý chính quyền, người kia vì một thuộc địa của những nhà tiên phong và những nhà cầm quân ngành công nghiệp. Người này quyết định đứng đằng sau vũ lực, người kia nấp sau mưu lược. Dầu vậy, một điều duy nhất kết nối họ: Fouta-Djalón phải đổ, càng nhanh càng tốt! Đất nước Peul phải thuộc Pháp. Nhưng dưới thể thức nào đây? Ballay là một sĩ quan hải quân với dáng vẻ cứng nhắc, rất thẳng thắn khi liên quan đến sự tôn trọng cấp trên; Olivier de Sanderval, đơn phương, chỉ tin vào tài năng và tự do của mỗi cá nhân, để không nói về những huyền tưởng của ông. Ông đã đặt cả tuổi trẻ và gia sản của mình vào một ước mơ hoàn toàn quá sức: sự chinh phục Fouta-Djalón và cấy tại đó một thuộc địa đông người thuộc ngành công nghiệp của mình, dựng biểu tượng của ông và được quản lý dưới luật pháp của ông, nó sẽ chỉ thuộc Pháp là bởi ông và vì ông mà thôi. Một vương quốc của một mình ông và nó sẽ lần lượt xuyên khắp từng phần một của châu Phi.

Ba tháng cãi cọ nhau, giận dữ nhau rồi lại làm lành, nhưng khi họ chia tay nhau thì một khu rừng dày đặc nghi ngờ và hiểu lầm chia rẽ họ mãi mãi. Cả hai đều chúc nhau sao cho Fouta sụp đổ ở mức nhanh nhất, nhưng đằng sau ý tưởng đơn giản và

giống nhau này, thì không một ai trong hai người sẽ đau khổ nếu như kẻ kia, cùng dịp ấy, sẽ suy yếu cả người và của.

Trên đường đến Timbo, ông chạm mặt một đoàn xe ở chặng Correya. Trong đó có một người đưa tin của Bôcar-Biro cũng như nhà thần tài Beckmann mà ông vẫn còn chưa biết mặt. Biệt phái viên của Thống đốc hình như rất kiệt sức và rất bất bình với Almâmi. Olivier de Sanderval mời ông ta đến bàn ăn mà ông vừa cho dựng lên ngay trước lều của mình. Nhưng Beckmann vẫn rất căng thẳng, mặc dù có món vịt hầm và rượu vang Bordeaux. Ông ta khoác một thái độ lạ lùng trong suốt bữa ăn: ánh mắt ông ta cố tình tránh ánh mắt của Sanderval và hai chân không ngừng rậm rịch. Ông ta nhai rau rầu âm ĩ và cầm cản trả lời các câu hỏi.

– Đã có thể có chuyện gì xảy ra để đặt ông vào tình trạng này thế, do gã Bôcar Biro đó à?

– Đó là một gã cao ngạo và cứng đầu! Hắn đã tiếp tôi như tiếp một kẻ bản thủ. Hắn đã cho xử bắn hết tất cả những người trong cung điện ủng hộ nước Pháp. Đã đến lúc phải kết thúc với hắn thôi.

– Ô, tôi chắc chắn sẽ thành công đưa hắn về với lý trí!

– Gì cơ, ông sẽ đi Timbo sau tất cả những gì tôi vừa nói với ông à?

– Tại sao tôi lại phải cảnh giác nhỉ, dầu gì thì tôi cũng đang ở đây đây thôi!

– Ông không thận trọng!...

– Tôi là người Peul giống như họ, tôi chẳng có lý do gì để sợ họ cả.

Ông đã thốt ra câu ấy trong sự ngây thơ trong trắng nhất trên đời, không chú tâm đến giọng nói và không đo lường trọng

lượng của những từ mình phát ra. Beckmann mất cả hơn một phút trước khi phản ứng. Ông ta trợn tròn cặp mắt đỏ ngầu và cúi hẳn về phía Olivier de Sanderval như thể ông ta vừa nhìn thấy ông lần đầu tiên:

– Ờ mà đúng rồi! - Ông ta thốt lên với điệu bộ hết như ta vừa thấu ra điều gì... Đúng rồi, ông là một người Peul, tôi đã không nhận ra điều ấy! Ông thậm chí còn tồi tệ hơn cả tất cả bọn người Peul trên thế gian này tập hợp lại: còn gian xảo hơn, hám của hơn và khó kiểm soát hơn cả bọn quý tộc rách rưới tồi tàn này! Người ta không biết được ông là ai, người ta không biết ông ủng hộ ai. Ông làm việc cho chính mình hay, hết như lời đồn đại lan truyền, ông là một thám báo của Timbo chống lại những lợi ích của nước Pháp hả?

Ông ta đứng phắt dậy và bắt đầu thảng yên ngựa:

—Tôi đi đây, Olivier de Sanderval ạ, và ông chỉ cần nhìn tôi để đoán ra bản báo cáo nào tôi sẽ trình lên Thống đốc.

Sau vài mét, ông ta quay lại:

– Tính trung thực buộc tôi phải thông báo trước cho ông rõ, Olivier de Sanderval ạ, rằng vào ngày mà tôi được lệnh thi hành thì tôi sẽ rất vui khi bắn ông đấy!

– Tôi biết rồi, ông Beckmann ạ, tôi biết điều ấy rồi.

Và, ngay tức thì, ông viết một bức thư cho Bôcar-Biro để đảm bảo... tình bạn của ông và thông báo trước việc ông sắp tới Timbo, rồi viết tiếp một lá khác gửi cho Ballay:

“Kính thưa Thống đốc,

Ở Correya, tôi đã chạm mặt viên sứ giả mà ngài phái đến Timbo. Tôi thấy ông ta là một kỹ sĩ đúng hơn là một nhà ngoại giao. Nhưng hãy cho qua chuyện đó đi, tôi sẽ hận mình khi thốt ra một lời nhận xét trên những luồng ánh sáng của chính quyền

tốt đẹp của chúng ta. Tôi viết thư này để nói với ngài về Bôcar-Biro và nhân thể thông tin đến ngài rằng tôi khỏe mạnh mặc dù những ác hiểm của rừng hoang và những tàn phá của chứng đau bụng kinh niên của tôi, dầu tôi nghi ngờ rằng tình trạng sức khỏe tốt của tôi có thể khiến ngài hoan hỉ.

Qua các đoàn xe đây đó, tôi được biết đây là lần thứ năm, ngài gửi biệt phái đến gặp Bôcar-Biro. Tôi muốn cầu khẩn ngài đừng nên làm gì có thể đánh thức những ngờ vực của ông ta. Tôi không cần phải nói với một thợ săn tinh tế như ngài rằng để tóm được con vật thì phải ru ngủ nó... Xứ sở Fouta này trượt khỏi tay ngài và sẽ trượt khỏi mãi mãi... Vậy hãy để tôi làm đi! Công việc tôi đã thực hiện từ chừng ấy năm bắt đầu đơn trái. Vũ khí đã sẵn sàng, các bạn của tôi đã được thông báo... Thế nên chúng ta hãy hợp tác trước khi phải kéo dài thời hạn. Tất cả chúng ta đều làm việc cho nước Pháp, nhưng sự thâm nhập của quốc gia chúng ta vào vùng này không được tiến hành chống đối lại tài năng của những cá nhân. Tất cả sẽ rất đơn giản nếu ngài công nhận những quyền của tôi. Lợi ích của nước Pháp sẽ được bảo vệ rất tốt, ngài ở Conakry và tôi sẽ ở Fouta.”

Ở chặng Talé, trong lúc ông đang ngâm chân để xoa dịu những vết chai chân và nốt sùi giữa các ngón, nhưng cũng vẫn chăm chú xem những chặng lộ trình đi của mình, thì bỗng giật mình trước những tiếng kêu hãi hùng của dân làng:

– Có kẻ cắp! Có kẻ cắp! Chúng tôi đã bắt được một tên ăn cắp!

Gã Da Trắng trong trang phục thợ đốt lò, kẻ tìm kiếm báu vật lạ lùng! Người ta vừa bắt quả tang hắn đang ăn trộm một con cừu và ai nấy đều chạy đuổi theo hắn để ném đá. Những móng tay móng chân hắn vẫn rất bản và bộ râu dài lăm lem bụi đường và các mảnh vỏ cây. Trên tay cầm một cây gậy dài, ở đầu gậy hắn đã buộc một con dao để tự vệ. Tên hầu mà hắn không còn

đủ tiền trả lương nữa đã bỏ rơi hắn và cuồn luôn chiếc nồi nấu và khẩu súng để thanh toán nợ. Olivier de Sanderval huơ súng lên để cứu hắn khỏi bị chết nát vì đá.

– Cám ơn, cám ơn, người đồng bào yêu mến của tôi! Lũ hoang dã này sẽ ăn sống tôi mất!

– Chớ có hả hê quá sớm nhé! Nếu như tôi đã cứu anh khỏi cái chết, chính là để ném anh vào tù đấy.

– Gì cơ?

– Tôi khinh bỉ cùng kiệt những kẻ dối trá, nhất là khi đó lại là những đồng bào của tôi!

– Chúa ơi, nhưng mà ông đang dúm sâu tôi hơn nữa thay bằng bảo vệ tôi! Ông là một kiểu đồng bào kỳ cục, ông ấy mà!

– Nếu tôi mà là Thống đốc, tôi hẳn sẽ cho bắn anh ngay lập tức rồi. Nhưng tôi sẽ đề nghị trưởng thôn lôi anh đến Dubréka và gửi đơn kiện anh đến nhà chức trách Beckmann.

– Đó là điều mà người ta gọi là phản bội. Trong thời chiến, ông có lẽ đã bị xử bắn rồi!... Dù gì thì hãy cho tôi một chút rượu vang đi!

Olivier lưỡng lự một chút, rồi mở một chai rượu và rót nửa chai vào một cái cốc nhựa.

– Ô, hãy cho tôi cả chai đi. Ông đúng là đồ keo kiệt!

– Anh là kẻ quá đốn hèn để có thể xứng đáng được hưởng cả chai! - Sanderval dần giọng trong lúc từ từ đổ hết chai này trước cặp mắt tức tối của kẻ vô giáo dục ấy.

Ông khó khăn lắm mới tìm chế được để khỏi lau gót giày lên mặt kẻ khốn nạn kia, kiểu thực dân hệt như ông vốn khinh bỉ: ngu tối, bần tiện, hám của, một con chuột cống đến các nước thuộc địa chỉ là để hít hà những đồ gia vị và màu chàm!

Từ cảnh tượng trác ấu thương hại này, ông rút ra một bài học tổng thể: khi ông là vua, ông sẽ cầm, tại Phi châu, những kẻ thô lỗ, vô đạo, những kẻ hành khất, những kẻ lừa biếng, tù khổ sai và lũ lừa đảo.

Đấy, dân Da Trắng trở thành như vậy đấy! Vậy thì ai đây, sẽ tiếp tục tác phẩm của Platon và của Archimède, của Euclide và của Parménide chứ?

A, một giai đoạn hỗn mang! A, thật hỗn mang!

Kahel lôi ra các đồ trang trí, những thợ nhào lộn, các kỹ sĩ và những cô nàng chần gia súc xinh đẹp để chào đón vị quân vương của mình. Người ta cắt tiết vô số cừu và gà, mở một lễ hội bắn súng và cho quân đội duyệt binh. Các vũ công chơi sáo và các nhà thông thái, các nhạc công gõ quả bầu khô và trống tam-tam cho đến tận rất khuya trong đêm. Georges rất hoan hỉ. Cậu chẳng cần phải cố gắng, những thú vui của châu Phi truyền thống tạo cho cậu cùng niềm say sưa giống hệt như cho chính người cha đáng kính của cậu vậy.

Ở Diongassi, địa điểm của nhà ga tương lai giờ đã hình thành rõ rệt, với hàng giậu sắt đẹp đẽ và những đóng gạch, những đóng khung dựng, những xe cút kít và cuốc xẻng. Ở Fello-Demli, một thương điểm nhiều tầng và một ngôi nhà rộng hình chữ nhật, đồ đạc bày trí kiểu châu Âu, điểm trang những bông hồng đang đón đợi ông.

Thay bằng cỏ gai, ông gặp lại những thửa ruộng vuông vắn và những cánh đồng chăn thả tuyệt vời, một vương quốc, một sự khởi đầu của một vương quốc, thì dầu sao cũng là một vương quốc, với đồng tiền và quân đội ba ngàn lính được đào tạo và tập luyện tốt.

Cùng với Georges, ông đi ngược lên những con đường đi dạo

rợp bóng xoài và các loại cây ăn quả, thanh tra những đồn điền cà phê và dứa, cao su và cây thù.

Đó quả đã là một phần lớn của thuộc địa rồi đó! Vậy sẽ thế nào khi mà, chẳng bao lâu nữa đến đây, sẽ là những nhà đô thị hóa của Paris, những người làm vườn của Versailles, những thợ gốm sành sỏi của Limogne, những thợ dệt thảm của Aubusson và những kiến trúc gia của Italia chứ!

“Cám ơn cha, cám ơn cha nhiều lắm! - Georges thả hồn chìm đắm ngất ngây, bất ngờ thay đổi bởi hạnh phúc và sự quyến rũ trữ tình. - Kahel, địa điểm tốt nhất trên đời để săn bắn, hít thở không khí của các cánh đồng cỏ đậm mùi hương nhài và mật ong, nhắm nháp rượu khai vị trong sự mát mẻ cuối ngày và để lóa mắt bởi thứ ánh sáng tỏa ra từ một bầu trời luôn luôn đông đặc những vì tinh tú nhỏ!”

Ông để con trai chạy đuổi theo đám con thỏ hoang và đùa giỡn cạnh lũ khỉ những hơn mười ngày liền, mặc những thông điệp ngày càng cấp bách của Bôcar-Biro. Hôm trước chuyến khởi hành đi Timbo, thì một thám báo của Alpha Yaya khiến ông thay đổi lộ trình: Vua Labé cầu khẩn ông đến gặp anh ta ngay lập tức và vào ban đêm, hấn nhấn mạnh, con cừu thám báo ấy, vào ban đêm kia! Ông được dẫn vào vùng lân cận thành hồ, trong một ngôi nhà biệt lập, xung quanh loáng thoáng bóng người trang bị vũ khí thì thâm với nhau. Alpha Yaya không chỉ có một mình: bên trái ông ta có Tierno và bên phải, ô hay, đúng là một sự bất ngờ không tưởng, là Ibrahima, kẻ thù lâu năm dù đã có những lúc giảng hòa của ông, đích thân lão già cáu bẳn của Fougoumba ấy! Tierno và Alpha Yaya, điều đó có thể dự đoán được, nhưng Ibrahima và lại vào ban đêm như thế này! Có điều gì xảy ra vậy, lão già mưu mô này có thể muốn điều gì ở ông đây? Đúng là ta đang ở Fouta, nơi mà chẳng bao giờ có gì là

chắc chắn hết, nhất là với những người anh em cùng huyết thống và cùng cánh liên minh này. Ông chẳng cần đến thông ngôn để đoán ra điều gì đang được thêu dệt ở đây.

Đất nước này, kể từ đây, ông phát triển, tiến lên với sự thoải mái dễ chịu hết như khi ở tại lâu đài Montredon của mình. Ông nhận ra ở đó mỗi con sông, mỗi thung lũng, mỗi quả đồi. Hiện tại, ông có thể nhận biết mỗi một khu làng nhờ mùi vị của nó, mỗi một người dân dựa theo cơ ho của người ấy. Thế giới Peul này kể từ đây, ông đã hoàn toàn đắm mình vào nó: ông hiểu được mỗi cái nháy mắt, mỗi cái cúi đầu, mỗi cái hắng giọng muốn diễn đạt điều gì. Người của ông hiện giờ được coi là những đồng cư dân, còn những hoàng tử của xứ sở này thì, nói thật đấy, được coi là những người anh em, những anh em thân mật và kình địch hết như điều ấy vẫn tồn tại ở mọi chỗ mọi nơi mà vàng, quyền lực và đàn bà là trọng tâm của vấn đề.

Ông đã thành công thiết lập với mỗi người trong bọn họ những mối quan hệ phù hợp với tính cách và hoàn cảnh của từng người. Với Tierno, ông nuôi dưỡng một tình bạn chân thành, mặc dầu làn không khí đã bị biến thoái do những sắp xếp và những trò chơi lợi nhuận mà Lịch sử đã kéo chúng vào. Đó là một con người thông minh, có học vấn, lịch lãm và dễ chịu, người đã thu hút ông bằng tư tưởng tinh tế, khả năng đối lập với bạn, mà không để bạn cảm nhận được điều ấy. Ibrahima, đó là một người Peul mà ông vẫn rất gờm: mặt đỏ, khô nhỏng, có nhiều máu, kiêu hãnh, cuồng nhiệt và cáu kỉnh. Ông ta thường thích thú truyền tính bản gât của mình sang những người sẵn sàng tiếp chuyện mình nhất, trong lúc vẫn sốt sắng lần chuỗi tràng hạt khổng lồ phát sáng chất lân tinh.

Alpha Yaya, con người bí ẩn Alpha Yaya này, ít thân thiện với ông hơn là Tierno, nhưng mối quan hệ của họ còn lâu mới

là dễ dàng nhất. Ngay ngày đầu tiên, ông đã bị mê ly trước chàng trai khắc khổ và ủ dột ấy, anh ta ăn ít, nói ít, rất ít chường mặt ra trước công chúng, hiếm khi xuống khỏi ngựa và hài lòng với một bữa ăn bằng một nắm fonio hoặc ba trái cam. Một chàng trai tuấn tú mảnh mai, dong dỏng cao, cương quyết, mang phong cách điển kinh, thông minh, thực dụng và gắn bó với những tham vọng hữu ích! Liên minh lý tưởng đấy, cương quyết, khó sống cùng nhưng dễ chịu trong đàm luận công việc! Nhưng cũng là kiểu kẻ thù phải cảnh giác! Cô độc và giữ khoảng cách, anh ta ghét sự dào dạt tình cảm và tình gia đình. Tóm lại là một kiểu ông hoàng từ trong trứng: liêm sỉ và tính toán, không để bị rầy rà bởi những đả đọa và tình cảm bi lụy. Ông ta nhìn cuộc đời đúng hệt như Olivier de Sanderval nhìn trò chơi cờ: không tha thứ cho sự sai lầm; khi một quân cờ làm vướng chân bạn, thì bạn ăn nó ngay mà không cần đặt câu hỏi gì hết. Có nghị lực và lăm mưu kế, thần kinh luôn hoạt động, anh ta biết rằng trong cuộc chiến tranh giành quyền lực thì những cú đánh hiểm có thể xảy đến bất kỳ lúc nào. Anh ta đã thực thi tập luyện từ rất lâu rồi để tránh được những cú đòn đau ấy và, nếu như phải làm, thì hãy đánh trả lại vào đúng thời điểm và đúng chỗ nhất. Anh ta có một tư tưởng khá sâu rộng và một cơ thể khá nhanh nhẹn để làm điều ấy. Và tối đó, anh ta có vẻ còn u tối hơn nữa, giữ khoảng cách hơn nữa và còn dữ tợn hơn cả các ngày khác:

– Giữa Timbo và Labé đã bốc mùi xấu lắm, Yémé ạ! Bôcar-Biro đang chuẩn bị xóa sổ các tỉnh, hẳn ta muốn một mình ngự trị đấy!

– Vậy, chính vì điều ấy mà các anh có mặt ở đây! Tierno và anh thì tôi hiểu được, nhưng còn Ibrahima thì sao?

– Ông ấy đã trang bị vũ khí cho Bôcar-Biro chống lại em trai

Pâthé của mình và đã được trả công không xứng đáng: Bôcar-Biro tự quyết định một mình mà không thêm hỏi ý ông ấy. Tuy nhiên, Timbo trị vì còn Fougoumba bỏ phiếu bầu, điều đó chính là truyền thống của chúng ta. Tên Bôcar-Biro này là một kẻ vô giáo dục, hắn không tôn trọng những tập tục của người Peul!

– Bôcar-Biro, người bạn Bôcar-Biro của anh ư?

– Bạn của tôi, người vừa hủy diệt Labé hả? Ô không, Yémé, ô không đâu!

– Fouta là một liên bang, Da Trắng ạ! - Giọng nói khản đặc của Ibrahima gầm lên. Kẻ nào muốn xóa bỏ quy luật này của tổ tiên chúng ta thì không thể là bạn của ai hết!

– Theo những thông tin của chúng tôi, hắn ta chờ phiên họp hội đồng sắp tới để tuyên bố mình là vua duy nhất của Fouta đấy! - Tierno than vãn.

– Chúng tôi đã gửi đến hắn một đoàn đạo sĩ, hắn đã xua đuổi họ bằng những cú đá đít! - Ibrahima lậu bậu.

– Bây giờ, các anh tính làm gì?

Alpha Yaya để lặn không khí im lặng nặng nề phảng phất một lúc lâu trước khi đáp lại:

– Nói ra thì buồn lắm, Yémé ạ, nhưng kể từ đây, sẽ là hoặc tôi, hoặc anh ta!

– Hãy cho tôi thời gian để dò ý anh ta xem sao. Sự hòa giải vẫn còn có thể, ơn Chúa! A, đám người Peul các anh đúng là...!

– Chúc mừng ý nguyện của anh, chúc mừng ý nguyện của anh nhé, nhưng nếu anh thất bại, lạy thánh Allah, những con dao sẽ lên tiếng.

– Nếu vậy, các anh hãy để tôi quay lại Kahel, đánh thức con trai tôi dậy, tôi sẽ đến Timbo ngay lập tức.

Ông nân ná viết lại điều này trước khi lên đường: “Nếu giống như mọi học thuyết giả thiết điều đó, chất liệu được tạo lên bởi sự tích tụ hành động của Vô Cùng được hợp thành bởi sự rung mà sự lắc qua lắc lại của nó ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn, thì ta chắc phải có thể, trong hàng loạt các cơ thể, cho trôi lên một cơ thể từ hàng của mình lên hàng trước đó bằng cách đối lập với những rung động cấu thành, những rung động ngược lại.”

Ở Timbo, vừa đến nơi, ông đã nhận ngay thấy những vết loang lổ để lại do cuộc chiến giữa Pâthé và Bôcar-Biro. Các bức tường đều mang vết thủng lỗ chỗ, các mái nhà và khu *lougan* đều có vết tích hỏa hoạn. Quần thể nhà ở tuyệt vời của Pâthé đã hoàn toàn bị xóa sổ và gia đình anh ta buộc phải đi biệt xứ.

Bôcar-Biro tiếp ông với nụ cười rạng rỡ và những câu chào hỏi dài lượt thượt. “Đó là dấu hiệu chứng tỏ chuyến đi của mình đến Labé đã chưa bị tiết lộ, - ông nhủ thầm, tâm hồn tràn ngập cảm giác nhẹ nhõm lâng lâng. - Anh ta vẫn chưa nhét mình vào cùng rọ với Ballay và vẫn coi mình là một thành trì sẽ cứu anh ta khỏi những âm mưu của Fougoumba và của Labé.”

Anh ta xếp ông ngồi cạnh mình, đưa mắt quét một lượt xung quanh và khua tay:

– Mọi thứ đã thay đổi, đúng không?

Anh ta đã xây dựng lại hoàn toàn cung điện đã bị sụp đổ do chiến tranh, nhân đôi tường thành, nâng cao hàng rào, củng cố an ninh. Vào thời *Almâmi Sory*, những vòm cây chỉ giới hạn ở cửa nhà thờ Hồi giáo và các vùng phụ cận cung điện. Hiện tại, chúng tràn lan trong tất cả các con hẻm và mỗi cửa ra vào thành phố. Nhưng Timbo đã không chỉ thay đổi có điều đó. Triều đình đã mất đi vẻ tráng lệ huy hoàng xưa kia của mình. Các hoàng tử, các đạo sĩ và các nhà thông thái, tất cả những gì

đã tạo nên sự quyền rũ của Timbo đều đã biến mất để thay vào đó là một đoàn người không có gì nổi bật, chủ yếu bao gồm những thanh niên, tù nhân và những nhà thông thái chẳng tiếng tăm gì.

– Ở đúng vậy, - Olivier thừa nhận dưới một giọng nhạo báng trong lúc cười lại với anh ta, - tôi chỉ hơi nhận ra Timbo mà tôi đã biết trước đây thôi. Những đạo sĩ và các nhà thông thái của anh đi đâu hết rồi?

– Đó toàn là những kẻ đạo đức giả, thường giấu dao và thuốc độc dưới những nụ cười, và làm việc cho những kẻ thù tồi tệ nhất của Fouta, tôi chẳng cần họ làm gì cả!

– Một triều đình Peul không đạo sĩ và không có các nhà thông thái Mandingue thì chẳng phải là một triều đình, anh đã biết rõ điều ấy, Bôcar-Biro.

– Sự quyền rũ ư! Sự quyền rũ à! Chẳng bao giờ có sự quyền rũ nào đáng giá bằng đoản kiếm hết!

Rồi ánh mắt của Da Trắng rời khỏi *Almâmi* để xem xét xung quanh mình và mặt ông bỗng trở nên dăm chiêu:

“Bôcar-Biro không phải là một *Almâmi* của Fouta, trước mặt ta hiện giờ chỉ là một tên lính chiến mà thôi. Fouta, Fouta thực sự, đã rời khỏi Timbo rồi. Đó không phải là một dấu hiệu tồi cho chúng ta đâu.”

Giọng nói của *Almâmi* rung lên khiến ông giật nảy mình.

– Anh đã có thời gian ghé qua Labé chưa?

– Qua Labé à? Nhưng để làm gì?

– Đồng ý, anh chưa gặp Alpha Yaya, nhưng chắc chắn đã gặp Ballay. Ông ta có đưa cho anh một lá thư nào không?

Ông chìa cho anh ta lá thư của Saint-Louis:

– Đọc đi, được viết bằng tiếng Peul đây!

Bôcar-Biro đọc ngay, chẳng mấy chốc nổi đóa và xé ngay tức thì:

– Đồ Da Trắng thối thây! Các người không muốn thương mại, các người không muốn tình bạn, các người muốn Fouta kìa! (Anh ta giận dữ cúi xuống và lấy tay đập mạnh xuống đất.) Đây hả, đây là đất đai của cha ông ta, Da Trắng ạ! Kẻ nào muốn lấy nó thì trước hết, sẽ phải cắt được cổ ta đã và nếu hấn cắt trượt thì ta, ta sẽ không chém hụt đâu, dẫu hấn có là Ballay hay Yémé!

Chính vào thời điểm đó mà thảm họa xảy đến, và thêm một lần nữa, người bạn Yémé có nguy cơ mất đầu ở Timbo. Đội gác dẫn vào một người đàn ông đầm đìa mồ hôi, người rõ ràng là từ rất xa đến. Gã mới đến này phủ phục chào rất nhanh rồi cúi sát tai *Almâmi* để thì thầm điều gì đó.

Vị quân vương quay về phía Da Trắng, và đó không còn là giận dữ nữa, mà là sự bình tĩnh, sự bình tĩnh hiền từ, sự thanh thản khủng khiếp của sự thù hằn hiện rõ đầy mặt anh ta:

– Bây giờ, Da Trắng, hãy nhìn thẳng vào mắt ta và trả lời mà không được chớp mắt: có hay không có chuyện anh đã gặp Alpha Yaya, hả?

– Tôi chưa gặp Alpha Yaya! Tại sao tôi lại phải nói dối anh?

– Tôi có ý định cho anh tuyến xe lửa ở Dinguiraye... Thế thì, anh sẽ không đi Dinguiraye nữa... Người đâu, dẫn anh ta đi! Đêm nay ta xem xét những gì sẽ dành cho anh ta!

Một cảm giác xa lạ chưa từng có nơi các thành viên gia đình Olivier bắt đầu xâm chiếm con người ông và khiến bụng ông quặn lên: Sự sợ hãi, một nỗi sợ hãi mãnh liệt và không kiểm soát nổi đến nỗi mà ông thậm chí không thềm giấu con trai.

Đây không phải là lần đầu tiên Timbo bỏ tù ông, nhưng hoàn cảnh không còn giống nhau nữa. Năm 1880, ông là người mới đến Fouta, ông đã không vướng tội gì, còn cung điện được trị vì bởi một *Almâmi* thực sự, hiểu biết và tôn trọng các phong tục tập quán. Kể từ khi trở thành một người Peul và là công dân của Fouta, ông đã quá thâm nhập vào công việc của đất nước, nhúng tay quá nhiều vào bầu không khí bí mật đáng gờm và đầy mưu phản của nó, và trước mặt ông, đang trị vì xứ sở là một gã thô bạo, không truyền thống và không hợp pháp, người chỉ tạo ra quyền lực cho mình bằng bản năng chiến binh và bằng những cơn xung năng không thể kiểm soát nổi. Và thêm vào các chuyện đó nữa là lần này, ông không chỉ có một mình, ông đi cùng con trai.

“Mặc kệ, - ông tự nhủ giữa cơn mất ngủ, trong lúc nhìn con đang ngáy khò khò, ta có thể sẽ buộc phải giết con, con trai ạ, và nuốt lọ cyanure. Con sẽ tha thứ cho cha chứ, hả Georges, nhưng như thế còn tốt hơn là bị tra tấn và sỉ nhục!”

Nhưng ngày hôm sau, một kỵ sĩ đến lôi ông ra khỏi những hoảng loạn hãi hùng để dẫn ông đến cung điện, ở đó, ông bất ngờ trước cái bắt tay nồng hậu của Saidou và khuôn mặt tươi tỉnh của *Almâmi*:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều, Yémé ạ! Anh là một người Peul như tôi, tôi lẽ ra không nên đối xử với anh như thế. Hãy tha lỗi cho tôi vì đã quá tàn bạo. Để chuộc lại sai lầm, tôi những muốn tặng anh một món quà. Thế mà, tôi cứ uống công nghệ suy mãi, nhưng chỉ nhìn thấy mỗi Dinguiraye mà thôi. Đó là món duy nhất có thể bù lại cách xử sự tồi tàn của tôi. Anh thấy thế nào?

- Gì cơ? Anh cho phép tôi tiếp tục lộ trình đến tận Dinguiraye hả?

- Đúng thế.

- Và khi nào?
- Theo ý anh thôi, Yémé ạ!
- Thế thì ngay bây giờ, trước khi anh đổi ý.

Olivier de Sanderval chào già biệt và vào lúc đứng lên, Almâmi chìa cho ông một gói đồ:

- Cầm lấy này, khi ghé qua Sokotoro, anh đưa gói này cho Hâdy, em họ tôi, hẳn là ông hoàng ở đó. Tôi đã ra chỉ thị để hẳn đón tiếp anh đúng lễ bộ mà anh xứng đáng được hưởng và sẽ chỉ cho anh đường đến Dinguiraye. Mong sao sự bình an sẽ tỏa bóng trên lộ trình của anh, Yémé!

Dẫn đầu đoàn kỵ sĩ của mình, Hâdy thân chinh đến đón ông để đưa ông vào Sokotoro. Anh ta cho hâm nước nóng để ông tắm, cho kê những bộ giường gỗ thực sự được trải ga thêu còn đóng gói thì nhồi đầy kapok và huy động tất cả đàn bà đẹp trong địa hạt mình để tặng ông một bữa ăn xứng đáng với cái danh của ông: mười chín bình đầy những món ăn hảo hạng nhất của Fouta! Cha con ông chè chén no say, được những nhạc công thổi sáo và các nhà thông thái ru ngủ. Mãi sau họ mới hiểu ra, khi mà vào giữa đêm, những cơn nôn oẹ và đau đầu bắt đầu hành hạ họ. Họ thổ ra máu và quần quai vì đau đến tận sáng. Những phu khuân vác ở tận đầu kia ngôi làng, đã không thể nghe thấy những tiếng nấc và rên âm ì của họ. Chẳng gì ngăn nổi cái chết từ từ mà họ cảm thấy đang dâng dần lên trong họ. Người cha, sau một cố gắng siêu phàm, đã chống được khuỷu tay và gượng dậy để nhìn con trai mình đang chìm trong hôn mê: “Ta hy vọng nó đã chết và lượt ta cũng sẽ không chậm trễ nữa. Chúa ơi, hãy ra tay cho mọi chuyện diễn ra như thế, con van xin Người!”

Ô điều kỳ diệu, ngày hôm sau, vào lúc mặt trời mọc, họ vẫn

còn sống, khi chủ nhà nhẹ chân lên vào nhà họ và thì thầm những câu khó hiểu với ba người đi sau hắn ta. Nhìn thấy trò con quay bệnh tật của hắn, Olivier de Sanderval cố gắng gom nốt chút lực tàn và sự minh mẫn còn sót lại, lắp bắp thốt lên thành tiếng:

– Rất cảm ơn vì bữa ăn!

Người đàn ông giật nảy mình và, miễn cưỡng, ký nhận những lời thú tội của mình bằng hơi thở hổn hển và những câu nói ngắt quãng:

– Các ông vậy là... Ờ, không... vâng, vậy thì... Ờ...

Họ ra đi ngay mặc dù tình trạng rất thảm hại của họ. Người đàn ông đi bộ theo họ cả nửa buổi sáng, mắt liếc sầm soi dò xét dáng điệu đờ đẫn và bước đi lảo đảo của họ.

– Hắn muốn nhìn chúng ta chết đấy, con khỉ độc này. Làm ơn đi Georges, con trai của cha, đừng tặng cho hắn niềm vui thú đó! Chúng ta sẽ chết sau. Hãy sống đi Georges, cho dù con có phải trả đến giá nào! Hãy nghĩ đến cuốn *Vô Cùng* đi! Hãy nghĩ đến con sói của Vigny! Nhất là, hãy tránh để bị ngắt xủu nhé, điều ấy sẽ chỉ khiến hắn hoan hỉ thôi.

Thấy họ vẫn chưa chết, Hady chán nản, quay ngược đường bỏ về:

– *Allahou akbar!* Đấng tối cao đã đứng về phía Yémé rồi! Chẳng ai có thể làm gì chống lại ông ta cả!

Georges đổ sụp xuống ngay khi hắn biến mất phía sau những lùm cây.

Ba ngày sau, họ vẫn còn sống, thật ra mà nói, ngạc nhiên vì còn tồn tại hơn là sống! Vàng vồ, đúng vậy, đờ đẫn, chắc chắn, da bọc xương nhưng còn sống! Nếu như người ta đã không thể lấy được cuộc sống của họ thì chuyển đi, ngược lại, lại hoàn

toàn gặp tổn hại: Không thể có chuyện đến Dinguiraye hay Tombouctou được nữa! Trong tình trạng của họ, họ phải khẩn cấp dạt đến một trạm gần nhất nào đó của người Pháp. Họ phải mất cả tuần liền để đến được Tinkisso, những cơn hôn mê xen kẽ sự co giật, những trận mê sảng xen với những cơn nghẹt thở. Với thời gian, Georges cuối cùng đã lại sức, ngược lại, tình trạng của cha cậu tột độ đi từng phút. Người ta đã phải di chuyển ngài Sanderval khốn khổ đang bất động, thoát đầu là bằng xuồng chạy dọc theo bờ sông, sau đó là trên lưng người cho đến tận vùng nước khoáng của Niger.

Ở Siguiri, sau khi đã tiêm và đưa cha cậu lên giường, bác sĩ Durand, thầy thuốc của trạm Pháp, gọi Georges ra một chỗ và buồn bã thì thầm với cậu:

– Cha cậu khó mà trụ nổi quá ba chặng đường. Dầu sao, tôi khuyên cậu cũng nên tiếp tục lộ trình, điều đó sẽ đưa ông ấy tiến gần lại con đường xe lửa và trạm đóng quân của chúng tôi ở Kayes. Trừ phi nếu cậu muốn an táng ông ấy ở đây.

Georges cảm ơn ông ta mà giọng nói không hề run rẩy. Cậu cảm thấy như có chút gì đó hoan hỉ trong giọng nói của bác sĩ, nhưng cậu cũng công nhận rằng, chung quy lại, ông ta có mọi lý do để nói những điều ấy và rằng tốt hơn là nên xích lại gần sự văn minh trước khi chuyện tệ hại nhất xảy đến: trong tiềm thức cậu, điều hết sức tự nhiên là ngôi mộ cha mình phải nằm ở Marseille chứ không phải ở bất kỳ nơi nào khác, bên cạnh mộ của mẹ.

Một tuần sau, mạch của bệnh nhân vẫn rất báo động nhưng nhiệt độ đã giảm, và ông đỡ lập cập hơn. Tuy vậy, tin chắc ông sẽ chết trước khi đến trạm sắp tới của người Pháp, Georges cho nhân đôi chặng đường đi, giả điếc trước cơn buồn ngủ và cái đói, trước đàn muỗi, đing nhọt và những lời ta thán của phu

khuân vác. Cậu đã dồn tất cả sinh lực, mọi lý do tồn tại của mình vào một ý tưởng đơn giản và không thể này: xích lại gần Kayes càng nhanh càng tốt, đến được tuyến đường xe lửa trước khi điều không thể sửa chữa xảy đến. Cậu hát những ca khúc chiến binh và tự đọc to những đoạn trong cuốn *Vô Cùng* để tạo thêm can đảm cho mình.

Nhưng phải có trí tuệ bằng đồng để không khởi gục ngã trước hằng hà sa số những ngôi mộ, nổi lên trên đó là một cây thập tự và một lá cờ Pháp. Chiến tranh đã càn quét góc nhỏ này của quả địa cầu. Bị kìm kẹp giữa những đoàn quân của Gallieni và đám chiến binh náo luyện của Samory, đất nước Mandingue này, với những ngôi làng bị đốt cháy và các đoàn người đói lả của nó, vẫn còn chưa hết bị chảy máu. Thi thoảng, cậu ngẫu hứng dừng lại trước một ngôi mộ, phủ lên đó một lớp cành cây và hoa rồi hát vang *La Marseillaise* trong lúc lia mắt về phía cơ thể cha mình đang ngất đi trên kiệu. Những thuộc địa là thế đấy, luôn có một kẻ thù ở nơi nào đó: trước mặt là những mũi tên tẩm độc của dân Da Đen, sau lưng là những viên đạn phản bội của các căn bệnh... Mặt phải hay mặt trái, cái chết luôn rình rập người Da Trắng!

Hai tuần sau lời chẩn đoán u tối của bác sĩ Durand, cha cậu vẫn sống, mặc dù bộ dạng gầy guộc khủng khiếp và những giai đoạn hôn mê dài của ông. Nhưng với tất cả những ngôi mộ nằm bên đường, tất cả những ngôi nhà cháy sém, tất cả những ngôi làng trong cảnh trầm uất, thì không thể thoát khỏi những cảm dỗ của số phận ngặt nghèo. Chính vì thế, Georges suýt nữa thì ngất xỉu đi khi vào một buổi sáng, cậu nhìn thấy một trong những phu khuân vác chạy về phía mình và la tướng lên:

– Đến nhanh đi, Georges! Đến nhanh đi!

Cậu bám chặt vào một cành cây keo và đau đớn lấp bắp:

- Ông đã... ông đã đi rồi, đúng không?
- Ba giọt, Georges ạ! Ông đã uống được ba giọt sữa rồi!

Được cổ vũ bởi điều kỳ diệu này, cậu cho nhổ trại ngay lập tức, lòng tự nhủ: “Hiện tại, tốt hơn là chơi trò được ăn cả ngã về không và xích lại gần Kayes. Nếu đến đó mà cha còn sống thì cha sẽ có thể được chăm sóc tử tế, nếu không thì Chúa đã muốn như vậy thì sẽ như vậy thôi, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng dễ dàng chuyển cha về nước hơn.” Ngày hôm sau, bệnh nhân của chúng ta rời khỏi kiệu và tiếp tục lộ trình trên lưng ngựa, bám chặt lưng con trai. Hôm sau nữa, ông chập chững trên đôi chân mình, dựa vào một trong đám quân của ông. Rồi dần dần, ông bỏ qua nước hâm, bánh bích quy và sữa để đòi một bữa ăn thực sự.

Ở Niagassola, họ xếp hành lý của mình trong trạm của người Pháp: một trung úy trẻ hai mươi lăm tuổi, một trung sĩ, một hạ sĩ, và chừng một trăm tay súng! Thấy cha mình đã khá hơn, Georges đi theo viên trung úy ra chợ để mua đàn lừa mới và lương thực dự trữ. Nhưng những tiếng thì thào không thiện chí và những ánh mắt thù nghịch dõi theo sự xuất hiện của họ. Một gã to con với chòm râu dài, vận một áo chùng lưng thụng của thợ săn xứ Mandingue và một cây đoản kiếm đeo lưng lẳng trước ngực, tỏ ra hùng hổ hơn những người khác. Hắn tiến lại gần viên trung úy trẻ trong lúc tung xoay tròn thanh đoản kiếm của hắn và, bằng một tia phụt dữ dội, nhổ thẳng vào mặt trung úy. Viên trung úy để cho vài giây qua đi rồi bằng một sự bình tĩnh khiến Georges phải ngạc nhiên, giáng thẳng vào mặt hắn một cái tát nảy lửa mà tiếng vang của nó vẳng tới tận các bụi cây xung quanh đó. Hai người đàn ông lờm nhau một cách hằn thù, trong một khoảnh khắc ngắn, không một con ruồi nào dám bay lên. Cả khu chợ rùng lên dưới sự căng thẳng mãnh liệt,

đúng là không thể biện hộ nổi đối với đám Da Đen cũng như người Da Trắng. Thế rồi một thằng lỏi con phá lên cười trong lúc chỉ vào gã to con kia:

– Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn! Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn!

Đám đông nhìn nó, dẫn đo giây lát rồi đồng thanh lặp lại

– Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn! Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn!

Người đàn ông giơ đoạn kiếm của mình lên rồi chạy đuổi theo thằng nhỏ, chẳng mấy chốc kéo theo cả đám đông rền vang trong tiếng gào thét mạnh mẽ:

– Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn! Người Da Trắng đã tát Tiékoro Kélèn!

Buổi tối, vào bữa ăn, Georges thuật lại vụ va chạm cho cha nghe. Xúc động trước hành động mạnh mẽ dũng cảm ấy, Olivier de Sanderval đã đứng dậy để ôm hôn trung úy. Ông không nhận thấy rằng khuôn mặt của chàng trai trẻ đã tái nhợt đi dưới hậu quả của một cơn sợ hãi bị kìm nén quá lâu và bùng ra bất ngờ với sự điên cuồng của một cơn sóng thần nuốt trọn cả những bờ kè đê:

– Ngài có thấu chứ, thưa ngài Olivier de Sanderval, ngài hiểu chứ ạ! Hắn ta hắn đã có thể giết chết tôi, con người thô bạo ấy, và...

Anh ngắt xỉu đi trước khi nói hết câu.

Buổi tối, Olivier de Sanderval ghi lại điều này trong những cuốn sổ của mình trong lúc bên cạnh ông, những con người hạnh phúc đang hoan hỉ trong vòng tay bảo vệ của Morphée: “Không cần phải chinh phục xứ Gaule để trở thành Jules César, đôi khi chỉ cần một cái tát là đủ.”

Ở Kayes, sửng sốt khi thấy ông đến nơi bằng chính đôi chân của ông, Thống đốc Trininian đã đón ông bằng những câu sau:

– Olivier de Sanderval thần tài! Tôi đã đợi ngài với một ly bia, thì bây giờ tôi phải đón ngài bằng một chai sâm banh mới được!

Ông quay lại Kahel ngay khi hậu quả thuốc độc ngừng khiến máu ông sôi lên và thôi không làm chân ông tê cứng nữa. Kể từ giờ, khó mà thoát được lâu khỏi những điệu nhạc đàn lia của Fouta! Ông vui thú gặp lại âm điệu êm dịu của những nguồn nước chảy, của tiếng sáo, ông hít hả hít thở hương vị của fonio và của cây sả, nếm bơ hoi và khoai sọ nóng. Đất nước này ư, ông không còn nhìn bằng mắt nữa mà ông cảm nhận nó đập trong mình, cùng lúc với mạch máu của ông.

Từ đám sương mờ của giấc mơ đến những hòn sỏi rắn của thực tế, thật là một chặng đường dài! Ông, Olivier de Sanderval, nói tiếng Peul, hít thở không khí Peul, cảm nhận kiểu Peul, đi và đến trong đất nước Peul. Chính xác hơn, ông ở Fouta, Fouta ở trong ông. Còn hơn cả một sự đồng lõa, đó là một sự hòa nhập; còn hơn cả một mối liên hệ, đó là một sự thống nhất kỳ bí! Đúng vậy, thật là một chặng đường dài kể từ trò chơi nhảy lò cò và vận quần xà lỏn, từ khi còn ở kiếp trước, nếu như điều đó có thật! Một trực cảm thuần nhất, hồi đầu, rồi đến một giấc mơ, rồi đến một dự án. Ông hiện giờ đang thực hiện nó, đang hoàn thiện công trình, chỉ còn hai ba động tác quan trọng cuối cùng và chẳng mấy nữa...

Đã hết rồi, giai đoạn tiền sử của cha cố Garnier và người đóng thế của ông ấy, Guénolé! Zaratoutsanie đã thôi là một con chimère. Hiện tại, ông bước đi trên những hòn sỏi của ông, giải khát bằng nước của ông, vui thú trong phong cảnh và ăn hoa trái của mình. Và vùng đất hoang dã này, xứ sở thất lạc trong

quả địa cầu này, ông đã trở thành thổ dân tại đó, một người bản xứ tinh khiết, thủ lĩnh của một bộ tộc. Tiền tệ của ông tràn ngập các chợ, binh lính của ông thao diễn trên các bình nguyên cao của ông. Ông là người Peul, ông là lãnh chúa và ông chủ của Kahel, hiện tại là đại diện cho một mắt xích không thể thiếu của Fouta. Ông chỉ cần nhích ngón tay lên cũng đủ cho số phận của cả vùng bị lật nhào. Ngón tay ấy, ông sắp sửa thò ra, số phận của Fouta chẳng mấy nữa sẽ bị xô đổ.

Mọi thứ đã tự chúng gạn lọc kể từ chuyến du lịch đầu tiên của ông đến Timbo! Vị thần Tối cao của người Peul đã vui thú ủng hộ ông một cách ranh mãnh. Ông đã thấy Aguibou và Pâthé quá nguy hiểm, thế thì... số phận đã thủ tiêu họ mà chẳng đòi hỏi ông trả công điều gì. Là Alpha Yaya hay Bôcar-Biro đây? Bữa ăn quý quái ở Sokotoro đã làm nổ tung những đản đo ngờ vực: phải thủ tiêu Bôcar-Biro và phải thật nhanh! Con quái vật ở Timbo, đáng Almâmi với khuôn mặt lỗ chỗ do di chứng của bệnh đậu mùa trở thành thanh chắn cửa cuối cùng và duy nhất. Chỉ cần khiến cho nó nổ tung và tất cả sẽ trở thành hiện thực, tất cả: những câu chuyện kể, những bức tranh, những tập bản đồ và Guénolé, hòn đảo san hô của Thái Bình Dương và của Zaratoutsanie.

Sau vài ngày trên lãnh thổ của mình, để xem xét các nền móng và kết cấu xây dựng đã được tiến hành đến đoạn nào, lô chuồng gà và các đồn điền, các cánh đồng và chuồng ngựa, ông rời Georges và Mangoné Niang để đến Labé trong đêm tối. Ông gặp lại ba anh em đồng minh của mình trong căn nhà kỳ lạ biệt lập, một bếp lửa gỗ nhỏ đang bốc cháy ở giữa nhà.

– Bôcar-Biro đã phái đám sát sinh đến gặp Ibrahima, anh nghe rõ chưa hả Yémé? Anh ấy đến trú trong nhà tôi.

Có, ông nghe thấy và mới thật an tâm làm sao khi tận tai

nghe điều ấy, nhất là Alpha Yaya có vẻ như một con thú khi thốt những từ này: cặp mắt nhỏ khùng khiếp của anh ta phản chiếu những luồng sáng ác độc, môi dưới anh ta run lên, khuôn mặt sưng mọng do tức giận trở thành đỏ tía hiểm ác trong tiếng lách tách của củi lửa.

Giữa Timbo và Labé, giữa hai người bạn thiết xưa kia, vậy là có điều gì đó thật khùng khiếp, điều gì đó không thể sửa đã xảy ra trong lúc ông vắng mặt và chuyện đó đương nhiên không hề khiến ông bất bình tẹo nào.

- Những kẻ sát sinh à, những tại sao thế, hả Chúa ơi? - Ông thốt lên với giọng đạo đức giả nhất mà ông có thể.

- Anh còn hỏi tôi tại sao! Theo anh thì tại sao hắn đã muốn anh chết ở Sokotoro hả, hả?

- Người đàn ông này là một con quỷ! - Ibrahima nói thêm, còn dữ tợn hơn. - Hắn muốn phá bỏ các tỉnh, chỉ để đứng đầu Fouta là bàn tay sắt của hắn ta mà thôi. Đúng là điên khùng!

Tierno, người có thiên tư giữ được bộ dạng bất biến ở giữa biển nước hay biển lửa, giải thích với sự thông tỏ và điềm đạm cái ngu xuẩn, điều phi lý, cái tại sao điên tiết này. Thứ sáu trước, thủ lĩnh tôn giáo và lính gác của luật pháp, Ibrahima, trong nhà thờ Hồi giáo của mình ở Fougoumba, linh thiêng nhất Fouta! - đã tuyên giảng một bài thuyết pháp và bài ấy đã khiến Timbo rất phật ý. Ibrahima đã vương tội ác nào ở đây? Tội ác kêu gọi lương tri và nhắc cho cho người Peul nhớ vài điều hiển nhiên quý báu. Nên biết rằng chỉ một ngón tay không thể xe sợi vải lần ném đá, lần gieo hạt, rằng một cành lá duy nhất không thể làm lên cây lớn. Sau thân cây, là các nhánh, sau các nhánh là có các cành, rồi đến các chồi, đến lá... Đến đây, vâng, sẽ có nhựa cây, trái cây và bóng râm. Tại sao chứ, tổ tiên chúng ta với những kiến thức này, đã lập nên Fouta như vậy với một

Almâmi, những vua, những hoàng tử, các nhà quý tộc, nông nô... vân vân? Là để cho Fouta luôn luôn có nhựa cây, có hoa trái và bóng râm, cho ngày hôm nay, ngày mai và mãi mãi. Than ôi, ngàn lần than ôi, ánh sáng của tổ tiên bắt đầu tàn đi, thời kỳ tòi tệ này đếm được nhiều đêm hơn là ngày, nhiều bọn bắt lương hơn là những con người quả cảm! Ông, Ibrahim, đã biết được - và ông hận mình đã biết điều ấy - rằng ai đó đang chuẩn bị chặt đi những cành nhánh của Fouta, thu ngắn sự nở hoa đẹp đẽ này thành một mẩu gỗ duy nhất. Mong thánh Allah, đấng toàn năng, trừng phạt kẻ truyền đi một cái tin như vậy và rằng Người ban cho Almâmi sức mạnh để dự phòng đất nước khỏi một cơn tai biến như thế này!

Những lời bóng gió nham hiểm này đã rơi toàn bộ vào tai người nào thì bạn biết rồi đây!

Lần đầu tiên, Bôcar-Biro đã gửi, nhưng chẳng kết quả gì, những phái viên đến gặp vua xứ Fougoumba để đề nghị ông thu mình lại, thế rồi lần thứ hai, gửi tới bọn sát sinh. Thế đấy, chúng ta đang ở đoạn ấy đấy và đó cũng là lý do tại sao có cuộc họp trong ngôi nhà nhộp nhúa đầy muỗi và chuột, nhưng lại tránh được những nhát dao và những cặp mắt của Timbo. Lúc này, không thêm những cuộc tranh luận rồi hơi nữa, phải giết Bôcar-Biro hoặc bị chết thảm dưới những đòn của hắn. Ba anh em liên minh kia bàn bạc mưu lược hàng đêm để thảo những kế hoạch. Chết hay sống, Bôcar-Biro phải rời khỏi ngai vàng trong tháng tới đây. Phương thức hành động không quan trọng: đảo chính, hay mai phục, bằng dao hay thuốc độc.

Họ chia tay nhau dưới ý tưởng đó và, do bình minh đã rạng, nên Sanderval được xếp trọ ở cánh trái cung điện. Tốt hơn là nên đợi đêm xuống để ra đi trong bí mật hoàn toàn.

Tầm trưa, một cậu bé xuất hiện trước mặt ông với thịt nướng

và trái cây:

- Là một cô gái sùng đạo gửi biếu ông.
- Một cô gái sùng đạo à?

Nhưng cậu bé đã biến mất đằng sau những bức tường. Ông nhìn nó biến đi và tâm trí uể oải suy nhược, bị đè bẹp dưới làn sóng những nghi ngờ và linh cảm xấu. Tất cả những chuyện này rồi sẽ kết thúc như thế nào đây? Nên tin tưởng ai và không nên tin tưởng ai đây? Lão Ibrahim của Fougoumba này, còn ghét ông hơn cả ghét Bôcar-Biro, ông sẽ là đồng minh của lão cho đến tận khi nào? Còn Tierno, chắc chắn là luôn luôn dễ mến và dễ chịu nhưng không bao giờ có thể an tâm tuyệt đối được cả, với những nụ cười bí ẩn và sự cẩn trọng thái quá của anh ta nữa? Alpha Yaya, người tinh tế nhất và cương quyết nhất hơn cả, có một tư tưởng lạnh lùng, nhẫn tâm và tính toán: anh ta luôn thích lợi ích của mình hơn bạn bè và thích quyền lực hơn những lời cam kết. Không ai có thể dự báo trước được phản ứng của anh ta nếu như mọi chuyện sẽ xoay theo hướng xấu. “Quả đúng là, - ông nhủ thầm, - mệt mỏi vì suy nghĩ, ta đang ở trong xứ sở của những người Peul!”

Vào buổi hoàng hôn, trong lúc ông đang sửa soạn để lên đường về Kahel, thì ba tiếng gõ nhẹ vang lên ngoài cửa. Một phụ nữ trùm khăn, vận toàn màu trắng và cầm trên tay một cổ tràng hạt tỏa lờ mờ chất lân tinh, xuất hiện trong khung cửa.

- Taïbou! - Ông kêu lên sau một lúc lâu ngờ ngợ.
- Ngạc nhiên đấy, anh đã nhận ra tôi được ư?
- Hãy giải thích cho tôi đi, tôi van em đấy!
- Tôi đã tuyên thệ từ bỏ tất cả, Yémé ạ. Tôi đã quyết định dâng hiến mình cho đáng Tối cao. Tôi đã quay lưng lại với đàn ông, với những đồ trang sức và ngựa trong niềm hy vọng, mà

không quá ảo tưởng, rằng Người sẽ tha thứ cho tôi, mặc dù nếu tôi ở địa vị Người thì tôi cũng chẳng tha thứ đâu.

Câu trả lời của nàng khiến miệng ông há hốc, ông đứng chết trân hết như một pho tượng sáp, ngấm nàng mà không sao thốt ra được dù chỉ một tiếng.

- Tôi đã làm anh sợ ư?
- Ờ không... em... em khiến tôi lúng túng.
- Tôi chỉ đến để chào anh thôi. Vĩnh biệt, Yémé!

Ông chìa tay cho nàng, nàng từ chối. Nàng tiến ra cửa và quay về phía ông, lần cuối cùng:

- Anh ta rồi sẽ giết tôi, Yémé ạ!
- Ai vậy?
- Anh còn muốn là ai vào đây chứ?
- Tại sao, Chúa ơi?
- Anh ta sợ rằng tôi sẽ làm với anh ta như tôi đã làm với anh trai mình.
- Im đi, Taïbou!
- Anh ta sẽ giết tôi và như thế là tốt hơn cả.

Nàng hòa vào bóng đêm, để lại âm vang những câu cuối cùng của nàng tràn đầy không gian với sự khắc khoải của mùi hương me mà những thiếu nữ thường xúc vào cổ trước khi đến nhập hội đi khiêu vũ.

Ông quay lại các cửa hàng và những trang trại của mình, mà không mảy may nghi ngờ rằng chẳng bao lâu nữa ông sẽ tham dự vào một cảnh tượng mà nó sẽ xáo trộn vĩnh viễn cuộc sống của ông. Điều đó xảy ra vào một buổi chiều trong lúc ông cưỡi ngựa trong trắng vắng để làm hài lòng George, cậu vốn rất say mê môn cưỡi ngựa. Ở chỗ ngoặt một con đường, ông là nhân

chứng của một ảo ảnh, một ảo ảnh thực sự, cái gì đó giống như những màn kỳ diệu trong kinh Cựu ước: giữa một cánh đồng bao la, cả ngàn người ngồi bệt ngay trên nền đất, đầu cạo trọc, và tất cả đều vận trang phục thụng trắng, sôi sục lẫn tràn hạt. Những người này nhắm mắt, những người khác lại ngẩng mặt lên trời. Chìm đắm trong những tiết thánh vịnh hải hùng của mình, họ không nhìn thấy những người Da Trắng đến nơi. Và thậm chí nếu có nhìn thấy đi nữa, thì họ cũng chẳng để tâm đến. Họ chẳng còn để tâm đến gì hết, những người hành hương này, họ chẳng chú ý gì đến cánh đồng lẫn dòng sông phía dưới, cả khi lẫn cây bông gòn, cả chim trời lẫn người. Chẳng có gì dưới gầm trời này còn quan trọng đối với họ. Họ đang chờ đợi ngày tận thế. Ông nhìn thấy cha tinh thần của họ, mà ta nhận ngay ra giữa đám đông với chiếc mũ mục đồng khổng lồ và cây gậy lão trưởng của mình, nghe nói đã có thiên khải từ vài ngày trước đó. Và họ đã tập hợp tại đây, bởi họ nghĩ rằng chính điểm này là nơi tốt nhất để đón ngày tận thế.

Với những gì mà ông còn nhớ được, thì ông chưa bao giờ thực sự chú ý đến tôn giáo cả. Đúng ra, ông thậm chí còn không biết liệu mình là Công giáo hay vô thần nữa. Chỉ có điều, cảnh tượng của đám đông toàn màu trắng này, tất cả đều thanh thản và tịnh tâm trước sự kết thúc của số phận thì có điều gì đó khiến cho bức tượng đá cũng phải rùng mình.

Ông xuống ngựa, nhún nhường cởi bỏ giày và ngồi cả hai ngày liền giữa những người đang cầu kinh ấy, không ăn cũng chẳng uống gì. Con trai ông hiểu rằng có điều gì đó nghiêm trọng vừa xảy ra. Cậu không muốn quấy rầy ông, nhưng cũng chẳng muốn để mặc cha mình chết vì đói hay còn có thể phát điên. Sau vô số lần qua lại không thể đếm giữa cánh đồng và Fello-Demli, cuối cùng thì, với sự trợ giúp của Mangoné Niang,

cậu đã bắt được ông ra khỏi đó và thuyết phục cha mình ăn uống: - Con chưa bao giờ thấy cha trong tình trạng như vậy, cha ạ. Có điều gì xảy đến với cha thế? Ông Chúa, hãy nói cho con nghe đi!

- Thiên khải đó, Georges ạ, đó là sự thiên khải! Những người này không tin, mà họ tỏ rõ niềm tin. Sự tồn tại của đảng Tối cao là chắc chắn nơi họ. Thú vị đấy chứ, đúng không? Rõ ràng đây là lần đầu tiên con người có hẹn với Vô Cùng. Hãy nhớ điều đó nhé, con trai, Phi châu đáng giá hơn bất kỳ cuốn sách nào. Cuối cùng cha hiểu tại sao mà nó lại thu hút cha nhường ấy, cô nàng vô lại này: chỉ hai chúng ta là những người duy nhất chắc chắn rằng Vô Cùng không những tồn tại, mà nó còn ở trong tầm tay.

- Vâng, họ đúng là ngạc nhiên thật, chạ ạ!

- Ngạc nhiên, không, được cảm tạ đấy, được ban thưởng đây Georges ạ! Những người này đã đạt đến sự thiên duyên! Hãy nhìn kỹ họ đi, họ đã sẵn sàng: Đảng Tối cao đến!... Họ đã ở đó trong khi cha, cha vẫn còn đang đi tìm con đường của mình. Con có thấu được không, hả con trai, cả một chương cuốn sách của ta được chú giải ở đây, trên cánh đồng này.

Rồi ông chìm vào một sự im lặng thần bí nhiều ngày liền trước khi trở lại với cuộc sống bình thường. Nhưng từ giai đoạn này cho đến tận lúc chết, ông sẽ có nhiều lúc chìm đi như thế, và những lúc ấy, con trai ông cháy ruột vì lo lắng khi nghe ông độc thoại một cách huyền bí mà không bao giờ biết rõ liệu ông đang sắp xếp lại những suy nghĩ của mình hay đang mê sảng do ảnh hưởng của những cơn sốt.

“Sự vô hạn không phải là sự có giới hạn bao la chuyên biệt của Vô Cùng, trọng lượng nguyên tử của Vô Cùng... Hiện giờ cần phải có một sự thật mới chỉ cho chúng ta thấy phần tiếp theo của lộ trình và sử dụng sự cương quyết của tinh thần mà

những sự thật trước đó đã làm nảy sinh và tăng sức mạnh trong chúng ta.”

Ông chỉ vừa mới viết xong câu này thì những tiếng đập cửa vang lên trong một đêm tối bão giông cuồng nộ. Một bóng người đội ô, những áo quần ướt sũng và dính đầy bùn đất, đến thì thâm với ông điều này trước khi lại biến vào sự hỗn loạn của chớp nhập nhoang và sấm sét:

– Hãy nghe rõ này, Yémé, *Almâmi* đã rời Timbo! Ông ta đi về hướng Labé. Một cuộc mai phục đã được dự kiến ở Bantignel.

Ngày hôm sau, ông lệnh cho Mangoné Niang tuyển chọn những tay súng tốt nhất và giấu họ dưới những bụi cây ở Bantignel, nơi quân của Tierno và Alpha Yaya đã đợi sẵn, tất cả đều được trang bị vũ khí đến tận răng.

Theo những thám báo, *Almâmi* chỉ có vài trăm quân. Nhưng ông ta đi đâu như thế: đánh nhau với quân vô thần dị giáo, như ông ta hẳn đã tung tin, hay đến đánh úp bạn mình, Alpha Yaya và vị khách quý công kênh tới từ Fougoumba?

Những lính nỏ và lính súng được tập trung bày trận theo kiểu mà họ không được để bất kỳ cái gì sống sót: cả *Almâmi* lẫn quân binh của ông ta, cả cỏ cây lẫn ngựa.

Cuộc đọ súng khiến những vực thẳm và vách đá rung lên cho đến tận khi màn đêm buông xuống. Rồi người ta ngoan ngoãn chờ đợi đến sáng để đếm và xác nhận danh tánh những chiến binh tử trận. Ít nhất là một ngàn xác nhưng không một thi thể nào, bạn nghe rõ chứ, không một thi thể nào gọi lên khuôn mặt hay thân thể của *Almâmi*.

Người ta đếm đi rồi đếm lại: vâng, đúng thế, một ngàn tử thi và không một... Ông ta chắc bị thổi rữa ở một nơi nào đó trong rừng rậm rồi, trong một con vực, nếu không thì dưới những

rặng tre và những cây leo. Ông ta cũng có thể đã bị lũ sói hay đàn linh cầu xâu xé; đơn giản hơn, giống như mười người khác, đã bị suối cuốn đi. Kiểu gì đi nữa, ông ta đã chết, chẳng ai có thể ra khỏi địa ngục đó mà còn sống cả.

Một mỗi vì dự đoán, những kẻ chiến thắng hồi hải quay về Fougoumba để đăng quang một người hiền lành, một kẻ bù nhìn, một hoàng tử tầm tối và còn trẻ có tên Môdy Abdoulaye.

Nhưng vài tuần sau, một đoàn xe từ Sarakolés đến lảng ra một thông tin huyền hoặc, nó khiến toàn thể Fouta sợ run lên: Bôcar-Biro đã không bỏ mạng ở Bantignel. Ông ta còn sống, con quái vật ấy, ông ta còn sống từ đầu đến chân kia đấy! Dân Sarakolés đã nhận ra ông ta trong các khu chợ ở Kébou và trong các ngôi làng ở vùng ven biển! Đúng thế, còn sống mà không mang thương tật gì quan trọng và không một vết xước!

Sao lại thế, còn sống sau một buổi chiều bị nã nỏ và súng ư? Chắc là do linh vật rồi, chắc chắn thế Đấng tối cao lòng lành và đấng Tiên tri hải sẽ chẳng bao giờ có thể lôi được ông ta ra khỏi một bước đi tồi như vậy. Huyền thoại về *Almâmi* bất chiến bại, vô hại trước ma thuật và kim loại, được thổi phồng lên như một trận cuồng phong dạt từ đầu này đến đầu kia của Fouta.

Sanderval, người mà lũ ma quỷ Phi châu đã không thể khiến cho lý trí bị suy thoái, thì gặp rất khó khăn để thuyết phục các đồng liên minh của ông điều ngược lại. “Chẳng có gì là kỳ diệu cả, thoát khỏi cái chết hải, tôi đã chẳng làm cả bốn lần trong cùng một tuần ở Sedan. Tốt nhất, trước tiên ta nên kiểm tra và sau đó là phái bọn giết người đến gặp hải nếu như điều ấy được xác nhận.”

Sự thật được xác minh rất nhanh, đó không phải là một huyền thoại: *Almâmi*, người thật sự, người mà cặp móng đã được tạo ra để ngự trên ngai vàng, vẫn nói và thở hết như bất

kỳ người sống nào. Và đó không phải là một người giống hệt đầu: các thám báo đã nhận ra những nốt rỗ đậu mùa và giọng nói sấm sét không thể bắt chước của ông ta.

Ngay lập tức người ta phái những kẻ đâm dao và thả thuốc độc, những kẻ bóp cổ và thuần ong đến gặp ông ta. Điều đó chỉ làm bất bình người duy nhất theo thuyết Descartes của đất nước Peul, những kẻ sát sinh này làm hết mình nhưng cũng chỉ thu về, nhiều nhất là vài thiệt hại cho các vệ sĩ và những kẻ ném thức ăn, nhưng không hề chạm được vào *Almâmi*.

- Anh nói gì về chuyện này hả, Da Trắng? - Alpha Yaya độc ác giáng mạnh lên ông.

- Thì hẳn cứ sống ở nơi nào hẳn muốn miễn sao đừng bao giờ quay về Timbo nữa. - Ibrahima miễn cưỡng nói.

Vài tuần trôi qua sau sự kiện này thì lại có một thông tin mới còn huyền hoặc hơn gieo rắc hoảng loạn lên tất cả dân chúng Peul: Bôcar-Biro đang tiến về phía Timbo, dẫn đầu một quân đội hùng mạnh gồm người Peul, người Dialonké, Sousous và Nalous.

Lần này thì không thể hành động được nữa, cả mưu phản lẫn mai phục. Chiến tranh, cuộc chiến thực sự, trở nên không thể tránh nổi. Nó diễn ra không xa những nguồn của dòng sông Sénégal, dưới một tảng đá lớn mà, cho đến tận hôm ấy, vẫn không có tên. Bôcar-Biro thắng trận một cách dễ dàng và khai hoàn trở về Timbo. Nhưng ông ta đã gây quá nhiều chết chóc đến nỗi mà người ta kể rằng những con kền kền che kín cả bầu trời.

Người Peul đặt tên cho nơi ấy là Pétel-Djiga, Hòn đá kền kền!

Pétel-Djiga là điểm máu chốt, thời khắc ghê rợn mà bắt đầu từ đó Fouta dần tuột khỏi tay người Peul, cho đến tận lúc sụp đổ

và rơi vào quên lãng hoàn toàn. Nó tạo ra một biển máu mênh mông không thể vượt qua giữa các hoàng tử và gieo rắc trong tâm trí con dân một cảm giác buồn ảo não và bấn loạn. Những vì tinh tú, những con sông, chó; đêm tối, bình minh, cách cư xử, chẳng còn gì là bình thường sau sự kiện đó nữa.

Alpha Yaya về ngay Labé để tuyên bố độc lập cho tỉnh mình, rồi anh ta cho gọi các đồng minh đến cung điện để dự thảo kế hoạch xâm chiếm Timbo.

Vua Labé muốn bao vây thủ đô và quyết tử một trận tranh hùng. Olivier de Sanderval muốn một điều gì đó kém mạo hiểm hơn, tinh tế hơn, một vụ mưu hại, một vụ đầu độc, một cái bẫy, tất cả những gì có thể mà không đánh thức sự thận trọng của con vật. Nhưng trước vẻ mặt tối sầm của Alpha Yaya, trước cặp môi anh ta rung lên vì giận dữ, thì ông hiểu rằng chẳng nên phản đối mạnh ý kiến anh ta làm gì:

– Chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự việc, Alpha Yaya ạ! Theo những thông tin tôi thu thập được thì Timbo, sau Pétel-Djiga giống như một trại lính có thành lũy bảo vệ hơn là một thành phố. Và tôi còn không nói đến quân đội bí mật của hắn ở Nafaya và những đội quân của người bạn Samory của hắn, sẵn sàng bay đến cứu trợ hắn trong trường hợp nguy biến.

Alpha Yaya chỉ nghe loáng thoáng. Anh ta muốn đánh nhau, muốn trả thù cho trận Pétel-Djiga. Anh ta chỉ còn nhìn thấy mỗi điều ấy, chỉ còn hiểu mỗi điều ấy. Anh ta không nói nữa, mà gầm lên, giọng anh ta chính vì thế mà không còn nhận ra nữa.

– Hoặc anh ta hoặc tôi, Yémé ạ, và người đầu tiên trong hai kẻ sẽ ngã sừng trước, kẻ đó sẽ thắng!

Hai ba ngày trôi đi kể từ lúc diễn ra cuộc trò chuyện nhọc

nhắn đó thì người ta chuyển tới họ những thông tin từ Timbo. Môdy-Abdoulaye, hoàng tử bù nhìn đã bỏ trốn ấy, vừa mới quay về thủ đô. Trong một hành động bất ngờ và khó hiểu, Almâmi mà ta không thể tiên liệu nổi này đã xá tội cho người tiếm quyền trẻ tuổi; còn hơn thế, ông ta đã mở hội triều đình để ban bố cho người này một vị trí cố vấn lợi lộc hơn. Chưa hết: trong buổi cầu nguyện trọng thể ngày thứ sáu, ông ta vừa tung ra một lời kêu gọi xin tạ lỗi và hòa giải trước khi thông báo ở Fouta - nơi mà thật sự sẽ không còn gì bình thường nữa - rằng ông ta sẵn sàng tiếp đón Ballay, đương nhiên là có lễ duyệt binh, những lời tán tụng, vàng và kola mà Timbo đã luôn dành tặng cho những nhà thông thái và các thủ lĩnh tên tuổi.

- Tôi không thích thế, Yémé ạ, tôi chẳng thích thế tẹo nào hết! - Alpha Yaya nổi đóa, hai tay ôm đầu. Trong cuộc sống, điều tốt hơn cả là một khi đã là thiên thần thì mãi vẫn cứ là thiên thần, còn lũ quỷ thì muôn đời vẫn là quỷ ghê tởm.

- Lần đầu tiên, chúng ta đồng quan điểm. Tất cả những chuyện này có điều gì đó không ổn, nhất là ở Fouta!

- Tôi nhìn thấy những trận cuồng phong và tang tóc! Thánh Allah nguyên rủa thời kỳ này! - Giọng nói than vãn của một Ibrahima đã hoàn toàn bị giận dữ và tuyệt vọng gặm nhấm, bỗng bùng lên.

- Anh tin vào lòng ăn năn của một Bôcar-Biro không, hả Yémé? - Tierno hỏi.

- Con vật đang cần thư giãn, thế thôi. Nó bị rượt đuổi. Fouta đối với hắn đã trở nên không thể kiểm soát nổi, còn Saint-Louis thì càng ngày càng tỏ ra đe dọa.

- Nghỉ ngơi ư? Chúng ta phải tấn công ngay lập tức. Mỗi một thời khắc để mất sẽ là một thời khắc chiến thắng cho hắn.

– Chớ nóng vội như vậy, hãy suy nghĩ kỹ đi! Hãy chấp nhận bàn tay anh ta chìa ra, trước mắt hãy hôn nó, và chúng ta sẽ cắn chúng vào thời điểm thích hợp...

– Lại nữa ư? Bantignel chưa đủ cho anh sao?

– Sẽ không có Bantignel thứ hai đâu. Lần này, tôi sẽ đổ hết cả quân đội của mình vào đó! Thôi nào, chúng ta hãy gửi bò, vàng bạc, các đạo sĩ và các nhà thông thái đến hấn để tỏ dấu hiệu tạ lỗi và làm lành. Anh là người anh em của hấn, bạn của hấn, thần dân nhún nhường của hấn! Anh từ chối cuộc chiến tranh ly khai, anh đã thực hiện cuộc chiến ấy trong một khắc khùng điên! Ông ta hãy đến Labé và anh sẽ bày tỏ lòng trung thành đối với hấn ngay trên mảnh đất của cha ông của anh, trước chính đám con dân của anh, điều này sẽ đáng tin tưởng hơn, có tính biểu hiện hơn, và viễn cảnh hơn.

– Phải tấn công thôi!

– Trong lúc Ballay đang có mặt ở Timbo ư? Chúng ta hãy chờ để xem họ đang mưu toan điều gì đã. Hai kẻ bất lương này ở chung một bang. A không được đâu, điều đó chẳng khiến ta an tâm chút nào hết!

– Tôi nói với anh là phải tấn công trước khi Ballay cung cấp vũ khí cho hấn!

Vào tầm nửa đêm, Alpha Yaya cuối cùng đã nhân nhượng:

– Theo ý nguyện của anh, Yémé ạ, theo ý nguyện của anh nhé! Tôi đồng ý gửi tới anh ta các biệt phái, nhưng cần thận đấy, nếu tôi mà còn bị hụt lần này nữa, thì anh, tôi sẽ không để bị hụt đâu.

– Gì hả, anh không còn tin tưởng nơi tôi nữa hay sao?

– Giờ thì tôi chẳng tin tưởng ai nữa hết, Yémé ạ!

Ngày hôm sau, Olivier de Sanderval chụp ảnh trước khi quay

về Kahel. Ông lia ống kính lên cung điện, những chuồng ngựa, những ngôi nhà biến dạng, những con phố bao đầy những cây dương xỉ và cây me. Trời hôm đó rất đẹp, thứ ánh sáng trắng ấy mơn man trên lớp đất sét trắng trát tường và rắc trên những cây xoài đầy hoa, những bức ảnh đẹp phải biết! Không khí phảng phất một mùi hương tuyệt vời của sả và hoa chanh. Điều ấy khiến tâm trạng ông vui vẻ, ông bắt đầu huýt sáo gió. Bỗng ông bất ngờ thấy khu chợ vắng tanh, khu vui chơi giải trí vắng tanh, chỗ tụ họp để nói chuyện phiếm vắng tanh. Ông thôi không huýt sáo gió nữa. Có điều gì đó lạ lùng, đáng lo ngại đang lẫn quất đâu đây, trong gió. Những lối mòn hình như cũng vắng tanh vắng ngắt và thật ảm đạm. Ông chỉ gặp gỡ một vài khách bộ hành hiêm hoi đi ngang qua, miệng thì thầm trong nhóm hai ba người rồi lại biến mất đằng sau những hàng giậu mà chẳng thềm đáp lại lời chào của ông. Trước cửa nhà thờ Hồi giáo không một bóng người, chỉ có một gã hành khất tiến lại gần ông:

– Da Trắng phải đến tận khu đất hoang Bôwoun-Loko mới thấy cơ.

Ông chẳng để tâm đến điều ấy, nhưng gã hành khất cố năn nỉ trước khi biến mất sau khi đã bỏ túi đồng năm Kahel của ông.

Một mùi thối khẳn nồng nặc xộc lên mũi khi ông đến gần Bôwoun-Loko. Ông ngược mắt nhìn lên bầu trời: một đàn kền kền xẻ ngang dọc bầu trời trong một điệu hòa âm u tối của tiếng vỗ cánh và tiếng kêu inh ỏi. Nằm dài trên cỏ, cái gì đó thu hút sự chú ý của ông: chính vì vật bí ẩn đó mà lũ chim hám mỗi kia quần tụ về đây đây mà! Ông nhận ra một cái khố, rồi đến chân và tay, những dải tóc tết thành sam điểm những đồng tiền và đồng caurie. Ông cúi về phía khuôn mặt, sẫm soi rất lâu cặp mắt bị rĩa và lỗ mũi nham nhở vì dòi và ruồi, chút nữa thì ngắt xủ

đi.

– Taïbou! - Cuối cùng ông cũng thốt ra được mấy tiếng kêu ấy, trong lúc ném chiếc ô nhỏ và bộ máy ảnh của mình ra xa.

Khi đã lấy lại được tinh thần, một cách máy móc, ông chạy về phía nhà Alpha Yaya và bắt gặp anh ta đang đọc kinh Coran giữa đám đạo sĩ. Người này ném cho ông ánh mắt như luồng sét và khắc nhổ âm ã, hàm ý nói cho ông hay rằng ông không được tiếp đón nồng nhiệt ở chốn này:

– Điều gì dẫn anh đến đây thế, hả Da Trắng?

– Tôi... tôi đến để nói chuyện với anh!

– Thế thì, hãy ngồi xuống chiếc chiếu kia và phải cẩn thận trước những từ sắp lọt khỏi miệng anh đấy nhé. Nào, anh muốn nói với ta về chuyện gì vậy?

– Về... về... về... Bôcar-Biro!

– A à, tôi biết rõ anh là một người bạn tốt, Yémé ạ! Hãy hình dung là khi đã suy nghĩ chín chắn thì cuối cùng tôi tin là anh có lý, hoàn toàn có lý, ngay khi bắt đầu mùa gieo hạt, tôi sẽ gửi đám biệt phái đến Timbo. Tôi sẵn sàng xin tạ lỗi với Bôcar-Biro với điều kiện rằng anh, anh phải nhân đôi số đạn cho lính của tôi.

– Đồng ý!

– Hãy đem đến cho anh bạn Yémé của ta một con ngựa, và những nhà thông thái của ta hãy tháp tùng ông ấy đến tận Kahel!

Vài ngày sau, vuaz Labé hếch mũi khịt khịt trong không khí và biểu thị một cái bĩu môi ghê tởm:

– Ê, dân Peul, các người không thấy có cái gì đó thối khẳn đang bốc lên trong thành phố của chúng ta hay sao?

Khi ấy, và chỉ đến khi ấy, Labé mới dám chôn cất người đàn bà xấu số, và trong một nơi bí mật, nơi mà sẽ chẳng ai đến cúi đầu tưởng niệm bên nấm mồ của nàng, đương nhiên là trừ các thiên thần và lũ chuột chũi, đàn sói và những con linh cẩu.

Tuần sau đó, lính gác của ông bỗng bật báo động. Một đoàn lính đang tiến về phía Fello-Demli.

– Các người đợi gì mà không nổ súng hả?

– Họ không đông lắm và đó là những người hết như ông, những Da Trắng, Yémé ọ, cùng vài lính dã chiến Da Đen!

– Gì hả, Saint-Louis đã xâm chiếm Fouta rồi sao?

Ông vớ vội ống nhòm, quan sát đoàn người đang leo về phía ông và hết sức sửng sốt khi nhận ra, đi đầu đoàn, là chiếc mũ kê-pi của Thống đốc. Điều ấy khiến ông hết sức sửng sờ đến nỗi mà ông đợi đến tận lúc đứng trước mặt ông ta thì mới có thể động đậy mi mắt. Ballay với cây thước kẻ vĩnh cửu trên tay, nhưng nụ cười của ông ta quá rạng rỡ đến nỗi, mặc dù bộ ria và giọng nói, thì ông cũng khó bắt mình tin được đó chính là ông ta.

– Đáng ngạc nhiên đấy, Ballay, có thể nói là ngài rất vui khi gặp lại tôi nhỉ!

– Tại sao lại không, hả Sanderval! Fouta-Djalón hiện giờ đã thuộc Pháp rồi, Bô-car-Biro đã ký giấy rồi! Ngài sẽ phải dưới quyền chỉ huy của tôi, thưa tử tước! Điều đó chẳng khiến ngài vui đâu, tôi ngờ thế. Chỉ có điều Lịch sử là vậy, nó không thể làm hài lòng tất cả mọi người.

Ông cho dựng một chiếc bàn lớn ngay giữa sân để đón tiếp các vị khách, dẫu rằng trên thực tế, chính ông đang cần một chiếc ghế và một ly cô-nhắc đầy thì đúng hơn. Ông vừa nghe thấy, đương nhiên rồi, một thông tin khủng khiếp nhất trong

đời mình. Số phận của Fouta vậy là vừa mới được phê chuẩn mà không có ông, sau tất cả những năm tháng ấy, sau tất cả tất cả những chi phí, tất cả những lần đau bụng, những trận ỉa chảy, tất cả những lối mòn trong rừng hoang, tất cả những... ấy.

Ông tu liền ba ly và lần nào cũng nốc cạn, rồi cả nửa mình trên cứng đờ lại theo cách mà một tử tội đang sẵn sàng nhận những viên đạn.

Nhưng Ballay, người luôn biết thưởng thức chiến thắng, lại chẳng vội vàng gì. Ông ta bỏ mũ kê-pi, tháo ghệt và bốt, lau trán và sai người xoa bóp chân trong lúc cười cợt thả giàn. Không hề có chút ân hận trong giọng nói! Vấn đề về Fouta-Djalou đã được giải quyết, và được giải quyết một cách vĩnh viễn, thì Olivier de Sanderval lại trở thành một người bạn, một bạn chơi cờ tầm thường, một khách mời dễ mến và trên hết chính điều đó mới là không thể chịu đựng nổi đối với ông hoàng Kahel. Vị Thống đốc chờ rượu hồi, đùi linh dương, rượu vang hảo hạng và cô-nhắc - đương nhiên là phải ăn mừng chuyện đó chứ! - trước khi lục tìm túi xách cốt của mình:

– Đây, hãy đọc đi mà xem, Sanderval, được viết bằng tiếng Pháp và tiếng Peul đây!

Sanderval đã dồn hết nghị lực để thề sẽ không run rẩy trong lúc cầm tờ giấy. Khi đọc xong, thì không phải là một tiếng khóc nức lên mà là một lời nhạo báng thoát ra khỏi miệng ông; cái gì đó ngoài ý muốn và như thuộc giống ăn thịt mà tiếng vang của nó văng vẳng rất lâu trong các thung lũng và các ngách sông:

– Điều đó chứng tỏ một cách hiển nhiên, Ballay ạ, rằng ngài sẽ chẳng bao giờ hiểu gì về người Peul hết! Bô-car-Biro đã không hề ký, thay vào đó, ông ta đã chỉ viết “Bis-millâhi” thôi.

Rượu cô-nhắc, hương đồng gió núi, hạnh phúc được thấy

Fouta của ông đã không lọt khỏi các kẽ tay ông... vậy thì cuộc gặp gỡ này sẽ kết thúc ra sao đây? Một hình ảnh đơn giản đã khảm vào tâm trí ông: hình ảnh Ballay thúc ngựa leo lên các sườn đồi đầy cỏ của Fouta và nguyên rửa đến mức có thể nhất tất cả người Peul, tất cả các ông hoàng của Kahel, những Almâmi của Timbo, những tử tước của Bồ Đào Nha, tất cả những kẻ quấy rối trên hành tinh này.

Mùa đông năm ấy sôi sục vì mưa gió, sấm chớp và sét. Những kẻ cuồng nhiệt và những người mê tín dị đoan tuôn ra rằng đó là bằng chứng chứng tỏ thánh Allah, người phân phối chi cấp những lời nguyên rửa và ân huệ, rút cuộc đã quyết định trút cơn tức giận của mình xuống mảnh đất Fouta đạo đức giả và toàn kẻ nghịch đạo để trừng phạt nó một lần về tất cả những tội ác và tội lỗi mà nó đã vi phạm.

Ba tháng mưa ròng và tiếng sấm không ngừng rền vang cô lập các làng khỏi các tỉnh, các tỉnh khỏi Timbo, và Timbo khỏi phần còn lại của trái đất. Những biệt phái của Alpha Yaya đã mất cả ba tuần liền để quay về, và phần lớn là bằng thuyền hơn là đi bộ, các con sông và ao hồ đã bị chìm ngậm, thậm chí cả những vùng đất cao. Mặc dù đã hết sức thận trọng, nhưng họ vẫn bị mất một người trong dòng sông Téné đang có lũ, nhưng ngoài chuyện đó ra thì họ đem về những thông tin tuyệt vời: Bôcar-Biro đã chấp nhận lời tạ lỗi của chư hầu thuộc quyền mình. Ông ta sẽ đến Labé ngay khi các con đường trở nên khô ráo. Đã đến lúc đưa con dân Peul ra khỏi bản năng của những kẻ du cư và những trận cãi cọ đồng đảng. Đã đến lúc thích hợp để biến Fouta thành một ngôi nhà hòa bình, nơi mãi mãi chỉ có tình yêu và tình hữu nghị, niềm tin và sự chia sẻ.

Chỉ có điều, trong lúc chờ đợi điều ấy xảy đến, thì lũ lụt đã không chỉ khiến cho những người chặn cừ án binh bất động

việc di chuyển súc vật của họ lên miền núi cao, hay khiến các đoàn xe đến Sarakolés giậm chân tại chỗ mà chúng cũng khiến lịch sử của Fouta dừng lại. Những cây cầu bị sụp đổ và những con đường đầy bùn đất chỉ làm hoãn lại những ngờ vực và những thù hằn cũ, những lời hứa đường mật và những ý định xấu xa. Ở Labé cũng như ở Timbo, họ đều là những người Peul thận trọng và tính toán. Bằng cặp mắt mình, ai nấy đều nhìn con dao dài mà người kia đang giấu lăm lăm đằng sau những nụ cười và những lời hay ý đẹp.

Hạt fonio được cứu khỏi thảm họa đã nảy mầm và chín, hạt bo bo được dàn ra; khoai sọ cuối cùng đã mọc lên, ngô đã trĩu bắp, vàng dương vui vẻ tháng Mười đã lấy lại quyền hạn tối thượng của mình và dân chúng Peul lấy lại thói quen dệt vải và xe sợi, gặt hái và buôn bán, nguyên rửa và chuyển cừu lên núi cao chăn thả.

Rồi, vào một buổi chiều đẹp trời, một trong những thám báo của Sanderval đã đến tìm ông trên cánh đồng, nơi ông đang giám sát mùa thu hoạch lạc cùng với Georges và Méngoné Niang.

– Tôi có hai thông tin mới cho ông, Yémé ạ: một xấu và một tốt.

– Hãy bắt đầu bằng tin xấu đi!

– Bọn Béafada!

– Gì cơ, bọn Béafada đã làm gì?

– Bọn chúng đã ám hại người đại diện của ông, Bonnard!

– Chúa ơi!

– Hiện giờ, hãy nghe thông tin tốt đây, nó chắc chắn sẽ khiến ông vui lên: Bôcar-Biro đã cắn câu. Ngay tại lúc này đây, ông ta đang tiến về phía Labé.

Ông liền viết một lá thư dài chia buồn đến gia đình Bonnard, rồi lên đường đến Labé ngay lập tức.

Con cáo già Ibrahima đã có mặt ở đó, các cánh quân của lão tập trung ở cửa đông thành phố. Ông ta có lý, lần này, không được cầu thả ở bất kỳ điểm nào hết. Với quân đội của Kahel, phải thêm vào các quân của đồng minh, mà không được quên bất kỳ tên lính nào, không được quên một tên phu khuân vác nào, không một tên trinh sát nào, không một viên đạn, không một mũi tên nào hết.

Xung quanh bình nguyên Kahel, người ta giăng ra cái bẫy khổng lồ nhất trong lịch sử của Fouta.

Người ta thông báo đoàn rồng rắn âm ĩ của *Almâmi* đến *Bhouria*, kế đến là *Porédaka*, đến *Dankaréla*, đến *Fougoumba*... Cuối cùng là *Mâci*, chỉ còn cách Kahel một ngày đường!

Ngôi làng cuối cùng này, thì *Almâmi* đã giẫm chân lên điều không may, nói như người *Peul* vẫn nói thế. Trên thực tế, rất nhanh, cả thế giới bị trật đường ray, các sự kiện bị xô đẩy - với một vận tốc và trong một sự hỗn độn mà không ai đã dự trù trước. Ngày hôm sau, trước lễ cầu nguyện tối, thì số phận của Fouta đã vĩnh viễn bị lật nhào.

Những thám báo của ông ta, đang chờ đợi ở cổng làng, ngay lập tức thông báo cho đảng quân vương về những gì đang thù địch ở Kahel. Ông ta đã dự tính một chặng đường hai ngày, đủ thời gian để dò xét các nhà quý tộc và huy động thêm quân, thì ông ta sẽ lên đường ngay khi bình minh hé rạng. Là một chiến binh *sorya* lọc lõi, chỉ cần một tia sáng lóe trong đầu cũng đủ để ông ta nghiên cứu tình hình và quyết định sự đập trả của mình. Quân của ông ít hơn đám quân trước mặt đến mười lần. Có hề chi, ông đã tham trận hết thế ở *Bantignel* và ở *Pétel-Djiga*: ông

dấu sao cũng đã thoát được trận đầu tiên và đã giã cho họ một trận tơi bời trong trận thứ hai đó thôi! Đây là những gì mà ông sẽ làm: tách quân đội của mình thành ba phần không đồng đều - đội nhỏ nhất sẽ được sử dụng làm con mồi, hai đội kia sẽ đi vòng sang phía đông và phía tây để đánh úp kẻ thù từ phía sau. Kế hoạch rất tỉ mỉ này được giữ bí mật trong một góc não của ông, ông đi về nơi nghỉ của mình hết như chẳng có chuyện gì xảy ra và ăn tối một chiếc đùi dê với hạt fonio và hạt kê. Xong đâu đấy, ông cầu nguyện và đi nằm ngay lập tức.

Ông ta không hề biết rằng mình sẽ chẳng yên thân được bao lâu nữa và rằng hoàng triều của tổ tiên ông đang chuẩn bị trút hơi thở cuối cùng.

Vào giữa đêm, một người đưa tin của thân mẫu ông đến thông báo cho ông một hung tin hãi hùng nhất chưa từng rơi vào tai một đấng Almâmi: quân đội Pháp vừa mới xâm lược Timbo.

Ba đoàn quân dã chiến vừa mới tập trung trong thủ đô của ông: một từ Dubréka, cánh thứ hai từ Siguiriri, còn cánh thứ ba đến từ Kayes. Thân mẫu ông bỏ trốn, tất cả các nhà quý tộc bị bắt, cờ tam sắc pháp phối một cách tự nhiên nhất trên mặt tiền cung điện của ông. Ông ngay lập tức nhảy phốc lên ngựa và chạy thẳng về Timbo. Ông không biết rằng những người Da Trắng, điên cuồng vì đã không bắt được ông tại nhà, đã lên đường tiến thẳng về Mâci, và rằng, sau lưng ông, những đồng minh Kahel, được thông báo rất nhanh, đã kín đáo theo sau.

Fouta khi ấy tham dự một trò đu quay kỳ lạ: hoạt động của ba quân đội kẻ thù và ai nấy trong ba thủ lĩnh đều sẵn sàng ký hiệp ước với quý để khiến cho hai kẻ kia bị thất bại.

Cuộc gặp gỡ diễn ra trong vùng đồng bằng Porédaka: Bôcar-Biro và quân Pháp nằm ở phía cạnh sông; Olivier de Sanderval

và toàn bộ quân đội của Fouta ẩn mình trong khu rừng nổi lên trên quả đồi, tham dự trận chiến đấu mà không hề can thiệp.

Chuyện kết thúc nhanh chóng: đạn pháo và súng quyết định tất cả trong vài phút.

Bị thương, Almâmi đã bỏ lại đó con trai mình, ngựa cũng như phần lớn quân lính.

Dẫu sao ông ta cũng thoát đi được và biến mất trong khu rừng rậm.

Tiếng vang của trận đấu vẫn còn chưa tắt hẳn, thì người ta nghe rõ tiếng ai đó kêu lên:

– Hãy tóm người đàn ông kia lại! Ông ta muốn đến gặp đội quân dự bị của mình ở Nafaya, và kêu gọi viện trợ nơi người bạn Samory của mình đây! Hãy bắt lấy hắn, tôi nói rồi mà!

Tuy nhiên ông đã lĩnh trốn được và chỉ hai hôm sau mới bị phát hiện, nằm bẹp trong ngôi nhà của một thợ lò rèn. Đích thân Beckmann đã có vinh hạnh trưng đầu ông ta lên trước bàn dân thiên hạ của Timbo, với khuôn mặt đỏ do bệnh đậu mùa:

– Đây, khuôn mặt khủng khiếp đã khiến cả Fouta sợ run lên đây! Và sẽ là như vậy đối với tất cả mọi người, những ai muốn phản đối lệnh của Thống đốc!

Vậy là hết sức đơn giản!

Năm phút chiến tranh và thế là Fouta bị sụp đổ! Trên con đường trở về Kahel, Olivier de Sanderval buồn bã nhìn xung quanh. Ông có cảm giác chính nỗi cay đắng ác độc đè nặng tâm hồn ông đây, cũng đang nghiền nát những quả đồi và cây cối. Cùng lúc với những niềm hy vọng của ông, vẻ tráng lệ của xứ sở này có vẻ như đã tan biến: những màu sắc của các thung lũng kém đi phần huyền ảo, còn những tiếng gầm gào của các con suối thì đã mất đi vẻ trữ tình của chúng! Fouta của ông vừa mới

tuột khỏi tay ông, Fouta của ông sẽ mãi mãi không còn như xưa nữa. Cô độc và băng khuâng trước một sự đổ nát hãi hùng, ông tiến lên, đầu cúi gục, không hề vội vã đề về Kahel.

“Các người đã nghe rõ chưa, hả các ông cả bà lớn? Họ đã chém đầu Almâmi. Vàng dương vẫn ở trên đầu chúng ta ấy thế mà Fouta không còn tồn tại nữa!”

Hiện tại, ông đang có mặt trong vùng lân cận của Fougoumba và lơ đãng nghe những bài đồng ca hòa trộn những tiếng khóc than và tiếng rít hí của lũ gia súc. Ông còn phải băng qua dòng sông Téné, xuyên suốt miền đồng bằng Kébali và những khu đất lở của Diembouria...

Ở Porédaka, họ chia tay nhau mà không nói lời giã biệt: ai nấy rẽ về ngã mình hết như sau một buổi đi săn bị lở dở hay gặp tai nạn.

Ông đã ngoan ngoãn chờ đợi cho cuộc chiến đấu kết thúc trước khi ra khỏi cánh rừng. Khi nhìn thấy ông đi tới, một sĩ quan đã ngay lập tức ra lệnh nã súng. Lệnh phản lệnh của Beckmann đã cứu sống ông trong gang tấc. Khi ấy, ông chỉ còn việc rời khỏi chiến trường, dưới những lời chế nhạo của kẻ thù tâm huyết của mình: Beckmann đã chiến thắng, nhưng còn khó chịu hơn nữa, chính hắn đã cứu sống ông. Ông tiến về phía Sankaréla mà không hề bận tâm đến con đường của những người khác.

Ông đi mà lòng trĩu nặng, cương ngựa trong tay và đằng sau ông, chỉ có ba thàng hầu để khuân quần áo, thuốc thang và lương thực cho ông. Đã hai ba ngày trôi qua và ông mãi vẫn chưa về đến Kahel - phải tin rằng nhịp độ bước đi của ông đã bị ngắt quãng hoặc những đỉnh đồi của Kahel đã bắt đầu lùi xa do thảm họa của Porédaka, chắc chắn là thế.

“Hỡi các bạn của tôi, Fouta đã vỗ cánh bay đi rồi! Một đồng bụi đã bị gió cuốn đi! Lailâi lallâhou! Họ đã giết Almâmi và kho báu của ông ấy đã biến mất!

Có mặt trước công những ngôi làng, dân chúng nhìn ông lê bước nặng nề, mà không hề ngỏ với ông một lời. Những ai mà ông chạm mặt ở mỗi đoạn rẽ và trên các bờ sông thì quay mặt đi và biến mất trong đám thực vật um tùm hết như những cái bóng. Rõ ràng là họ không đồng hài lòng về ông. Ngay chính cả ông cũng không hài lòng về ông. Vả lại, ông chẳng hài lòng về người nào hết. Bôcar-Biro đã chết. Đó chính là điều mà tất cả mọi người mong muốn và bây giờ ai nấy lại đều có vẻ như tiếc nuối điều gì đó, bắt đầu là ông, Olivier de Sanderval... Họ đã tìm ra được một lối thoát, nhưng lối thoát ấy lại trở xuống một vực thẳm! Hôm qua, mọi thứ còn rất đơn giản, ngày hôm nay, chẳng còn gì là chắc chắn nữa: những công ước, những ý tưởng và cả bạn bè.

Một thứ cảm giác bệnh tật đầy bất ổn và ngờ vực đè nén ông trên suốt dọc chặng đường.

“Và các người có biết gì không, hả các ông cả bà lớn kia? Kho báu của Almâmi đã biến mất. Người ta giết chết Almâmi và kho báu của ông ta đã biến mất!”

Con đường ông đang đi lúc nhúc những hồn ma bóng quế, những câu mà ông nghe thấy thì thực ra lại chẳng nói với ai cụ thể cả.

Ông nần ná vài ngày ở Kahel để thanh toán cho quân lính và những người nông dân, thúc tiến những công trường và giám sát kỳ bắt đầu thu hoạch. Nhất là ông tận dụng dịp đó để rửa sạch đầu mình và sắp xếp lại những ý tưởng. Nỗi lo sợ cho tương lai đã trở nên khó chịu đựng nổi đối với ông hơn cả

chứng mất ngủ. Tất cả đã rời xa, tất cả đã trở nên thù địch hoặc xa lạ. Chẳng còn ai để mà gửi gắm, trong đầu không có ý tưởng nào hết! Những cuộc dạo bộ dài trên các trảng vắng và cuộc đi săn gà gô cũng chẳng thay đổi được gì.

Georges và Mangoné Niang lần này khó khăn biết bao nhiêu để lôi ông ra khỏi những khoảng khắc bơ vơ dài chất đầy những đoạn độc thoại dữ dội và huyền bí. “Họ đã chém đầu *Almâmi*! Họ đã làm gì với số vàng của Bôcar-Biro chứ?”

Ông vốn không phải là người dễ bị đánh gục, ờ thì chí ít cũng là trước đây! Đó là một con trâu mộng, về thân thể cũng như về tính khí, người không ngần ngại chạy loảng quảng khi có nguy hiểm: ông lẽ ra phải được ra đời ở Labé hay ở Timbo, chính phải với con vật đó mà các đấng thần linh lẽ ra phải ban cho tâm hồn. Tuy vậy lần này, tất cả đã đổ sụp trong ông. Có những lúc cái chết đến mời chào dụ dỗ ông, ý tưởng đến bảo ông buông mình cho sự say sưa của hư vô, đáp lại lời kêu gọi của những con sóng gầm gào trong các vực sâu.

“Ai mà biết được họ đã làm gì với vàng của Bôcar-Biro? Vậy kho báu của *Almâmi* đang nằm ở đâu?”

Một hoàng tử danh phận u mờ có tên Oumaron Bademba đã được đẩy lên ngai vàng. Nhiệt thành, Thống đốc, đã đặc biệt rời Saint-Louis đến đây để chứng duyệt sự kiện này...

Những tiếng ồn của các sự kiện dồn đến tai ông cũng vô nghĩa thấm thê hết như tiếng riu rít của đám chim hồng hoàng hay tiếng bay vù vù của đàn ong.

Duy sự thật thì lại không bao dung khi người ta quên nó quá lâu. Một buổi sáng thứ hai, ba kỵ sĩ trẻ của Labé đến, một cách bất ngờ, lôi ông ra khỏi sự ủ ê nhu nhược của mình.

– Yémé, Alpha Yaya, Tierno và Ibrahima đã tập họp ở Labé!

Họ cho tôi đến kiểm ông.

Ông rũ người ra khỏi tình trạng của mình hơi giống như người ta ra khỏi giường sau một ngày dài biếng lười.

Ông đứng dậy, gọi con trai và đi theo ba người đưa tin trẻ, mà không hề nghi ngờ rằng ông sẽ mãi mãi không bao giờ gặp lại Kahel nữa.

Ở Labé, tất cả đều mang miệng lưỡi kẻ thù. Khi ông tới nơi, Tierno quay mặt đi, Ibrahima giả bộ niệm kinh và ánh mắt của Alpha Yaya chẳng biểu thị tí tình người nào hết:

– Tôi vừa được biết là một gã có tên Bonnassières đến để đảm nhận chức chỉ huy của đồn Labé. Đồn Labé đây! Tôi sẽ đón hấn bằng súng, Yémé ạ! Không có chuyện tôi lôi đất đai của mình ra khỏi móng vuốt của Timbo để tặng nó cho dân Da Trắng đâu! Nhưng các người coi mình là ai mới được chứ, hả trời cao đất dày?

Tierno cũng vậy, và điều đó quả là rất hiếm, khó giữ nổi bình tĩnh:

– Tôi cũng sẽ làm y hệt thế ở Timbi-Touni!

– Quá muộn rồi, đã quá muộn rồi, các người anh em ạ! Tôi đã báo trước cho các anh biết rồi mà! - Giọng nói ghê sợ của Ibrahima nghiền kèn kẹt. - *Allahou akbar*, cú sét mà tôi lo sợ, thì chính nó đã giáng xuống rồi! Đáng nguyên rửa, đáng nguyên rửa, thời kỳ đáng nguyên rửa!

– Lính các anh băng qua đất của tôi mà không thềm hỏi ý kiến tôi! - Tierno tiếp tục nói.

– Các anh à? Tại sao, tại sao lại là các anh hả? - Sanderval nổi đóa.

Và chính giọng nói tàn nhẫn của Alpha Yaya đáp lại ông:

– Đó là các người anh em của anh, Yémé ạ! Những kẻ Da

Trắng giống hệt anh đấy!

Trận tra tấn kéo dài gần một giờ đồng hồ trước khi đến lượt ông cũng nổi khùng lên:

– Vậy các người đi mà nói chuyện với Ballay, lũ chăn gia súc xấu xa và không thể sống cùng này! Chính ông ta, chính vị Thống đốc ấy! Chính ông ta mới là Da Trắng! Còn tôi, tôi là một người Peul, một người Peul hệt như các anh!

– A thế hả? Khi trời mưa, anh mang màu trắng, khi trời hanh khô, anh mang màu đen và khi trời có gió, anh chẳng là ai nữa hết. Tôi biết loài vật này, nó tên là tắc kè hoa. Tôi lẽ ra đã phải nghiền nát anh dưới bàn chân mình vào chính cái ngày chúng ta gặp nhau, - Alpha Yaya gầm lên.

Nhận thấy mọi chuyện bị kích động một cách nguy hiểm, Tierno khoác lại bộ mặt mà Da Trắng đã từng biết:

– Kiên nhẫn nào, các người anh em, kiên nhẫn! Quát tháo nhau dẫn chúng ta đến được điều gì nào? Chúng ta sống trong ủ ê thê thảm khá đủ để không nên đóng cửa lại với nhau nữa. Điều chúng ta cần lúc này, đó là một giải pháp và giải pháp đó đang nằm trong tay anh, Yémé ạ. Hãy đến Conakry đi, hãy đến nói chuyện với Ballay!

– Với Ballay ư? Anh muốn tôi nói gì với ông ta chứ?

– Hãy nói với ông ta, hãy nói với những người cùng chủng tộc với anh phải tôn trọng những cam kết của họ: hữu nghị, thương mại, không gì hết ngoài những chuyện đó!

– Nếu không, chúng tôi sẽ nâng súng lên đấy! Hãy nói với ông ta, vị Thống đốc ấy, điều này: ông ta hãy chăm nom công việc của ông ta ở Conakry, còn chúng tôi, những công việc ở Fouta! Ông ta hãy gửi vải vóc và ngọc trai của mình và ông ta sẽ đổi được da bò và sáp ong! Anh sẽ khiến ông ta hiểu được điều

đó chứ?

– Tôi sẽ cố gắng, Alpha Yaya ạ, chỉ có điều, với họ tôi là người Peul rồi!

– Và anh là Peul thực sự chứ?

– Các anh sẽ chẳng bao giờ tin tôi, ấy thế mà, do cứ chạy sạt cả sườn đồi của các anh, nhồi tọng toàn những fonio và sữa đông, dùng tiểu xảo và nói dối, do cứ đắm mình vào những phong tục xấu xí kiểu trưởng giả khiến người khác hoảng sợ của các anh!... Nhưng mà thôi, chuyện đó chỉ liên quan đến một mình tôi thôi! Các anh không bị buộc phải tin tôi đâu, ấy vậy mà, tôi cũng thế, tôi là một người Peul đấy! Và tôi tệ hơn cả, tôi thấy điều đó đúng ra là rất thú vị đấy!

Tierno quay đi hướng khác. Ibrahima ngừng hỉ mũi. Alpha Yaya thở dài lão lượ, rồi hắng giọng như để rũ bỏ khỏi giọng nói của mình chất đờm của giận dữ và oán hờn, rồi anh ta chìa tay cho Da Trắng:

– Anh còn nhớ những gì mà tôi đã nói với anh gần dòng sông không, hả Yémé?

– Anh đã nói với tôi rằng: “Buổi sáng này thật kỳ diệu, hãy là bạn của tôi nhé, người xa lạ ơi!”

– Thế thì,... Yémé ạ, mong sao những sự kiện ấy cứ diễn ra, những từ này sẽ vẫn giữ nguyên giá trị!

Sau đó họ chia tay nhau. Người ta giết thịt một con cừu để tiễn hai Da Trắng, họ được mời ở trong một khu phụ của lâu đài. Ngày hôm sau, người ta tháp tùng họ đến tận dòng sông Kokoulo. Nhưng vào lúc nói lời giã biệt, thì Alpha Yaya khoác lại vẻ mặt ông hoàng hải hùng của anh ta:

– Hãy nghe này, Yémé, nếu những người Da Trắng xâm chiếm Fouta, thì tôi sẽ chiến đấu với họ! Đừng bao giờ quên

điều ấy nhé, Yémé!

Ông đi thẳng một mạch đến Conakry mà không rẽ qua Kahel. Tierno có lý, ông phải nói chuyện với Ballay, và phải thực hiện điều đó nhanh nhất. Chính ý tưởng đó lẽ ra phải nảy sinh trong đầu ông ngay sau cuộc đấu ở Porédaka. Chỉ có điều, trong khoảng thời gian ấy, tâm tưởng ông bị dờ dẩn nên không thể nhận ra điều hiển nhiên này. Điều đã gây ra quá nhiều chuyện đến nỗi mà cái chết của Bôcar-Biro để lại nhiều nghi vấn! Fouta sẽ trở thành một chế độ bảo hộ? Một thộc địa? Liệu nó có được tự trị không, hay bị thâm nhập vào Guinée thuộc Pháp, thậm chí là với Sénéral hay với Soudan đây? Còn những hiệp ước của ông, trong tất cả các chuyện này là thế nào? Ông phải rảo bước lên. Phải đến được Conakry trước khi Ballay được gọi đến Saint-Louis hay đến một tỉnh xa xôi nào đó. Phải thuyết phục ông ta đối xử khéo léo với các hoàng tử Peul để tránh thảm họa, nhất là hiện giờ những trò bất cần của tên đàn Beckmann đã báo động con báo Alpha Yaya.

“Nếu dân Da Trắng xâm chiếm Fouta, tôi sẽ chiến đấu với họ!”

Một sự đe dọa của Alpha Yaya, thì ta không bao giờ được xem nhẹ nó!

Sự kinh hoàng bao trùm ở Tianguel, chặng đường đầu tiên của ông sau những vách đá ở Guémé-Sangan. Không còn ai dám ra ngoài vào ban đêm nữa: “Một mù phù thủy đang ám ảnh nơi đây”, trưởng làng nói với ông với vẻ nghiêm túc nhất.

– A, người Peul các ông, với những câu chuyện ngủ đứng chứ gì!

– Đây không phải là chuyện dối trá đâu, Yémé ạ! Chính mắt tôi đã nhìn thấy, với mái tóc bù xù và cặp mắt rịn máu của nó.

Anh có thể kiểm tra điều này gần nguồn-cây-sậy, người ta nhìn thấy nó lẩn quất tại đó đấy.

– Tôi có chuyện khác cần làm hơn, tôi phải xem xét lộ trình và để đôi chân già nua của tôi nghỉ ngơi chút đã để chuẩn bị tấn công đoạn đường ghê gớm ngày mai. Người ta nói rằng dòng sông Konkouré đang vào lũ mà chúng tôi thì phải băng qua nó.

Nhưng ngày hôm sau, lúc đi ngang gần nguồn-cây-sậy cùng với đoàn người ít ỏi của mình, cảnh tượng mà ông tham dự khiến ông nổi loạn vô cùng và quá đỗi đến nỗi mà ông bỏ rơi cả chiếc ô nhỏ của mình. Một đám trẻ con bị kích động cuồng nhiệt đang ném đá vào một người đàn bà thảm thương, ăn mặc rách rưới, người đầy vết lở loét hai lỗ mũi tắc lại bởi gỉ mũi.

– Biến khỏi đây đi, phù thủy già!

Ông giăng một cái roi trên trán cỏ và xua đuổi lũ trẻ, rồi quay về phía người đàn bà đáng thương để nâng bà ta dậy. Chính lúc đó, một luồng điện nhanh như sét xuyên qua cột xương sống ông và khiến ông bất động, cứng nhắc như một bức tượng. Ông hít một hơi dài rồi cuối cùng cũng thốt lên được một tiếng kêu:

– Dalanda!

– Yémé!

Không còn nghi ngờ gì nữa, đó chính là nàng! Nàng vẫn mang màu da đồng hun, ánh mắt nàng vẫn rạng rỡ và đáng vẻ thiên thần.

– Hãy đưa em đi với anh, Yémé! Dion-Koïn đã chết. Người anh em cùng cha khác mẹ của anh ấy đã thừa hưởng tất cả; ngai vàng, đàn gia súc, và những người đàn bà.

– Hấn đã xua đuổi em ư?

– Hấn nói rằng em đã quá già, hấn nói rằng em đã chưa bao

giờ có con. Hãy đưa em đi cùng anh, Yémé!

Ông ngấm nhìn bộ dạng rách rưới của nàng, hai lỗ mũi lấm lem máu và cái bấu khổng lồ giữa trán nàng.

– Hãy đưa em đi đi, Yémé!

Ông quay nhìn đám phu khuân vác, mở vôi hai ba két hàng, lôi ra những san hô và nhựa thơm rồi đeo dây lên tay nàng.

– Em xin anh, Yémé, hãy đem em theo anh!

Ông càng bối rối hơn, lại quay về những kiện hàng và đưa cho nàng sô-cô-la:

– Cửa hãng Marquis đây, - ông nói rõ, bị lây những cơn rùng mình và run lấy bẩy của người đàn bà khốn khổ. - Em vẫn thích Marquis chứ?

Nhưng ông chợt nhận ra sự có mặt của Georges và điều ấy khiến ông rối loạn bội phần.

– Người đàn bà điên này là ai vậy cha?

– Đó là... như con nói, một người điên! Một người đàn bà điên mà cha đã quen biết xưa kia và bây giờ lại càng ngày càng điên dữ hơn... Đi nào! - Ông gào lên và đi lên phía trước dẫn đầu đoàn mà không dám ném ánh mắt sau chót lên Dalanda, người vẫn tiếp tục gào lên sau lưng ông:

– Hãy đưa em đi cùng anh, Yémé! Hãy đưa em đi với!

Suốt ngày ông bước đi mà không hề mở miệng, cố tránh ánh mắt con trai và xua đuổi tiếng vỗ dồn dập phát ra những nghĩ suy tăm tối đang quấy nhiễu tâm trí ông và đe dọa sẽ nuốt chửng ông. Những thanh chắn của ông bị đổ gục trên mọi hướng; Ông cứ uổng công bấu víu vào những kỷ niệm vui vẻ nhất trong sự tồn tại kỳ dị của mình, nhưng ông cũng không ngăn được ý chí mình cứ suy yếu dần đi. Sự suy tàn của Dalanda không chỉ đơn giản nói lên sự không thể của một chuyện tình,

mà nó cũng thông báo đoạn cuối của một ước mơ - những giới hạn của sự vô cùng, nói như ông vẫn nói.

Hoàng hôn đã đuổi kịp trước khi họ băng qua sông. Dòng Konkouré vẫn chưa dứt lũ dẫu đã vào đầu mùa khô: không thể vượt sông được, đêm đã đến rồi. Họ cắm trại trong một khu rừng thưa mà một vách đá la-tơ-rít dựng lên bảo vệ họ khỏi khối bùn rác rưởi nằm đầy trên bờ sông.

Hậu quả gián tiếp, như bữa ăn bị ngộ độc ở Sokotoro chẳng? Ông chìm vào giấc ngủ sâu ngay khi tháo bớt ra. Nhưng ông lại tỉnh giấc vào hồi giữa đêm, hoảng loạn bởi những cơn ác mộng và thở hổn hển như một con vật thiếu khí. Ông ra khỏi lều, tay đặt trên ngực và hét lên như thể ông sẽ nhổ ra cả khoang phổi:

– Không... khí! Georges à... làm ơn đi... cho không khí đi!

Con trai ông đã thành công, một cách khó khăn, làm ông dịu đi và dần ông quay về giường ngủ. Cậu thám mò hôi trán cho cha, xoa bóp ngực và lấy bẫy vật lộn với hộp thuốc để tìm những viên thuốc và sữa xoa bóp. Tất cả đã trở nên bình thường. Đó là ngày của những điều kỳ diệu, bởi chẳng mấy chốc ông cất tiếng ngáy. Phần còn lại của chuyến đi diễn ra mà chẳng có trở ngại vụn vặt nào, ngoài những cú ngã thường nhật, chứng cứng khớp và những cơn đau bụng không tránh khỏi. Ông lao thẳng đến điện Thống đốc ngay khi cập bến Conakry. Ông bắt gặp Ballay trong văn phòng đang bồn chồn tra cứu đồng hồ sơ, cây thước kẻ bất biến trên tay. Những lời chào hỏi xa giao diễn ra chóng vánh, không mặn nồng, và những câu chuyện ngay lập tức đi thẳng vào đề:

– A, cụ khốt Sanderval! Sự có mặt cạnh ông chẳng khiến tôi thích thú cho lắm, nhưng tôi thích ông có mặt ở đây, bên cạnh tôi hơn là ở đó trong vùng không thể nắm bắt của ông, Fouta!

– Ô, đó gần như một dấu hiệu của sự ngưỡng mộ, thưa Thống đốc!

– Rồi, điều gì đưa ông đến đây thế?

– Câu hỏi hay thật đấy! Có thể nói tôi chờ đợi ngài mời đến để thảo luận.

– Về tương lai của Fouta hả? Nó không còn can hệ gì đến ông nữa, tương lai của Fouta ấy.

Tất cả những sự kiện này diễn ra chẳng để làm gì: hai người đàn ông này vẫn hoàn toàn đối lập nhau. Cuộc nói chuyện nhanh chóng lấy lại độ nặng luận chiến của nó và âm lượng giọng nói bốc lên. Olivier de Sanderval cố gắng khiến cho đối phương của mình hiểu rằng Fouta phải giữ được quyền tự trị và rằng, khi liên minh với những người như Alpha Yaya, nước Pháp có thể trụ lại ở đó lâu dài. Vua Labé, nước Pháp phải giúp ông ta ra khỏi sự bảo mẫu của Timbo chứ không phải dựng ông ta lên chống lại Timbo. Còn Ballay thì ngược lại, muốn hòa nhập đất nước Peul vào trong thuộc địa của ông ta. Ông ta tính giảm quyền lực của Timbo. Sẽ không chỉ có một Almâmi mà sẽ có hai: một ở Timbo và một người khác ở Dabola. Còn về tỉnh Labé, ông ta tính xé nhỏ thành năm mẫu.

– Mỗi một trong số những người Peul này sẽ có cho mình một hoàng triều, như vậy, ai nấy đều hài lòng.

Còn về những hiệp ước của Sanderval, sẽ không bao giờ được đưa ra bàn nữa. Nước Pháp nông hậu và vĩnh cửu sẽ nhượng cho ông năm ngàn hec-ta đất trong thung lũng xứ Kolenté, trong đất nước Sousous.

– Đổi lại, ông phải quên hẳn Fouta-Djalon. Tôi cấm ông quay lại đó!

– Fouta-Djalon, đó là nhà tôi!

– Fouta-Djalón không còn tồn tại nữa, Olivier de Sanderval
a. Chúng ta đang ở nước Pháp, và ở đây, nước Pháp là tôi!

Ông để mặc cho người đàn ông khốn khổ kia bẻ gãy thanh
thước kẻ của mình và thở hổn hển vì tức tối trước khi đi ra cửa.

Trong sân, Georges, đang đợi ông giữa đống hành lý, vừa
khóc vừa báo tin cho ông hay rằng người ta vừa tàn phá trang
viên của họ ở Kadé. Dẫu vậy, họ lại chất đồ đạc và, theo sau là
những phu khuân vác và đám hầu, ngay lập tức quay lại những
con đường hiểm trở để về Fouta. Nhưng, đến tầm khu Gongon,
họ vấp phải một toán lính dã chiến, dẫn đầu là một trung úy trẻ
Pháp, cũng bảnh chọe hết như thói ngạo nghễ:

– Tôi được lệnh không để cho các ông qua! Và đừng cố làm
gì, tôi sẽ buộc phải nổ súng.

– Nhân danh Beckmann hay Ballay hả?

– Nhân danh nước Pháp, thưa ông!

Ông nhìn con trai như muốn nói với nó: “Chúng ta là những
thành viên gia đình Olivier! Chúng ta hãy sử dụng vũ khí của
mình đi! Hãy vượt qua!” Nhưng người này lắc đầu buồn bã
thuyết phục cha bỏ ý định:

– Cho qua đi cha! Chúng ta sẽ quay lại đó vào một lần khác.

Quay lại Conakry, ông thích ở tại nhà mình hơn. Hiện giờ,
ông có thể thực hiện điều đó, trong lãnh địa trên mũi đất nhô ra
biển của ông. Ở giữa những cây cọ và xoài, kể từ đó ngụy sừng
sững một ngôi nhà xinh xắn lợp ngói^[27], bốn phòng và một cầu
thang xi măng dẫn lên một mặt bằng dùng làm sân thượng, có
các bức tường thấp bao quanh. Được sử dụng làm bếp, một
phòng nhỏ nhô cao hẳn một vòm khiến ta cùng lúc nhớ đến
một ngôi nhà của người Peul và ngôi nhà hình lập phương của
người Ả-rập; một đại lộ chừng một ki-lô-mét có hàng phượng và

xoài bao quanh dẫn thẳng từ nhà ông đến điện Thống đốc. Ông cho san bằng mũi đất để biến thành một khu đất trồng phủ đầy rơm, nơi mà tất cả các tối, ông rộng rãi mời những ông chủ thực dân đến thưởng thức rượu, chơi cờ và chơi nhạc ác-mô-ni-ca.

Conakry trở thành một thị trấn nhỏ bé xinh đẹp phân biệt hẳn với rừng hoang, những ngôi nhà hai tầng có thành vịn bằng sắt gò, xếp dãy thẳng thớm chạy dọc những đại lộ mới xây dựng. Có một nhà bưu điện và một nhà dành cho các buổi lễ tết ở Boulbinet, một nhà tù ở Corothie, một trại lính ở Tombo. Sở thuế và sở lao động công cộng vừa mới xây xong. Người ta đang chuẩn bị khánh thành nghĩa địa và văn phòng hộ tịch.

Giữa các xóm nhỏ của Téné và Bagas, thành phố châu Âu sáng lấp lánh một cách tự hào, với những lối mòn được chỉnh chu, nơi các ông chủ thực dân dạo bộ tới lui, bằng xe đẩy hay những cỗ xe ba bánh. Hiện giờ người châu Âu đã lên tới bốn hay năm trăm, trong đó có rất nhiều phụ nữ và vài trẻ em. Thế giới nhỏ bé này giải trí bằng câu cá và săn bắn, chơi bi, uống khai vị trong các trạm du khách và tiếp tục mời nhau ăn tối. Conakry hay cuộc sống vương giả buồn chán của thế giới nhỏ bé khép kín! Người ta chạm mặt nhau đến mười lần mỗi ngày. Kẻ này gièm pha người kia và ngủ với vợ của người nọ. Họ đốt cháy nỗi buồn chán trong các ván bài bơ-lốt, giết chết bệnh sốt rét trong rượu Pernod. Họ đang ở nước thuộc địa, họ chẳng yêu quý nhau lắm, nhưng cần phải xích lại nhau để sống sót khỏi những thù nghịch bên ngoài: đám Da Đen và rừng rậm, đám ký sinh trùng và buồn chán. Cha con nhà Sanderval sống trong cuộc sống tỉnh lẻ Pháp được đem tới dưới bầu trời nhiệt đới; mọi thứ gian xảo và sự phức tạp của hàng xóm láng giềng, nơi tất cả đều được biết, đều bị nhìn thấy, đều bị nghe thấy. Những phong tục của

cuộc sống nơi lâu đài biệt lập và những thói quen của con người rừng hoang lạc lõng của họ không được chuẩn bị chu đáo cho họ để sống cuộc sống tù túng này, nhưng họ lại rất vui khi gặp lại những đồng bào mình để chơi cờ, nhấm nháp rượu, thưởng thức một bữa ăn thực sự và nói về ca nhạc kịch hoặc triết học.

Để giết thời gian, họ trồng chuối và dựa trên thửa đất mà người ta đã nhượng cho họ, trong lúc chờ đợi người ta trả lại cho mình những gì họ được hưởng: Fouta-Djalou. Nhưng Ballay chứng tỏ là con người bất biến, mặc dù họ có điểm tựa tại Paris và hằng hà sa số những chuyến thăm viếng của họ tại văn phòng ông ta.

Ba tháng sau, Beckmann tới Conakry, từ Timbo trở về, nơi Ballay đã bổ nhiệm ông ta chức quản lý. Ông ta trình lên Thống đốc một lượng lớn báo cáo, chúng khiến người này sôi sùng sục vì giận dữ. Olivier de Sanderval bị triệu tập đến ngay lập tức.

– Một đoàn xe đã bị càn quét ở Boulléré! - Ông chủ xứ Guinée thuộc Pháp gầm lên. - Các nhân chứng tin tưởng kết tội quân của ông. Theo chính những nhân chứng này, ông có lẽ đã lén lút gửi tiền bạc và súng đạn cho người bạn Alpha Yaya. Ông nói gì để bào chữa cho mình đây hả?

– Chẳng nói gì cả, thưa Thống đốc! Chẳng ai có thể tự vệ chống lại một âm mưu hết.

– Cẩn thận đấy, Sanderval! Ông đang muốn coi Nhà tổng quản lý của nước Pháp tại Timbo là người nói dối ư?

– Vị Beckmann của ngài không chỉ là một kẻ nói dối, mà còn là một kẻ cắp nữa kia.

Ông tiến lại gần Ballay để thì thào vào tai ông ta điều gì đó và ra về ngay lập tức. Một giờ sau, một tên lính bản xứ đã thấy ông tóc tai gọn ghẽ và đi giày đàng hoàng như thể ông biết trước

rằng anh ta sẽ đến:

– Thống đốc lệnh cho tôi mời ông đến gặp ông ấy.

Ballay đã đang đợi ông trên sân với một bàn cờ và bia lạnh:

– Ngồi đi, Sanderval! Ở đây, chúng ta có thể nói chuyện mà không gây ngờ vực gì.

– Ông ta vẫn còn ở đây à?

– Đang ngủ trưa.

Ngài Thống đốc đẩy vài quân cờ trong lúc ném lên Sanderval khốn khổ những ánh mắt đa nghi, trước khi tiếp tục nói:

– Rồi. Giờ ông có thể nhắc lại cho tôi nghe những gì ông đã nói ban nãy không? Và cố gắng sao cho đừng nhầm đây nhé!

– Tôi nhắc lại cho ngài hay rằng chính cộng sự dưới quyền ngài, Beckmann, đã ăn cắp vàng của Bôcar-Biro. Và rằng chắc chắn để tuồn số vàng ấy về Pháp mà ông ta đã bắt ngờ từ Timbo trở về đây.

– Cần thận đây, Olivier de Sanderval, nếu những lời kết tội của ông là sai, thì ông sẽ kết thúc đời mình trong nhà tù khổ sai đây.

– Bởi cũng giống tôi, ngài thích chơi cờ, thưa Thống đốc, tôi đề nghị một ván chơi nhỏ thế này: hãy cho lục các va li của người đàn ông này. Nếu ngài tìm thấy vàng của Bôcar-Biro trong đó, thì tất cả những lời buộc tội chống lại tôi sẽ tự chúng tan rã, nếu không, tôi sẽ tự mình xích chân xích tay lại để ngài dẫn tôi đến nhà tù khổ sai.

– Tôi có hai lý do chính đáng để không tin ông: trước tiên, chuyện đó đúng là huyền hoặc, sau đó là bởi chính ông đấy!

– Tôi chỉ đề nghị một ván chơi thôi, thưa Thống đốc, một ván chơi đơn giản chẳng mất gì và nó sẽ chỉ có lợi để giải quyết

tất cả những hiểu lầm giữa chúng ta.

– Tốt thôi, Sanderval, tốt thôi! Điều đó cho phép tôi đối chứng, không phải với Beckmann đáng thương kia, mà với chính ông! Bởi nếu những lời buộc tội của ông là sai, và tôi đã biết rõ chúng là sai rồi, thì Sanderval ơi, cuối cùng tôi sẽ tìm ra phương tiện để rũ bỏ ông. Và lần này thì mãi mãi!

Bị kích động trước ý tưởng chẳng mấy nữa sẽ chẳng còn ai quấy nhiễu trong mảnh đất thuộc địa nhỏ bé xinh đẹp này của mình, nên ngay tối đó, Ballay cho lục một cách kín đáo những hành trang của người cộng sự dưới quyền. Trong mười chiếc rương của người này, thì tám cái sáng lóa những hòn vàng. Đó không phải là điều ông mong muốn, vị Thống đốc khốn khổ ấy, nhưng bằng chứng quá lớn, ông không có sự lựa chọn: ông cho bắt ngay vị Beckmann trung thành của mình, xích chân xích tay và tống về nước, trên con tàu khởi hành đầu tiên.

Mối quan hệ giữa hai người đàn ông được cải thiện rõ rệt. Họ lại bắt đầu ăn tối cùng nhau và tổ chức những buổi đi săn. Trên mảnh sân chông chất cánh côn trùng chết, họ dùng một ly bia lạnh và nói về tương lai của các nước thuộc địa hết như hai người lính già, những người đã từng chần lộn hay đánh trận cùng nhau. Thi thoảng, bầu không khí trở nên quá thân thiện đến nỗi mà Sanderval buông thả hồn mình: ông ngâm những bài thơ của Sully Prudhomme hay đọc những đoạn dài trong bản thảo cuốn *Vô Cùng*. Họ cười bả lả, nói về Paris và những phát minh mới, người ta hẳn ngỡ họ là những người bạn thân thiết. Thế rồi, như một sợi tóc vương trong đĩa súp, Fouta-Djalón, cái câu đáng nguyên rủa ấy, vô ý tuột ra khỏi miệng một trong hai người, và thế là lại bắt đầu những câu cà khịa và những lời qua tiếng lại kéo theo hàng tuần dài giận dỗi.

Sự ra đi của Beckmann đã chẳng dàn xếp được gì, về mặt cơ

bản, nhưng kể từ đó họ chịu đựng nhau đúng ra là khá tốt: Chính là thế, những con người chịu được nhau vì những điểm chung ngay khi họ có cùng một kẻ thù phải hạ gục! Và điều đó kéo dài ít nhất là một năm trước khi một hố lại được đào ngăn cách họ, cái hố đó quá sâu, quá rộng đến nỗi mà nó sẽ chẳng bao giờ khép lại được, chuyện đó diễn ra sau một vụ rắc rối mà không ai trong hai người có thể dự kiến trước.

Năm 1898, Samory thua trận, Ballay tận dụng dịp ấy để hủy vị thế chế độ bảo hộ của Fouta-Djalón và nhập đất nước này vào thuộc địa của ông ta, cùng lúc với đất đai của thủ lĩnh xứ Mandingue. Ông giăng được một mẩu rừng rậm ở Liberia để làm đầy vùng bán nguyệt kỳ lạ, mà nó sẽ làm lên bộ mặt vĩnh viễn của quốc gia Guinée hiện tại. Ông ta tổ chức lại vị trí các nhà thờ Hồi giáo và các khu chợ cũng như những con lộ của các đoàn xe, tin tưởng một cách chính đáng rằng sẽ không có lịch sử thực dân nếu như, trước hết, đã không có một địa lý thực dân. Ông hủy bỏ các tỉnh và thiết lập thay vào đó những Tổng mà trong đó tất cả các Chánh tổng, kể từ đây là bằng vai phải lứa nhau, sẽ phụ thuộc trực tiếp vào ông ta. Ông hoàng Labé lúc này chiếm cùng một vị trí với những kẻ giữ ngựa mà ông ta vừa chỉ định để làm đại diện của mình trong các quận huyện khó tiếp cận nhất.

Hài lòng về công việc của mình, ông ta ra một sắc lệnh truyền xuống các cộng sự dưới quyền để họ hiểu điều đó:

“Thống đốc xứ Guinée thuộc Pháp, người rất cao cấp, rất có quyền thế, bác sĩ Noel Ballay thông báo cho những người quản lý thuộc địa của mình ý kiến sau đây: tất cả các ông hoàng và hoàng tử được mời đến trình diện ở Conakry...”

Ký tên: Thống đốc rất cao cấp và rất có quyền lực, người hiện thân của nước Pháp tại phần đất này của trái đất.”

Các mỗ làng chạy khắp các chợ và khắp phố, tung ra lời nói của vị rất cao cấp, rất có quyền lực, kèm âm thanh của trống và sáo. Tân César của người Peul, của người Nalous, Sousous và Mandingue chuẩn bị tiếp đón lòng trung thành của đám con dân của mình. Alpha Yaya, mà danh tiếng đã lan tới tận những người Ả-rập vì sở thích tráng lệ của mình, đã đến cùng với một đoàn tùy tùng ba trăm kỵ sĩ và năm chục nhà thông thái Mandingue, hát tướng bài ca của mình trong tiếng nhạc của đàn ba-la-fon và tù và. Đoàn người lộng lẫy hoành tráng ấy thu hút tất cả mọi ánh mắt ngay tại cổng vào thành phố cho đến tận khu vườn của cung điện Thống đốc. Ballay, tím người vì giận dữ, chạy biến khóa mình trong phòng làm việc và ra lệnh cho lính gác đến triệu tập Sanderval:

– Là một vó có sắp đặt trước phải không hả?

– Ô, thưa Thống đốc, tôi thậm chí còn không biết Alpha Yaya sẽ đáp lại lời triệu tập của ngài nữa kia.

– Tôi biết giờ mình phải làm gì rồi, Olivier de Sanderval ạ: án binh bất động các người, ông và lũ bạn bè gian xảo Peul của ông. Sẽ chỉ cần bắt cóc đám tù nhân của họ, làm xáo trộn các vòng tuần hoàn thương mại của họ và xây dựng khu ở của chúng ta tại các bộ tộc thù địch với họ để cho băng đảng quý tộc Peul này tan rã hết như khói khi ta mở tung những cánh cửa. Đúng là một lũ ngạo nghễ! Nhất là tên Alpha Yaya kia! Nhưng hẳn coi mình là ai mới được chứ, gã Da Đen này?

– Là vua của Labé. Còn ngài, ngài là ai hả?

– Ra khỏi đây ngay! Hãy ra khỏi đây trước khi tôi cần ông chết!

Và ông ta bắt đầu bẻ gãy, từng chiếc một, tất cả những thanh thước kẻ nằm trong tầm với của ông ta.

Từ hôm đó, một nỗi hận thù không thể băng qua nỗi chia rẽ họ và ai nấy trong hai người đều không chịu cố gắng để khiến điều đó tan biến đi. Họ thôi không đi săn cùng nhau, không chơi cờ, thậm chí còn chẳng thèm chào hỏi nhau. Người này có mặt ở trạm du khách ư? Vậy thì người kia ngay lập tức bỏ về. Họ càu nhàu giữa hai hàm răng và quay lưng đi trong những lần mà, do rủi ro, họ chạm mặt nhau trong phố.

Thế rồi vào một tối nọ, trên mảnh sân của mũi đất, các quý bà bắt đầu thì thào với nhau trong lúc nhìn về phía cửa chính. Các quý ông lần lượt đứng lên, tay đưa lên để hạ mũ.

“Thưa các quý bà quý ông, hãy hình dung xem ai có mặt ở đây này? ... Đích thân Thống đốc... Ballay đến nhà Sanderval, và vì lý do gì? Lạy Chúa tôi! Và giờ sẽ có chuyện gì xảy ra đây?”

Thống đốc chậm rãi băng qua cổng chính, lòng bàn tay đập đập lên thanh thước kẻ bất ly thân của mình và đáp lại những động tác cúi chào cung kính bằng cái gật đầu. Một hàng rào danh dự được dựng lên một cách tự nhiên, theo mức độ ông ta tiến lên: những tư thế nghiêm trang, những ánh mắt lo lắng! Lúc này, Thống đốc chỉ còn cách kẻ thù của mình chừng mười mét, rồi tám, rồi năm, rồi ba. Ông ta dừng lại và khiến cho đôi mắt của mình rít lên và bằng một động tác khô khốc đỡ ly rượu sâm banh mà một thằng hầu bưng ra mời ông:

– Tôi có một tin vui cho ông, Olivier de Sanderval ạ! Tôi đã tìm được cho ông năm ngàn héc-ta nho ở Meknès! Tôi đảm bảo với ông rằng Ma-rốc sẽ rất hợp với ông. - Tôi rất mê châu Phi, thưa Thống đốc, nhưng không thích những vành khăn và cón cát. Với tôi, châu Phi là đây: những vàng mây hình cự thạch, những cánh rừng không thể tiến vào, những khu đầm lầy bốc khói, những sinh linh nguyên thủy, nhiều thứ nữa, những vị thần đang ngủ vùi này chỉ đợi một dấu hiệu để phát sinh ra một

thành Roma mới.

– Tôi không đến đây để nghe một bản hòa tấu hoang tưởng đâu, Sanderval ạ, mà là để giải quyết một vụ việc về tất cả những gì là gọi thực hành hành chính và chúng ta đã nấn ná chờ đợi quá lâu...

– Ngài muốn nói rằng ngài đến để trả lại tôi những hiệp ước ư? Tôi đã biết rõ ngài sẽ quay lại với những mối thiện cảm hơn.

– Tôi không đến để trả ông những hiệp ước, tôi đến để yêu cầu ông phải ra đi.

– Tôi phải ra đi ư? Tôi đã có mặt ở đây trước ngài. Và chính nhờ tôi mà ngài có mặt ở đây, thưa ngài Ballay.

– Một trong hai chúng ta là người thừa ở đây.

– Chính ngài là người thừa, Ballay ạ: đất đai thuộc về người đầu tiên sở hữu nó, hãy đọc kinh Cựu ước đi là rõ!

– Ông là một kẻ vương chứng nói dối lại còn đội lốt một kẻ quấy nhiễu, Sanderval ạ! Chừng nào mà ông còn có mặt ở đây, thì tôi sẽ không thành công xây dựng thuộc địa được. Dù muốn hay không, ông sẽ phải ra đi!

Ông ta bẻ gãy thanh thước kẻ và đi ra cổng, để lại sau lưng mình một sự im lặng căng thẳng, không thể chịu nổi. Ông ta quay lại lần cuối cùng trước khi leo lên xe kéo và nói, bằng một giọng khản đặc vì tức giận:

– Nhất là, chớ có bao giờ đặt chân đến cung điện nữa, Ai-mé O-li-vi-er nhé!

Đám khách mời lưỡng lự, hết nhìn Sanderval lại quay sang Thống đốc, rồi tiến ra cổng theo từng nhóm nhỏ trong lúc lầu bầu và ném lại sau lưng họ những cái nhìn đầy trách móc. Chỉ còn mỗi Pénelet, nhân viên hãng TSF, một ông già độc thân lúc nào cũng hơi chuenh choáng say nhưng là một người tử tế, đầu

óc tự chủ và trung thành với bạn bè.

Trong cả cộng đồng ở Guinée thuộc Pháp, gia đình Sanderval chỉ còn mỗi một người để nói chuyện mà thôi.

Khi đó bắt đầu một thời kỳ dài cô độc và thống khổ. Georges, tuy đã hơn một lần chứng tỏ cậu đúng là dòng dõi gia đình Olivier, một thành viên thực sự, thì đã suy sụp ngay từ những tháng đầu tiên:

– Cha nghĩ rằng chúng ta sẽ trụ được chứ?

– Hãy cho những con người khốn khổ đó một chút thời gian đi! Chắc chắn họ sẽ quay lại thôi. Họ đợi xem Ballay sẽ tiến triển ra sao. Chẳng nên hận họ nhiều làm gì. Họ chỉ bộc lộ đúng những bản chất thật của con người thôi: hèn nhát trước hiểm nguy và hèn hạ trước các bậc vua chúa!

Nhưng các mùa trôi đi và ngoài Pénelet, muối và lữ Da Đen, thì chẳng còn ai đến nhà họ nữa. Người ta không còn mời họ đến chơi cờ lẫn các buổi đi câu hay dự các yến tiệc. Các buổi diễu binh và đêm khiêu vũ mừng ngày 14 tháng Bảy diễn ra mà không có họ và những lời đồn đại nổi loạn nhất bắt đầu tràn đi trong phố:

“Tử tước ư! Ô, bạn thân mến ơi, hắn đã đánh cắp nó đây, danh phẩm quý tộc ấy mà!... Con trai nhà công nghiệp xứ Lyon ư! Bạn tin chuyện đó hả? Hắn đến từ một gia đình thợ đóng thùng gỗ ở Auvergne thì có, chính thế đấy, đấy mới là sự thật!... Và bạn còn biết gì nữa không hả? Đó là một tên trùm cướp bị tất cả các sở cảnh sát châu Âu tìm kiếm đấy... Rốt cục thì ta hiểu tại sao hắn đã không muốn đi khỏi đây!”

Người ta xua đuổi họ khỏi các sân bi, cánh cửa hàng thực phẩm khép lại trước mặt họ. Ở trạm du khách, chỉ còn đám

Da Đen là còn thêm mở lời nói chuyện với họ. Họ phải thông

qua Pénelet thì mới có được cá sác-đin và dầu, mới có nển và rượu mạnh.

Thay bằng việc dụi đi theo thời gian trôi, thì cơn gió harmattan^[28] của những nổi bất hạnh lại thổi càng ngày càng mạnh lên ở nơi ở khốn khổ của họ, cho đến tận lúc giằng khỏi họ mỗi liên hệ duy nhất vẫn còn kết nối họ với thế giới loài người.

Vào một buổi chiều, sau giấc ngủ trưa hàng ngày, trong lúc ông ấy đang thưởng thức một ly bia lạnh ngay dưới mái hiên nhà, trong lúc phe phẩy quạt để xua đuổi cái nóng và lũ ruồi, thì một con báo từ đâu bất thần nhảy xổ vào Pénelet và cắn đứt họng ông.

– Buồn quá cha à, chúng ta chẳng còn ai nữa!

– Rồi con xem, Georges thân mến của cha, họ sẽ quay lại thôi! Không thể giữ mãi niềm oán thù sau một thảm cảnh như vậy được!

“Cái chết đem theo nỗi buồn và tang tóc, nhưng nó cũng được sử dụng để trút bỏ hận thù và khiến cho tâm tưởng con người thanh bình trở lại, - ông thầm nghĩ. Con người tận dụng dịp ấy để chọc thủng những vết mưng mủ, trút bỏ, trong một khoảnh khắc, những cơn tức tối và những thói bủn xỉn, quên đi những xúc phạm, thậm chí những thù hằn và các món nợ, để lại mở ra một chu kỳ mới cho những điều thú vị và đốn đau.”

Nhưng trong trường hợp này thì không!

Cái chết của Pénelet đáng thương chẳng dàn xếp được gì, ôi, chẳng dàn xếp được gì hết! Khi đào huyệt mộ cho ông ấy, đội an táng đã cùng lúc đào thêm một hố sâu không thể lấp đầy giữa gia đình Sanderval và số còn lại của thành phố. Sự thù nghịch chung càng lớn rộng thêm, những người hàng xóm càng nhân

rộng sự tàn độc.

Trên đường tới nhà thờ, cha con Sanderval đứng bên trái quan tài còn những người khác đứng hẳn sang phải. Khi những người này mở miệng để hát thánh ca, thì những người kia bật tiếng.

Ngược lại, tấn bi thảm mà số phận đã xô đẩy nhào nhào gia đình Sanderval một cách dữ dội trên tận đỉnh cao của nó, thì đã bắt đầu tan rã một cách khác nghiệt.

Mỗi ngày đến lại trút thêm cho họ sự hỗn loạn, hay lấy đi của họ cái gì đó.

Ngày hôm sau lễ an táng, Georges bị rấn cần. Một cơn hỏa hoạn đốt cháy trụ đền đền ở Kolenté của họ... Sáu tháng sau, một ông già gầy guộc, bụng trương tướng, bước qua ngưỡng cổng nhà họ, tay ôm hai sườn một cách đau đớn. Ông ấy băng qua sân và, không dẫn đo, bước vào, kéo ghế và ngồi xuống:

– Xin chào Yémé!

– Ông già này muốn gì ở tôi đây hả? Nếu như muốn một đồng, thì nói ông ta hãy xuống bếp đi, bọn hầu sẽ đưa cho, còn nếu vì xin việc làm thì, đã quá muộn rồi, người ta đã đốt cháy đền đền của tôi! Và chiếu theo tình trạng của ông ấy thì...!

– Tôi biết rõ mà, cả anh nữa, anh sẽ không nhận ra tôi đâu.

– Thế thì hãy nói nhanh cho ta biết đi, anh là ai và anh muốn gì ở ta rồi sau đó, hãy để cho chúng ta được yên! Đã có quá nhiều bất hạnh xảy ra trong ngôi nhà này rồi.

– Tôi là thằng già Mangoné Niang của anh đây và đây là những gì cuộc sống đã nhào nặn tôi đây.

– Mangoné ư? Mangoné đáng thương của ta, đừng có chỉ nói với ta ngàn ấy thôi nhé, chính là anh ư?

– Tôi bị bệnh đã hai năm nay, Yémé ạ. Những người này nói

là do dạ dày, một số khác thì nói là do quỷ dữ.

– Ôi, Mangoné đáng mền của ta (một cơn ho đau đớn ngăn ông nói hết câu)... Thế Fouta thân yêu của chúng ta thế nào?

– Cũng chẳng khá hơn anh đâu, Yémé ạ! Alpha Yaya^[29] đã giữ lời hứa của mình, ông ta đã gia nhập quân phiến loạn.

Da Trắng lầu bầu điều gì đó, và chìm vào trong cơn sững sờ. Georges phải cố tình húng háng ho hai lần liền để đánh thức ông. Mangoné lục lọi trong chiếc túi con của mình.

– Đây, đó là những quả xoài cuối cùng trong vườn nhà anh đấy, những quả mà tôi đã giằng khỏi tay lũ khỉ! Ăn đi, Yémé, chúng sẽ khiến anh nhớ đến Kahel!

– Lẽ ra anh phải đến gặp tôi chứ, hả Mangoné khốn khổ ơi! Nhưng vẫn còn chưa muộn đâu, tôi sẽ có thể chữa trị cho anh!

– Không cần đâu, Yémé, tôi sẽ về Rufisque, để chết.

– Thế thì anh phải đi chữa bệnh ở đó nhé. Tôi sẽ thanh toán cho anh, tôi còn nợ anh ít nhất là hai năm lương kia mà.

– Không cần đâu, Yémé, hãy cho tôi tiền vé tàu thôi!

“Đâu là hàng ghế dành cho con người trong vũ trụ này?” Ông đọc lại nhiều lần câu đó và cứ lẩm bẩm đọc thoai một mình suốt đêm.

Mangoné Niang ra đi để chết ở Rufisque và ngôi nhà của Sanderval bắt đầu giống như một nấm mồ. Sau những Da Trắng, giờ đến lũ Da Đen! Từng người một, những đầu bếp của ông bỏ đi sang làm cho các nhà hàng xóm, những người làm vườn thì đến điện Thống đốc. Ông già Nalous, người duy nhất, đã nhất nhất từ chối bỏ rơi họ cũng đã thành công thổi được lửa dưới chiếc chảo lớn và khai quang lối ra vào với một nghị lực siêu phàm, do mắt của cụ đã mờ và những chứng thấp khớp khiến chân cẳng cụ biến dạng đi.

Đó không còn là một cuộc sống nữa, mà là một chu kỳ dài những khổ ải và nhục nhã.

Những lá thư nặc danh và những đe dọa giết bắt đầu rơi xuống với cùng sự dữ dội và đều đặn hết như những cơn mưa.

Buổi tối, người ta ném vào nhà ông, người ta phỉ báng bằng những lời thóa mạ và những tiếng kêu thù hằn qua những khe cửa chớp. Người ta ném phân khỉ vào hiên, mèo chết vào vườn nhà họ. Pénelet không còn ở đây để đi mua đồ cho họ tại cửa hàng thực phẩm nữa. Họ sống hết như thời cổ xưa bằng tất cả những gì, rễ cây, hay các loại củ, vật săn được hay các quả dại, mà thiên nhiên muốn đem đến cho họ.

Không chịu nổi nữa, Olivier de Sanderval phải sử dụng cây súng của mình để mang ra được vài thùng lương thực tại cửa hàng thực phẩm. Và chúng đã cho phép họ trụ được thêm hai mùa đông nữa, tiếp đến lại là chế độ nghiệt ngã của rừng rậm: quả dại, rau củ và, thi thoảng là thứ thịt lạt lẽo của lợn bồm^[30] hoặc nhím.

Tuổi tác, những thử thách nghiệt ngã bị kéo dài quá lâu... Tình trạng sức khỏe của Olivier de Sanderval suy sụp một cách trầm trọng.

Cơn đau kỳ lạ mà ông là nạn nhân vào năm 1896, bên bờ sông Konkouré, đốt cháy lồng ngực khốn khổ của ông bằng tất cả nguồn lửa dữ dội của nó: thoát đầu là tháng một lần, rồi đến tuần một lần, rồi đến một lần mỗi ngày trước khi trở lại cùng một nhịp điệu theo hàng giờ. Bắt đầu bằng một cảm giác nghẹt thở, như thể ông đã bị nghẹn một cái gì đó. Ông há to miệng và đưa tay lên ôm ngực, người vẹo đi vì đau đớn: “Không khí! Không khí nào! Cửa... cửa... s... ồ! Mở ra đi! Mở...” Nhưng cửa sổ chẳng bao giờ mở hết đối với ông, lẫn cả hiên nhà cũng

không đủ rộng, ngay cả bãi biển cũng không đủ thoáng khí... Đôi khi ông nằm vật trên nền nhà cả hơn nửa giờ liền, đắm mình trong mồ hôi và thở hổn hển hết như một con vật trút hơi thở cuối cùng.

Chuyện đó còn kéo dài chừng một hai mùa rồi, đến cùng sức chịu đựng, Georges đã phải cố gắng bằng một sức mạnh siêu phàm để thoát ra những từ đã vật lộn nhau từ lâu trong thanh quản cậu mà miệng cậu không dám để lọt ra:

– Con cho rằng đã đến lúc phải ra đi, cha ạ.

– Con nghĩ thế ư? - Olivier de Sanderval hỏi với ánh mắt nhiệt huyết nhưng cũng chất chứa tuyệt vọng của những chiến binh đã kiệt cùng sức chịu đựng.

– Vâng. Cuộc chiến đấu trở nên mất cân bằng, chiều theo tình trạng của cha.

– Con, rồi con sẽ quay trở lại đây nhé!

– Con hứa, thưa cha, con sẽ quay lại!

– Con sẽ tiếp tục cuộc chiến cho dù nó có kéo dài cả trăm năm.

– Dù nó có kéo dài cả trăm năm, thưa cha!

– Hãy thề với cha đi, Georges!

– Con xin thề với cha, cha ạ!

Ngày 29 tháng mười một năm 1900, chính xác là hai mươi một năm kể từ ngày đầu tiên ông xuống tàu đi châu Phi, Olivier de Sanderval nghe thấy ai đó gọi ông trong lúc ông bước qua cánh cửa vào cảng:

– Ta dám đánh cược rằng Da Trắng đang đi trước ta đây tên là Yémé!

Ông quay lại và nhận ra người em họ của Bôcar-Biro, chính

gã đã suýt đầu độc ông ở Sokotoro.

– Ô, là anh ư, Hâdy? Anh đến đây làm gì vậy?

– Tôi đợi tàu đi Tunis. Tôi đã quyết định làm một chuyến hành hương lớn ở La Mecque. Thế giới đổ sập dưới các tội lỗi kể từ khi các người có mặt ở đây. Còn anh, ta cá là anh đi nghỉ phải không?

– Ờ... Đúng, đúng thế... Đúng thế nhưng... không lâu đâu!

– Khi quay lại, đừng có ở lại Conakry làm gì, hãy quay lại Fouta, nơi đó mới là nhà của anh. Anh là một người Peul, đừng bao giờ quên điều đó nhé!

– Anh không còn là vua của Sokotoro nữa, hình như thế nhỉ!

– Tôi là vua ở trong tâm khảm, Yémé ạ! - Người đàn ông đáp lại trong lúc tay đập liên hồi trên ngực.

Sau động tác ấy, anh ta bật ô và quay lưng lại phía ông, với bước đi uể oải và uy nghi chỉ tồn tại ở tộc Peul.

Trong lúc hai cha con tiến gần đến cây cầu bắc để lên tàu, một nhóm chủ thực dân ló ra từ sau cây bao báp đại thụ:

– Vĩnh biệt, tử tước!... Và hãy mặc ấm vào nhé!... Do hiện tượng đóng băng!

Olivier de Sanderval bỏ ngoài tai những lời chế nhạo của họ một cách kiên cường và tiến đến boong tàu trong lúc hai tay ôm ngực, được con trai dìu đi.

Chẳng mấy chốc, trước mặt ông, phong cảnh bắt đầu mờ đi. Conakry khiến ông nghĩ đến một chiếc bảng đen học trò chất đầy hình ảnh mà một bàn tay nhỏ bé của đứa trẻ tí mỉ xóa dần đi từng nét một. Những đỉnh ngọn cây và những mái nhà lấp lóa từng lúc ngấn ngủ rồi tắt lịm hết như những con đom đóm.

Trước tiên là dãy tre và rừng sú vẹt bao quanh phía sau đảo,

rồi đến mái nhà bộ vệ của điện Thống đốc, rồi đến các trục cần cầu trên cảng và cành lá xoài...

Các hòn đảo của quần đảo Loos: Kassa, Fotoba, Tamara... đảo Trắng, đảo San hô, đảo Gà, đảo Fousset...

Lá theo lá, cây cọ nối tiếp cây cọ, Phi châu, dần dần, khép lại những bí mật của nó.

ĐOẠN CUỐI

Từ ngày 16 tháng Giêng năm 1901 đến ngày mùng 3 tháng Ba năm 1910, Olivier de Sanderval có mặt tại Bộ Thuộc địa cả thảy là một trăm bốn mươi bảy lần. Mặc dù tuổi già và bệnh tật, một tối, ông đến Paris để cố thử thêm lần thứ một trăm bốn mươi tám. Ngày hôm sau, ông quyết định đi bộ đến sở để tận hưởng ánh nắng tuyệt vời của mùa xuân mới đến.

Lúc ấy, ông có mặt ngang tầm đèn Invalides và không hề ngờ rằng vụ va chạm rất vu vơ, sẽ xảy ra vài phút sau đó, sẽ vĩnh viễn bẻ gãy những giấc mơ về hoàng triều và Fouta-Djalou của ông.

Trước cánh cửa lớn của Bộ, ông bất ngờ bị một cú mạnh giáng vào đầu. Ông quay nhanh lại: chẳng có gì cả, chẳng có gì ngoài một trái bóng bị tuột khỏi tay một thằng bé. Đứa trẻ để mặc bà cụ già đi cùng nó, rồi chạy vội về phía ông để lấy lại đồ chơi.

- Hãy cẩn thận đi nào, chàng chiến binh nhỏ bé ạ, cháu đã chút nữa thì khiến ta ngất xỉu đấy, - Olivier de Sanderval nói với nó... - Cháu rất xinh giai, hừm, cháu biết chứ!... Cháu muốn ăn kẹo không, đây, cầm lấy này, là sô-cô-la đấy, hãng Marquis!

Đúng lúc đó, giọng nói khó chịu của bà già bắt đầu rền lên:

- Đến đây ngay, Jean-René! Hãy để quý ông đó được yên đi!

Thằng bé nhặt trái bóng rồi quay về phía người đàn bà:

- Ông ấy là ai vậy, hả bà?

- Thôi nào, đến đây đi, ta nói với cháu rồi cơ mà! Đi nào,

chúng ta không nên nấn ná ở đây... Đó là... Đó là ông đóng băng đấy! - Bà ta tiếp tục nói, giọng nhỏ xuống.

Ông nhìn họ đi xa dần, lòng tràn ngập nỗi buồn. Hai chân ông nhũn đi, tất cả rời rời trong đầu ông. Ông bám vào hàng cửa sắt và để ánh mắt ử rữ của mình lang thang trong tiền sảnh và sân của sở. Nhưng rất nhanh, hình ảnh đi lại không ngừng của các sĩ quan và đám công chức nhường chỗ cho những hình ảnh, già nua và lẫn lộn, của cuộc đời đầy xáo trộn của ông. Một cảm giác ghê tởm sâu xa ứa lên họng ông. Ông khạc nhổ qua cánh cửa sắt và rời khỏi chốn đó với một vận tốc của những kẻ sùng đạo trốn khỏi nơi sa đọa. Ông về tới khách sạn và ngay lập tức yêu cầu thanh toán. Rồi ông cho gọi xe taxi và nhảy lên chuyến tàu đầu tiên.

Ông không bao giờ đặt chân lên Paris nữa.

Già nua và bị phá sản, ông dần dần ẩn mình trong việc viết tiếp tác phẩm *Vô Cùng*. Nhưng *Vô Cùng*, ông không hài lòng viết nghị luận về nó nữa, hiện giờ ông muốn tiến hành công việc thực hiện nó. Tinh thần của con người bị hao mòn đi, ông tự nhủ, thế giới cảm thấy bị chẹn lại, nó cần một tôn giáo mới. Vì mục đích ấy, ông liền thành lập một hội tôn giáo hoàn toàn mới mẻ: *Những tông đồ của Vô Cùng* mà chính ông là người thuyết giảng, lưng khoác tấm khăn choàng dài đỏ rực, với sự trịnh trọng kiểu cách của đại giáo sĩ và sự thông tuệ của nhà bác học. Tìm đến lánh mình trong Giáo đoàn kỳ lạ này là tất cả những ai mà Marseille cho là thần bí và có thần cảm: những kẻ say mê thuyết thông linh, những người thất vọng về học thuyết vô thần và giáo lý Công giáo, những môn đồ của Thiên tông và của pháp thuật, những người theo chủ nghĩa duy lý thâm căn cố đế và những người yêu say mê triết học Hindou. Vấn đề không còn là tin bằng cách chất thêm những nghi thức điên rồ

kỳ cục và thói mê tín dị đoan. Kể từ đây, phải chứng minh nó. Khoa học đã khá tiến bộ trong thời kỳ đầu của thế kỷ XX này để có thể minh họa bằng $A + B$ sự tồn tại của Chúa. Vô Cùng, không cần phải tưởng tượng ra nó nữa, mà hiện giờ ta phải thực hiện nó!

Cả thế giới nhỏ bé đó náo nức bận rộn trong khu nhà biệt lập Clary. Họ pha trộn những thể béo, họ nấu sôi các hợp chất a-xít, họ đo sự biến đổi nồng độ đậm đặc của thiếc tùy theo một con số không thể tính theo bảng thông số. Sau công việc thực hành, đại giáo sĩ khoác khăn choàng dài đỏ rực tập hợp thế giới nhỏ bé của ông tại thư viện, nơi mà, thay bằng câu châm ngôn ông đã trưng lên những dòng chữ này:

“Vũ trụ không nằm trong Vô Cùng như một cơ thể nằm trong không gian, nó thuộc về Vô Cùng. Sự Tương Đối không nằm trong không gian, nó nằm trong Vô Cùng; nó tồn tại, nó sống, nó tự chết bắt đầu từ Vô Cùng và do nó; hoạt động của nó là bản chất bắt đầu và kết thúc trong Vô Cùng. Vô Cùng tiếp tục, bị biến đổi trong Tương Đối, trong Bản Chất mà nó tạo nên. Không có thời kỳ nào có thể không có Vô Cùng lẫn là một cái gì đó khác ngoài Vô Cùng, được ổn định như vậy sẽ thấp hơn điều cần thiết cho tinh thần của chúng ta, nhờ Vô Cùng mà chúng ta đã có khả năng dự kiến, còn cao hơn cả Vô Cùng, một...”

Những tông đồ của Vô Cùng ùn ùn kéo đến chừng mười người trong những tháng đầu tiên. Nhưng rất nhanh, quân số bắt đầu loãng dần. Những người này bỏ cuộc, là do ngán ngẩm trước sự khó hiểu của những khái niệm và dáng vẻ của ông thầy, những người khác thì bị chiến tranh cuốn đi. Vào năm 1918, chỉ còn lại mỗi hai người: ông Louvet, một nhà buôn bánh kẹo, say mê triết học phương Đông, người mong muốn, bằng lý trí, đưa ra ánh sáng sự phức cảm siêu hình trong cách xử thế tài

tình của các nhà hiền triết Trung Hoa và Phật giáo; và bà Naxara, góa phụ của một thuyền trưởng hải quân, bà chẳng biết làm gì trong suốt cả ngày dài đơn côi. Thế rồi, ông Louvet cuối cùng cũng nản.

Điều đó vẫn chưa khiến ông nản chí:

– Bà sẽ đồng ý với tôi chứ, hả bà Naxara, rằng tất cả mọi người đều không thể hiểu sự Vô Cùng!

– Đương nhiên rồi, thưa ông De Sanderval, đương nhiên.

– Tốt! Hôm qua chúng ta đang nói về gì nhỉ?... Vâng, về phương pháp tư duy giữa Tương Đối và Vô Cùng... Bà thấy không, Vô Cùng đã không có định lượng, không có thể lượng lẫn trọng lượng... Tuy vậy, nếu chúng ta thừa nhận rằng, Tương Đối xuất phát từ Vô Cùng, rồi lại quay lại đó, thì chúng ta sẽ có thể giả thiết rằng những tính chất đo được vẫn còn đang tồn tại trong Vô Cùng, chúng ta nói rằng chúng rất mạnh trong đó. Bà đã hiểu rồi chứ, hả bà Naxara?

– Tôi hiểu rõ lắm, thưa ông De Sanderval, - bà cụ già khốn khổ đáp lại một cách ngoan ngoãn, sịt mũi một cách khó nhọc và người ướm đầm mồ hôi.

Chống tay bên bậu cửa sổ thư viện, ngày nào ông cũng ngóng người học trò duy nhất của mình đến học. Buổi sáng hôm đó, ông ngóng đến tận gần trưa mà chẳng có ai bước qua ngưỡng cổng ngoài những người đến đưa báo và giao sữa tươi.

Những cơn đau ngực và khó thở của ông trở nên hết sức trầm trọng trong những tháng sau đó. Cả toàn vũ trụ này cũng chẳng đủ không khí đáp ứng cho nhu cầu thở của ông. “Cho không khí đi! Không khí đi nào, làm ơn đi! Mở... mở các cửa sổ!...” Người ta mở toang những cánh cửa sổ, nhưng còn tồi tệ hơn cả khi họ cứ đóng chúng lại. “Tại lâu đài đây, những bức tường của nó

quá dày... Tại phòng khách đây, nó quá chật...” Ông cho nói rộng phòng khách đến tận chân những cây phong đầu tiên, cho đến tận cái giếng cổ, đến tận hàng giậu của công viên. Chẳng làm gì được, không khí của Chúa lòng lành cũng đã bỏ những nơi này mà đi rồi.

Ngày cuối cùng ông thò đầu ra ngoài, ông cúi xuống cửa sổ, nhìn đàn chim vỗ cánh trong các cây phong và, giữa hai cơn đau đớn, ông lầu bầu những câu sau:

“Sự tiến bộ đã có mặt tại đây, nó tất yếu sẽ tạo được con đường cho mình, chẳng gì có thể chặn nó lại được nữa. Đáng tiếc là tất cả điều đó có thể tiếp tục mà không có ta!”

Ngày 24 tháng Ba năm 1919, giữa một mục nhỏ thông báo vụ tự tử của một kẻ tuyệt vọng và một mục khác diễn tả cảm xúc của cha cố Lutoslavski trước cuộc nhóm họp Diète, đề nghị chính phủ Ba Lan một hành động có hệ thống chống lại chủ nghĩa Bolchévic, nhật báo *Le Petit Marseillaise* đăng tin dưới đây:

“Chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin sự qua đời tại lâu đài Montredon của Quý ông Aimé Olivier, bá tước de Sanderval. Ông là con rể của ngài Jean-Baptiste Pastré và, mặc dù tuổi tác cao đã lôi ông ra khỏi cuộc sống thời sự để về ở ẩn từ vài năm nay, nhưng ông vẫn là một nhân vật nổi tiếng hiển nhiên của xã hội thượng lưu Marseille. Đó là một nhà bác học, một thiên tài ECP nổi tiếng nhất. Những cuộc thám hiểm của ông đã đặt ông lên hàng đầu trong số những nhà tiên phong tạo điều kiện cho ảnh hưởng của nước Pháp và người ta phải mang ơn ông trong cuộc chinh phục thái bình Fouta-Djalón, sáng kiến về những hiệp ước với các thủ lĩnh bản xứ và phôi thai của quân đội Da Đen đầu tiên...”

HẾT

• Chú thích •

[1] Tên gọi miền Bắc Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc.

[2] Áo vest đàn ông có đuôi dài.

[3] Pistachier trong ngữ cảnh này là những thầy kỹ, người làm công cho những thương quán thuộc địa.

[4] Rios ở đây nhằm nói đến những cửa sông lớn, ăn sâu vào phía trong đất liền, tạo thành những con sông chảy từ vùng Fouta-Djalón xuống vùng duyên hải Guinée và Guinée-Bissau.

[5] Almâmi: vua của những vị vua, quân vương xứ Fouta-Djalón.

[6] Chính vì tậu lại những nhà máy của Olivier và Perret mà Saint-Gobain đã tạo dựng sản nghiệp.

[7] Ngôn ngữ người Peul chỉ người Da Trắng.

[8] Griot: nhạc sĩ kiêm thi sĩ, nhưng trong truyện cũng có nghĩa là nhà thông thái của các vua quan trong triều thần Peul. Người dịch sẽ sử dụng thuật ngữ này trong suốt tác phẩm.

[9] Bôwé: những bình nguyền cao cổ um tùm, đặc tính của vùng Fouta-Djalón. Touldé: một ụ đá hoa cương cao ngất hình bàn, hình phiến...

[10] 1 pouce = 27 mi-li-mét.

[11] Đơn vị đo của Anh. 1 yard = 0,914 mét.

[12] Đơn vị đo chiều dài = 0,5 mét.

[13] Đơn vị tiền tệ cổ của Anh, đồng guinée. 1 guinée = 21 shilling.

[14] Tên mà người Peul dùng để chỉ người châu Âu.

[15] Lougan: vườn rau thường bao quanh những ngôi nhà ở

Fouta.

[16] Tierno Balêdio: biệt hiệu mà những người Peul đã đặt cho Noiroto. Dịch hết nghĩa: Đức ông Da Đen.

[17] Một loại cây có đặc tính gây nôn.

[18] Một loại cây mọc ở châu Phi, lá có thớ, dệt vải rất bền.

[19] Người Đức.

[20] Ngày nay, điểm đầu tiên là trụ sở của Tổng thống nước Dân chủ Guinée, còn điểm thứ hai là viện bảo tàng Conakry.

[21] Adjami: chữ tiếng Peul nhưng cách viết của tiếng Ả-rập.

[22] Nước Iran hiện nay.

[23] Trụ sở của Bộ Ngoại giao Pháp. Ở đây, ý nói là phải qua Bộ Ngoại giao kiểm soát.

[24] Đơn vị đo đất ngày xưa. Một arpent xấp xỉ 20-50 héc-ta.

[25] Tiếng chửi thề của người Pháp: Mẹ kiếp.

[26] Người Đức (tiếng lóng của người Pháp).

[27] Bị phá hủy và sau nhiều lần xây dựng lại, hiện giờ, nơi đây được xây dựng thành nhà bảo tàng Conakry. Còn ngôi nhà, vẫn còn nguyên vẹn và khu phố vẫn luôn được gọi là Sandervalia (Nhà của Sanderval, trong tiếng Sousous).

[28] Tên một cơn gió nóng và khô ở miền Tây Phi, thường thổi vào mùa đông.

[29] Ông vua Labé sẽ bị bắt vài năm sau đó và bị đi đày ở Dahomey, rồi ở Mauritanie và ông đã chết ở đó vào năm 1912.

[30] Một loại lợn lòi châu Phi.